

Vũ Tài Lục

Thân phận trí thức



Dẫn

Phần tử trí thức dưới nhãn quan chính trị

Thảm kịch của ngày hôm nay là do chính trị

NAPOLÉON

Trước những việc xảy ra trong cuộc vận động tuyển cử ở Mỹ năm 1968, giáo sư Lewis S. Feuer nhận định:

Đây là lần đầu tiên phần tử trí thức đã làm đủ mọi cách để cho trí thức thành một lực lượng ảnh hưởng đến sự quyết định các chính sách của chính phủ.

Thật vậy, dân chúng Hoa kỳ và hết thảy những người theo dõi thời cục trên thế giới đều thấy rằng, người trí thức Mỹ đã nổi dậy, họ không muốn giữ cái vai trò chính trị lỗi thời như là viết những bài diễn văn cho các ông lớn bà lớn, hoặc như là một nhân sỹ để được mời vào "brain trust" hay ủy ban tư vấn. Bây giờ rõ rệt họ đòi hỏi và tự coi họ như một đoàn thể, một tổ chức, và một lực lượng chính trị.

Chính bởi hàng loạt vụ nổi loạn của trí thức trên khắp nước Mỹ mà Tổng thống Johnson đã đành phải rút lui không ra ứng cử thêm một

lần nữa. Trong buổi họp của đảng Dân chủ, các bạn thân nhất của ông Lyndon Johnson đã nói với ông:

Anh có thể dễ dàng mở cuộc phản công, tuy nhiên anh chớ nên coi thường bọn trí thức đó. Bọn chúng hiện tại tuy chẳng có quyền lực gì cả, nhưng hình như dư luận số đông đã nghe theo chúng.

Giờ đây không ai không nhận rằng: Chẳng còn phải là một hiện tượng nhất thời nữa, việc phân tử trí thức trở thành một lực lượng chính trị là một sự thực, một khuynh hướng đang tiến rất mau, rất mạnh. Mọi người đã biết tường tận những hành động nhằm ngăn chặn của ông Johnson và của toàn thể chính trị gia bảo thủ Hoa kỳ đối với cuộc dấy lên của giới trí thức, kết quả ông Johnson cùng tập đoàn của ông phải chịu thất bại.

Nếu mở lại trang sử cũ thì đã từ lâu lắm rồi người trí thức Mỹ bức bối vì ảnh hưởng của họ vào chính trị chẳng được bao nhiêu, các điều họ nghĩ, các điều họ nói, xã hội chẳng thêm lưu ý. Sau thế chiến I, trí thức Mỹ là những chàng trẻ tuổi buồn tủi (sad young men), họ xô nhau sang Âu Châu vì ở đây trí thức được tôn trọng. Đứng bên trời Âu, họ quay về nhìn đất Mỹ của hai vị Tổng Thống Harding và Coolidge bằng thái độ chế riễu. Giữa lúc ấy thì nhạc Jazz thịnh hành, nhịp điệu Jazz như sui đẩy họ vào với tư tưởng và hành vi phóng túng cho cái sống cá nhân, nhà văn Scott Fitzgerald nhận xét tâm trạng văn hóa Hoa kỳ trong thời này như sau: "Thời đại của nhạc Jazz, chính trị hết là điều đáng chú ý." Kể đi khỏi quê cũng như người còn ở lại, tất cả đi chung vào một lối nổi loạn bằng vui thú cá nhân đặt trên triết lý vứt bỏ trách nhiệm.

Năm 1930, trí thức Hoa kỳ trải qua thời gian sống với cuộc khủng hoảng đen tối nhất lịch sử nên có phong trào trở lại với trách nhiệm.

Nhiều nhà văn hội họp nhau tổ chức ủy ban, những buổi thuyết trình, những đám biểu tình và ra tuyên ngôn. Năm 1932-1933 nhiều nhà văn danh tiếng ký vào bản nhận định cuộc khủng hoảng với văn hóa (Culture and the crisis). Bản nhận định này nổi bật với chủ trương thiên tả, mục đích là để hoạt động tranh cử cho hai ứng cử viên cộng sản William Foster và James Ford. Nó đã không đạt được mục đích. Tuy thế trong thời gian mà dân chúng Mỹ hãy còn chưa quên cơn ác mộng 1929, trong thời gian mà chính sách New Deal của Tổng Thống Roosevelt mới bắt đầu chuyển bánh thì ảnh hưởng tả phái vẫn được mền chuộng. Dần dần Hoa kỳ hàn gắn vết thương cũ rồi mạnh bạo phát triển sang con đường tư bản mới, tinh thần New Deal nguội bót đến chỉ là cái bóng mờ mỗi khi nhắc lại cốt làm cái việc mị dân mà thôi, tả phái Hoa kỳ bị bóp chết.

Giữa lúc giới trí thức một lần nữa bị chính trị cho thụt soáy hơi (trou d air) thì vụ cách mạng và nội chiến Espagne bùng nổ (1936) lôi cuốn trí thức Âu châu cũng như Mỹ quốc làm thành một phong trào dẫn thân với Espagne để biểu đạt ý hướng mình. Phong trào này nhà báo Benson mệnh danh là phong trào các nhà văn cầm súng (writers in arms). Bức tranh đẹp nhất của phong trào này đã được văn hào Hemingway viết thành cuốn tiểu thuyết dài rất nổi tiếng là "For whom the Bell Toll!

Sôi nổi chưa được bao lâu thì phong trào bị một biến cố trọng đại hơn nuốt mất: Hitler, Mussolini làm dữ tạo ra nguy cơ chiến tranh thế giới lần nữa. Lý tưởng hy vọng của phần tử trí thức đối với nội chiến Espagne là chống chủ nghĩa Phát xít. Nguy cơ chiến tranh làm cho trí thức bị lôi cuốn về đối phó với họa xâm lược của Đức quốc. Cái lý tưởng chống Phát xít ở một xứ ngoài trở nên mơ hồ không cấp thiết nên nó bị gạt ra khỏi bộ máy tuyên truyền chánh

thức của mỗi chánh phủ các nước Âu châu, nhân danh Tổ quốc chống xâm lược. Mặc dầu gót giày Đức quốc xã không thể nào đặt lên lãnh thổ Hiệp chủng quốc, nhưng một khi trí thức Âu châu đã bị hẫng thì hoạt động riêng lẻ của trí thức Hoa kỳ cũng chẳng còn lý do gì tồn tại trong vụ Espagne. Vả lại nhờ giúp đỡ của Đức quốc xã, Phát xít Espagne đã thắng cách mạng thiên tả rõ rệt. Thêm nữa giáo hội Công giáo quyết định không đứng về phe cách mạng đồng thời thỏa thuận với Hitler trên vụ Espagne thì cuộc cách mạng Espagne kể như hoàn toàn tiêu hủy.

Tham dự thế chiến lần thứ hai, Hoa kỳ nghiêm nhiên là quốc gia quan trọng bậc nhất cho chính trị quốc tế. Để hoạt động hiệu quả, nhu cầu trí thức của quốc gia tăng lên vùn vụt, phần tử trí thức rất cần vào các công việc nghiên cứu, thông tin tuyên truyền, gián điệp vân vân... Chiến tranh nóng chấm dứt, chiến tranh lạnh mở màn thì nhu cầu kia càng lớn lên gấp bội. Từ 1950-1953 trí thức ở vào vị thế ưu việt của xã hội Hoa kỳ.

Nếu đà này kéo dài thêm, Hoa kỳ chắc chẳng tránh khỏi một cuộc cách mạng, nên phe bảo thủ đi đôi với phe phản động khởi sự phản công, theo họ thì mục đích là làm cho Hoa kỳ không rơi vào tay cộng sản.

Người được đưa lên lãnh đạo cuộc phản công là nghị sĩ Mac Carthy (McCarthy?). Mac Carthy cùng tập đoàn của ông đã dựng hắc lên ở nước Mỹ một triều đại gọi là triều đại Mac Carthy với chủ trương và chiến lược chống trí thức (anti-intellectualism).

Mac Carthy cùng tập đoàn buộc trí thức phải phục tùng phục vụ hệ thống tư bản, hệ thống áp phe. Dưới danh nghĩa bài cộng, chính phủ đã phải theo Mac Carthy để thanh trừng mọi người mà nghị sĩ Mac Carthy gọi là cần phải trừ khử (les indésirables). Phe Carthy có

hai thứ vũ khí đáng sợ :

a) chụp mũ gián điệp.

b) tẩy chay.

Với cái chụp mũ bị cáo làm gián điệp nên biết bao phần tử trí thức bị theo dõi đe dọa, đời sống ngột ngạt không kém thân phận người Do thái trong lưới Gestapo. Carthy lên án tới 1456 người. Với lối tẩy chay này mà một nhà văn tiến bộ viết sách không ai dám xuất bản, dạy học không ai dám thuê, xuất ngoại không được phép, cuối cùng phải tự tử chết.

Bằng quyền lực của ngôi vị chủ tịch Ủy ban điều tra. Mac Carthy hét ra lửa, làm mưa làm gió trên chính trường vượt quyền Tổng thống. Có lần Mac Carthy cùng cánh cực hữu đòi đuổi cả Oppenheimer nhà vật lý học nguyên tử cột trụ, đòi chống lại việc cử Charles Bohlen nhà ngoại giao tên tuổi vì ông Bohlen có tội làm cố vấn cho Roosevelt ký hiệp ước Yalta mà Carthy cho rằng hiệp ước Yalta làm Mỹ thua thiệt.

Quá lộng hành, Mac Carthy phạm mấy lỗi lầm to lớn đáng kể nhất là vụ ông đòi đốt sách. Trong sổ sách bị đốt có cả tên tác giả Foster Rhee Dulles bộ trưởng ngoại giao. Đến mức này, Tổng thống Eisenhower không nhin được nữa, Eisenhower đến Darmouth nói ở trường đại học:

"Anh em đừng a dua với bọn đốt sách. Chớ tưởng chúng ta có thể dấu các lầm lỗi của chúng ta bằng cách đốt hết mọi chứng cứ. Làm sao chúng ta thắng được cộng sản nếu ta không hiểu ý hướng cộng sản cùng sức quyến rũ của chủ nghĩa đó!"

Qua lời trên , người ta nhận ra ngay Eisenhower chưa dám chửi thẳng Mac Carthy, thế lực Carthy còn mạnh lắm. Nhưng Carthy vẫn tiếp tục đi quá trớn, ông đụng chạm giáo hội, quân đội, luật sư đoàn,

Carthy gây thù khắp nơi. Dư luận chán ghét ông lan rộng. Ngón đòn chí mạng đầu tiên đánh thẳng xuống đầu Carthy là vụ án chàng trí thức trẻ tuổi Fisher, bị cáo là hội viên của một tổ chức khả nghi.

Luật sư Welch bênh vực cho bị cáo đã chỉ vào nghị sĩ Mac Carthy mà nói :

Chúng ta không nên ám sát người trẻ tuổi này, thưa thượng nghị sĩ ngài đã đi quá trớn rồi, ngài không còn chút lương tâm nào nữa sao ?

Khắp nước hài lòng câu nói của luật sư Welch, với cái hăng say rất trí thức, luật sư Welch đã đem dưỡng khí vào trong cơn tức giận của dân chúng bấy lâu dồn nén bùng cháy. Đâu đâu cũng rục rịch biểu lộ sự khó chịu với Carthy. Tháng 12 năm 1954 với 67 phiếu thuận với 22 phiếu chống, Mac Carthy bị Thượng viện cắt hết quyền. Như bị gáo nước lạnh dội bất thần Carthy ấp úng trước Thượng viện : Tôi đã làm gì nên nổi! Mấy năm sau Carthy chết vì rượu.

John F. Kennedy làm Tổng Thống Hoa kỳ, vận động trí thức bước vào trang sử mới. Kennedy là người được giải thưởng Pulitzer, ông là một phần tử trí thức. Ngày Kennedy tuyên thệ nhiệm chức cũng là ngày giới trí thức tràn ngập hy vọng. Các nhà văn như John Steinbeck, Arthur Miller, W. H. Auden, v.v... được mời dự buổi tiếp tân đầu tiên của Kennedy tại tòa Bạch ốc và người được dành nhiều danh dự nhất là thi sĩ 80 tuổi Robert Frost. Ngay nhà văn khinh bạc nổi loạn Norman Mailer cũng ngã theo thái độ trí thức quyến rũ của Kennedy, Mailer tuyên bố :

Trí thức Hoa kỳ đang bước tới một biên cương mới, từ lâu chúng tôi bị lịch sử cấm đoán, từ lâu chúng tôi đã bỏ mặc chính trị vào tay bọn người đã không làm lịch sử lại còn kéo lịch sử đi trật đường rầy.

Hướng về Kennedy, trí thức đổ xô tới Hoa Thịnh Đốn. Họ gia nhập đoàn quân Hòa bình, họ làm việc cho bộ quốc phòng cùng những sự vụ ngoại giao.

Ở thời Kennedy phần tử trí thức ra sao? Carey Mc Williams nhận định như sau :

Họ vẫn chưa hoàn toàn thỏa mãn ước nguyện, bây giờ họ thành những chuyên viên chống nổi dậy, chuyên viên nghiên cứu về Kremlin, chuyên viên nghiên cứu các vụ khủng hoảng hoặc quá quát hơn là kẻ cấp cấp cho mấy ông mi-li-te (military flunkies).

Williams muốn nói là người trí thức ít nhiều đành phải từ bỏ những gì tốt đẹp của sứ mạng trí thức để lột xác thành một thứ quan liêu (bureaucrate) hay giai tầng chuyên viên (technocrate). Nhưng đổi lại trí thức thu hoạch cái lợi không nhỏ là học tập kinh nghiệm chính quyền, thứ kinh nghiệm hết sức mới mẻ rất hữu ích cho cuộc đấu tranh sau này.

Nếu như Kennedy còn nắm giữ quyền điều khiển quốc gia, trí thức tuy chưa mười phần mãn nguyện nhưng vẫn còn gửi nhiều tin tưởng vào tương lai.

Vụ Dallas xảy đến, vị Tổng thống trí thức nhất Mỹ quốc ngã gục bởi mấy viên đạn bắn ra với kỹ thuật tinh vi với tổ chức bí mật chu đáo, biên cương mới của trí thức bị phe phản động đánh phá .

Trước cơn bão tố, phải chọn giữa Goldwater và Lyndon Johnson, giới trí thức ào ạt ủng hộ Johnson, họ nghĩ: Johnson dù sao cũng còn mang chút di tích chút âm hưởng Kennedy. Do đó Johnson thắng lợi vẻ vang tại khắp nơi vận động tuyển cử.

Tuần trăng mật của Kennedy với trí thức Hoa kỳ không kéo dài

được bao lâu đã gặp biến cố gây nên lúng củng. Johnson quyết liệt leo thang chiến tranh V. N. Trí thức nhất loạt phản đối, nhiều người tên tuổi rời bỏ chính quyền Johnson. Thâm tâm Johnson rất hài lòng coi việc trí thức bỏ ông như một sự thoát nợ, ông là tay chính trị nhà nghề ít hợp với tâm tưởng trí thức, ông chọn phe bên kia hẳn nhiên nhiều quyền lực hơn. Hoa-kỳ phân thành hai chiến tuyến, trí thức Hoa-kỳ sau thời gian ở chính quyền đã nhìn thấy nhược điểm chính quyền nên họ dùng kinh nghiệm đó vào cuộc đấu tranh tạo ra nhiều kết quả khiến cho Johnson khó lòng ăn ngủ ngon lành. Trái với ý ông nghĩ Johnson bây giờ mới thấy sức công phá của trí thức cũng chẳng yếu ớt gì.

Giả sử vấn đề V.N. hanh thông không xa lầy chắc Johnson không ngại cho lắm. Đảng này vấn đề V N. lại là nước chiếu bí nên chính quyền Johnson mắc kẹt. Để đối phó với mặt trận trí thức Johnson mời bác sỹ Eric Goldman vào Bạch cung với chức vụ cố vấn đặc trách các vấn đề liên hệ đến phần tử trí thức. Ông Goldman được quyền bổ nhiệm ba phụ tá. Nhưng Goldman hoàn toàn thất bại, trước hết ông thất bại, ngay trong nội bộ, ba phụ tá bất đồng ý kiến với ông nên xin từ chức, từ chức xong họ đứng về bên kia. Đối ngoại chẳng những không làm chống đối giảm bớt mà hồ sơ chia cách chính quyền Johnson với trí thức bị đào sâu hơn. Thất bại nặng nhất xảy ra trong đại hội nghệ thuật tại Bạch cung, giữa đại hội trí thức âm ỉ công kích chính sách ngoại giao của Johnson. Lễ ra mục tiêu của đại hội này là để làm một cuộc dàn hòa thì lại biến thành cơ hội găng thêm. Bác sĩ Goldman từ chức với lời trách móc cả hai bên đã ngoan cố cứ đi đến thăm trạng xa lánh nhau (a tragic strangement). Bực tức Johnson ra thông cáo cách chức Goldman vì có ông này chẳng làm được việc gì đúng lúc cả. Vừa lúc phó Tổng thống Humphrey giới thiệu giáo sư John P. Roche đến thay thế

Goldman. Lúc thi hành sứ mạng, thay vì đấu dịu, Roche đổ thêm dầu vào lửa bằng những lời công kích gần như nhục mạ :

"Bọn trí thức riêng rẽ ấy là bọn nào vậy? Phần lớn họ ở Nữu Ước làm cái nghề Nghệ thuật. Họ tụ tập nhau chẳng được bao nhiêu ở Cape Cod để nhảy múa reo hò trước sự hoan hô của đám quần chúng dốt nát".

(Lưu ý Cape Cod là nơi giới thượng lưu nghỉ ngơi. Văn gia John O hara có viết một tập truyện ngắn về những thảm kịch đã xảy ra ở đây. Truyện mang tên là: The Cape Cod lighter).

Tại hội nghị báo chí Liên Hiệp Quốc nói về đề tài Trí thức và vấn đề Việt Nam, Roche miêu tả người Trí thức Hoa-kỳ như hình ảnh trí thức Nga thuộc thế kỷ 19 nghĩa là bọn người tự thị, tự cao, tự tô vẽ cho mình nâng lên địa vị ưu tú về văn hóa và có bốn phận bảo vệ xã hội giải quyết mọi vấn đề gay gắt. Chính bọn trí thức đó đã rùm beng chống chiến tranh, họ quan trọng hóa quá cỡ cuộc chiến, thực ra cuộc chiến đó không hơn không kém chỉ là cuộc đụng độ biên cương như nước Anh từng gặp phải ở Ấn-độ hay Nhật ở Mãn-châu".

Roche làm thế do tự ý hay Johnson muốn rửa hận? Dù thế nào chẳng nữa, những lời tuyên bố của Roche được dư luận coi như lời thách thức khai chiến của chính quyền Johnson với trí thức.

Mặc dầu trên một mặt khác ông Johnson vẫn tiếp tục thi hành chính sách ve vãn bằng những mời mọc ân cần phần tử trí thức vào Bạch Cung đàm đạo. Nhưng bất cứ gặp gỡ nói chuyện nào cũng thế, chỉ thấy một mình ông Johnson độc thoại, cuối cùng khi ông đặt câu hỏi : Tại sao trí thức chống ông? Ông đã làm rất nhiều cho trí thức mà? Các thực khách không trả lời thẳng câu hỏi ấy, họ cười, hoan hô bữa ăn ngon rồi im lặng Cứ vậy kéo dài, đến ngày Tổng thống

Johnson đọc diễn văn cho toàn quốc biết ông không định tái ứng cử tổng thống lần nữa.

Bây giờ chính quyền Mỹ đã đổi tay, cuộc chiến giữa lực lượng trí thức và lực lượng chính quyền vẫn tiếp tục mà chiến trường chủ yếu vẫn còn là vấn đề Việt Nam, vì vấn đề này là nhược điểm của chính quyền Hoa-kỳ.

oOo

Không phải chỉ ở Hoa kỳ mà thôi, vận động trí thức còn bùng nổ tại nhiều nơi khác trên thế giới như Prague, Warsaw, Rome, Mexico City, Belgrade, Tây Berlin. Với nhiều hiện tượng khác lạ khiến cho các nhà xã hội học nghiên cứu vấn đề phải đem xét lại nhiều định luật cũ họ đã đưa ra. Trước đây bác sĩ Keller khoa trưởng đại học đường Columbia viết :

"Marx và Lénine sẽ cười vào mũi kẻ nào nghĩ rằng cách mạng xã hội có thể khởi sự bằng lực lượng trường ốc, một nơi ẩn dật bọc ngà không súng đạn, không quyền lực, không tiền bạc."

"Nay thì cái ý nghĩ đó không đáng ngạc nhiên chút nào hết. Bộ trưởng Edgard Pisani trong chính phủ Pompidou đã nói với quốc hội như thế." Lịch sử dạy chúng ta các cuộc nổi dậy lớn lao luôn luôn dấy lên từ các giai cấp rõ rệt, đủ lực lượng quyết định như ngày xưa là nông dân, 1789 là giai cấp tư sản, thế kỷ 19 là thợ thuyền nhưng bây giờ là ở các tổ trí thức, cán bộ và sinh viên.

Pisani không nói quá đáng, cuộc nổi dậy tháng 5 bên Pháp làm cho chế độ De Gaulle lung lay rồi De Gaulle thất bại trong cuộc trưng cầu dân ý, khởi lên từ các trường đại học Nanterre, Sorbonne. Tả phái chỉ dựa vào đấy để đình công để ăn theo lợi thế sẵn có. Vận động trí thức ồ ạt lan tràn đưa vào sinh hoạt chính trị thời đại một

lực lượng chính trị rõ ràng hội đủ điều kiện một giai cấp hãn hòi. Không thành lực lượng sao được khi mà một quốc gia có tới 2000 học viện, 6 triệu sinh viên và 4 trăm ngàn giáo sư? Không thành lực lượng sao được khi con số trí thức phụ vụ mọi cơ sở quốc gia nay đông gấp hơn trăm lần thế kỷ trước. Không thành lực lượng sao được khi ngân sách quốc gia tăng đến 17 tỷ Mỹ kim năm 1969 riêng cho công cuộc tìm kiếm khoa học so với gần 100 triệu mỹ kim năm 1940.

oOo

Vấn đề trí thức là vấn đề vẫn có từ ngàn xưa, nhưng nó luôn luôn đổi mới và gắn liền với lịch sử. Có thể nói lịch sử là một đại cơ kim của trí thức và trí tuệ chúng ta. Trước đây vẫn lưu hành quan niệm diễn biến lịch sử phải theo một mô thức cố định tỉ dụ người Ấn, Ba Tư, Hy Lạp cổ cho biến hóa lịch sử là luân hồi. thiên chúa giáo cho lịch sử xoay chuyển theo ý muốn của Thượng đế.

Quan niệm mô thức cố định bị thực tế lịch sử đánh bật dần cho đến lúc những tư tưởng lịch sử của Spengler và Toynbee ra đời người ta hẳn nhiên chấp nhận quy luật biến hình sinh-trưởng-suy-vong của lịch

sử. Cộng thêm vào đó là những tư tưởng Hégel, Marx cho rằng chính con người có thể cải tạo lịch sử, chỉ có bọn nô lệ mới chịu làm bù nhìn trước lịch sử.

Biến động lịch sử tuân theo hoàn cảnh hay ý chí con người? Hởi như thế cũng là hỏi :

Tồn tại quyết định ý thức hay ý thức quyết định tồn tại? Tư tưởng quyết định sinh hoạt hay sinh hoạt quyết định tư tưởng. Nhiều thế kỷ qua, triết học đã đáp câu hỏi này một cách ngược hẳn nhau mỗi bên

đứng về một điểm cực.

Hiện tại thực tiễn đã chứng minh lịch sử biến động do tác dụng tương hằng (interaction) giữa người với hoàn cảnh. Do tác dụng tương hằng ấy sản sinh ra văn hóa. Phương hướng và tốc độ văn hóa là kết quả của các loại nhân duyên nội ngoại của tác dụng tương hằng kia. Tổ tiên chúng ta càng về xa xưa càng chịu sự chi phối của hoàn cảnh, nhưng càng về sau con người đối với hoàn cảnh một mặt tìm cách(?) một mặt càng ra công chống lại, tiến xa hơn còn tìm cách cải tạo và lợi dụng hoàn cảnh nữa. Văn hóa là gì? Là sự tích lũy, gọt dũa từ đời này qua đời khác những hiểu biết để hoàn thành công việc chống đối, cải tạo và lợi dụng hoàn cảnh vậy.

Ai trực tiếp đảm nhiệm công việc sáng tạo, tìm tòi, xây đắp văn hóa?

Phần tử trí thức!

oOo

Vận hành lịch sử không đi theo con đường bằng phẳng và thẳng tuột, cũng như không có những giai đoạn nhất định (như kiểu Marx chủ trương). Các nhân tố hữu lợi, bất lợi luôn luôn can thiệp làm cho cuộc vận hành tăng, giảm, thừa, trừ.

Nói riêng mặt chủ quan, khi nào văn hóa tích súc, nội bộ hòa hài thì mới sản sinh ra quốc lực hùng mạnh tấn bộ tốt đẹp. Khi nào tự mãn, cô lập, lười biếng, đòi truy tất nhiên lịch sử đi vào suy vong. Theo với tăng giảm thừa trừ của vận hành lịch sử là những vận động của phần tử trí thức.

Như thế nói lịch sử mà không nói đến vận động trí thức, nói chính trị mà không đề cập đến cuộc đấu tranh của phần tử trí thức thì thật là một thiếu sót lớn.

Hoặc tìm xét quan hệ giữa phần tử trí thức với lịch sử với chính trị chỉ bằng ánh sáng của lý luận thời thế với anh hùng hay bằng thành kiến tú tài tạo phản tam niên bất thành thì vẫn chưa thật đầy đủ.

Ta có thể khẳng định, một cuộc cách mạng xã hội có nghĩa là một thay đổi tương đối nhanh chóng trong sự kết hợp thành phần và cơ cấu phần tử trí thức cùng mối quan hệ của phần tử này với quảng đại quần chúng vậy.

Thân phận trí thức

Phần I - Chương 1 Phẩm đức

Thân phận

PHẨM ĐỨC

Phần tử trí thức?

*Là người đem lại giá trị
cho những gì mà tự chúng không có.
(PAUL VALÉRY)*

Phần tử trí thức?

*Tôi muốn nói đến những người
suy tư, không phải bọn lộng chữ,
lợi dụng, bịp bợm và ăn bám...
(HENRI BARBUSSE)*

NGUỒN GỐC CỦA DANH TỪ

Phần tử trí thức là trực nghĩa dịch từ chữ Intellectuel của Pháp. Tra tự điển để tìm lời giải của chữ đó thì chỉ thấy ghi vắn tắt : phần tử trí thức là người hoặc vì thị hiếu hoặc vì nghề nghiệp quan tâm đến những công việc tinh thần. (Personne qui s'occupe par goût ou par profession des choses de l'esprit). Theo Hồ Thu Nguyên viết trong tập Trung Quốc Cổ Đại Trí Thức thì phần tử trí thức là những người hiểu trước biết trước (tiên tri tiên giác) rồi đem sự hiểu biết học hỏi của mình cống hiến cho tiến bộ nhân loại, xã hội dân tộc. Nói chung

người sáng tạo tư tưởng kỹ thuật, tri thức gọi là phần tử tri thức. Cổ xưa Hy Lạp dùng danh từ trí giả (sophist) hay ái trí giả (philosopher). Người La Mã dùng danh từ văn sĩ (idéologue). Ở Trung Quốc có nhiều danh từ khác nhau để chỉ phần tử tri thức: Nho, Sĩ, Thánh, Hiền, Văn Nhân, Học sĩ rồi gộp chung lại dưới danh từ người đọc sách (độc thư nhân).

Người tri thức rất khó có một hình dạng rõ rệt, nếu bảo những người có bằng cấp là tri thức thì những người tự học (autodidacte) thì sao? Vả lại các bậc Thầy của nhiều thuyết lớn xưa nay đa số chẳng có bằng cấp chi hết. Cũng không thể bảo nhất định một ông giáo sư đại học tri thức hơn ông giáo sư trung học v.v...

Hình dạng người tri thức lại càng không rõ rệt khi người ta muốn tìm nó thuộc giai cấp nào? Mức sống ra sao? Thường làm nghề nghiệp gì? Bên Pháp chẳng hạn đa số chấp nhận phần tử tri thức quy tụ vào hai loại hình (type)

a_ *Trí thức giáo dục (intellectuel enseignant)*

b_ *Trí thức viết văn (intellectuel écrivain)*

Nhưng có một số người không chịu, và cho rằng những bác sĩ, kỹ sư làm nghề chuyên môn của mình vẫn có thể là một phần tử tri thức chớ. Tại các nước chậm tiến tùy theo trình độ có nơi với sức học bổ túc đã được kính trọng tôn xưng là phần tử tri thức rồi. Câu hỏi ai được kể làm phần tử tri thức là câu hỏi khá phức tạp đã làm rức đầu các sử gia và các nhà xã hội học không ít, rút cục đến bây giờ họ vẫn phân nản chưa tìm được một thực thể cho tri thức (substantifier).

Nhưng về đời sống của người tri thức thì rõ rệt nó liên quan rất nhiều đến chính trị. Tại Âu Châu nó ra đời bởi một vụ chính trị sôi nổi. Các nhà văn Emile Zola, Anatole France, Halévy, Buinot, Léon Blum v.v... ký chung bản kháng nghị đối với vụ xử oan đại úy Dreyfuss. Thủ Tướng Clemenceau đã gọi kháng nghị này là Tuyên Ngôn Của Trí Thức (Manifeste Des Intellectuels). Từ đó chữ intellectuel được mọi người thưởng thức, nó được kể như một danh từ mới mẻ vì danh từ này không hề thấy ghi trong tự điển Larousse in năm 1866-1878 hay cuốn Đại Bách Khoa in năm 1885-1902, người ta chỉ thấy chữ intellectuatisme ghi trong cuốn Vocabulaire Philosophique của Lalande mà thôi. Như vậy là chữ phần tử tri thức khai sinh bằng một thái độ chính trị. Edgar Morin đã nghĩ rất đúng khi viết câu này:

"Nhà văn viết cuốn tiểu thuyết là nhà văn, nhưng khi ông ta nói về những tra tấn đau khổ ở Algérie thì ông ta là một người trí thức."
(*L'écrivain qui écrit un roman est écrivain, mais s'il parle de la torture en Algérie, il est intellectuel*).

Phương Tây như thế, phương Đông cũng vậy, theo tâm lý cổ truyền của người Trung Quốc thì những danh từ có chứa chất tính cách về tri thức thường dành cho những người có sự nghiệp tốt. Tỉ dụ gọi

vua Nghiêu, vua Thuấn là Thánh Vương, gọi các Tể Tướng Quản Trọng, Lưu Bá Ôn, Ngụy Trưng v.v... là Hiền.

Tất nhiên Nghiêu, Thuấn, Quản Trọng, Lưu Bá Ôn, Ngụy Trưng là những người học vấn cả thì không nói làm chi. Đến như Triệu Phổ suốt đời chưa đọc hết quyển sách rưởi cũng được gọi là hiền trong khi Trần Hậu Chủ, Thạch Kính Đường, Tần Cối đều là các tay học vấn cự phách mà người đời sau chỉ nhắc đến với ý niệm ghét bỏ hôn quân, gian thần Hán gian. Còn các bậc vạn thế sư như Khổng Tử, Mạnh Tử, Lão Tử, Đỗ Phủ, Lý Bạch, Đào Uyên Minh v.v... thì trên dưới một lòng yêu kính.

Từ lâu người phương Đông yêu kính phần tử trí thức ở sứ mạng kỹ sư tâm hồn, kiến trúc sự lịch sử và giồng cấy văn hóa nghĩa là những phần tử trí thức có liên quan đến chính trị.

KHỞI ĐIỂM

"Weber là một khoa học gia, ông chưa hề làm chính trị hay đã là một chính khách, chỉ đôi ba lần viết báo chính trị thôi. Thế nhưng suốt cả đời ông, ông rất say mê lo lắng tới vấn đề của quần chúng, không lúc nào ông nguôi nổi nhớ nhung chính trị."

Trên đây là tâm sự Max Weber do Raymond Aron nhận xét: tâm sự đó cũng là tâm sự chung của hết thầy phần tử trí thức dưới vòm trời này. Thực vậy trí thức thường là những người không quên được chính trị. Họ luôn luôn có mặt ở tầng lãnh đạo (tầng lãnh đạo thống trị cũng như tầng lãnh đạo cách mạng) mà đã ở tầng lãnh đạo thì điều phải nghĩ trước hết hẳn là chính trị. Đối tượng của trí thức là hiện tượng nhân sinh, chính trị, xã hội, giáo dục, văn nghệ.

Trong tất cả, chính trị được chú ý bậc nhất, gần như có thể nói rằng sự nhảy vào tham gia chính trị là con đường hiệu lực nhất cho hoài bão lý tưởng đối với xã hội nhân sinh. Bởi lẽ ấy ông Khổng Tử không bao giờ ngồi nóng chiếu, ông đi khắp nơi để mong dùng thuyết của ông nắm chính quyền. Ông Mặc Tử, Mạnh Tử bôn tẩu liệt quốc. Việc giảng học viết sách của các vị này bất quá chỉ là công tác làm sau khi không được thi triển ý của mình bằng chính quyền, và giảng học trước thư cũng vẫn là sự tiếp nối nghiệp chính trị và đã đào tạo biết bao chính khách sau này. Ngay đến Lão Đam, Trang Chu nổi tiếng với triết thuyết vô vi ẩn dật cũng không quên được chính trị bằng những lời công kích tiêu cực đối với chính trị. Ông Trần Trọng Tử ẩn tích mai danh nơi hoang dã nhất định không ngó ngang đến chính trị, nhưng chính ông cũng phải thừa nhận nếu không nhảy lên vũ đài chính trị thì khó lòng mà thực hiện nổi hoài bão lớn đối với xã hội nhân sinh. Ông Nguyễn Trãi theo cha lên biên ải, cha quay lại nói: "Nếu con muốn trả thù nhà thì hãy tìm cách trả nợ nước."

Trí thức là vũ khí để loài người chống lại hoàn cảnh. Trí thức tức là quyền lực. Khi đã gọi là quyền lực thì phải làm sao sử dụng quyền

lực đến mức tối đa. Trong cuộc sống xã hội, chính trị bao trùm lên tất cả các sinh hoạt khác, chính trị là công việc toàn chỉnh (la politique est une affaire de tous), chính trị là hoạt động tinh hoa của con người, chính trị là sự sống của xã hội. Cho nên khi người trí thức không lưu tâm đến chính trị là lúc ấy họ đã tự khước bỏ phần lớn đời sống trí thức. Joseph Shumpeter viết : Người trí thức ở khắp mọi nơi, họ nhận nhau qua một thái độ nào đó, chứ họ chẳng hề có chung một quy chế, tinh thần của họ tạo thành mối ràng buộc. Thái độ ở đây là thái độ đối với chính trị vì chỉ có chính trị mới mang khuôn khổ rộng lớn thôi. Quái gở tới mức nào đây, nếu một người trí thức không mang một thái độ chính trị gì hết.

PHẨM ĐỨC, GIÁ TRỊ VÀ THÂN PHẬN

Đứng trên chính trị mà nhìn nhận trí thức phần tử người ta phải nhìn tách biệt ba mặt :

a/ Phẩm đức.

b/ Giá trị.

c/ Thân phận.

Phẩm đức của trí thức là gì? Hãy nghe, nhóm ông Đoàn Phú Tứ định nghĩa :

Trí thức tức là sáng suốt, tức tự do toàn vẹn của tinh thần, tức biệt lập của tinh thần, tức biệt lập cái biệt lập của áng danh son, tức thanh cao cái thanh cao không đòi hỏi của kẻ sĩ, cái thanh cao không vụ ích lợi của ngọc châu.

Trí thức là sáng tạo. Cuộc sáng tạo đầu tiên của trí thức là tự tạo.

Tự trong một đợt tình trắc tuyệt khi hồn tan trên một nét anh đào.

Tự tạo trong một thế hệ nhập thiền, trong một đường thánh giá.

Tự tạo trong một ngọn gió đùa, trong một cảnh hoa nắng dờn.

Trí thức là tinh thần tiên phong. Cốt cách tài tử.

Cá tính độc lập. Phong độ trượng phu.

Không hề trưởng giả nhưng vương giả,

Không lo thành đạt, nhưng bao giờ cũng thông đạt.

Không làm thượng nhân, nhưng làm tao nhân.

Phẩm đức của phần tử trí thức nói theo lý tưởng thực là viên ngọc không tí vết. Tuy nhiên không phải cứ có phẩm đức là có luôn giá trị. Trên chính trị, phẩm đức, giá trị và thân phận là ba vấn đề tách biệt nhau. Đó là cái lý do tại sao đôi lúc người ta phải nhận rằng người trí thức không bằng cục cứt là đúng.

Phẩm đức là lương tâm người trí thức không vào con đường phản chính nghĩa, phản động, không làm tay sai cho ác thế lực.

Giá trị là khả năng người trí thức, phải có cái biết có thể biến thành quyền lực, bởi vì khi dấn thân vào thực tế tàn nhẫn, khả năng là điều kiện không thể thiếu được.

Thân phận trí thức sẽ tùy sự lựa chọn với thực tế, tùy sự yếu kém, phẩm đức hay giá trị, tùy theo sự mâu thuẫn giữa phẩm đức và giá trị mà biến đổi.

QUÊN KHÔNG ĐƯỢC CHÍNH TRỊ

Một khi đã say mê chính trị và nhận chính trị như người tình không thể thiếu được thì lúc tuyệt vọng với chính trị người trí thức như mất hết lẽ sống. Cái chết của Khuất Nguyên là điển hình khai mở cho thân phận trí thức với chính trị.

Kể trong các nhà thơ lớn của Trung Quốc thì :

Đỗ Tử Mỹ, người đời xưng tụng là thi thánh,

Lý Thái Bạch là thi tiên,

Vương Ma Cật là thi Phật,

Lý Trường Cát là thi quý.

Đỗ Tử Mỹ thuộc phái tả thực,

Lý Thái Bạch thuộc phái lãng mạn,

Vương Ma Cật thuộc phái tự nhiên,

Lý Trường Cát thuộc phái duy mỹ.

Tất cả các phái trên đều có chung một nguồn là Kinh Thi và tập thơ Ly Tao của Khuất Linh Quân tức Khuất Nguyên. Ly Tao có một ngôi vị cao nhất trên thi đàn Trung Quốc, tập thơ ấy được coi như vị vua hay bài ca trong các bài ca, hay nhã ca là cái đẹp tuyệt độ không thể đẹp hơn nữa.

Ly Tao là gì? Là nỗi buồn ly biệt. Nỗi buồn ly biệt với chính trị. Khuất Nguyên sáng tác tập thơ này khi bị Sở Vương đuổi lần thứ hai. Lần ông về Giang Nam, nơi có rất nhiều cảnh sắc riêng biệt của nước Sở, những cánh đồng cỏ bao la xanh ngắt, chim oanh bay từng đàn. Giang sơn Sở càng đẹp càng làm cho Khuất Nguyên lo lắng, ông biết cường Tần thế nào cũng xâm lược Giang Nam, cái đẹp kia sẽ ra sao nếu gót giày xâm lược dẫm lên, bao nhiêu vui ca rồi đây sẽ thành hoang phế điêu tàn. Nhưng làm thế nào gọi tỉnh được người Sở đang ở trong cơn mê muội. Trong triều toàn một bọn nịnh thần, nơi điển dã chưa ai biết nỗi thống khổ mất nước. Còn phận mình chỉ là một kẻ vong thân, cô lập, bị lưu đầy. Ông tự nghĩ tâm linh trung kiên khả dĩ tiến đến chân lý, tuy vậy chân lý của một người thì làm sao chống lại với cái hư ngụy của số đông? Chân lý với gian tà, tinh khiết và sù uế lẫn lộn làm rối loạn cõi trần thế. Bỏ trần thế mà đi bỏ không đành, vất chân lý ra khỏi tâm hồn, vất không nổi. Khuất Nguyên vùng vẫy trong tuyệt vọng giống như con thiên lý mã bị sa vào cát lầy.

Có lần ông hỏi Trịnh Thiềm Doãn :

"Thưa Thái Phó, trung với tà, thiện với ác, chân lý với hư ngụy, trinh khiết với sù uế có thật là không thể sống chung với nhau chăng? Tôi rất yêu nhân gian mà tôi cũng rất thù hận nhân gian, tôi phải chọn điều nào đây? Tôi nên giữ tấm lòng trinh khiết để tự cô lập bằng thái độ cao thượng hay tôi nên hoà mình với số đông tùy tục phù trầm theo thời thế?"

Trịnh Thiềm Doãn nói :

"Thưa Đại Phu, xin ngài hãy làm theo tâm ý của chính ngài, tôi làm

sao hỏi đáp được vấn đề quá to tát như vậy."

Ít năm sau, binh Tần mang quân công hãm Sở quốc, Sở mất nước, nhân dân Sở lầm than. Khuất Nguyên nhìn nước non gấm vóc, đâu đâu cũng chỉ thấy hoang loạn, đâu đâu cũng đầy vết tích diệt vong. Đau nhức, Khuất Nguyên thả chiếc thuyền nhỏ trên Động Đình Hồ mặc sóng gió giận dữ. Ông thầm nghĩ : ta phải chết, ta phải có một cái chết lỗi lạc. Chết không để giải thoát mà chết để phản kháng, Phản kháng tà ác gian nịnh trên thế gian này. Hỡi người nước Sở thân yêu, người nước Sở đáng thương, tại sao các người không tiếp nhận tấm lòng thành của ta? Tại sao không chịu hiểu nỗi kiên trinh âm thầm của ta?

Nước non ơi, những bài ca u hoài của nhân dân nước Sở, người có biết sự hung bạo của vó ngựa xâm lăng bạo Tần không? Trời xanh hỡi quả thật có chính nghĩa không? Tại sao không lưu lại cho nhân gian nhất điểm chính nghĩa? Các thần linh của Sở quốc! Các người nhần tâm để cho dân Sở bị dày xéo, bị diệt vong ư? Không thể thế được, nhân dân Sở không thể tiêu diệt, giang sơn Sở không thể bị nô lệ. Cái lỗi của Khuất Nguyên là đã để mọi người say mà riêng mình tỉnh.

Qua Động Đình Hồ, Khuất Nguyên cho thuyền rẽ vào sông Mịch La, nước mắt tràn trụa, ông lặng yên nhìn mây trời mông mênh hồi lâu rồi lao mình xuống sông. Ông đi tìm cái chết vì sinh mệnh của ông từ lâu đã mất rồi. Sinh mệnh ấy là sinh mệnh chính trị.

PHẨM VỊ CỦA PHẦN TỬ TRÍ THỨC

Sinh mệnh của một quốc gia ở văn hóa học thuật của quốc gia đó. Sinh mệnh lực của một quốc gia đại bộ phận do phần tử trí thức nắm giữ. Sự sinh tồn và tiến bộ của đất nước do nơi tôn trọng học vấn, do nơi phần tử trí thức trong xã hội có trách nhiệm tâm và tự tôn tâm hay không.

"Hiếu học cận hồ trí". Chuộng sự học vấn, tôn trọng người đọc sách là căn bản xây dựng đất nước. Trường học bao giờ cũng là cơ sở của chính trị . Nước văn hiến là nước tôn trọng học vấn, yêu chuộng trí thức, nước văn hiến là nơi thường có hiện tượng "cường đạo không xâm phạm người đọc sách" như giặc Hoàng Cân không đốt phá quê hương ông Trịnh Huyền. Hoàng Sào không giết các nho sinh.

Tôn trọng người có học và trí thức có lòng tự tôn không phải là tâm lý tự cao tự đại của phần tử trí thức. Ở nước ta xưa nay sĩ đứng đầu hàng tứ dân nên có câu "sĩ nông công thương" và "ngư tiều canh độc". Học vấn là nền móng của tất cả mọi nghề nghiệp. Tôn trọng người đọc sách tuyệt nhiên không phải là bảo trì địa vị hay giai cấp đặc thù mà là tôn trọng học vấn và trí thức, nghĩa là tôn trọng hai thứ vũ khí hiệu lực nhất để cải tạo sinh hoạt, cải tạo xã hội và cải tạo quốc vận.

"Vạn ban giai hạ phẩm, duy hữu độc thư cao"

Cao đây là cao phẩm giá không phải cao quyền thế hay cao tiền bạc.

"An đắc quảng hạ thiên vạn gian

Đại tì thiên hạ hàn sĩ tận hoan nhan"

(Nghĩa là:

Mong mỗi sao cho có căn nhà lớn hàng trăm ngàn gian,

Để che chở cho kẻ hàn sĩ trong thiên hạ ai ai cũng mang về mặt hân hoan.)

Câu thơ của Đỗ Công Bộ nói rõ lên cảnh nghèo của kẻ sĩ. Cụ

Nguyễn Khuyến cũng có bài phú để tả tình trạng thầy đồ:

"Vài khoa thi hồng sót ruột tiền cơm, mấy tháng công non bấm gan thóc nợ.

Vách ông Khổng còn hòm khoa đầu mở một vài con, ngõ thầy Nhan treo túi đan biểu bảo dăm ba đứa.

Nón sơn úp ngực đi liễu đi liễu, bút thùy cài tai sồn sồn sồn sồn.

Nghĩ sênh nhà ra thất nghiệp, cũng bật như cười e nằm mát ăn bát đầy ai nuôi không hở. "

Nhan Hồi được tôn lên hàng nhân vật điển hình của chủ trương an bản lạc đạo do Nho gia đề xướng. Ngụ nơi ngõ hẹp, một lảng cơm, một bầu nước, người đời lo còn Hồi thì lúc nào cũng vui. Người trí thức thường nghèo, tuy vậy không phải cứ nghèo mới là tốt. Khổng Tử có lần nói: "Nếu cái giàu mà có thể *cầu được thì dù làm một kẻ cầm roi ngựa ta cũng làm* ". Rồi ông nói: "Cái phú quý bất nghĩa đối với ta chẳng khác gì mây nổi, người quân tử *kiên trì với cảnh nghèo, kẻ tiểu nhân hễ nghèo là tìm cách làm bậy*".

Thực tế hơn, Mạnh Tử cho rằng: "Nghèo khổ đến với kẻ sĩ là bởi *trời muốn thử thách, dùng nghèo để động tâm nhẫn tính, dùng khổ để tăng thêm tài năng*."

Nói chung, chữ trí thức trong tâm tưởng mọi người hình như nó mang một thứ phép nhiệm màu làm cao giá người được nó nhận, ai ai cũng muốn nó đến với mình ngay. Lúc người ta mang gán nó cho kẻ khác với chủ ý chế riếu hay công kích mà sâu kín trong lòng lại thấy tủi hổ nếu nó từ chối mình. Nghĩ đến trí thức, mọi người đều cảm nhận ở nó một cái gì gọi là tao nhã và cao quý. Chính vì thế nên xưa kia Tể Tướng Cao Lực Sĩ mới phải mài mực cho Lý Thái Bạch viết vào bài thơ của họ Lý, bài thơ ca tụng cái đẹp của Dương Quý Phi, cao hứng rồi giả say Lý Thái Bạch dơ chân đạp cho Cao Lực Sĩ ngã lăn. Đời sau nghe chuyện chẳng người nào không thích thú, thích thú như một người được hả cơn giận.

Nếu tham vọng chính yếu của phần tử trí thức là tham vọng trị quốc bình thiên hạ thì ngược lại tham vọng chính yếu của các chính khách là tham vọng muốn tỏ ra mình là trí thức. Raymond Aron rất có lý khi viết câu này:

"Tham vọng chính trị của các nhà văn thành công đã đụng đầu với những tham vọng văn chương của các chính khách. Người thì mơ

*viết một cuốn tiểu thuyết tuyệt tác, người thì mơ làm bộ trưởng".
(Les ambitions politiques des romanciers à succès se heurtent aux
ambitions littéraires des hommes d'Etat. rz ci rêvent d'écrire et ceux
là de devenir ministres)*

ÍT NHIỀU KHÁC BIỆT GIỮA ĐÔNG TÂY

Trí thức Đông và Tây đều không quên được chính trị .

Trí thức Đông và Tây đều vào chính trị bằng con đường yêu nước và cách mạng.

Ở lòng yêu nước họ gặp nhau, nhưng ở cách mạng họ có điểm khác biệt. Khác biệt bởi hai nền văn hoá.

Trở về với thần thoại, Prométhée sau một trận giặc nhất định không đứng về phe người trời Olympien nữa, Prométhée muốn ngả về phe người trần. Để cho loài người mạnh lên, Prométhée thấy lửa sấm sét của Jupiter là thứ vũ khí lợi hại nên quyết lấy cắp lửa mang xuống cho loài người. Từ đấy nhờ Prométhée mà loài người có lửa dùng. Jupiter biết giận lắm cho gọi thần thợ rèn Vulcain đến bắt Prométhée và cùm ở chân núi Caucase. Chưa nguôi Jupiter còn thả chim ưng hằng ngày đến moi ruột rửa gan Prométhée. Hết năm này qua tháng khác, đau đớn Prométhée kêu gào vang động.

Đời vua Nghiêu, có tới mười mặt trời thiêu đốt nhân gian khiến mùa màng khô héo, sông nước cạn. Vua cho rao khắp thiên hạ cần người hiền tài đến giúp. Có Hậu Nghệ bắn cung cực giỏi. Hậu Nghệ lên một đỉnh núi cao chót vót dương cung bắn chín lần chín mặt trời rơi xuống đất. Từ đấy ở trần gian sông hồ lại đầy nước, cây cỏ tốt tươi.

Ngay thời kỳ thần thoại, Đông phương đã kiến thiết rất vững chắc tinh thần nhân văn. Prométhée mới chỉ phạm tội ăn cắp chút lửa trời mang xuống nhân gian mà đã phải chịu một hình phạt nặng đó. Trái lại Hậu Nghệ đã nhân danh loài người đánh bật những ác độc của thượng đế.

Sau này Tây Phương một thời gian khá dài bị úp chụp trong vòng kiểm tỏa của tôn giáo. Điều này tạo nên điểm khác biệt cho vận động trí thức của Tây Phương với Đông Phương (khu vực văn minh Trung Quốc).

Với quan niệm đại tự nhiên của chủ nghĩa nhân văn mọi cuộc đấu tranh lịch sử đều là quy luật đại tự nhiên hết Xuân sang Hạ hết Thu sang Đông thuận lẽ trời. Lễ thuận tự sẽ thực hiện trong xã hội nhân loại khi nào đa số đồng ý gọi là hợp lòng người. Cho nên những biến động lịch sử thường mang tiêu đề : diệt kẻ vô đạo mà không bao giờ có tiêu đề dành Tự Do.

Trái lại ở phương Tây mỗi biến động lịch sử đều chịu ảnh hưởng của hai thế lực Thế quyền và Thần quyền. Kẻ thống trị phải có sự thỏa thuận của Giáo Hội. Hết thấy quyền phán xét bất cứ mặt nào của sinh hoạt của sự sống đều phải dành cho giáo quyền. Những

cầm điều do Giáo Hội đưa ra làm thành chuỗi xích nặng nó trói buộc con người. Muốn lật đổ chính quyền phải đủ khả năng lật đổ thống trị tâm lý tinh thần của giáo quyền nếu không thì biến động chỉ loanh quanh trong cái vòng luẩn quẩn giữa những âm mưu của các lực lượng khác nhau trong chính quyền và giáo quyền nghĩa là quí tộc phong kiến và tập đoàn tăng lữ. Vận động trí thức vì lẽ trên phải trải qua giai đoạn đấu tranh giải phóng tư tưởng chống thần quyền mà Tự Do là tiêu đề. Tự Do mang một ý nghĩa thiêng liêng trong tâm khảm của người Tây Phương.

Tinh thần người trí thức của chủ nghĩa nhân văn Nho đạo là : giáo hóa quốc dân đoàn kết quốc dân, bảo vệ giang sơn mang trách nhiệm tâm cực lớn phần đầu cho lợi ích bình dân, có một tấm lòng tự tôn mãnh liệt để phần đầu cho địa vị của phần tử trí thức. Đề cao địa vị trí thức không phải là đề cao lợi ích vật chất và quyền hành bản thân mà là dùng trí lực để áp đảo vũ lực cùng kim lực của quý tộc, đề cao địa vị bình dân là đem học vấn ra làm công cụ xây dựng hạnh phúc cho bình dân.

Phong độ người trí thức của chủ nghĩa nhân văn Nho đạo là : Nho và Hiệp.

Ông Cao Dao đưa ra chín nguyên tắc cho việc tu thân :

Khoan thứ mà không để thành hỗn loạn.

Mềm dẻo mà vẫn vững lập trường.

Căm giận nhưng không mất vẻ khiêm cung.

Hòa đồng nhưng vẫn nghiêm nghị.

Thẳng băng mà vẫn ôn nhu.

Giản dị và liêm khiết.

Cứng rắn mà vẫn khéo léo.

Mạnh bạo nhưng không bất nghĩa.

Khổng Tử nói nho sĩ phải là người có đủ ba tầng nhân cách :

1) Trách nhiệm tâm : (người quân tử tu thân mình để bảo vệ trăm họ.

2) Tự tôn tâm: (không lo, không sợ, không làm lẫn)

3) Dũng cảm.

(Trong thiên Nho hạnh của sách Lễ Ký, Khổng Tử luận phong độ nhà Nho như sau: thân có thể *nguy mà chí không thể đoạt, chịu chết chứ không chịu nhục*)

Ngoài ra phải kể thêm cả trạng thái tiêu cực của cả Nho lẫn Hiệp là Ần. Mỗi lúc thấy thời thế hỗn loạn nhiều nhưng chưa thể làm gì cứu đời giúp nước thì ở Ần.

THƯỢNG KHUYNH TÍNH

Tính thượng khuynh là một biến tướng của tinh thần và phong độ nói trên.

Có hai nguyên nhân:

Thứ nhất: do chế độ thi cử khai khoa thủ sĩ, học giỏi ra làm quan.

Thứ hai: quan niệm trị quốc bình thiên hạ cần ở ngôi vị cao, ảnh

hưởng chính trị từ thượng tầng xã hội đi xuống mạnh hơn ảnh hưởng từ hạ tầng xã hội đi lên.

Thượng khuynh tính là gì?

Là chỉ chăm chú tranh dành tước vị .

Vì chăm chú tranh dành tước vị cho nên phần tử trí thức thường phải dựa dẫm vào bọn đạt quan quý nhân để làm bước thang tiến thân. Văn hay chữ tốt nhưng chỉ là công cụ của bọn hào quý.

Nhan Chi Suy viết gia huấn lưu lại cho con cháu đã hết sức thông mạt tính thượng khuynh qua nhân vật Trần Lâm. Ông nói người quân tử tuyệt giao không khi nào gây tiếng ác một ngày kia quỳ gối thờ người thật là một điều sỉ nhục. Trần Lâm ở với Viên Thiệu thì mắng Tào Tháo là lang sói, sang với Tào Tháo thì lại chửi Viên Thiệu là cua cáy. Tình cảnh ấy thật đáng lo cho văn nhân vậy. Do tâm chất thượng khuynh quá mạnh nên phần tử trí thức đành cam chịu cảnh:

Tung hoành chính hữu lăng vân bút.

Thủ ngưỡng tùy nhân diệc khả lân.

(Bút pháp tung hoành át cả mây trời.

Thế mà phải cúi đầu theo người thật đáng thương.)

Tính thượng khuynh vào cách mạng đã tạo nên người cách mạng kiểu Nguyễn Hữu Cầu chứ không tạo nên mẫu người như

Robespierre, nghĩa là cách mạng để đoạt ngôi vị không có cách mạng theo đuổi một lý tưởng, một ý hệ, một chủ nghĩa cách mạng, để thay đổi hoàn cảnh cá nhân không phải cách mạng cho một quan niệm sống.

Tư tưởng cách mạng của Nguyễn Hữu Cầu là làm loạn đã nảy sinh từ lúc ông còn đang đi học qua những lời đối đáp với thầy học:

Nếu Trần Bình làm tể tướng,

Ai cấm Hàn Tín xưng vương.

Nằm thì bốn phương yên gối chiếu.

Dậy thì thiên hạ sứt thịt da.

Nguyễn Hữu Cầu có người bạn học ngang tài mình là Phạm Đình Trọng. Bước ra đời Trọng vì là danh gia tử đệ nên bước vào chính quyền rất dễ dàng. Cầu với gốc tích dân dã chài lưới đương nhiên Cầu phải đi vào chính quyền bằng ngã khác. Khi nghe tin Tuyên Cừ nổi lên ở Chí linh, Cầu liền theo giúp. Thanh thế Cầu về sau mỗi ngày thêm lừng lẫy tự xưng là Đông Đạo Tổng Đốc Bảo Dân Đại Tướng. Cho đến lúc hoàn toàn thất bại, suốt quá trình khởi loạn của Cầu chỉ theo đuổi mục đích:

Ngọc tàng nhất điểm, xuất vi chúa nhập vi vương.

(Chữ ngọc dấu đi nét chấm, thờ lên thì là Chủ tể xuống là chữ Vương)

Thua trận bị bắt nhốt trong cũi Cầu có mấy câu thơ sau đây:

Bay thẳng cánh muôn trùng Tiêu Hán.

Phá vòng vây bạn với kim ô.

Giang sơn khách diệc tri hồ .

Những câu thơ ấy ngụ ý mong mỗi thoát thân hơn là ngụ ý mong một lý tưởng tự do .

Trái lại Robespierre chịu ảnh hưởng tư tưởng Rousseau lúc nào cũng say sưa với hoài bão thực hiện tư tưởng Rousseau kể cả lúc ông ở địa vị cao nhất. Chính vì quá khích với tự do Robespierre đã trở thành nhà độc tài của Tự Do, rồi hoài bão ấy cũng đưa ông lên máy chém.

Bởi tính chất thượng khuynh quá mạnh nên Thi Nại Am đã không thành công về sự miêu tả nhân vật Ngô Dụng một phần tử trí thức trên Lương Sơn Bạc .

Chế độ thi cử với phương châm học nhi ưu tắc sĩ (học giỏi ra làm quan). Triều đình căn cứ vào thi phú mà tuyển người nên ai nấy sống chết với văn thơ.

Thiên tử trọng anh hào.

Văn chương giáo nhi tào.

Biết nhân hoài bảo kiếm.

Ngã hữu bút như đao.

(Nghĩa là:

Vua quý trọng kẻ anh hào. Văn chương ta đem dạy các người. Thầy kẻ người kia mang bảo kiếm. Ta có cây bút sắc kém chi đao.)

Với quan niệm ấy, phần tử trí thức dần dần không coi tinh thần hiệp là yếu tố căn bản của phẩm đức nữa. Cái tâm hùng vạn phu của Lý Bạch chẳng còn, chỉ thấy cái mặt trắng của thư sinh trói gà không chặt, dài lưng tốn vải ăn no lại nằm.

CHỦ NGHĨA NHÂN VĂN ĐẠI TỰ NHIÊN VÀ CHỦ NGHĨA NHÂN VĂN TỰ DO

Nền tảng văn hóa và văn minh của Trung Quốc là nền tảng văn hóa văn minh nông nghiệp nên lý luận cơ sở nó là lý luận đại tự nhiên. Phần tử trí thức trải nhiều ngàn năm tuy có chuyển hình nhưng cũng vẫn ở trong cái vòng đại tự nhiên ấy thôi.

Trong thi ca của Đào Uyên Minh người ta tìm thấy khá đầy đủ lý luận đại tự nhiên này.

Vũ trụ quan của ông như sau:

- Trời đất không bao giờ diệt, sông núi chẳng bao giờ rời đổi.
- Vũ trụ vô tư, vạn vật tự lý (vũ trụ không biết thiên tư muôn ngàn hiện tượng đều tự xếp đặt lấy).
- Bốn mùa thứ tự đổi thay, phó cho tự nhiên.

Về xã hội quan ông nghĩ:

- Máy mầu ruộng với gian nhà cỏ, một rặng liễu rủ, một lũy tre xanh, vài khóm hoa nở, làn khói lam mờ, tiếng gà gáy sáng, ít người nông dân hiền lành.
- Hòa với thiên nhiên khai khẩn lao tác tìm cái sống.
- Sinh hoạt cốt sao cho thích ý hãy vui cho hết ngày hôm nay, ngày mai chưa cần gì vội.

Về nhân sinh quan ông nhận định :

- Vui với thiên nhiên.
- Thuận với thiên nhiên.

Đại tự nhiên là chân lý đã sẵn có trước mắt.

Tại Tây phương không như vậy, trong một thời gian khá lâu, tôn giáo Ki Tô giam buộc con người theo đuổi mục đích phượng thờ thượng đế. Không có gì thành tựu ngay trên trần tục này hết, sinh mệnh con người sẽ hoàn thành sau khi chết lên thiên đàng hay xuống địa ngục. Bởi thế phần tử trí thức phải đấu tranh giải phóng khỏi sự giam buộc đó bằng cách tìm tòi chân lý và đòi tự do.

Chủ nghĩa nhân văn phương Tây kiến lập trên hai hoạt động này cho nên phẩm đức trí thức là phẩm đức của một chiến sĩ tha thiết với tự do. Họ không bao giờ chịu thuận với thiên nhiên hay vui với thiên nhiên. Họ không vui khi được sống họ muốn suy tư và phê phán sự có mặt của họ trên cõi đời này. (*Ils ne se contentent pas de vivre, ils veulent penser leur existence* _ Raymond Aron).

Để chứng minh vũ trụ không phải do Thượng đế làm ra trong bảy ngày mà vũ trụ tạo dựng với quy luật vật lý, Copernic đưa ra lập luận trái đất quay chung quanh mặt trời Giáo hội liền bắt giam.

Bruno tiếp tục công việc của Copernic bị Giáo hội kết tội phù thủy đưa lên giàn thiêu. Galilée không sợ uy lực ngang nhiên theo gót Bruno.

Những thảm kịch của Corneille đều là thảm kịch của Tự Do (drame de la Liberté). Con người không lúc nào ngừng tìm đến Tự Do.

Trong cái tuyệt đối của Tự Do ý chí người ta tìm thấy vẻ đẹp và tính cao cả của con người. Cuốn Emile vừa ra đời nó bị hội nghị Paris lên án và đòi bỏ tù tác giả. Jean Jacques Rousseau phải trốn chạy sang Thụy Sĩ, chưa được bốn ngày, Hội Đồng Genève cũng lên tiếng kết tội cuốn sách với bản án y hệt rồi lần lượt nhiều nơi khác nữa. Hồi tưởng giờ phút bôn ba Rousseau viết: *Cả Âu Châu đang kêu gào nguyên rủa tôi với bộ mặt muốn ăn sống nuốt tươi chưa bao giờ có*. Giữa lúc ở Paris Giám mục Beaumont trong một bản tuyên giáo đưa ra từng điểm để bảo rằng cuốn Emile là cuốn sách hung dữ nhằm phá hoại đời sống và giáo lý công giáo.

Trả lời Beaumont, Rousseau viết:

"Tôi chỉ có một tín ngưỡng là lẽ phải và ngòi bút, tôi từ chối quyền quý của bất cứ người nào, tôi không khuất phục công thức của ai nếu tôi chưa nhận đó là chân lý".

Phần tử trí thức sản phẩm của cuộc đấu tranh chống thế quyền và thần quyền, chống tập đoàn tăng lữ và vua chúa quý tộc phong kiến hay nói khác đi là phần tử trí thức của chủ nghĩa nhân văn.

Tây phương thoát thai từ cuộc đấu tranh này có hai hình thái :

- a) Khoa học, đi vào vật chất để tìm chân lý,
 - b) Tự do, đi vào sinh hoạt xã hội và đời sống để tìm chân lý.
- (Tự do khi thể chế hóa vào chính trị là thể chế dân chủ)

Các khoa học gia mãi mê đi vào cái thế giới tân kỳ này nên ít trực tiếp làm chính trị, trong khi những phát minh khoa học lại ảnh hưởng cực lớn đến chính trị, nhưng chính trị tốt theo họ là thứ chính trị có thể đem đến cho họ một phòng thí nghiệm đầy đủ nhất. Nhưng số lượng khoa học gia ngày một tăng thêm tuy người phát minh không tăng mạnh lắm, nhưng người điều khiển và kiện toàn những phát minh khoa học thì đã gấp cả ngàn lần hơn cho nên Tây phương hiện đại có hiện tượng chính trị mới là hiện tượng thư lại chuyên viên (technocrate), thư lại chuyên viên đã trực tiếp giữ vai trò quan trọng trong các cuộc vận động chính trị của phần tử trí thức mới đây . (Sẽ nói kỹ hơn ở chương sau)

BIẾN TƯỚNG

Cũng như quan niệm thượng tầng xã hội đi xuống mạnh hơn ảnh hưởng hạ tầng xã hội đi lên đã có biến tướng là thượng khuynh tính, thì quan niệm tất cả cho Tự Do cũng có biến tướng của nó. Ngay từ lúc đầu của cuộc đấu tranh đã xuất hiện Sade hầu tước, mà danh từ văn học mệnh danh là lý thuyết gia của nổi loạn tuyệt đối (révolue absolue). Chẳng những chối bỏ Thượng Đế, Sade còn nhìn Thượng Đế như một kẻ giết người. Tác phẩm lớn của Sade là cuốn tiểu thuyết Justine. Trong ấy Sade kể: Justine chạy dưới trời đông tố và tên tội phạm Norceuil ngửa mặt lên Thượng Đế mà thề sẽ trở lại đạo nếu Justine không bị hành phạt, nhưng một tiếng sét đã đánh chết Justine.

Norceuil kết tội Thượng Đế là tên sát nhân, như vậy tất cả những điều lệ của Thượng Đế đặt ra từ trước đến giờ đều vô giá trị, như vậy chỉ có lòng ham muốn của chính ta là đáng kể. Sade đi đến chỗ điên cuồng gào thét giết người để thực hiện tự do. Để chống với tín điều trinh bạch (chasteté) của Ki Tô Giáo, Sade cổ vũ sự cuồng phóng lòng dục. Ảnh hưởng của Sade ngày nay rất lớn đối với phong trào Hippies hay người hoa (flower people) đang bành trướng . Hippies ngày nay không chống Thượng Đế nữa mà chống cái ngột thở của xã hội hậu công nghiệp vì hệ thống tổ chức quá chặt.

oOo

Dostoievsky hô lên: Tout est permis (Tha hồ hành động) bởi vì Thượng Đế và bất diệt là láo nên bây giờ con người chính là Thượng Đế.

Tha hồ hành động mở đầu cho trang sử của chủ nghĩa hư vô cận đại (nihilisme contemporaine).

Chủ nghĩa hư vô chế làm hai ngã:

- a) Con người làm Thượng Đế bằng "logique".
 - b) Con người làm Thượng Đế bằng ý lực siêu nhân.
- Ngã siêu nhân đã sản xuất ra chế độ Quốc Xã.

Trước hết hãy nói về cố gắng siêu nhân.

Năm 1884 Frederic Nietzsche ra đời. Ông trở thành triết gia danh tiếng với thuyết ý chí quyền lực và siêu nhân. Theo Nietzsche : *"Tất cả mọi đam mê đều đưa con người đến một cái gì. Đam mê có thể tàn phá những kẻ yếu hèn nhưng đam mê lại thêm sức mạnh cho người dũng cảm. Tội lỗi đức hạnh không tạo ra quyền uy hay sa đọa mà chính quyền uy hay sa đọa tạo ra đức hạnh hay tội lỗi. Thượng Đế chết rồi trên trái đất chỉ còn lại những siêu nhân. Nếu được làm siêu nhân dù trong giây phút thôi tôi cũng cam chịu tất cả"*. Những điều Nietzsche nói trong tác phẩm ảnh hưởng ghê gớm vào đầu óc thanh niên Đức. Ảnh hưởng ấy đã biến thành quyền lực vật chất xây dựng thành chế độ Quốc Xã. Lúc chế độ này thua trận, Hitler và Goebbels đều tự tử chết cùng với gia đình. Họ đã thực hiện cái chết đúng như lời Nietzsche nói :

"Ta gửi các người cái chết của ta, cái chết tự nguyện, nó đến với ta bởi ta muốn thế".

Thân phận trí thức

Chương Thứ Hai GIÁ TRỊ

Vào cõi Phật dễ, vào cõi ma khó

NHẤT HỮU THIỀN SƯ

Marx nói: " các triết gia từ trước đến nay chỉ mới suy nghĩ và diễn dịch cuộc sống qua nhiều lối khác nhau, nhưng điều quang trọng chính là phải làm thay đổi".

Người ta thấy rất ít người đi tới cùng công việc này

CĂN BẢN CỦA VẤN ĐỀ GIÁ TRỊ

Trí thức là quyền lực.

Với chính trị tính chất quyền lực càng nặng hơn.

Trong chính trị, trí thức chỉ có giá trị khi nào nó có thể biến thành quyền lực vật chất. Giá trị của phần tử trí thức trong chính trị cũng chỉ được thừa nhận theo tiêu chuẩn này.

Chính trị là một sự nghiệp thực tại tàn nhẫn và cam go, vận dụng trí thức để giải quyết bế tắc sinh hoạt xã hội, dọn quang chương ngại trên đường đi của lịch sử.

Căn bản giá trị của trí thức ở thực tiễn mà đến.

Căn bản giá trị của phần tử trí thức ở đấu tranh mà ra.

VAI TRÒ TRI THỨC PHẦN TỬ TRONG CÁC BIẾN CỐ LỚN CỦA LỊCH SỬ

Biến cố chính trị thường là kết quả của sự tranh chấp giữa tập đoàn đang nắm chính quyền và những người bên ngoài chính quyền. Tập đoàn tại quyền có hai thành trì bảo vệ:

a- Chính thống gồm những tổ chức và sức mạnh cai trị.

b- Đạo thống gồm những tổ chức chấn áp tư tưởng dùng tư tưởng đạo thống để bênh vực quyền cai trị hiện hữu.

Tập đoàn bên ngoài chính quyền thì khởi sự bằng phản kháng chống đạo thống rồi vận dụng tư tưởng tổ chức đối kháng với bộ máy thống trị nghĩa là đem trí thức biến thành quyền lực. Như vậy dẫn đầu các biến cố lớn hầu hết là một cuộc nổi loạn siêu hình (révolue métaphysique) nói theo kiểu Camus.

Để đánh đổ phần tử trí thức không thể không dựa vào một phần tử trí thức khác. Cuộc nổi loạn này có hai trận tuyến:

1- Tình cảm.

2- Lý trí.

Cả hai đều nhằm mục tiêu hủy diệt uy quyền chính trị của đối phương.

Ở đây phần tử trí thức là những người của từ ngữ (men of words), đi cao hơn bậc nữa họ là những người xây dựng lý thuyết (theoricien).

Để gây phong trào quần chúng phần nọ không thể không có những nhà thơ, nhà văn như:

Pouchkine, Ryleev, Tchelov, Gorki, Maiakovski. Những hùng biện gia như:

Fichte, Kakhovsky, Netcheev, Trozsky, Vanden Bruch.

Để chống lại lý thuyết vương quyền thần thụ của Bossuet, Cách Mạng Pháp không thể không có cuốn Xã Hội Khế Ước của Rousseau và Vạn Pháp Tinh Lý của Montesquieu.

Trước Cách Mạng Pháp, đa số dân chúng Âu Châu đều tin tưởng lời Bossuet nói:

- "Thiếu bàn tay Thượng Đế thì thế giới này sẽ rơi xuống vực thẳm, thiếu vương quyền thì xã hội này sẽ chìm vào hỗn loạn".

(Que Dieu retire sa main, le monde retombera dans le néant, que l'autorité cesse dans le Royaume tout sera en confusion).

- Phải nhìn cho rõ để thấy bàn tay Thượng Đế trong lịch sử nhân loại ở bất cứ nơi nào, tất cả những biến chuyển lớn lao của lịch sử đều tuân thủ các nguyên tắc thần học bao la khắp mọi nơi.

(Il fallait donc faire voir dans les différentes époques de l'histoire humaine dans la main de Dieu, il fallait que les grands faits de l'histoire se plussent à une interpretation universelle et théologique).

Muốn làm mờ Bossuet, Cách Mạng Pháp cần có cái tri thức lớn lao của Montesquieu. Do hiểu biết bao la của ông, ông đã chứng minh

cho mọi người thấy rõ lý luận thần học của Bossuet lỗi thời rồi. Trong cái thế giới chính trị ngày càng thêm phức tạp, biết bao nhân vật, biết bao xung đột, biết bao quyền lợi riêng tư đối chọi nhau, làm sao tìm thấy bàn tay Thượng Đế. Nhịp điệu thế giới biến chuyển theo với thủ đoạn, với mưu cơ của thực tế chính trị. Hàng trăm ngàn đầu dây mối rợ khó lòng mà nhìn nhận ra một nguyên tắc chỉ đạo như một mẫu số chung thì đương nhiên không thể đem chính trị thu hẹp vào nguyên tắc tẻ liệt của thần học. Chân trời lịch sử mở rộng, thế giới không còn là của Rome hay Jerusalem nữa. Á Châu, Phi Châu, Mỹ Châu đang đòi địa vị lịch sử của họ và dĩ nhiên không thể buộc họ vào sứ mạng Ki Tô. Vũ trụ không còn thu hẹp trong lối suy diễn thần học, nó đang tràn ngập và phá vỡ con đê lý thuyết Bossuet.

INTELLIGENTZIA

Tiền phong của cách mạng 1917 là những hoạt động trí thức. Từ những phong trào này sản sinh ra danh từ *Intelligentzia* (khoảng cuối thế kỷ 19)

Theo Nicolas Berdiaev thì người Tây phương đã nhận xét lầm *Intelligentzia* coi giống hệt *Intellectuel*. Thực ra nó rất khác biệt. Đây không hẳn là một tổ chức nhưng nó cũng không buông thả ai muốn làm gì thì làm như trí thức Âu Châu. *Intelligentzia* ở Nga sống gần như một tôn giáo nhỏ với giáo điều tập quán phong tục và hình dáng bề ngoài riêng biệt và có cùng một quan niệm vũ trụ nhân sinh. Đó là một tập thể sống theo lý tưởng không phân biệt nghề nghiệp giàu nghèo. Mới đầu họ là tầng lớp học thức rồi lan đến các công tử quý tộc, sau xuống đến các tiểu công chức, tiểu thương đôi lúc còn thấy cả nông dân nữa. Sơ khai vì không thể trực tiếp hoạt động chính trị, họ gói chính trị vào hoạt động văn học. Lâu dần các buổi hội đều là sự tụ tập để phê phán chính trị. Tinh thần của họ là tinh thần *Raskol* (tên tắt nhân vật tiểu thuyết của Dostoevsky, một sinh viên cấp tiến đã giết mẹ cầm đồ cay nghiệt tượng trưng cho thể chế bất công bấy giờ). Tinh thần *Raskol* là tinh thần cuồng tín.

Thái độ táo bạo đầu tiên của *Intelligentzia* là tước bỏ hết các quyền tôn giáo đối với họ. Raditchev đưa ra phương châm : Tâm hồn tôi bây giờ hướng cả về đau khổ của con người. Radichev tìm mọi cách để truyền bá tư tưởng Rousseau, Diderot, Voltaire. Tư tưởng của Cách Mạng Pháp vào Nga phá vỡ đức tin cổ truyền. Pestel viết cuốn *Vérité Russe*, một trong những đà móng của chủ nghĩa xã hội tại Nga.

Tinh thần *Raskol* cuồng nhiệt hơn sau việc chính quyền treo cổ những người cầm đầu vụ tháng 12 (*les décembriste*) là vụ nổi loạn mưu sát Nicolas 1er. Trong số người bị treo cổ có hai thi sĩ danh tiếng : Ryleev và Pestel.

Các phần tử trí thức *Intelligentzia* thề nguyện một mắt một còn với

chính quyền thống trị đương thời, họ chân thành nghe theo tiếng gọi của thi sĩ Releev:

Không thể có thỏa hiệp nào

Giữa bầy nô lệ với bạo chúa

Chúng ta hãy viết ngay những trang sử máu và vung gươm tiến bước.

Khắp dân gian những bản viết tay, in thạch lời cuối cùng của Kakhovsky người cầm đầu vụ Tháng 12, được truyền cho nhau đọc:

"Sổ tôi đã định đoạt. Tôi không than van, thản nhiên nhận bản cáo trạng. Sống hay chết với tôi gần như chẳng có gì đáng kể. Tôi không muốn nói đến tôi nhưng tôi muốn nói đến tổ quốc của tôi, nếu ngày nào tìm tôi còn đập thì tổ quốc mãi mãi là điều linh thiêng nhất. Tổ chức hội kín của chúng ta đã bị khám phá. Chúng tôi chống lại Ngài (chỉ Nicolas) với mục đích duy nhất là tiêu diệt bằng được cái gia đình đang ngự trị dù phải tắm trong máu để xây dựng một chính quyền nhân dân. Tôi say sưa trong tình yêu Tổ quốc, trong tình yêu Tự Do. Với tôi không có gì gọi là tội lỗi khi đấu tranh".

Và hình ảnh những bộ mặt thản nhiên bước lên dàn treo cổ đã thành những hình ảnh đẹp nhất. Trên ngôn ngữ hàng ngày, trên các sáng tác văn học, chính quyền được mệnh danh là chúng nó đối lại với chúng ta là Intelligentsia. Cái gì chúng nó tin thì chúng ta phải phỉ nhổ, cái gì chúng nó cho là giá trị thì chúng ta khinh rẻ. Tất cả đều tập trung vào sự giải phóng con người trên thế gian, giải phóng thợ thuyền tạo điều kiện sinh hoạt mới, tiêu hủy hết thầy thành kiến, mộ đạo, mê tín, lệ luật trói buộc và thứ nhất là thứ tư tưởng "trên trời", thứ tư tưởng làm cho nô lệ, thứ tư tưởng đánh cắp hạnh phúc nhân loại.

Đà cuồng tín lên cao, để cung ứng cho cuồng tín có một đường hướng khởi rơi vào vực sâu yếu thế(?) lãng mạn Netchaev sáng tác cuốn : Kinh Bồn Cách Mạng (Cathechisme Révolutionnaire) ấn định một tinh thần mới :

"Chỉ biết cách mạng, cách mạng thay thế Thượng Đế. Lấy luật lệ cách mạng làm nguyên tắc sống, lấy sức mạnh sắt thép hoạt động. Người cách mạng không còn tình cảm, quyền lợi, công việc, liên hệ riêng tư nữa. "

"Cái xã hội khốn nạn này phải phân chia ra làm nhiều loại: loại thứ nhất là bọn phải đem hành hình ngay, trước hết là những kẻ nguy hại trực tiếp cho tổ chức cách mạng. Bằng lối giết chóc tàn nhẫn luôn luôn rình rập chúng ta có thể làm lung lay chánh quyền thống trị bằng cách tiêu hủy những tay sai khôn giỏi của nó ".

Hưởng ứng lời khuyên của Netchaev là hàng loạt vụ khủng bố khắp nơi, nhiều nhân vật cao cấp chính quyền và tay sai từ thành thị đến thôn quê bị giết (ngược lại tổ chức cách mạng cũng bị chính quyền sát hại khá đông).

Khủng bố biến chất trở nên bừa bãi, thường vì lý do cá nhân thù

hận khiến cho mọi người mất tin tưởng và chán ghét. Khủng bố làm cho cách mạng gần thành người mất trí. Nhìn thấy nguy cơ này, A. D. Mikhaïlov viết một số bài luận về ý nghĩa của tổ chức và kỹ thuật hoạt động bí mật. Theo Mikhaïlov thì:

"Làm việc vô tổ chức là lãng phí sức mạnh"

"Kỷ luật, phương pháp tự chế, làm việc đều đặn, chu đáo đúng giờ giấc đó là những đức tính mới rất cần cho người cách mạng trong giai đoạn hiện thời".

"Tất cả mưu đồ chính trị đều phải loại bỏ được mọi bất ngờ may rủi mới có thể thành tựu. Phải tổ chức, tất cả bí quyết thành công ở đây".

Tư tưởng Mikhaïlov tạo nên nhiều vụ làm chấn động tâm lý toàn quốc, nhất là vụ theo đuổi giết vua Alexandre Đệ Nhị. Bị nhiều lần chết hụt, Alexandre phải trốn chạy, tăng cường canh gác xa lánh xung quanh, nghi ngờ đồ ăn thức uống. Dân gian thích thú truyền khẩu nhau: Alexandre ra lệnh như một vị bạo chúa nhưng run rẩy như một tên nô lệ. Tư tưởng Mikhaïlov có ảnh hưởng lớn, nhưng không đi ra ngoài phương pháp và hoạt động khủng bố. Cách mạng vẫn nguyên vẹn là những âm mưu tụ tập ít người nhỏ hẹp cho đến khi một chuyện quan trọng xảy tới. Ngày 9 tháng 1 năm 1905 dưới sự lãnh đạo của cha Gapone, chừng hơn trăm ngàn thợ thuyền từ Saint Petersburg biểu tình tiến về lâu đài Mùa Đông. Họ không mang khí giới, họ nắm tay nhau hát bài : Xin Thượng Đế phù hộ cho Tsar. Cha Gapone đưa lời thỉnh cầu lên Tsar Hoàng:

"Chúng tôi không đòi hỏi chi nhiều. Chúng tôi chỉ xin được làm việc 8 giờ một ngày, xin tăng tiền công hàng ngày lên một đồng rúp. Xin hãy cứu dân chúng và hãy phá bỏ hàng rào ngăn cách giữa dân chúng với Ngài."

Tsar Hoàng rời bỏ Saint Petersburg, quyền hành trao trọn vào ít tướng lãnh, giám đốc công an và Quận Công Vladimir. Quân đội hạ lệnh bắn, đám người biểu tình ngã xuống như sung rụng. Tổng kết có 500 người chết, 3000 người bị thương, đàn bà con trẻ la liệt trên đất, máu đổ nhuộm hồng màu tuyết.

Tại Genève trong căn gác tối, Lenine nhận được tin và nhìn qua biển cố này ông nhìn thấy một trời ánh sáng hy vọng cách mạng đã tràn vào quảng đại quần chúng. Ông nghĩ lòng hăng say và căm hận đã nổi dậy trên khắp nước, nếu còn thiếu gì chỉ là thiếu lý luận đấu tranh, kỹ thuật đấu tranh. Lenine tự cho mình có bổn phận cung ứng những thứ đó. Thế là hàng loạt văn phẩm do Lenine viết thành hình, chúng đã giúp cho cuộc đấu tranh rất nhiều. Cùng lúc ấy một bộ óc khác cần thiết cho Cách Mạng Tháng Mười và đã đóng góp nhiều công lao là bộ óc của Léon Bronstein tức Trotsky cũng hoạt động dữ dội.

Malaparte khi nhận định về Lenine có viết câu này:

"Lenine était survenu pour donner une logique au peuple Russe"

(Lenine hiện ra, đem cho dân tộc Nga cách luận lý.)
Câu ấy thật không có chi quá đáng.

VŨ KHÍ SẮC BÉN CỦA TRÍ THỨC PHẦN TỬ.

Bất cứ vận động chính trị nào, bất cứ phong trào quần chúng nào cũng đều khởi sự bằng một thiểu số quyết tâm chiến đấu và bất cứ cuộc khởi sự nào cũng bắt đầu bằng các hoạt động phá hoại uy tín đối phương, kẻ thống trị sẽ bị mất lòng tin tưởng (l'ordre existant est tombé en discret). Ngược lại nếu chính quyền không quét sạch sức mạnh kẻ phản kháng để buộc phải vâng lệnh mình cứ để tình trạng phá hoại uy tín lan rộng là thua.

Sự mất uy tín hay uy quyền chính trị không hẳn do ở những hành động sai lầm hoặc những quá lạm của kẻ cầm quyền mà bởi sự phê phán sắc nhọn của đối phương, của những người có khả năng hiệu triệu đặt vấn đề quá lạm và sai lầm ấy để vạch vòi ra hình ảnh thối rữa và bất lực. Nếu không có những phê phán nguy hiểm ấy thì kẻ thống trị dù quá lạm gấp đôi, sai lầm gấp đôi cũng không bao giờ tự nó sụp đổ cả. Bởi lẽ ấy Tào Tháo mới nhìn thấy cái nguy hiểm của Dương Tu, Tháo giết Dương Tu là nhận ra cái tài phê phán tinh tường của Dương Tu. Chỉ có Tu là biết đến lòng đến ruột của ông, giết Dương Tu là giết mầm mống ác hại.

"Công việc tiền phong để đánh phá những thể chế thống trị, để quần chúng muốn đổi thay, để quần chúng chấp nhận một tin tưởng mới là công việc của những nhà văn, những nhà hùng biện tài giỏi, có danh tiếng".

(Le travail préliminaire tendant à saper les institutions existantes, à familiariser les masses avec l'idée du changement et à créer en faveur de la nouvelle Foi un état de receptivité, ne peut, être accompli que par les hommes qui sont d'abord et avant tout, des orateurs ou des écrivains et qui sont reconnus comme cela par tout le monde).

Eric Hoffer viết tiếp :

"Và những người cuồng tín (người hành động) chỉ nhảy vào cuộc chiếm giữ chính quyền khi nào trật tự, uy quyền cũ đã bị bất tín nhiệm, đã không được quần chúng nghe theo nữa."

(Les fanatiques ne peuvent entrer en scène et prendre le pouvoir que si l'ordre existant est tombé endiscredit et a perdu l'audience des masses).

Do tính chất nguy hiểm của phê phán mà trên chính trị có vấn đề tư tưởng và không chế tư tưởng. Vấn đề này bao giờ cũng trái ngược như trắng với đen, giữa thực tế và ước mong. Ai cũng ước mong tự do tư tưởng nhưng khi ngò vào thực tế chính quyền là thi hành không chế tư tưởng. Thậm chí ngay cả trên tư tưởng cũng mang nặng chủ trương không chế tư tưởng nữa.

Khổng Tử nói:

" Nếu đạo của ta không được thực hành ta sẽ chèo thuyền dạo chơi ngoài biển, có Tử Lộ cùng đi với ta".

Thật là một phong độ phóng khoáng vĩ đại, nhưng đồng thời nó cũng chỉ là một phong độ mong ước lý tưởng thôi. Thật thế, ngay các đồ đệ trực tiếp thụ huấn Khổng Tử như Tử Hạ, Tử Trương đã nghĩ khác rồi.

Tử Hạ nói : "Có thể thì ta chơi với, không thể thì ta cự tuyệt" .

Tử Trương : " Khác với ta, ta lấy thái độ quân tử dung chúng. Không dung người thì không phải kẻ hiền. Người cứ việc cự lại ta, ta có gì mà phải chống với người đâu ".

Đến như ông Mạnh Tử thì cái chuyện khổng chế tư tưởng tăng lên cao nhiều lắm. Ông mắng Trần Trọng Tử là con dun, sỉ vả Hứa Hành là cái lười con vẹt miền Nam, công kích phái Dương, Mặc là súc sinh.

Lénine và tập đoàn của ông đã mang sinh mạng mình vào cuộc đấu tranh cho giai cấp vô sản thoát ách độc đoán của chế độ Tsar Hoàng, nhưng khi nắm được chính quyền rồi ông dồn tất cả tâm lực vào việc xây dựng chế độ vô sản chuyên chính (dictature du prolétariat).

Lénine và tập đoàn của ông cũng đã từng rất say sưa với những bài thơ trong sáng Tự Do của Pouchkine và Ryleev nhưng khi thực sự bước vào cách mạng mỗi lần đề cập đến hai chữ Tự Do ông thường nói : "Ở chỗ nào có Tự Do thì chỗ ấy không thể có nhà nước".

Lúc chế độ Cộng Sản đã thiết lập ở Nga, một nhà báo Ý sang Nga hỏi Lounatcharsky Ủy Viên Giáo Dục rằng : Những người Bôn-Sê-Vích sẽ đối đãi ra sao với loại người như nhân vật Candide của Voltaire hay loại người thấm nhuần tư tưởng Niezstche?

Lounatcharsky thản nhiên đáp:

"Chúng tôi sẽ không để bọn đó sinh sôi nảy nở."

Câu trả lời đó cho thấy Lounatcharsky thực thụ là một "léniniste".

Mấy chục năm trước Cách Mạng Tháng 10, Pouchkine, Gogol, Ogarioff, Bielinski v.v... cùng chung sức xây kiến thiết cho nước Nga một tinh thần tự do. Gió Cách Mạng Pháp thổi tới. Tinh thần Tự Do nảy nở trong lòng mỗi người để trở thành quan niệm tôn thờ Tự Do cá nhân. Lénine nhận thấy với tinh thần ấy cuộc cách mạng C.S. Nga không thể nào thành tựu được. Lénine cho rằng : những ảo tưởng nhân đạo, lý tưởng dân chủ, chủ nghĩa ái quốc lãng mạn, những ước vọng tự do của người "décembriste" không đủ khả năng chống trả với tổ chức đàn áp cách mạng, cho nên ông chối bỏ, ông xây dựng một quan niệm cách mạng khác. Lénine không hứa với dân chúng Nga hai chữ Tự Do mà kêu gọi trả thù và hòa bình. Với đám nông dân Lénine không hứa Tự Do mà sui dục rửa hận và ruộng đất. Với thợ thuyền ông không hứa Tự Do mà gào thét báo

oán nắm chính quyền. Ông nhìn rõ chân tướng tình cảm lê thê và lý trí rụt rè của phần tử trí thức lúc đó. Đã có lần Lénine nói với Kamenev :

" Đồng chí tin người ta có thể làm cách mạng mà không xử bắn ai hết sao?"

Để biện hộ cho việc ông đã nghĩ đúng điều cần thiết cho lịch sử, một lần ông thổ lộ với nhà văn Maxime Gorki:

" Sự độc ác tàn nhẫn của tôi sau này mọi người sẽ hiểu và tha thứ."

BA MẶT CỦA PHÊ PHÁN.

Phê phán một thể chế thống trị có ba mặt :

- Phê phán tinh thần, đạo đức. (critique morale)
- Phê phán chuyên môn, kỹ thuật (critique technique)
- Phê phán ý hệ hay phê phán lịch sử (critique historique ou idéologique)

Phê phán tinh thần đạo đức là chống lại những bất công, những sa đọa, những bế tắc trong quan hệ người với người như nhà viết kịch vĩ đại Ibsen ngụ ý trong các vở kịch của ông. Ông nhìn xã hội Norvège bấy giờ như một xã hội gồm toàn con người "nhân thân thú diện" (kịch "When the dead awaken"), trai ăn cắp gái làm đĩ. Gia đình người Norvège đầy bệnh hoạn, tự tử, tự lợi, ỷ lại, nô lệ, giả đạo đức (kịch "La maison des poupée"). Ở các vở kịch khác ông mở cuộc tổng công kích vào ba thế lực lớn nhất là pháp luật, tôn giáo, đạo đức. Với pháp luật ông vạch vòi sự gian lận của nó, tình cảm chết cứng độc ác bất cổ nhân tình của nó, pháp luật là sự lừa đảo những người cô thế. Với tôn giáo, Ibsen chế riếu nó qua nhân vật Rosmersholm, vị linh mục bỏ đạo chạy theo thế lực vật chất. Mất hết lòng tin Chúa, linh mục gia nhập đảng Tự Do nhưng đảng Tự Do lại buộc linh mục không được từ bỏ chức vụ tôn giáo, công tác của ông là hầy lợi dụng tôn giáo lôi kéo mê hoặc giáo dân làm lợi cho đảng. Với đạo đức, Ibsen chua sớt đưa vào vở kịch "L ennemi du peuple" một người bị cả xã hội xua đuổi nhân danh đạo đức, dân chúng vì áp lực và gian tạo của cường quyền mà sôi nổi phỉ báng kẻ vì mình mà tranh đấu. Bằng vở kịch "Wild duck" ông nhìn nhận rằng những phần tử anh hùng của xã hội không còn nữa, chúng bây giờ đã được nuôi béo vỗ về nên bằng lòng cái kiếp chim lồng cá chậu, mà quên hẳn sông hồ mây trời.

Thời kỳ Tưởng Giới Thạch cai quản Trung Quốc có rất nhiều vở kịch được nhiệt liệt hưởng ứng chứa mũi dùi phê phán cuộc sống khốn khổ dưới chế độ Tưởng đáng kể như:

- Lôi Vũ của Tào Ngu phơi bày tội ác của gia đình phong kiến, tình trạng ngột ngạt khó thở của cái sinh hoạt áp bức lừa dối.
- Nhật Xuất của Tào Ngu nói lên hy vọng của một ngày mai đẹp đẽ sau cái chết âm thầm của cô gái nhảy đáng thương Bạch Lộ.
- Hồng Thủy của Điền Hán lấy cảnh lụt mà diễn tả nỗi ai oán của

một gia đình nông dân. Đói khổ ông lão đã lừa lúc con dâu và cháu ngủ để tự trảm dành phần cơm manh áo cho cháu.

- Văn Yếu của Viên Mục Chi kêu gọi nổi dậy đấu tranh nếu không thì chỉ là tấm tối, ngục tù, chết chóc.

Phê phán lịch sử hay ý hệ là xét lại toàn bộ xã hội hiện đại để đặt định một xã hội tương lai, phong kiến, trung cổ giáo quyền được thay thế bằng dân chủ tam quyền phân lập, tự do bình đẳng v. v... Những tác phẩm lớn thuộc loại phê phán này có thể lược kể như sau;

- Quân Vương (Le Prince) của Machiavel.
- Sáu tập luận về nền cộng hòa của Jean Bodin.
- Leviathan của Thomas Hobbes.
- Triết học chính trị rút tĩa từ Thánh Thư của Bossue.
- Khảo Luận Về Chính Quyền Dân Sự của John Locke.
- Vạn Pháp Tinh Lý của Montesquieu.
- Xã Hội Công Ước của Jean Jacques Rousseau.
- Lực Lượng Bình Dân của Sieyès.
- Diễn Văn Tập Về Quốc Gia Đức của Fichte.
- Nền Dân Chủ Tại Mỹ của Roqueville.
- Tuyên Ngôn Của Đảng Cộng Sản của Karl Marx.
- Điều Tra Chế Độ Dân Chủ của Charles Maurras.
- Cảm Nghĩ Về Bạo Lực của Georges Sorel.
- Nhà Nước Và Cách Mạng của Lénine.
- Mein Kampf của Adolf Hitler.

oOo

Phê phán kỹ thuật là chỉ trích những chính sách, những biện pháp của chế độ vì bất lực, vì không thích nghi nên tạo ra sự lệch lạc, hỗn độn, tổn phí nguy hiểm.

Phê phán thuộc loại này thường thấy trên báo chí, trong các cuộc hội họp, hoặc ghi lên bảng qua hình thức biểu ngữ v.v... Giá trị của phê phán chỉ có thể tạo nên sức mạnh khi nó thu thập được sự hưởng ứng và đồng tình, mỗi ý kiến mỗi tư tưởng nêu ra là đều có những "môn sinh" quy tụ, hay làm xúc động tâm lý số đông. Tào Ngụ lúc nào cũng chú trọng vào pháp bảo " phải làm cho khán giả phổ thông bị hấp dẫn". Quần chúng chính trị chẳng có gì khác quần chúng kịch trường, người viết kịch cũng như người phê phán chính trị đều phải nhìn nhận quần chúng là sinh mệnh của chính trị cũng như quần chúng là sinh mệnh của kịch trường.

SÁNG TẠO VÀ GIÁO DỤC.

Không phải chỉ có sáng tạo là quan trọng.

Giáo dục cũng quan trọng không kém.

Phần tử trí thức được phân công hai nhiệm vụ đó. Alfred Sauvy viết

:

" Có hai loại tài năng, một gieo giống một để cho sinh nở".

(Il y a deux sortes de génies l'un qui avant tout engendrer et veut engendrer, l'autre qui aime à se laisser féconder et qui enfante.)
Giáo dục là sự môi giới giữa quần chúng với lịch sử, giữa quần chúng với tiến bộ, giữa quần chúng với trật tự. Thất bại trên giáo dục tức là thất bại toàn bộ. Chính với giáo không tách rời nhau cũng như cách mạng và huấn luyện phải gắn liền.

Nếu ta đặt câu hỏi : Lịch sử xây dựng bởi trí thức phần tử?

Trong phạm vi cục bộ thì lịch sử xây dựng bởi anh hùng hào kiệt, nhưng trên toàn chính thì lịch sử được xây dựng bởi phần tử trí thức. Sinh hoạt là kế tục thích ứng muốn thích ứng với hoàn cảnh mới tất phải điều chỉnh nội bộ và ngoại bộ, nhiệm vụ điều chỉnh nằm trong tay giáo dục nghĩa là nằm trong tay phần tử trí thức. Lãnh đạo quyền là gì? Là chỉ sự nắm vững nguyên lý giáo dục. Hỗn loạn và lạc hậu bao giờ cũng là miếng đất tốt cho ác thế lực và hèn yếu nảy nở. Kẻ vô sĩ làm quan to không đáng sợ bằng kẻ vô sĩ đi giảng dạy học vấn. Thời kỳ tối tăm nhất lịch sử thấy đều là thời kỳ giáo dục phá sản, lịch sử chỉ lại sáng sửa khi giáo dục khởi sắc. Cái cảnh tung bừa phần khởi, dưới những gốc đa, những tàn muồm, ở làng Quang, làng Mộc, làng Bưởi, các ông già bà cả, các thanh niên trai gái chăm chú nghe lời giảng của các vị sáng lập ra Đông Kinh Nghĩa Thục chính là dấu hiệu cho hy vọng quật khởi vậy.

Thân phận trí thức

Chương Thứ Ba THÂN PHẬN

*Chính bởi cái bản chất nhả
quí mà phần tử trí thức khi
dấn thân vào thực tế tàn nhẫn
thường bị gạt ra ngoài để mang
cái hình hài thất bại. Hình hài
của Phan Đình Phùng trước bộ
mặt vô sĩ của Hoàng Cao Khải,
hình hài của Antonio Mella trước
vẻ đắc thắng của tên độc tài
Machado (Cuba), hình hài của
Maiakovsky trước tiếng cười
ngạo nghễ của loại Prissyphine,
hình hài bần hàn trước thái độ
huyênh hoang của bọn bạo lợi.*

HAI CHIỀU THÂN PHẬN

Nói đến thân phận phần tử trí thức cần xét trên hai chiều của thân phận.

- 1) Thân phận cái tôi riêng lẻ.
- 2) Thân phận liên quan đến giai cấp.

oOo

*Thân vô thái phượng song phi dực,
Tâm hữu linh tê nhất điểm thông.*

Thân phận cái tôi riêng lẻ của phần tử trí thức bắt đầu bằng con người lý tưởng, vì con người lý tưởng đó mà phần tử trí thức thường bất lực trong cuộc đấu tranh thực tế, tâm chất linh thông nhưng lại không có đôi cánh của con phượng hoàng đầy chính là bi kịch của thân phận trí thức.

Tối cao lý tưởng chính trị phương Đông về vấn đề trị bình thiên hạ là làm sao cho mỗi người đều thành thánh nhân. Thánh nhân chỉ là một điển hình một phạm trù chung cho mọi người. Chính trị không thiên lệch về phía ứng phó với hiện thực, mà chính trị là công cụ lý tưởng để hoàn thành văn hóa nhân sinh. Nếu đem chính trị thoát ly toàn thể con người, đem chính trị vì tâm chất lý tưởng quá hoả biến thành không tưởng, phần tử trí thức không mang vào chính trị cái lạc thú chính trị mà chỉ mang vào cái lạc thú nhân sinh, cho nên phần tử trí thức đối với chính trị vẫn hằng có cái làm của Đường Tam Tạng.

Đường Tam Tạng phải dục vào Tôn Hành Giả cũng như nhân loại cần phải được chính trị bảo vệ. Tôn Hành Giả quay quắt có 72 phép biến hình. Nhờ Tôn Hành Giả nên Đường Tăng mới qua khỏi nhiều nguy nan mang kinh về. Chính trị biến hóa vô lường có thần thông quảng đại mới đối chọi với bọn Ngưu Ma Vương ở Hỏa Viêm Sơn, cự địch với quạ ba tiêu của Thiết Phiến Công Chúa. Đường Tăng chẳng lúc nào không cần thiết có Tôn Hành Giả, cũng như nhân loại không thể thiếu chính trị dù phút chốc. Đường Tăng cũng biết vậy, nhưng do lý tưởng thúc đẩy Đường Tăng đã có lần đuổi Tôn Hành Giả đi. Lần ấy là lần Tôn Hành Giả dùng phép quạ chết Bạch Cốt Phu Nhân, Đường Tăng chỉ trông bề ngoài tốt đẹp của Bạch Cốt Phu Nhân mà không biết là con tinh đội lốt nên cho rằng Tôn Hành Giả làm một công việc táng thiên hại lý nên nhất định vất bỏ Tôn Hành Giả. Đến khi Đường Tăng đi vào khu rừng tùng đen bị quái Hoàng Bào vây hãm không làm sao ra thoát, vô kể Đường Tăng phải cho mời Tôn Hành Giả.

Tâm chất lý tưởng và không tưởng khiến cho phần tử trí thức dễ tuyệt vọng với hiện thực chính trị. Cái chết của thi sĩ Vladimir Maiakovsky là một điển hình. Maiakovsky thuộc thế hệ tiền phong của Cách Mạng Tháng 10.

Vì cầm đầu vụ bãi công, Maiakovsky bị đuổi ra khỏi trường Cao Đẳng Mỹ Thuật rồi bị tù. Được gọi rửa bởi nhà giam, thơ

Maiakovsky sáng lên với giọng điệu công phá chế độ đưa chàng trở thành nhà thơ cách mạng.

Cách mạng thành công, trong dân chúng lưu truyền rộng rãi câu thơ :

Với tất cả sức lực của thơ,

Ta xin hiến dâng

Cho giai cấp nổi lên mà reo hò tấn công

Nhưng cũng chính Maiakovsky là người đầu tiên tuyệt vọng với chế độ mới. Bởi Maiakovsky trong sạch quá nên chàng không thể chịu đựng nổi sự đau lòng khi trông thấy các chiến sĩ Cộng Sản đang tìm cách tư sản hóa, sự ngộp thở của bộ máy quan liêu đồ. Chế độ mới không chấp nhận thiên tài dù cho thiên tài ấy đã từng là kẻ dẫn đầu xây dựng chế độ.

Ngày 14 tháng 4 năm 1930, Maiakovsky vừa tròn 36 tuổi lấy súng tự bắn vào đầu, trước đây ba năm là nhà văn Essinine chết tương tự.

Tại sao các chiến sĩ xã hội, chiến sĩ Cộng Sản cùng lúc lại là bọn côn đồ bóc lột, thích tư hữu. Càng nặng với chủ nghĩa xã hội bao nhiêu lại càng ham vợ vét bấy nhiêu. Tại sao thế?

Đó là câu hỏi mà Dostoievsky nêu ra, bây giờ nó như nhát búa đập suốt ngày đêm trong đầu óc nhà thơ trẻ tuổi. Đâu đâu Maiakovsky nhìn thấy bộ mặt tên Prissipkine (nhân vật kịch đại biểu cho người cán bộ Cộng Sản ham giàu sang trong vở *"Lũ Rệp"* của Maiakovsky). Bây giờ chàng mới hiểu : Chủ nghĩa, lý thuyết, lý tưởng Cộng Sản là một chuyện nhưng đảng Cộng Sản với cái guồng máy quan liêu nặng áp bức lại là chuyện khác. Người ta chỉ có thể là Cộng Sản thuần túy và từ giả đảng để rồi rơi vào tình trạng cô đơn bất lực.

Maiakovsky buồn nản nhận xét nông dân thợ thuyền vẫn rách rưới trong khi các chiến sĩ Cộng Sản đầy quyền uy đi trong xe hơi lồng lẩy, ở tại các lâu đài của Tsar Hoàng.

Cái chết của Maiakovsky là một thảm kịch chính trị. Mặc dầu nhà đương cục tung tin Maiakovsky tự sát vì bị khủng hoảng tinh thần, ông sợ mình đã cạn nguồn sáng tạo, chẳng ai tin.

Không dừng được, Staline phải lên tiếng:

"Maiakovsky mãi mãi là nhà thơ vĩ đại tài ba của kỷ nguyên Xô Viết chúng ta".

Tâm chất lý tưởng và không tưởng biến người trí thức thành

Abélard bị thực tế hay thực quyền hoạn thien.

Abélard giáo sư đầu tiên có những tư tưởng cấp tiến của thời Trung Cổ Pháp, ông dạy thần học ở nhà thờ Đức Mẹ Paris và ở đây ông sáng lập chủ nghĩa Duy Danh (Nominalisme), ông được nhiều thanh niên Âu Châu tán thưởng. Lúc ấy (1116) quyền tu viện còn mạnh lắm, Giáo Hội không mấy ưa tư tưởng của Abélard.

Héloise vừa mười chín tuổi, nàng mới tốt nghiệp trường nhà dòng và ở với chú là Fulbert quý tộc phong kiến. Héloise đẹp lắm lại nổi

tiếng trí thức.

Abélard vận động đến dấy Héloise về môn triết. Hai người yêu nhau. Xã hội thế lực phản đối cuộc tình này. Abélard và Héloise bất chấp, họ cùng nhau bỏ trốn sự nghiệp bỏ trốn gia đình. Họ muốn tìm tự do trong tình yêu. Họ muốn chứng minh tình yêu không phải là kết quả của trái cấm của quỷ cám dỗ. Một đêm kia, Abélard đang nằm ngủ, bỗng số đông người ập tới đè cứng Abélard mà thiến. Đau khổ Héloise xin vào tu viện còn Abélard bị kẻ thù săn đuổi cho đến phút cuối cùng. Thượng Đế nhất quyết trừng tội cả hai.

Tâm chất lý tưởng và không tưởng đẩy phần tử trí thức vào tình trạng một kẻ lưu đầy, họ lạc lõng trong cuộc đời thực tế bao vây bởi ngàn vạn phi lý như các nhân vật của Albert Camus (L'exil et son Royaume, L'Étranger) họ là những con thuyền say giữa cuộc đời. Hình dáng người trí thức đã được các nhà văn lớn miêu tả như Trofimov trong vở kịch Vườn Anh Đào (Le cerisaie - Antoine Tchekov), mảnh khảnh, đôi mắt buồn rười rượi, mắc bệnh lao nên không kể nóng rét lúc nào cũng có chiếc khăn quàng quấn cổ, thể xác yếu ớt nhưng tinh thần lại tràn đầy sức sống.

- Như Pierre trong tiểu thuyết Chiến Tranh và Hòa Bình (la guerre et la paix - Leon Tolstoi) đại lượng, suy tư tha thiết không thể gần gũi với xã hội quí tộc thối nát.

- Như Mychkin trong tiểu thuyết "Kẻ Đần Ngù" (L'Idiot - Dostoievsky) trong sạch và ngờ ngác trước những bản thủ của đời. Đôi khi những "con thuyền say đó" trở thành cuồng sĩ thầy đồ ngông, hoặc họ tự nhận chìm mình trong thú vui ma túy.

NGŨ ĐỘC THƯ

Nếu ai đã từng nghiên cứu về khoa tượng số đều phải biết câu này:

Nhất mệnh

Nhị vận

Tam phong thủy

Tứ âm công

Ngũ độc thư

Người đọc sách hay là phần tử trí thức đã rớt xuống hàng thứ năm không phải là hàng thứ nhất như các nhà trí thức vẫn lầm tưởng đâu. Người đọc sách rớt xuống hàng thứ năm nghĩa là đọc sách có giỏi vẫn thua thằng số tốt, vận tốt, mồ mả tốt và âm đức tốt.

Trên thực tế điều này rất đúng nhưng theo khoa học xã hội người ta có thể giải thích hiện tượng ấy mà không căn cứ vào số tốt, mồ mả tốt, và âm đức tốt. Từ trước tới nay đa số thường nhận lầm phần tử ưu tú (élite) với phần tử trí thức (intellectuel) là một. Dĩ nhiên phần tử trí thức là phần tử ưu tú mà phần tử ưu tú không hề là phần tử trí thức. Nên không quan niệm được rõ rệt sự khác biệt giữa ưu tú và trí thức rất khó lòng nhận biết tường tận thân phận trí thức.

Danh từ ưu tú để dịch chữ élite ở đây không được chính cho lắm nên cần phải nói thêm rộng cho rõ nghĩa hơn. Ưu tú trong quan niệm của chúng ta qua thói quen thường kiêm nhiệm cả cái nghĩa phẩm hạnh nữa, còn ưu tú ở đây xin hiểu bằng sự loại bỏ phẩm hạnh rồi thu nó vào nghĩa tài giỏi trên mặt nào đó. Đọc chuyện Đông Chu Liệt Quốc hồi Mạnh Thường Quân trốn ra khỏi cửa ải Hàm Cốc, lúc đó trời chưa sáng mà quân thù nghịch thì đã đuổi đến nơi. Mạnh Thường Quân lo lắng nhìn các mưu sĩ xung quanh mình xem có kế gì thoát khỏi chằng? Các vị trí thức mưu thần ngơ ngác hỏi nhau, rút cuộc ai cũng chịu bó tay. Bỗng có hai người tiến lên nói mỗi người có một sở trường đặc biệt khả dĩ cứu cơn nguy nan này, một người biết bắt chước tiếng gà gáy và một người biết chui dậu rất giỏi. Mạnh Thường Quân y kế cho hai người chui ra ngoài cửa ải cất tiếng gà gáy, gà các nơi thi nhau gáy theo, quân sĩ canh gác tưởng đã sáng rồi mở các cửa ải, Mạnh Thường Quân thoát. Đời sau gọi chuyện ấy là chuyện "Kê minh cầu dậu" ý chỉ những người tài vật.

Sự so sánh tuy không chải chuốt lắm vì nó hãy còn quá thiếu sót, nhưng nó cũng giúp ít nhiều hình tượng để nhận thức danh từ ưu tú (élite) ở đây. Sau đây là những định lý mà một nhà xã hội học Ý đưa ra để làm tiêu chuẩn phân biệt đối với phần tử ưu tú, Paréto tuy có luận điệu khinh bạc nhưng rất đúng sự thật. Ông viết:

Bây giờ hãy đưa ra một giả thuyết là phê điểm về khả năng của mỗi cá nhân trong từng ngành hoạt động xã hội như ta phê điểm bài vở học sinh.

Tỉ dụ : một luật sư nổi tiếng đông thân chủ phê 10 điểm, con số "không " thì dành cho kẻ hoàn toàn ngu (les idiots).

- Người kiếm nhiều tiền bạc (lương thiện hay bất lương không thành vấn đề) phê 10 điểm. Người kiếm chừng vài trăm ngàn phê 6 điểm và người chỉ kiếm đủ hai tay vầy lỗ miệng cực nhọc phê một điểm, số không dành cho kẻ ăn xin.

(Nếu Paréto mà sống ở Saigon ngày nay, ông sẽ nhìn thấy phần tử tinh hoa trong giới ăn xin, lưng vốn chừng mười vạn bạc cho vay lấy lời).

- Tên lưu manh chuyên sống nghề lừa đảo mà chưa lần nào mắc kẹt bị bỏ tù, phê 8 hoặc 9 điểm, tùy theo con mồi nó đã săn được và số tiền kiếm được. Tên ăn cướp vặt dăm bảy trăm rồi rơi vào tay cảnh sát phê 1 điểm.

- Một nhà thơ được xưng tụng như Musset phê 8 hay 9 điểm và phê cho kẻ làm thơ con cóc 1 điểm.

- Các "bà lớn" kiểu Aspasia de Peridès, Maintenon (de Louis 14), Pompadour (de Louis 15) đã từng dùng tình nhân quyền thế để tạo địa vị làm mưa làm gió cho mình phê 8 hay 9 điểm. Còn các bà được Vua yêu, chúa dẫu một thời rồi bỏ rơi chẳng được hưởng chút

tầm tiếng lợi lộc phê 0 điểm.

Muốn diễn nôm na định lý Paréto, có thể đưa ra một hình ảnh của xã hội mà chúng ta đang sống hiện tại. Mỹ ào ạt đổ sang V.N., Mỹ cần tài xế lái xe cho các cơ sở tiếp vận, các phần tử ưu tú của ngành hoạt động này tổ chức nhảy dù hàng Mỹ kiếm cả chục triệu bạc, trong khi các tài xế khác vẫn lương ba cọc ba đồng. Đem anh chàng tài xế thành công kia đặt cạnh một phần tử trí thức nào đó, trên bình diện tư tưởng trí thức, người tài xế thua sút hẳn, nhưng trên một mặt khác, phần tử trí thức phải chịu kém vế, và trong trường hợp phần tử trí thức lại nghèo nữa thì càng hiện lên cái cảnh bần hàn trí thức bên cạnh huênh hoang của ưu tú bạo lợi.

Hai vị bác sĩ, một vị giỏi xoay hành nghề bơm mông bơm vú kiếm gấp mười lần vị bác sĩ lọc cọc cho đơn thuốc hàng ngày. Anh chàng bác sĩ bơm vú bơm mông là loại ưu tú của giới bác sĩ.

Những người mà Paréto phê nhiều điểm nhất đa số thuộc hai loại :

a) Quỷ quyết (chuyên rình rập cơ hội đoạt quyền đoạt lợi bất cần gia đình tổ quốc, tôn giáo nhưng lại rất giỏi về môn lợi dụng các lý tưởng đó. Bọn này sống quay quắt không sợ thay đổi, hỗn loạn vì họ luôn luôn đủ sức phụ họa với thời thế mới).

b) Táo bạo (chuyên xông xáo, phiêu lưu làm đã rồi mới nghĩ tỉ dụ kẻ đi tìm vàng tìm mỏ dầu ở miền Tây Hoa Kỳ, bọn lính đánh thuê tại Katanga.)

Trong mọi cuộc đấu tranh, phần tử trí thức và phần tử ưu tú cùng đứng hàng tiền phong, nhưng rồi dần dần phần tử trí thức bị đẩy lui để mang cái hình hài thất bại.

Phần tử trí thức mãi mê với chân thiện mỹ nên đã trở thành kẻ lưu đầy trong cuộc sống, họ thiếu những gì cần thiết để sống trong xứ ma.

Phần tử trí thức đa số là loại người thiên hướng về lý tưởng, mặc dầu họ không phải không nhìn thấy thực tế, nhưng nhìn để mà chối bỏ, để mong bắt nó vào lý tưởng cho nên họ rất yếu khi đối diện với sự phũ phàng của thực tế.

Đó cũng là một điều giải thích cái thói quen nếu phải nhận giữa Hitler và Thomas Mann ai là trí thức thì người ta nghĩ ngay Mann, giữa Kroutchev và Pasternak thì Pasternak, giữa Henry Ford và Scott Fitzgerald thì Fitzgerald mặc dầu chẳng ai nghĩ rằng Ford, Hitler và Kroutchev là bọn vô trí thức. Trotzky nhổ bọt vào tay Staline khi Staline chìa tay ra chào đó là lý tưởng muốn biểu lộ sự khinh khi cái tàn nhẫn của thực tế. Trotzky bị Staline đánh bại bỏ nước ra đi đó là điều chứng minh thất bại của mẫu người trí thức khi đối trọi với mẫu người hành động.

THAY BẠC ĐỔI NGÔI

Mỗi biến động xã hội, biến động lịch sử đều có sự lưu hành của các phần tử ưu tú (circulation des élites). Ca dao nước ta có câu:

Trời làm một trận lãng nhăng,

Ông xuống làm thằng, thằng lại lên ông.

Hai kẻ tiền phong ưu tú và trí thức mỗi kẻ đóng vai trò quan trọng ngang nhau, kẻ nói người làm, người nghĩ kẻ thực hiện họ sát vai bên nhau chiến đấu chống kẻ thù chung.

Đình Trường Lưu Bang và tập đoàn giang hồ Phong Bái đứng bên trí thức Trương Lương, Tiêu Hà, Tào Tham.

Bảo tiêu Lưu Bị, Quan Công, Trương Phi liên kết với Khổng Minh, Phụng Sồ, Từ Thúc.

Con người lão luyện Tào Tháo kết tập với Quách Gia, Giả Hủ, Tuân Úc.

Hồng Tú Toàn có Tiền Giang làm phò tá.

Trên Lương Sơn Bạc có ông tú Ngô Dụng.

Lưu Bang mà không có Trương Lương, Tiêu Hà chắc chắn khó lập thành cơ nghiệp Hán. Trương Lương, Tiêu Hà không phò Lưu Bang chắc chắn suốt đời chỉ là thư sinh bất mãn.

Khổng Minh không có Lưu Bị tắt quanh năm năm co thôn dã, Lưu Bị thiếu Khổng Minh thì chẳng bao giờ làm vua đất Thục.

Sát cánh như thế, nhưng khi sắp lại ngôi thứ quyền bính, phần tử trí thức bao giờ cũng đứng thụt xuống. Lưu Bị tuy ba lần gọi tuyệt đáp mưa châu chực nơi ngôi nhà lá của Gia Cát Lượng, gặp lúc Gia Cát đang ngủ phải chấp tay đứng chờ, rốt cuộc khi cùng nhau lo việc nước thì Lưu Bị là vua còn Khổng Minh là bầy tôi.

Trí thức đứng thụt xuống là vì là vì trí thức hay so đo cho nên kém dũng khí, theo Từ Lương Chi thì đấy cũng là cái lý do tại sao ở lịch sử Trung Quốc phần tử trí thức chỉ làm đến tể tướng thôi mà lưu manh nhiều lúc lên ngôi hoàng đế.

Trường hợp trí thức kết hợp với hành động trên một con người như Lenine, Mao Trạch Đông, Mustapha Kemal, Tào Tháo rất hiếm và lại dù có thế thì cái địa vị tột đỉnh của họ vẫn do con người hành động mà ra. Trong quá trình diễn biến từ trí thức sang quyền lực để thực hiện kẻ làm đã hơn thưng người nghĩ.

Goethe nói : "Nghĩ thì dễ, làm mới khó, làm được những điều mình nghĩ lại càng khó hơn". Phần tử trí thức có một nhược điểm lớn là muốn tính trước tất cả nhưng rồi không tính trước được tất cả nên trù trù không dám hành động. Nhược điểm này tạo thành ngôi vị thứ năm của người đọc sách vậy.

BỊ NGƯỢC ĐÃI VÀ BỊ ĐỒ SÁT

Tô Đông Pha nhiều lần bị giáng chức và bị lưu đầy vì chống không lại với tập đoàn chính trị Vương An Thạch, ông chán chường với thân phận trí thức bằng bài thơ sau đây:

*Nhân gia dưỡng tử yêu thông minh.
Ngã bi thông minh ngộ nhất sinh.
Đản nguyện sinh nhi ngu thả lỗ.
Vô tai vô nạn đáo công khanh.*

Nghĩa là:

Người ta nuôi con, mong con thông minh, như ta đây thì thông minh chính là một điều làm to cho đời ta. Ta chỉ mong sinh ra đứa con vừa ngu vừa lỗ mãng. Như vậy nó vẫn có thể làm quan to mà không bị tai nạn khốn khổ.

Sứ mạng của trí thức là đi tìm chân lý và phê phán. (L'intellectuel a mission de chercher la vérité et de juger). Chính vì phải thực hiện sứ mạng này mà phần tử trí thức bị bạc đãi và bị đồ sát.

Chính vì mang sứ mạng này mà phần tử trí thức đã bắt với một loại thói quen là thường xuyên đối lập.

Phê phán tất đưng chạm, kẻ ngồi tại quyền dù ở lãnh vực nào cũng thế rất không hài lòng và với chỉ trích và phê phán bao giờ. Họ sẵn sàng nếu có cơ hội hoặc sẽ cố tạo ra cơ hội để tiêu diệt phê phán. Kẻ ở tại quyền thù hận phê phán phần tử trí thức như thế nào? Hãy đọc những lời của Barrès:

"Không có gì đáng ghét bằng lũ trí thức nửa mùa tự nhận làm những tay quý tộc tư tưởng, tự cho ta khác xa với đám quần chúng tanh hôi... Bọn ấy đúng là rơm rác mà xã hội đang cố gắng tạo thành tinh hoa. Những thiên tài thiếu thán, những tâm hồn bị đầu độc đáng cho ta thương như lũ heo, người ta đưa về viện Pasteur để thử thuốc điên rồ. Đương nhiên người ta phải hạ chúng không thì cũng giam nhốt chúng."

Trung Quốc có danh từ "văn tự ngục" để chỉ sự việc vì văn chương mà bị giam cầm. Văn tự ngục là thân phận trí thức thời phong kiến, văn nhân tham dự hoạt động chính trị, các chính trị gia đã tâm một mặt triệt để lợi dụng họ, mặt khác lại triệt để ghét bỏ họ. Tần Thủy Hoàng định thiên hạ xong, liền thi hành chính sách đốt sách chôn nho. Lấy cớ là bọn nho sĩ thường đem cái xưa cũ ra để chống chế bài bác cái mới mẻ. Lưu Bang bãi thị phần tử trí thức, ông thường nói: "Trẫm được thiên hạ trên lưng ngựa việc gì trẫm phải quý trọng bọn đọc sách làm thơ." Minh Thái Tổ còn ghét phần tử trí thức hơn nữa, ông lo ngại văn nhân dùng văn chương lưu truyền những vụ phản bội của ông, cùng gốc gác hòa thượng của ông. Chỉ một chút nghi ngờ thôi, ông đem bỏ ngục liền.

Phê phán của phần tử trí thức nguy hiểm và khó chịu như nọc độc của con bọ cạp. Lấy một tỉ dụ kể sau đây: Nước Tống có một người tên Tào Thương, vua phái y đến nước Tần, y đi với vẻ mặt muôn phần đắc ý. Tào Thương giỏi nịnh hót lắm cho nên đến nước Tần, Tần Vương cấp cho ba bốn cỗ xe. Tào Thương vênh vác gặp ai cũng khoe, có lần y đến chơi ông Trang Tử nói bốc giời "mới năm trước đây tôi sống hết sức cơ cực dật dạp cỗ *sinh nhai, mặt võ vàng*

tiêu tụy, ở nơi ngõ hẹp mà bây giờ khác hẳn, trong phút chốc được vua một nước lớn thưởng thức cho hàng trăm cỗ xe, thiết tưởng con người đặc ý chỉ đến thế là cùng".

Trang Tử cười nói:

Tôi nghe vua Tần có bệnh trĩ, mời thầy đến chữa thầy nào chữa khá thì cho cỗ xe, nếu tận tâm hơn lấy lưỡi mà liếm chỗ trĩ thì cho đến năm cỗ lận, như tiên sinh vua Tần ban tới trăm cỗ xe chắc cũng đã liếm trĩ nhiều lần lắm nhỉ.

Tào Thương xấu hổ mặt đỏ như. Trang Tử nói nhỏ : "*Thôi tiên sinh, tôi xin tiên sinh khoác lác ít chứ.*" Thứ nọc độc phê phán ấy gây thành thù hận giữa phần tử trí thức với kẻ đương quyền. Thù hận mặc, phê phán vẫn cứ phê phán, người trí thức thà chịu đồ sát ngược đãi chứ không chịu thiên hạ ngó lơ mình. Chân hành tẩu đã làm Cao Bá Quát bức dọc, ông tự coi như bị thờ ơ lãnh đạm nên bằng hai câu phê phán thi đàn của Tự Đức:

Ngán thay cái mũi vô duyên.

Câu thơ Thi Xã con thuyền Nghệ An.

để buộc thiên hạ chú ý đến mình. Cũng từ đó cái họa chu diệt nhà họ Cao nảy mầm.

Người trí thức thà chịu ngược đãi chứ không chịu không nói lên sự thật. Milovan Djilas dù đã ở ngôi vị phó chủ tịch nhà nước (Nam Tư) ông vẫn viết cuốn Giai Cấp Mới để vào ngòi trong tù.

Đối với kẻ cầm quyền Djilas và Cao Bá Quát đáng hận ngang nhau.

SÁT LONG CHI BỒI

Sách Trang Tử chép:

Có người tên là Chu Bình Man chí lớn lắm muốn học điều gì khác thiên hạ, tìm kiếm mấy năm mới tìm ra ông thầy tên là Chi Ly Ích rất giỏi về khoa giết rồng. Chu Bình Man mừng quá, đến bái tôn làm tôn sư.

Chi Ly Ích đem tất cả bí quyết giết rồng dạy Chu Bình Man. Người họ Chu cũng cực chăm chỉ học, ông bán hết gia nghiệp quyết thành tài chẳng ngại tốn phí.

Thành tài rồi, gặp ai họ Chu cũng nói về cách giết rồng, mổ rồng, cắt tiết, móc mắt lọc xương rồng thế nào. Khốn nỗi chưa ai trông thấy rồng bao giờ nên mọi người chỉ cười. Chu Bình Man vẫn hứa hẹn sẽ có một ngày giết rồng cho bà con xem để mà khâm phục tuyệt kỹ duy nhất trên đời. Nhưng ngày đó chẳng bao giờ tới với người họ Chu.

Đa số phần tử trí thức cũng chịu thân phận giết rồng của Chu Bình Man mà ôm tài năng lạc lõng bơ vơ giữa cuộc đời, cuối cùng đem theo nó vào hòm chôn xuống đất. Là phần tử trí thức với nhiệm vụ hiểu trước biết trước, họ phải đi ra ngoài những tầm thường để tự đứng vào cái thế thiểu số (je suis de ces intellectuels pour qui le rôle est d'être dans la minorité _ Drieu La Rochelle). Karl Marl là một người giết rồng vĩ đại, cuốn Tuyên Ngôn Của Chủ Nghĩa C.S. thời

đó thực là mọi kỹ thuật giết rồng tuyệt diệu. Lạc lõng bơ vơ, người trí thức đau khổ vì bất lực không thay đổi được thực tại, nhưng thực ra ảnh hưởng của nó rất lớn. Nhiều chính khách đã từng là học trò của các vị giáo sư, đã chịu ảnh hưởng của các văn phẩm. J.F. Kennedy luôn luôn nhắc đến Harold Laski. Rất nhiều điều giảng dạy ở đại học đã được đem áp dụng vào hành chính. Chủ nghĩa kinh tế "Keynessienne" từng bị chê bỏ năm 1935 nhưng đến năm 1955 nó lại là kinh điển cho tư bản mới, là khuôn vàng thước ngọc của các nhà lãnh đạo Tây phương. Rồng không mấy khi hiện ra cho con người có thuật giết nó được tỏ tài năng.

THÂN PHẬN GIAI CẤP

Trí thức phần tử thuộc giai cấp tiểu tư sản đó là một sự thật. Hồ Thu Nguyên viết: đại đa số phần tử trí thức có thể nói là ở giai cấp tiểu tư sản vì lẽ kẻ phú quý không đọc sách, người nghèo khổ không có phương tiện đọc sách, cho nên người đọc sách hầu hết xuất thân từ những gia đình "tiểu khang".

Jean Kanapa viết: Nguồn gốc xã hội của phần tử trí thức bây giờ một phần là tư sản nhưng đại đa số thuộc về giai cấp trung sản, tất cả những phân tích về trí thức phải khởi từ điểm này.

Sự thật ấy đưa lên chính trị, Cộng Sản nhận định trí thức tiểu tư sản như là một trọng tội vì tâm lý hay giao động, dễ phản bội và không vững lập trường giai cấp. Trong khi phát xít và chủ nghĩa Mac Carthisme đối đãi với phần tử trí thức bằng chủ trương : Hoặc người phải làm tay sai cho ta, hoặc ta cho người vào tù, ta đốt hết sách của người. (Ou vous serez mes agents ou je vous jette en prison et brule vos livres).

Phần tử trí thức trên phương diện giai cấp đã có một đời sống đầy mâu thuẫn thù nghịch từ mọi phía. Còn sự thật nữa mà không ai có thể phủ nhận là chính đáng: những phần tử thuộc giai cấp tiểu tư sản ấy đã là tiền phong của Cách Mạng Tháng Mười, ai dám nói Lenine, Trotzky không phải là trí thức tiểu tư sản? Cũng lại chính những phần tử tiểu tư sản ấy đã là những rường cột bảo vệ cho thống trị tư sản, ai dám chối bỏ thân phận trí thức tiểu tư sản của Hitler của Mussolini?

Phần tử trí thức thuộc giai cấp tiểu tư sản đó là một sự thật, nhưng thù nghịch đối với phần tử trí thức lại bắt nguồn từ từ một sự thật khác : đó là mâu thuẫn thường xuyên giữa kẻ thống trị và kẻ bị trị, người tại quyền người tại dã, kẻ ở trong chính quyền và kẻ ở ngoài chính quyền; ở đây trí thức lúc nào cũng là quyền lực đáng sợ nếu nó lãnh đạo được phía bị trị nổi lên. Đổ lỗi lên đầu phần tử trí thức mục đích tạo nên tâm lý tự ti và ý thức phạm tội để biến họ làm công cụ cho quyền thống trị. Nếu đem so sánh chủ trương của Phát Xít : "Hoặc nhà người làm tay sai cho ta, hoặc ta cho người vào tù." Với chủ trương của Lenine:

"Văn học phải là văn học của Đảng. Đảm bảo bọn văn học vô đảng,

đào đả những siêu nhân của văn học".

(La littérature doit devenir une littérature de parti. À bas les littératures sans parti, à bas les surhommes de la littérature).

Người ta thấy nó chẳng khác nhau bao nhiêu.

Cả hai đều làm công việc cần thiết lúc nào cũng thấy trên chính trị đó là hoạt động "định ư nhất" (uniformity) bằng cách khống chế tư tưởng, bằng cách đào tạo một đội ngũ trí thức mới.

Quan hệ của phân tử trí thức và chính quyền trong chính trị

Có hai loại:

a/ Quan hệ bình thường là hợp tác,

b/ Quan hệ biến thái là mâu thuẫn.

Chính quyền với phân tử trí thức hợp tác tất quốc gia hưng thịnh, ổn định.

Chính quyền với phân tử trí thức mâu thuẫn tất quốc gia suy vong, bạc nhược (nhu yếu một cuộc cách mạng)

Khi người đọc sách tuyệt vọng với tình thế là lúc đất nước khởi sự phục hưng.

Trên đại thể lịch sử, phân tử trí thức bao giờ cũng là đại biểu của quảng đại quần chúng với nhiệm vụ kháng độc, bảo vệ an định.

Những quan kiện lớn lao của chính trị quá nửa do phân tử trí thức gánh vác.

Nếu người đọc sách còn giữ được hoạt lực và trí tuệ thì gốc nước không lay chuyển.

Nếu người đọc sách lãnh đạo điều hòa giới hiện thực thì quốc thể cường thịnh.

Nếu người đọc sách còn tự tin đoàn kết nhất chí thì dù cho văn hóa có suy kiệt vẫn hy vọng cứu vãn.

Có bốn tình hình nguy hiểm như sau:

a) Chính quyền nhục bách trí thức, giam cầm trí thức làm cho lực lượng trí thức còi cọt.

b) Chính quyền hủ bại khiến cho chính bản thân trí thức cũng hủ bại hay phân hóa chân giả.

c) Đội ngũ trí thức cũ tan rã, trí thức mới chưa thành đội ngũ.

d) Chính quyền hoàn toàn không được phân tử trí thức hợp tác.

WITHDRAW AND RETURN

Là một quy luật lịch sử do nhà sử học Toynbee xướng xuất, nghĩa là thoái ẩn và trùng lai. Lịch sử như nước thủy triều dâng rồi rút xuống. Rút xuống do thoái lạc của chính quyền hủ bại, dâng lên do lực lượng mới nổi dậy kết quả phấn đấu của phân tử trí thức.

Cuộc phấn đấu nổi dậy (trùng lai) này hiện trên ba mặt vận động:

1) Ngay tại trung ương có những vị trung liệt, tuấn đạo.

2) Tại dân gian giáo dân hóa tục gìn giữ sinh mệnh văn hóa quốc gia.

3) Tổ chức chủ lực phục hưng đề xướng phương hướng mới, học vấn mới, tinh thần mới.

Thân phận trí thức

Chương Bốn - Chuyển hình kỳ Phần Hai - VẬN ĐỘNG

*Sự cường thịnh phồn vinh của
quốc gia không phải chỉ đạt tới
bằng quân hùng tướng mạnh,
sự suy lạc của quốc gia không
phải là suy lạc của vũ lực.
Nguyên nhân tạo ra hưng suy
có nhiều mặt, văn hóa, chính
trị, kinh tế, quân sự kết tụ
với nhau như dây xích, một
mắt xích lỏng lẻo là khiến tất
cả rã rời*

Chuyển hình kỳ là gì?

Lịch sử có những chuyển hình kỳ. Thế giới đầu thế kỷ 19 là một chuyển hình kỳ. Do công nghiệp phát triển ở Âu Châu ảnh hưởng đến đông phương làm cho lịch sử đông phương chuyển theo tạo thành chuyển hình kỳ. Nước ta cuối đời Tự Đức quốc thể chuyển suy là một chuyển hình kỳ. Pháp lên thống trị là một chuyển hình kỳ. Tháng tám 1945 là một chuyển hình kỳ. Tháng sáu 1954 đất nước phân chia là một chuyển hình kỳ v.v... Lịch sử chuyển hình dẫn các mặt sinh hoạt khác chuyển hình. Quan hệ phần tử trí thức với lịch sử rất hệ trọng, chuyển hình kỳ của trí thức phần tử mang nhiều quyết định cho vận mạng lịch sử. Chính bởi lẽ đó nên giáo sư Fichte mới nói: Cuộc cải tạo nước Đức, là Luther (la réforme allemande, c'est Luther).

Sinh mệnh lực của quốc gia là phần tử trí thức, nói thế không có nghĩa là đặt vấn đề tâm vật. Vấn đề ấy ngày nay đã quá lỗi thời rồi. Bây giờ không còn phải là lúc đưa ra hai thái cực một là tư tưởng

Tự Do, bình đẳng, hai là sưu cao thuế nặng bóc lột để giải thích cho cách mạng Pháp theo hai chiều nữa, cũng như không ai còn cần và vô ích để biết gasoline hay tia lửa làm cho ô tô chạy. Và tất cả đã đồng ý nếu không có cả gasoline và tia lửa thì chẳng ô tô nào chạy cả, cũng như không có tư tưởng và sinh hoạt thực tế thì cũng chẳng làm gì có lịch sử. Vả lại ở trên đã nói, nay xin nhắc lại, trong chính trị, trí thức chỉ có giá trị khi nào nó có thể biến thành quyền lực vật chất. Giá trị của phần tử trí thức trong chính trị cũng chỉ được thừa nhận qua tiêu chuẩn này.

oOo

Louis Bodin viết : Trí thức sinh xuất bởi Đại học. Các trường đại học là nguồn gốc phân phát cho tinh thần nhân loại một mô thức giáo huấn, truyền đạt và bày tỏ. Nếu chỉ dùng đại học như Bodin thì quá hạn chế, vậy phải nói thay bằng phần tử trí thức được sản xuất từ các nơi giảng học. Một tủ sách cũng có thể là nơi giảng học nếu người đọc sách thấu hiểu và tự giảng cho mình. Một tiểu tổ nghiên cứu cũng là một nơi giảng học. Tuy nhiên khi ngành ấn loát chưa phát triển, khi những phương tiện học tập và truyền bá còn quá thiếu, thì vai trò đại học (université) quả là rất hệ trọng.

Thời kỳ Trung cổ Tây phương, những trường dòng và trường đạo nắm độc quyền mọi nghiên cứu, tư tưởng mới được viết tay chừng vài chục cuốn được đóng kỹ lưỡng và chừng vài trăm người được quyền tham khảo.

Thời kỳ này được gọi là thời kỳ quan học và tăng học. Giai cấp giáo sĩ, giai cấp quý tộc thống trị nắm trọn quyền học vấn.

Khoảng giữa thế kỷ 13 các trường đại học Âu châu gặp gỡ nhau và trao cho nhau những tư tưởng mới lạ. Xung đột giữa trí thức già trẻ gây thành phong trào phản y qui (anticonformisme) hay phản truyền thống (antitraditionalisme). Phái trẻ nổi lên chế giễu xã hội tôn giáo, ca tụng phong tục tự do. Người ta đọc thấy tư tưởng này trong những thi phẩm của Rutebeuf hay tiểu thuyết Roman de la Rose của Jean de Meung(Meun?)

Thế kỷ thứ 14 và 15, có sự biến chuyển lớn của phần tử trí thức.

Khắp Âu châu ngoài văn hóa đại học còn phát triển văn hóa đại chúng. Ở cấp đại học, chủ nghĩa tự nhiên (naturalisme) lan tràn mạnh, tất cả khao khát tìm tòi mới mẻ và tất cả ngờ vực những uy quyền bí hiểm của thần thánh.

Kỹ thuật ấn loát phát minh làm đảo lộn sinh hoạt văn hóa. Sách thay thế cho bản viết tay làm cho số người đọc tăng mau. Người trước tác không phải sống bám các thể lực quyền quý nữa. Họ có thể độc lập sáng tác, trí thức phần tử có thể sống bằng nghề sáng tạo hay truyền bá tư tưởng.

Thời kỳ này lịch sử mệnh danh là thời kỳ Phục hưng về mặt tôn giáo còn gọi là thời kỳ cải tạo (Réforme). Rabelais, Montaigne, Ronsard, Luther, Calvin là những ngôi sao sáng lúc ấy.

Âm mưu chính trị của Richelieu trong việc thành lập Hàn lâm viện là muốn công chức hóa trí thức phần tử, cho trí thức một ngôi cao để biến họ thành công cụ chính quyền. Nhưng phần tử trí thức mỗi ngày mỗi đông và nhu cầu khai sáng mỗi lúc càng mạnh. Hiểu biết lan đến đâu, dân chúng đòi giải phóng đến đó. Diderot viết bài về con người (Homme) trong cuốn Bách khoa, treo lá cờ tuyên chiến đầu tiên với thần quyền, vũ trụ không ở tay thượng đế mà ở trong tay con người. Nhà triết học Kant đưa ra khẩu hiệu Sapere aude (Hãy bạo dạn phê phán).

Thế kỷ 18, chủ nghĩa Voltairisme, tư tưởng Rousseau ngự trị, các nguồn học vấn đều đổ về xây dựng chủ nghĩa nhân văn. Cho đến nay chủ nghĩa nhân văn ấy đã trải qua những thời kỳ lãng mạn, phóng nhiệm, tự nhiên, xã hội. Hết thấy các chủ nghĩa trên đều đắm mình trong không khí tái tạo nhân loại bằng chính con người (La régénération de l'homme par l'homme).

Chuyển hình kỳ của phần tử trí thức Trung Quốc

Hãy bắt đầu lịch sử vận động của phần tử trí thức Trung Quốc bắt đầu từ thời đại Xuân Thu và Chiến Quốc bởi lẽ giai cấp sĩ chỉ thực sự thành hình và học vấn thực sự phổ cập vào thời đại này, bởi lẽ kể từ nhà Chu thiên sang Đông, Trung Quốc đã trải qua một đại biến hóa trên chính trị, văn hóa, kinh tế.

Chiến tranh và thương nghiệp kinh tế là những lực lượng hữu hình đẩy cho băng hoại xã hội phong kiến. Đồng thời hai lực lượng ấy lại sản sinh ra lực lượng vô hình văn hóa mới. Khi lực lượng vô hình này biểu lộ tức là sự xuất hiện giai cấp sĩ và sự phổ cập của học vấn. Từ Tây Chu đến Xuân Thu, chính trị hoàn toàn là công việc riêng của quý tộc, công việc của các vương công đại nhân, cha truyền con nối kế tiếp nhau cai quản. Nhưng từ Xuân Thu đến Chiến quốc thì chính trị luôn luôn xảy ra các vụ dưới đoạt trên. Ban đầu chư hầu không nhận vương thất, rồi đại phu không nhận chư hầu, rồi gia thân (thần?) không thừa nhận đại phu. Tôn pháp mất dần uy quyền. Hơi một chút là đòi đánh nhau. Muốn tranh thắng phải nhiều vũ sĩ cho nên mới có câu "đắc sĩ giả xưng thất sĩ giả vong". Sĩ như vậy khởi sơ vốn là con nhà võ. Tuy nhiên vũ lực không phải là vạn năng, vũ lực phải được lãnh đạo bởi học thuật, đâu đâu cũng khát vọng chân tài học vấn. Quý tộc không đủ cống hiến loại nhân tài học vấn đó, đương nhiên muốn giang sơn tồn tại tất phải phá luật lệ về việc dùng người nghĩa là không hạn chế trong phạm vi quý tộc nữa. Bách lý Hề, Tôn Thúc Ngao, Quản Trọng thấy đều xuất thân từ đám bình dân.

Do phỉnh nịnh của ngôi vị, quý tộc bỏ học vấn cho bình dân thừa kế. Do thói nát của quyền thế, quý tộc sa đọa thất đức, lễ nghĩa phép tắc tàn rụi, bình dân phải đứng lên tiếp nối sinh mạng quốc gia bằng nền tảng đạo đức mới để cứu đời. Liệt quốc cạnh tranh nên bình dân thông qua trí thức mà tham dự chính trị, cướp chính trị từ tay quý tộc, từ nay chính trị hết còn là việc của các vương công đại nhân.

Tàn thống nhất, đốt sách chôn nho.

Đời sau chỉ biết việc Tàn Thủy Hoàng tiêu diệt trí thức nhưng không biết trước đây hai mươi năm nước Tần là trung tâm hoạt động của phần tử trí thức mà chính nhờ trung tâm đó Tần mới mạnh để tiêu diệt lục quốc thống nhất sơn hà.

Lý do hai mươi năm sau Tàn Thủy Hoàng hạ lệnh đốt sách chôn nho là phần tử trí thức chủ trương một nước dân chủ đại đồng, chính quyền không chịu nhất định dùng vũ lực khống chế tư tưởng. Biện pháp dùng vũ lực phân chia phần tử trí thức ra làm hai giới

tuyên và xóa bỏ thái độ khoan hòa hào hiệp khinh thị chức quyền của thời kỳ chiến quốc xa xưa. Giờ đây chỉ còn lại kẻ a dua xu phụ bạo chính với người chống đối bạo chính. Phe chống đối phần đông là những phần tử lý tưởng tiếc nuối thời oanh liệt "đi dép cỏ đội nón lá nghênh ngang vào gặp chư hầu". Phe xu phụ toàn thị những người chủ trương đặt lại trật tự kỷ cương cho thời thế mới. Phe chống đối chê phe xu phụ là tự tiêu diệt cái chí khí của phần tử trí thức để đánh bóng cái uy phong của đế vương, đã đi vào âm mưu "dùng sĩ chế sĩ" của bạo quyền. Phe xu phụ chê phe chống đối là khuấy loạn và vô dụng không biết đến nhu yếu mới của thời thế. Trong khi đó thì Tần Thủy Hoàng cùng dòng họ ông lại nghĩ khác, ông cho rằng chỉ cần lấy uy, lợi danh mà câu nhử là có thể muốn làm cái gì cũng xong. Vì nghĩ thế nên Tần Thủy Hoàng càng ngày càng bạo ngược, ông giết luôn cả những phần tử trí thức theo ông thành lập trật tự mới, theo ông vì muốn thực hiện một chính sách. Phần tử trí thức nhất loạt phản kháng, họ bỏ về các nơi thôn dã, rừng sâu tụ tập, giảng dạy rồi vũ trang đấu tranh. Kết quả Tần triều sụp đổ. Lưu Bang tranh thiên hạ thắng Hạng Võ lập nên nhà Hán.

Phần tử trí thức thời Tây Hán.

Học giả đời Tây Hán, trên truyền thống tinh thần không mấy khác Chiến Quốc, nhưng vì hình thể xã hội thay đổi nên ảnh hưởng tới tính cách và ý thức phần tử trí thức rất lớn. Chiến quốc là lúc liệt quốc phân tranh, phần tử trí thức tham gia chính trị không phải chịu sự trói buộc của một pháp chế nhất định nào. Đi dép cỏ đội nón lá gặp vương hầu thuyết phục xong là nắm tướng ấn. Lúc ấy chẳng cứ quốc vương trọng hiền lễ sĩ, ngay các đại gia quý tộc nghe danh cũng ngưỡng mộ. Kẻ sĩ thời Chiến Quốc được ưu đãi khi tác khách ở nhà các vương công đại nhân, họ mặc áo đẹp, đi xe tốt đeo bảo kiếm nhàn du. Bởi thế phần tử trí thức Chiến Quốc trên sinh hoạt thật là phóng túng, lãng mạn khoáng đạt không bị câu thúc, sáng Tần tới Sở tung hoành.

Chính phủ đại nhất thống của Tần của Hán thành lập, phong kiến quý tộc lần lần bị tiêu diệt. Muốn nhảy vào chính trị, phần tử trí thức chỉ còn một con đường duy nhất là ra làm quan mà con đường này lại có pháp định và thuận tự chặt chẽ không ai có thể phớt lờ vi phạm. Bây giờ kể từ tám bé vác sách đi học, lớn lên từ Huyện học thăng tới quốc lập đại học. Tốt nghiệp quay về quê hương bản quán

vùi đầu làm việc với địa vị tiểu chức của hành chính địa phương. Lập thành tích rồi mới được đề bạt lên dần. Với thời gian đằng đẳng ấy nên xuất thân của học giả Tây Hán đa số là nông dân thuần phác. Do đó phong khí chính trị Tây Hán là phong khí đôn đốc, cẩn trọng khiêm thoái bình thực. Do phong khí ấy tâm lý tự hào "nhân nhân khả dĩ vi thánh nhân" của Chiến Quốc cũng tan mất. Chỉ có Khổng Tử mới đáng là thánh mà thôi, Khổng Tử lập tức được thần thánh hóa và được suy tôn làm giáo chủ. Bên cạnh chính thống nay đã có thêm đạo thống, việc nhất thống thêm một vũ khí mới. Hào khí Chiến Quốc có một lần chỗi dậy, vào giữa đời Hán, uy tín hoàng thất suy lạc, phần tử trí thức ủng hộ Vương Mãng buộc Hán triều nhường ngôi. Vương Mãng là một học giả danh tiếng đương thời. Nhưng Vương Mãng thất bại vì không được thế lực thương nhân ủng hộ, lại không giải quyết nổi khó khăn trên nông nghiệp. Sau vụ Vương Mãng, phần tử trí thức bị nghi kỵ rơi vào cảnh u tối kìm kẹp.

Đông Hán.

Vua Quang Vũ xây dựng lại cơ đồ nhà Hán gọi là Đông Hán. Cũng như Vương Mãng, Quang Vũ xuất thân từ Thái học sinh. Gốc gác vị vua mới làm phần khởi phần tử trí thức, họ đã không thất vọng với lòng mong mỏi, Quang Vũ ngay khi nắm chính quyền liền chấn chỉnh học phong của thời Hán còn thịnh. Khắp nơi giảng đường được mở ra, một ông thầy tụ tập từ 500 đến 1000 học trò là chuyện rất thường. Thái học sinh cuối đời Đông Hán lên tới số 30.000 môn đệ. Nhưng phần tử trí thức Đông Hán lại mang sắc thái khác hẳn "cao thượng bất sĩ" (làm cao sĩ mà không làm quan). Lý do : Bản thân Thái học sinh đã thành một xã hội lớn luôn luôn ở bên cạnh chính phủ trung ương, thế lực rất mạnh. Người đến học đa số vào tuổi trung niên, con những thương gia giàu có, họ không cần tốt nghiệp sớm để mưu xuất lộ. Họ ở trường Thái học sinh cả mười năm ngao du dùng trường làm nơi phát biểu ý kiến rồi từ đấy tỏa ra lãnh đạo dư luận toàn quốc, ảnh hưởng đến chính trị. Giá trị Thái học sinh càng lên cao, thì phần tử trí thức Thái học càng đem học vấn vào hoa mỹ, đến nỗi họ biến hẳn Thái học thành ra điểm tập trung của hân thưởng cao cấp. Học phong Đông Hán chuyển từ ý thức tôn giáo (Khổng Tử làm giáo chủ) sang thú vị nghệ thuật. Mỗi sinh hoạt tư nhân đều là một nghệ thuật phẩm. Phần tử trí thức Đông Hán mang hình hài mới: thư sinh quý tộc không giống vẻ kiêu

bạt nỗ trương của chiến quốc cũng chẳng còn đáng thuần phác của Tây Hán. Họ trọng danh vọng xã hội hơn tước vị chánh phủ, trọng bằng hữu hơn quân thần. Toàn bộ sinh hoạt của họ là một mỹ thuật phẩm cho nên họ không chịu được gian khổ chiến đấu, khiến cho chính trị dễ và chóng hủy hoại. Khi xung đột xã hội bùng nổ khắp nơi thì Đông Hán là thời kỳ có nhiều danh sĩ tuấn tiết nhất. Với thử thách của loạn ly bạo tàn, sang đời Tam quốc thư sinh quý tộc đã lột xác thành ra hào kiệt, Tam quốc với cục thế chính trị gay go có thể gọi là một tiểu Xuân Thu; Tào Tháo, Gia Cát Lượng, Lỗ Túc, Chu Du, Bàng Thống, Tư Mã Đức Tháo v.v... đều là những thư sinh trong cơn loạn lạc nhẩy lên vũ đài chính trị. Cho nên tuy ở các địa vị thừa tướng, nguyên soái, đại sứ ngoại giao mà không mất phong cách nho nhã phong lưu.

Bắc triều thời đại.

Tiền Mục viết :

Bắc triều ở hoàn cảnh khó khăn vì muốn bảo toàn môn đệ nên một mặt phải tiếp cận với hạ tầng dân chúng để khoáng đại lực lượng, một mặt trên chính trị phải nỗ lực phấn đấu để tranh thủ an toàn. Còn phương Nam hoàn cảnh tương đối dễ dàng hơn nên môn đệ chỉ việc giữ chặt lấy tính bảo thủ. Tiến thủ ở phương Bắc cũng như bảo thủ ở phương Nam tuy tính chất trái ngược nhưng cùng một kết quả là duy hộ được di sản truyền thống nhân văn của lịch sử trong cơn đại loạn.

Từ thời Chiến quốc các học giả đối với lý tưởng nhân văn đã chia ra làm hai dòng. Nho mặc thiên về thượng khuynh tính, Trang Lão thiên về hạ khuynh tính. Trang Lão phái chủ trương "quy chân phản phác" muốn lôi kéo phần tử trí thức kết tập tại thành thị về nông thôn, muốn lôi cuốn trào lưu lịch sử quay lại chất phác thời cổ. Chủ trương của Trang Lão ăn rễ sâu vào tư tưởng thời Tây Hán, cho nên phần tử trí thức Tây Hán tuy ngoài mặt nho gia hóa mà nội tâm rất nhiều ý vị đạo gia. Đông Hán là chuyển lệ điểm gây ra những phản ứng khác nhau của hai hệ tư tưởng Nho Mặc và Lão Trang.

Tuy thiên hướng hạ khuynh tính nhưng tiết tháo phong độ của phần tử trí thức lại trở thành cá nhân chủ nghĩa chứ không chú tâm vào quần chúng lớn nữa. Sĩ Đại phu đời Tam Quốc trọng bằng hữu hơn quần(quân?) thần, họ chia ba đi theo Tào Tháo, Tôn Quyền, Lưu Bị không vì danh phận vua tôi mà vì tình bằng hữu. Khổng Minh cúc cung tận tụy với Lưu Bị chẳng phải vì quan điểm chính trị phò Hán mà chính là vì ba lần đến gian nhà cỏ của Lưu Bị. Giả thử không có tam cố thảo lư chắc Khổng Minh sẽ mãi mãi ngày xuân đầy giắc trong am cỏ cầu toàn tính mệnh trước đời loạn, chẳng màng danh tiếng với thiên hạ, đó thực là thái độ của một đạo gia, không phải là thái độ của một nho gia. Đời Tam Quốc trí thức vẫn mang tâm chất của Tây Hán và Đông Hán, Nho là mặt Đạo là lòng. Sang Lưỡng Tấn (tức Nam Bắc Triều) tư thái ấy càng rõ rệt hơn. Từ chủ nghĩa cá nhân mở cửa thì bè bạn đóng cửa thì gia tộc, tư tưởng đạo gia đời Tây Hán còn trượng cờ Hoàng Lão nghĩa là còn nhiều chính trị tính, đến Ngụy Tấn thì hoàn toàn đi vào con đường cá nhân Trang Lão. Cá nhân chủ nghĩa không quay về ý hướng thái cổ thuần phác mà chỉ lẩn tránh để truy cầu cho sự viên mãn cá nhân, bên ngoài nghệ thuật chẳng còn gì khác nữa.

Trái lại, tuy thiên hướng thượng khuynh tính nhưng Nho Mặc vốn say mê với chính trị nên lúc này không thể không lăn vào đại chúng phát cờ chiến đấu. Nho Mặc chống lại quan niệm nghệ thuật hóa nhân sinh đang bành trướng, mảnh trăng treo khó lòng đẹp trước sóng bể gào thét, bông hoa xinh khó lòng chăm bón giữa bụi gai cũng như sự an lạc gia đình khó có thể tồn tại trong cơn loạn lạc. Hoàn cảnh phương Bắc không có đất cho nghệ thuật nhân sinh, chỉ có đất cho chính trị nhân sinh. Bởi vậy đạo Trang lão mới di chuyển về phương Nam, còn phương Bắc quay về với Khổng Tử, thu tập lực lượng tranh thủ chính trị, dựa vào chính trị tranh thủ xã hội. Tâm tư họ hết chỗ cho cá nhân cho gia đình trừ phi xã hội đã tái tạo một chánh phủ hợp lý. Giữa lúc ấy thì Phật giáo du nhập Trung Quốc, dù không hẹn nhưng phần tử trí thức cả Nam lẫn Bắc đều cùng nhau nhìn nhận tôn giáo mới. Chủ nghĩa cá nhân hy vọng ở tôn giáo siêu thế một phương tiện để trốn hiện thực, ký thác tinh thần. Tập đoàn chủ nghĩa thì hy vọng tôn giáo làm chất keo khô chực lực lượng Phương Nam tiếp thụ Phật giáo bằng tinh thần bi khổ (thiếu dòng?) Tuy vậy Phật giáo đi vào Trung Quốc vẫn không khỏi đi vào cái thế thượng khuynh thắng hạ khuynh. Phật giáo nhanh chóng phát triển và cũng mau chóng bị trí thức hóa, lý luận hoá, triết học hóa, cho nên Tiểu thừa không đắc thế còn đại thừa như sóng dâng.

Phật giáo ở đây đã không trực tiếp reo mồm giống nơi hạ tầng dân chúng rồi dần qua tay phần tử trí thức Phật giáo hoàn toàn Trung Quốc hóa. Do là một công hiến của trí thức phần tử Trung Quốc cho văn hóa nước này.

Tùy Đường thời đại.

Đời Tùy đời Đường phần tử trí thức ngoài môn đệ ra còn có cao tăng ở tự miếu. Hán và Đường trên chính trị đều là thời đại tốt đẹp của thống nhất, nhưng khí phách và ý cảnh của phần tử trí thức đời Đường khác hẳn đời Tây Hán. Phần tử trí thức Tây Hán đa số xuất thân nông thôn còn môn đệ Đường thường mang khí phách quý tộc, gốc gác gia tộc cha truyền con nối kể tới sáu bảy chục một trăm năm, nhà nào gia sử cũng ghi lăm thời kỳ vàng son. Thêm nữa địa vị của họ do tích lũy lâu đời bành trướng thế lực mà có, không phải dựa vào đặc quyền do chính phủ ban phát cho. Bởi vậy họ tự cao ngạo vô cùng. Nhà họ Lý vốn cũng chỉ là một môn phiệt khởi nghiệp xây dựng nhà Đường tất nhiên không có cái thế của Lưu Bang từ bình dân quật khởi làm hoàng đế cho nên đối với môn phiệt Đường triều chỉ có thể dùng thủ đoạn điều chỉnh chứ không thể dùng quyền lực chấn áp. Ngược lại các môn đệ cũng vì địa vị mình lẫn lừng ủng hộ chính phủ, thiên hạ thái bình thì môn đệ mới mong hưởng thú vui an thái. Dưới nguyên tắc cầu hiền cộng trị, chính quyền và trí thức cùng nhau kiến thiết chính trị làm cho Đường thịnh trị thi hành được nhiều chính sách lớn. Nhờ thái độ tích cực đối với chính trị nên phần tử trí thức đời Đường rất đa năng, đa tài. Những kế hoạch to tát, những nghị luận khôi vĩ nảy sinh mọi nơi. Đời sau mới có câu: Hán nhân hậu Đường nhân đại là thế. Phần tử trí thức đời Đường không chỉ có những cống hiến lớn lao trên chính trị mà còn trên văn hóa và tôn giáo nữa. Các môn đệ theo Phật giáo đã hoàn tất ba phái:

Thiên đài

Thiền

Hoa Nghiêm

Họ đã dùng truyền thống văn hóa bản quốc chế biến Phật giáo thành tôn giáo mới. Họ đã điều chế được tâm lý say mê của tôn giáo với cái sáng suốt của lý trí. Câu nói "Nếu tôi gặp Như lai tôi sẽ cho một bữa chết tốt rồi vứt xác cho chó ăn" của Lục tổ Huệ Năng thật đáng tiêu biểu cho sự can đảm và sáng suốt của lý trí.

Từ giữa đến cuối đời Đường ngoài môn đệ và thiền tự có thêm một lực lượng trí thức khác là các tân sĩ đặc thế. Đây là kết quả của chế độ khảo thí, chính quyền khai phóng tân sĩ thông qua khảo thí gia nhập chính trị thì môn đệ thế lực cũng dần dần thoái nhượng. Trí thức tân sĩ không xuất thân môn đệ nên rất non kém với vấn đề chính quyền, thêm nữa chế độ khảo thí đương thời thuần chú trọng đến thi phú phù hoa càng khiến cho thế lực trí thức mới lúng túng trước chính trị. Chế độ khảo thí bày đặt nhiều thủ tục khắt khe như trình lý lịch, tra khám thân phận, chờ nghe điểm danh, vác lều chiếu ống quyển, chuẩn bị dầu đèn thực phẩm v.v... đã làm cho lòng tự tôn thương tổn. Thi không đỗ thì chịu thiệt thòi về những lúc nha môn khinh miệt mắng nhiếc. Một sớm bâng vâng có tên thì bước đường phú quý trải ra trước mặt, muốn chóng muốn vững tất phải bôn tẩu luôn lọt. Để trả thù những phút khổ sở ấy nên vừa hiển đạt là lập tức mở yến tiệc gọi dĩ xướng ca, ăn chơi thỏa thích cho bổ lúc sớm hôm đèn sách sáng tối châu chực. Người đặc thế thì vậy, người yếu thế thì tỏ thái độ khinh bạc cười lừa qua cầu dưới mưa rơi tuyết lạnh tìm vãn thơ. Phần tử trí thức cuối đời Đường tiến mãi vào cái hố trụy lạc.

Đời Tống.

Bắc Tống khai thủy, môn đệ không còn, cao tăng cũng hết, nhân tài cạn hiếm. Đa số theo học các thiền tự, quay về đời tục. Tấn sĩ khinh bạc không đảm đương nổi đại sự thiên hạ. Trong tình hình này, phải đợi phần tử trí thức mới nổi dậy, sự nổi dậy đó lịch sử mệnh danh là trí thức đời Bắc Tống.

Trí thức Bắc Tống mang tinh thần tôn giáo Thiền chính thức chuyển đi vào xã hội hiện thực, đem quan niệm thanh tịnh tịch diệt, cứu cánh Niết bàn chính thức chuyển biến thành lý tưởng nhân văn truyền thống tu thân, trị quốc, bình thiên hạ.

Việc thứ hai là cổ xúy giáo dục tự do thay thế cho chế độ giáo dục môn đệ, một mặt đốc thúc chính phủ xây dựng học hiệu công lập, mặt khác hô hào tư nhân giảng học, đồng thời thành lập thư viện, tạo thành vận động giáo dục vĩ đại.

Phần tử trí thức đã gặp nhiều khó khăn vì giáo dục tự do tức là không chịu sự khiển chế của chính quyền, không chịu quan liêu hóa nên chính quyền quý tộc đều không ưa. Thoát hóa tôn giáo khiến cho lực lượng tăng lữ tự miếu ghét bỏ. Tống nho tám hướng thụ địch, nhưng nhờ tinh thần lo trước cái lo của thiên hạ và vui sau cái vui của thiên hạ, nên họ đã vượt nhiều trở ngại mà tạo được sinh mệnh mới phong khí mới. Nhưng thắng lợi huy hoàng chẳng được bao lâu vì Tống Nho đi quá trớn, đặt danh giáo cao hơn quan tước triều đình, họ yêu cầu cả Hoàng Đế cũng phải học đạo tu đức, phải cúi đầu tôn sư trọng đạo. Họ không thuần phác như Tây Hán, không thanh cao như Đông Hán, không khoáng đạt như đời Đường, Tống Nho quá nghiêm túc đến độ ngoan cố. Ở thái độ ngoan cố họ thành ra bất cận nhân tình, phân ly chính trị nên trước sức tấn công ào ạt như cuồng phong của Mông Cổ, phần tử trí thức Bắc Tống thu rút lại chỉ còn là bọn khua môi múa mép thanh đàm cao luận.

Dưới thống trị Mông Cổ, nho sinh bị coi ngang loại "ăn mày" kém hòa thượng một bậc. Nhà nho tìm mọi cách mai danh ẩn tích không trực tiếp nhúng vào chính trị cho nên mất hết tất cả mọi địa vị lãnh đạo. Họ chuyên chú vào việc sáng tạo văn học, do đó Nguyên đại có nhiều tác phẩm về kịch từ, thơ, họa, y khoa, toán số, cơ giới rất quý báu. Họ cũng mai danh ẩn tích để xoay vào thương mại tiểu công nghệ và đã gây nhiều thành quả tốt đẹp.

Đời Minh.

Chính quyền Mông Cổ băng hoại, cách mạng dân tộc bùng lên kêu gọi nhân dân Trung Quốc hướng về thời oanh liệt Hán Đường xưa.

Lý học gia đời Minh cũng cùng một cách điệu với Tống, nhưng lại khác Tống ở điểm xa cách giữa giàu với nghèo, gia đình thư sinh đời Minh so với đời Tống giàu có hơn nhiều, tại Giang Nam có nhà đầy tớ người hầu dư cả trăm. Chế độ khoa cử cũng khác xưa, một khi trúng tấn sĩ là thành quan to ngay không phải giữ tiểu chức nữa, vì vậy phần tử trí thức đời Minh có khí độ hào kiệt. Các trường do phái Vương Đường (Dương?) Minh và Long Khê được hoan nghênh nhiệt liệt, giảng đài thường đông nghẹt người nghe. Người đến nghe giảng có hai lớp, lớp học thức và lớp bình dân. Lớp bình dân gồm nam phụ lão ấu, phu khuân vác và mã phu, thương cổ cứ đúng kỳ hội tập. Học vấn đời Minh không đi theo thượng khuynh tính để giảng dạy trị quốc bình thiên hạ mà đi theo hạ khuynh tính vào lộ tuyển xã hội tìm đến chính tâm thành ý. Học thuyết lương tri của Vương dương Minh do những buổi diễn giảng đã thành ra một thứ triết học đại chúng, đại chúng cũng nhờ thế mà mở mang kiến thức rất nhiều.

Huy hoàng được một thời gian thì phát lộ ra nhược điểm: đại chúng thẩm nhuần học vấn nhưng thượng tầng bỏ ngỏ. Để bổ khuyết phái Thiên Tông chỗi dậy phát cờ vận (văn?) học, bỏ giáo dục xã hội thành lập chính diện văn chương, nhưng vì cố lên cao lại nhiều mùi vị tôn giáo nên văn chương đâm ra cuồng quái như kiểu trường phái của Lý Trác Ngô gây nhiều ảnh hưởng phá hoại.

Giữa đời Minh về sau, chế độ khoa cử lâm vào cái bệnh "bát cổ" tức là đường chết của học vấn mở đường cho Mãn Thanh xâm lăng.

Đời Thanh.

Xu thế học phong đời Thanh tập trung vào phái bác học, các học giả chú ý khai phá cổ học để tìm thực học nhưng lại bỏ quên sinh hoạt hiện thực trước mắt. Chính quyền Thanh triều luôn luôn dòm dỏ áp bức khiến cho tinh thần giảng học khó phục hưng. Nội tâm phần tử trí thức nung nấu chí khí phản chính phủ, nhưng họ đã đi tìm học vấn qua một phương pháp không chính xác là đào bới quá khứ lịch sử để chẩn bệnh hiện tại mong phát hiện phương thuốc chờ thời hưng vượng phục quốc. Khốn nỗi điều họ chờ lại xuất hiện quá chậm trễ khiến cho hy vọng mỗi lúc thêm ảm đạm mờ hồ. Quay về nghiên cứu kinh điển cũ, tìm hiểu cái hay cái đẹp của người xưa mà sao lãng cái thực tế trước mắt là quay về chồng sách mọt để làm con mọt sách. Bệnh nặng nhất của phần tử trí thức đời Thanh là: coi nhẹ chính trị tính, xã hội tính, lịch sử tính để chui vào cái cũi "thuần học" vị học thuật nhi học thuật. Họ không cao vọng làm thầy lãnh đạo tướng chỉ huy, họ không tha thiết với nhân quần tập thể, họ không chú ý đến sinh hoạt hiện thực, bao nhiêu hứng thú họ đem đổ dồn vào mấy quyển cổ thư. Trái hẳn với Hán nho đem thánh nhân thần hóa, Thanh nhân đem thánh nhân thư bản hóa. Vui đầu vào cổ thư để kiếm (kiểm?) thảo là phản ứng tiêu cực của phần tử trí thức thống hận Thanh triều cướp nước, thái độ tiêu cực này không phải là thái độ chính thường của nho gia vì nho gia đối với chính trị bao giờ cũng tích cực. Trên chính trị thì nước mất, trên văn hóa thì bị cắt đoạn không tiếp nối vươn lên, đó là lỗi làm to tát của phần tử trí

thức vậy.

(Những kỳ chuyển hình của phần tử trí thức T.Q. ở chương này viết dựa theo ý kiến của các học giả Tiền Mục, Mạnh Vũ, Hồ Thu Nguyên.)

Thân phận trí thức

Chương Thứ Năm NGỦ MỀ VÀ TỈNH GIÁC

*Vuông nhiều đồ chờ chờ hoen nét rĩ.
Thẹn những phường tranh chấp mượn tay ai.
Gương Minh vào Thanh đến, đến Tây lai
Ngai vàng nặng để ê chề non nước.*

THÁI DỊCH LÝ ĐỒNG A

*Võ tướng tiêu sầu duy hữu tửu
Văn thần thoái lộ cánh vô thi.*

TỰ ĐỨC

Xu hướng suy loạn của nước ta bắt đầu từ cuối đời Thiệu Trị sang đầu đời Tự Đức (1840-1848), xu hướng suy loạn của Trung Quốc cũng khởi từ đời vua Đạo Quang (1840), cả hai đều có những nội loạn và ngoại loạn, trên đại thể lịch sử mang nhiều điểm giống nhau cho nên phần hai cuốn sách kể từ chương thứ năm đến chương thứ tám chúng tôi sẽ phân tích và nghiên cứu, so sánh để nhìn vấn đề rộng rãi hơn.

Gây gỗ để xâm lược

Vua Càn Long trả lời Anh hoàng George III về việc xin giao thương có câu: “Vương quốc chúng tôi dư dật, chúng tôi không cần gì hết”. Nhưng lúc ấy thế lực thương mại Anh đã rất lớn, họ nắm hết thị trường Ấn Độ và tràn xuống miền Nam Trung Hoa, nhiều nơi tại

vùng Á Đông biến ra lãnh thổ Anh quốc, dĩ nhiên phải kéo theo sự tràn ngập hóa phẩm. Dần dần mặc dầu triều đình Thanh không chính thức ký kết mậu dịch, việc giao thương vẫn trở thành sự thực không thể xóa bỏ được. Không ngăn chặn nổi sự buôn bán, Thanh triều tìm mọi cách làm khó dễ khiến cho cảm hận ở mỗi bên âm ỉ cháy chỉ đợi dịp là bùng lên. Dịp ấy là vụ thuốc phiện, người Anh đem thuốc phiện vào Trung Quốc và người Trung Quốc rất hoan hỉ với vui thú mới, chính quyền Trung Quốc thì lo sợ nạn nghiện lan rộng. Lâm Tắc Từ được cử làm Tổng đốc với sứ mạng tiêu diệt nạn nha phiến. Ông ra lệnh cấm buôn bán thuốc phiện. Người Anh khi nào chịu nhả món lợi to lớn đó nên phân tán lẻ lối tiêu thụ, một mặt cho qua đường bộ, một mặt chở đường thủy bằng chiến thuyền. Lâm Tắc Từ quyết liệt, ông dùng vũ lực tịch thu tất cả các thùng thuốc phiện mà ông khám phá, chừng 20.000 thùng rồi cho làm lễ hỏa thiêu. Tình hình căng thẳng. Hai tuần sau vụ khác xảy đến, mấy thủy thủ Anh say rượu giết một người Tàu. Lâm Tắc Từ yêu cầu Anh giao cho ông xử kẻ sát nhân đồng thời đòi người Anh phải dời các chiến thuyền, thương thuyền ra khỏi các giang khẩu để vào hẳn các thương cảng. Người Anh không trả lời, cho pháo hạm oanh kích đánh chìm một số thuyền bè thuộc hạm đội Thanh triều, mở màn cho cuộc chiến tranh nha phiến (1839). Năm 1842 ngày 13-6, lực lượng Anh chiếm cứ Thượng Hải men theo Dương Tử Giang tiến về Nam Kinh. Thanh triều bại phải ký kết hiệp ước Nam Kinh với nhiều thua thiệt.

Cuối thế kỷ 18, Nguyễn Ánh cầu viện Pháp, dựa vào lực lượng nước ngoài tiêu diệt Tây Sơn, mở đầu cho xâm lược của thực dân Pháp sau này.

Năm 1847 Pháp đem hai chiến thuyền vào Đà Nẵng xin bỏ những chỉ dụ cấm đạo và để cho người trong nước được tự do theo đạo mới. Lúc hai bên đang thương nghị thì người Pháp thấy thuyền của ta đóng gần thuyền của Pháp và ở trên bờ lại thấy có quân ta sắp sửa đồn lũy, bèn nổ súng bắn đắm cả những thuyền ấy rồi nhổ neo ra biển. Vua Thiệu Trị thấy sự trạng như thế, tức giận nên ban dụ cấm người ngoại quốc vào giảng đạo và trị tội những người trong nước đi theo đạo.

Năm 1856 (Tự Đức cửu niên) nước Pháp đã đòi lại sau thất bại của công xã 1848, liền phái chiến thuyền Catinat vào Đà Nẵng bắn phá các đồn lũy, sau đây ít lâu có Montigny đưa thư xin cho người Pháp được tự do vào buôn bán, đặt lãnh sự ở Huế, cho các giáo sĩ được tự do đi giảng đạo. Triều đình nước ta không chịu.

Tháng 7 năm 1858, Pháp sai Trung tướng Genouilly cùng 3007 ngàn (?) quân với 14 chiến thuyền đánh phá Đà Nẵng, đổ bộ chiếm thành An Hải và Tôn Hải. Genouilly có ý định cướp toàn tỉnh Đà Nẵng rồi tiến lên đánh Huế. Ý định bất thành vì không rõ địa thế, lại bị quân ta chống cự dữ dội, Genouilly đổi chiến lược

quay về tấn công Gia Định ở Nam kỳ. Tại đây quân Pháp cả thắng lấy thêm nhiều tỉnh nữa. Triều đình phải giảng hòa ký hiệp ước Nhâm Tuất với Pháp, nhường hẳn cho Pháp ba tỉnh Biên Hòa, Gia Định và tỉnh Định Tường (1862). Trước đấy hai năm, ở Tàu triều đình nhà Thanh cũng chịu ký kết nhường cho Tây phương năm hải cảng thương mại là Quảng Châu, Hạ Môn, Ninh Ba, Phúc Châu, Thượng Hải. Năm 1867 tức là năm Tự Đức thứ 20, Pháp lại gây sự chiếm Vĩnh Long, An Giang và Hà Tiên. Ông Phan Thanh Giản nộp thành trì cho Pháp rồi uống thuốc độc tự tận.

oOo

Mê đắm bộ xương khô

Cuối thế kỷ 18, tình hình Âu châu biến hóa, nước Anh dùng máy móc để thay thế nhân lực. Nhân dân toàn thế giới do cơ khí xuất hiện đã thay đổi hẳn phương thức sinh hoạt. Do công nghiệp phát triển, nhân khẩu đô thị tăng vọt, nhu cầu thị trường bành trướng, nền hàng hải mở rộng để đáp ứng với đòi hỏi của thương mại, ảnh hưởng đến các quốc gia từ trước đến nay vẫn đóng cửa không giao thiệp với bên ngoài. Hoàng triều Mãn Thanh so với tiến bộ cơ khí Âu châu thật là một chính quyền thống trị lạc hậu nhưng vẫn vênh vang với danh nghĩa thiên triều, áp dụng chính sách “bế quan tỏa cảng” không chịu mở mắt nhìn văn minh mới. Thái độ đó tạo thành sỉ nhục chiến tranh nha phiến.

Nghe ngóng thiên triều, hoàng triều nhà Nguyễn đời Tự Đức cũng có cùng một thái độ để rước lấy quốc sỉ 1856 và Nhâm Tuất. Sau chiến tranh nha phiến, đa số phần tử trí thức TQ cùng giai cấp thống trị vẫn còn mê đắm bộ xương khô, nhất định tự cao tự đại không chịu tìm hiểu nguyên nhân suy lạc biến loạn, một phần nhỏ khác nhìn thấy tình cảnh đáng buồn, nhưng họ chỉ cho là vì thời thế thiếu anh hùng hào kiệt.

Sau hòa ước Nhâm Tuất, tập đoàn thống trị nhà Nguyễn, mặt đối ngoại hy vọng Pháp hài lòng, trên mặt trị vẫn giữ nguyên nề nếp cũ, trên mặt văn hóa vẫn thiên lậu với thi phú tiểu xảo. Riêng tại Nam kỳ phần tử trí thức đã tỉnh cơn mê, nhưng họ không còn thì giờ để tìm hiểu văn minh cơ khí nữa vì họa vong quốc, họ chỉ có thì giờ tổ chức và vận động kháng Pháp. Khi thực dân Pháp tấn công tỉnh Gia Định, triều đình Huế cắt đất ba tỉnh miền đông cho Pháp thì phong trào kháng Pháp bùng dậy, lãnh đạo bởi sĩ phu yêu nước như Trương Định, Nguyễn Hữu Huân, Phan Tòng, Nguyễn Trung Trực. Nổi bật nhất là ông Nguyễn Đình Chiểu, ông đem ngòi bút yêu nước và chính nghĩa ra phục vụ cuộc đấu tranh anh dũng của nhân dân Nam kỳ suốt hai mươi năm trường. Ông Nguyễn Đình Chiểu là người trí thức đáng yêu kính nhất và cũng là nhà thơ lớn nhất trong

hậu bán thế kỷ 19, ông dùng văn thơ để khích lệ đấu tranh và ghi lại những nét tuyệt đẹp của bản anh hùng ca kháng Pháp suốt cả thời kỳ đầu cuộc xâm lược. Bên cạnh cụ Đồ Chiểu còn có những người trí thức tên tuổi khác như Huỳnh Mẫn Đạt, Bùi Hữu Nghĩa, Phan Văn Trị v.v... Các ông này mở mặt trận văn thơ để chống lại bọn sĩ phu cúi đầu làm tay sai cho giặc Pháp như Tôn Thọ Trường, Trương Vĩnh Ký. Phong trào yêu nước chống Pháp lan từ Nam ra Bắc theo với sự trở mặt của Pháp để thôn tính toàn cõi Việt Nam. Hòa ước Thiên Tân ký giữa Patenôtre và Lý Hồng Chương nhận cho Pháp bảo hộ Việt Nam thì Pháp không còn kiêng dè gì nữa, họ làm áp lực đủ điều bằng những thái độ khinh mạn.

Về phía Việt Nam, chính quyền hoàn toàn ở trong tay hai ông Nguyễn Văn Tường và Tôn Thất Thuyết sau khi hai ông này thủ tiêu liền một lúc mấy ông vua triều Nguyễn.

Ngày 19 tháng 5 năm 1885 thống tướng De Courcy từ Pháp qua để buộc triều đình Huế chấp nhận bảo hộ. Đến nơi De Courcy cho đòi Tường và Thuyết sang bên tòa khâm để ấn định việc vào yết kiến vua Hàm Nghi. Thuyết thấy Pháp có cử chỉ vô lễ, cáo ốm không sang, chỉ có mình Tường sang thôi. De Courcy không chịu nói “nếu ốm thì kiêng sang”. Thuyết tức giận quyết định đánh Pháp. Đến chương trình yết kiến vua, De Courcy đòi phải mở cửa chính. Triều đình thấy điều ấy trái với quốc lễ xin để De Courcy đi cửa giữa còn quân đội thì xin đi cửa hai bên, De Courcy không chịu. Hai bên dằng co. Tôn Thất Thuyết đưa ra chủ trương sống chết cũng liều một trận, họa may trời có giúp kẻ hèn yếu này chăng. Chiều hôm ấy De Courcy mở tiệc, khi tàn thì súng ở trong thành phố nổ ra ùng ùng, rồi những nhà ở chung quanh dinh Khâm sứ cháy, lửa đỏ rực trời. Sáng hôm sau quân Pháp phản công, quân ta thua chạy. Tường ra đầu thú còn Thuyết rước Vua Hàm Nghi chạy về Quảng Bình. Ở đây Vua Hàm Nghi phát hịch Cần Vương truyền đi các nơi. Phần tử trí thức hưởng ứng hịch Cần Vương nổi lên đánh phá khắp nơi, nhưng vì thiếu sự phối hợp chặt chẽ nên phong trào Cần Vương thất bại. Các ông Phan Đình Phùng, Nguyễn Thiện Thuật v.v... người thì bị bọn Việt gian bắt giết, người thì trốn sang Tàu, chôn vùi theo phong trào Cần Vương là tư tưởng tôn quân phong kiến.

Hiện thực tố cáo và thoát ly

Sau khi phong trào Cần Vương bị dập tắt, vua Hàm Nghi bị bắt, thống trị thuộc địa và bảo hộ của Pháp mỗi ngày thêm vững chãi, thì phần tử trí thức trở về với khí tiết nhà nho, triệt để áp dụng thái độ bất hợp tác đồng thời dùng văn thơ trào phúng để tiếp nối cuộc đấu tranh chống thực dân Pháp, và trước cảnh triều đình bù nhìn, họ chống luôn chế độ phong kiến. Những văn thơ châm biếm của Nguyễn Khuyến, Tú Xương, Học Lạc, v.v... đều nhằm một đối tượng là bọn đầu hàng giặc, bán nước buôn dân để bảo toàn đời

sống mưu cầu danh vị, mặt khác những văn thơ ấy cũng miêu tả cái xã hội mới do thực dân Pháp tạo nên với tất cả những xấu xa lố lăng của nó, nhất là ở thành thị như bài hội Tây và lấy Tây của cụ Nguyễn Khuyến. Cùng lúc đó lại có một số nhà nho tiêu cực, không dám chống lại bọn thực dân tiêu cực và bọn phong kiến đầu hàng, đã đi tìm một lối thoát trong thiên nhiên hay trong một cuộc đời nhàn tản, tiêu biểu cho phần tử trí thức loại này phải kể đến các ông Dương Lâm, Dương Khuê, Chu Mạnh Trinh, v.v... Mặc dầu họ ca tụng cảnh gấm vóc của giang sơn nhưng vẫn chỉ là lòng yêu nước tiêu cực trong tư tưởng thoát ly hưởng lạc.

Biến pháp và Duy Tân

Năm 1898 tại Trung Quốc có một chính biến mệnh danh là chính biến Mậu Tuất. Đó là hành động đầu tiên của phần tử trí thức T.Q. đối với việc cải cách. Chính biến này là kết quả thất trận nhục nhã trước Nhật Bản do nội tranh giữa tập đoàn Tây Thái Hậu và Quang Tự gây ra.

Tây Thái Hậu là một mục tham lam còn Quang Tự tương đối là một hoàng đế tiến bộ. Tây Thái Hậu nắm trọn thực lực chính phủ. Còn Quang Tự chỉ có đám thư sinh làm vây cánh. Tập đoàn thư sinh lấy phê phán chỉ trích làm vũ khí tấn công phái thực lực. Với lòng yêu nước nhiệt liệt thư sinh đem lại thắng lợi ban đầu cho Vua Quang Tự là bắt Lý Hồng Chương đánh Nhật. Bị thua nên dân đâm chán nản, khiến cho phái thư sinh mất đà, thư sinh trên tinh thần lãnh đạo chiến tranh, nhưng vào thực tế họ chỉ là những kẻ đánh nhau trên giấy, lại thêm bị bọn chính trị cáo già thuộc đảng Tây Thái Hậu phá phách nên những dự tính của đế đảng biến ra mây khói. Lý Hồng Chương khuất phục ký điều ước Mã Quan cắt nhượng cho Nhật Bản đảo Đài Loan.

Phần tử trí thức đối với đảng của Tây Thái Hậu cũng như đảng của Quang Tự đều cảm thấy thất vọng, nhưng nếu đem so sánh thì đế đảng vẫn hơn cho nên họ ủng hộ Quang Tự. Vì các nhân vật cao cấp còn mãi giữ miếng nhau nên trung tầng trí thức giữ vai trò chủ chốt trong vận động mới. Nhà Mãn Thanh lúc mới vào thống trị T.Q. đã triệt để cấm xử sĩ hoành nghị (kẻ sĩ bàn bạc), bây giờ thất trận nên sự khống chế lỏng lẻo, cho nên kẻ sĩ thừa thế vươn lên.

Người tiên phong của vận dụng biến pháp là Richard Timothy quốc tịch Anh rất thạo chữ Hán, tác giả mấy cuốn sách viết bằng Hán tự: Thái Tây Tân sử lãm yếu, Liệt Quốc biến thông hưng thịnh ký, Thất quốc tân học bị yếu, đều là những tác phẩm quan trọng thời bấy giờ, bắc cầu cho trí thức phần tử tìm hiểu ngoại quốc. Timothy đề nghị với Vua Quang Tự sửa đổi chính trị, lập một hội đồng gồm các

đại thần triều đình với mấy người ngoại quốc hợp lực thi hành cải cách. Sửa đổi chính trị đành rằng là nhu yếu bách thiết nhưng để người ngoại quốc tham dự vào nội chính là một điều không thể nào chấp nhận được. Việc không thành, tuy nhiên sáng kiến tốt được lưu ý.

Tiếp theo là Khang Hữu Vi dâng thư yêu cầu biến pháp với hơn một ngàn ba trăm chữ ký. Nhóm Khang Hữu Vi kịch liệt công kích Lý Hồng Chương về lẽ lỗi tiến bộ quan liêu của ông này. Nội dung bức thư đưa ra ba điều:

- a) Sửa đổi những phép tắc sẵn có (biến thành pháp)
- b) Tìm hiểu tình cảnh của dân chúng (thông hạ tình)
- c) Cẩn thận việc dùng người (thận tả hữu)

Thế lực Lý Hồng Chương quá lớn nên không ai dám đem việc Khang Hữu Vi trình tấu lên vua, chẳng những vậy Khang Hữu Vi còn không được ghi tên ứng thí nữa. Tuy nhiên nhờ tiếng đồn đại lưu truyền nên thanh danh Khang Hữu Vi nổi như sóng rồi qua sự vang danh đó biến thành vận động chính trị toàn quốc. Thanh triều không dám coi Khang Hữu Vi là tên cuồng sĩ nữa, đành phải cho Khang Hữu Vi ứng thí, ông đỗ tiến sĩ và được bổ làm chủ sự công bộ, liền tiếp tục công việc vận động biến pháp từ dân gian chuyển vào chính phủ. Quang Tự sai Văn Đình Thức tổ chức Cường học hội. Khang Hữu Vi kéo học trò giỏi của ông là Lương Khải Siêu vào lãnh đạo. Biến pháp vốn dĩ là chủ trương chính trị của trí thức hạ tầng, qua Cường học hội nó bị cuốn vào xoáy thực tế chính trị, phe Khang Hữu Vi chuyển thành đế đảng và là đầu mối xung đột với đảng của Tây Thái Hậu.

Khi Cường học hội chưa thành lập, phe Khang Hữu Vi chưa có bối cảnh (background) chính trị cũng chưa hề tiếp xúc với thế lực ngoại quốc nào hết. Đến lúc phe Khang Hữu Vi thành đế đảng rồi thì tình hình khác hẳn. Timothy liên lạc ngay với Khang Hữu Vi. Đây là lần đầu tiên phần tử trí thức Trung Quốc kết hợp với người ngoại quốc hoạt động chính trị.

Đảng của Vua Quang Tự khuynh hướng thân Anh Mỹ, sự kết hợp giữa Khang Hữu Vi với Timothy là việc dĩ nhiên, vận động biến pháp bây giờ mang bộ mặt mới, đế đảng lãnh đạo và Anh Mỹ làm bối cảnh, gây thêm vây cánh với đám đại thần trong triều, họ gia nhập vận động để thích ứng trào lưu gây thêm thế lực bản thân.

Trước sự bành trướng của vận động biến pháp, đảng Tây Thái Hậu khó ngồi yên, thế tất phải phản công, lại nhân Lý Hồng Chương ngoại giao với Nga thành công, khiến Nhật e dè tuyên bố trả lại cho Trung Quốc tỉnh Liêu Đông, như vậy trên thanh thế đảng Tây Thái Hậu khôi phục uy tín. Mở đầu phản công, Tây Thái Hậu cho Từ Đồng công khai bài bác biến pháp. Đồng lý luận “thà mất nước chứ không biến pháp”. Thấy ngọn gió xoay chiều, các đại thần liền trở cờ, đành chỉ mọi sự giúp đỡ nhân lực tài lực cho Cường học hội. Rồi

đến lượt ngự sử Dương Sùng Doãn khai pháo tổ cáo Cường học hội là một hội đảng tư lập mưu đồ gây lại phong khí xử sĩ hoành nghị. Tây Thái Hậu ra lệnh giải tán, để đảng yếu thể khoan tay. Mới thành lập có bốn tháng trời, cơ sở gây chưa được bao nhiêu, phe đỡ đầu là để đảng thì quá yếu, Tây Thái Hậu lại tấn công ngay vào cơ quan đầu não, nên Cường học hội không thể chống đỡ nổi. Cường học hội giải tán, cơ sở bị niêm phong nhưng chính vì thế Vận động biến pháp Duy Tân tràn ra ngoài làm thành yêu cầu chính trị của hết thầy phần tử trí thức trong nước. Riêng ở Bắc Kinh nó im hơi thôi, các nơi khác nó sôi động. Đáng kể nhất là tỉnh Hồ Nam, nhờ các người cai trị tỉnh này ủng hộ biến pháp nên Đàm Tự Đồng, Đường Tài Thường mới hoạt động dễ dàng. Hai ông cho mở tại Hồ Nam trường Thời Vụ rồi mời Lương Khải Siêu về làm giám đốc, hai ông cũng thuyết phục được người cầm quyền áp dụng chính sách cai trị mới. Đi xa hơn Khang Hữu Vi, nhóm Đồng, Thường loại bỏ chủ trương quân chủ lập hiến và thay thế vào đó thể thức dân chủ Anh Mỹ. Biến pháp dần dần ngả màu cách mạng. Khuynh hướng cách mạng gây lo ngại cho đến cả phần tử trí thức tiến bộ nhưng bất đồng ý kiến với Thường, Đồng và Siêu, họ kết thành trận tuyến chống đối. Các lãnh tụ trí thức bảo thủ như Diệp Đức Huy, Vương Tiên Khiêm từng tung ra khẩu hiệu bảo vệ thánh đạo, mượn miếu Khổng Tử khai hội đòi đem lăng trì tòng xẻo Lương Khải Siêu. Cuộc hội họp này tổ chức ngay tại tỉnh Hồ Nam.

Phản Khang Hữu Vi bỏ Bắc Kinh xuống Quảng Đông hoạt động thu hoạch nhiều thành công, ông giảng học ở Vạn Mộc thảo đường, đào tạo khá đông cán bộ, thành công của Khang Hữu Vi sau Cường học hội giải tán chứng tỏ phần tử trí thức trong khốn ách nông muội vẫn nhiệt thành đi tìm xuất lộ.

Tây Thái Hậu tiêu diệt phái Duy Tân

Năm Quang Tự thứ 24 tức năm Mậu Tuất (1898), đế đảng quyết liệt thi hành tân chính, ban bố một đạo dụ do Khang Hữu Vi viết:

“Phong khí chưa khơi mở, các bậc lão thành lấy cớ lo cho nước vẫn ngoan cố với thái độ mặc thủ thành quy, không chịu theo tân pháp, toàn nói toàn làm những việc vô ích. Thử hỏi thời cục như vậy, quốc thể như vậy mà đem binh lực thiếu luyện tập, sĩ nhân vô thực học để chống lại với giáp lới binh thì làm sao thắng nổi?...

Nay trẫm tuyên thị rõ ràng kể từ đây các đại thần, Vương công và sĩ thứ phải nỗ lực, căm giận gây hùng chí, dùng đạo nghĩa thánh hiền để tìm học Tây học mà cứu nước nhà.

Ban dụ rồi, Vua Quang Tự cho triệu Khang Hữu Vi về chính thức giao cho công tác sửa đổi pháp chế. Bên cạnh Khang Hữu Vi là đại thần Ông Đồng Hòa. Đảng Tây Thái Hậu lập tức phản ứng không cho đối phương đủ thời gian chuẩn bị, hạ lệnh bãi chức Ông Đồng Hòa. Lệnh được thi hành hết sức bí mật giữa lúc Ông Đồng Hòa đang mãi vui với bữa tiệc thọ. Mưu kế cầm tặc cầm vương của Tây

Thái Hậu rất hiệu quả. Mất Ông Đồng Hòa phái Duy Tân như rồng mất đầu.

Trong khi đó dụ của Vua Quang Tự chẳng ai thi hành nghiêm chỉnh vì lễ phái cũ còn quá mạnh. Ba tháng qua công việc tân chính không hề nhúc nhích. Đế đảng hội họp tìm kế hoạch đối phó, hội nghị quyết định cách chức thượng thư bộ Lễ là người đầu sỏ của mọi trì hoãn. Dụ ý của việc cách chức là lập uy, không ngờ nó tạo ra kết quả khốc hại. Thấy thượng thư bộ Lễ bị cách chức, phe cánh Tây Thái Hậu đòi hỏi bà phải dứt khoát với Vua Quang Tự.

Tây Thái Hậu bèn mật lệnh Dương Sung Doãn lên Thiên Tân thương nghị với Vinh Lộc mưu nhân cuộc duyệt binh tháng 9 ở Thiên Tân phát động binh biến bắt Vua Quang Tự giết đi. Tin này lọt vào tai Vua Quang Tự, ông cũng mật triệu phái Duy Tân bàn định kế sách. Khang Hữu Vi được giao sứ mạng du thuyết Viên Thế Khải, mong dùng quân mới tuyển của họ Viên làm lực lượng bảo vệ. Viên Thế Khải thỏa thuận đem quân cứu Vua xuất hiềm, ông bẻ mũi tên thề tiêu diệt Hậu đảng khôi phục đế quyền. Mấy nhà trí thức Duy Tân quá chân thật đã tin tưởng họ Viên, trong khi Viên vừa tiến chân Khang Hữu Vi, Đàm Tự Đồng, liền quay vào cải trang đi ngay lên Thiên Tân báo cáo cho Vinh Lộc. Vinh Lộc chuyển tin về Bắc Kinh cho Tây Thái Hậu.

Chính biến vì thế xảy ra sớm hơn, Vua Quang Tự bị bắt. Tây Thái Hậu truyền đem xử tử, mật khác cho tay chân đuổi bắt Khang Hữu Vi.

Phái Duy Tân đến gõ cửa các đại sứ Anh, Nhật, Mỹ yêu cầu tìm biện pháp cứu Vua Quang Tự nhưng các đại sứ cự tuyệt, thế là mạnh ai nấy trốn. Lương Khải Siêu tá túc ở toà đại sứ Nhật thoát thân, còn các người khác bị bắt hết, người nào nhẹ nhất cũng chịu cái án chung thân giam cầm. Tân chính sống vồn vện một trăm ngày, Thái Hậu nắm lại quyền hành khôi phục nếp cũ, văn thì bát cổ, võ thì ngựa, cung.

Phê phán và phân tích tập đoàn Duy Tân

Ban sơ chủ trương biến pháp là nhóm xử sĩ không có liên hệ gì với ngoại quốc thế lực, hay tập đoàn quan liêu hay chính phủ. Nhưng từ khi chủ trương biến pháp được đa số lưu ý ủng hộ thì bản thân tập đoàn biến chất.

Khang Hữu Vi từ thân phận xử sĩ biến thành quan lại, đương nhiên lãnh đạo quyền dù muốn hay không cũng rơi vào tay “quan lại” và biến pháp ngay từ đầu đã do hạ hướng thượng. Đế đảng nắm lấy vận động biến pháp, không nhân danh chính phủ tiếp thụ biến pháp mà nhân danh phe phái biến pháp để thêm vốn chính trị. Do đó vận dụng biến pháp thành ra khẩu hiệu và công cụ đấu tranh phái hệ.

Đại đa số phần tử trí thức không mấy hài lòng vì sự gia nhập quan lại của Khang Hữu Vi. Còn một số người khác cũng khá đồng trái lại rất miễn ý, tâm lý cơ hội nên nhìn đây là dịp hiếm có để dựa vào một

tổ chức đủ thế lực, tâm lý này cũng là tâm lý phan long phụ phượng truyền thống vậy.

Vận động Duy Tân sau khi gia nhập đế đảng, hệ thống lãnh đạo chia ra như sau:

a) Phái Ông Đồng Hòa. Hòa là sư phó của vua, suốt đời tuân theo tôn chỉ tôn vương, trí thức thiên lậu đầu óc cẩn thận, không bao giờ dám vượt khuôn sáo cũ. Chưa nói đến cách mạng vội, Ông Đồng Hòa cũng không thể xem như một người cải cách nữa. Hòa cùng tập đoàn đế đảng chỉ muốn dùng phái biến pháp để đoạt mục tiêu chính của họ là cướp về cho Vua quyền hành, yêu cầu Thái Hậu đừng can dự chính sự.

b) Phái Khang, Lương, phái chính tôn của Duy Tân biến pháp, tuy hai ông xướng xuất chủ trương biến pháp, nhưng xuất phát quan điểm vẫn không đi ra ngoài giai cấp của hai ông.

c) Phái Đàm Tự Đồng- quá khích. Đàm Tự Đồng muốn lưu huyết cách mệnh, ông thường hô hào: “Chỉ có đấu tranh đổ máu giữa tân, cựu thì Trung Quốc mới có hy vọng tiến bộ”.

d) Phái Dung Hoằng- Hoằng là người mang quốc tịch Mỹ lấy vợ Mỹ, theo đạo cơ đốc. Lý lịch như thế thì quan hệ của Hoằng với tổ chức cũng không thể rõ rệt. Ông ta không nhiệt thành hoạt động cho biến pháp Duy Tân.

e) Du ly phái. Du ly có nghĩa theo đây bỏ đây. Phái này đa số là đám quan liêu cầu lợi, chân nọ chân kia, chính bọn du ly làm hại vận động Duy Tân nhiều nhất.

Tập đoàn Duy Tân xem vậy quá ư phức tạp, đã không có chủ trương nhất quán lại vô thực lực mà đương đầu với tập đoàn bảo thủ đang nắm hết binh quyền, chính quyền thì khác nào đem trứng chọi đá. Tuy thảm hại nhưng vận động Duy Tân nói lên một điều rất quan trọng là lòng dũng cảm của phần tử trí thức mở đường cho cách mạng.

Duy Tân và Đông Du

Đầu thế kỷ 20, thực dân Pháp mở rộng chương trình khai thác Đông dương và củng cố thế lực của chúng. Bên cạnh biện pháp bạo lực, chúng triệt để sử dụng văn hóa giáo dục nô dịch làm lợi khí thống trị.

Phần tử trí thức trước những thất bại của cha anh trong các phong trào văn thân, cần vương nhận thấy rằng cần phải tìm một đường lối tranh đấu khác. Tiếng dội của biến pháp Duy Tân ở Trung Quốc và Nhật bản vang sang nước ta nên họ đã nhìn thấy nhu cầu đổi mới để cứu nước.

Chiến tranh Nga Nhật bùng nổ, các nhà nho hay tin nước Nhật bé nhỏ dám tuyên chiến với Nga khổng lồ, thế mà hạm đội Nga thua lớn ở Lữ Thuận, lục quân Nga tan tành. Các cụ bàng hoàng như tỉnh một cơn mê. Từ đó trở đi dân ta hướng cả về Nhật, muốn noi gương Duy Tân để nước mạnh lên. Sĩ phu trong nước truyền tay

nhau đọc những cuốn: Nhật Bản Tam thập niên duy tân sử, Nhật Bản Duy Tân khải khái sử. Các cụ còn làm thơ ca tụng Nhật Bản nữa. Bởi thế, phong trào Duy Tân nước ta đi cùng với phong trào Đông Du một lúc.

Do Tăng Bạt Hổ dẫn đường, Phan Bội Châu và Cường Để qua Nhật để cầu ngoại viện đồng thời tổ chức phong trào Đông Du. Cầu viện không thành nhưng Đông Du thì có kết quả.

Ở Nhật, Sào Nam Phan Bội Châu viết bài khuyên thanh niên du học giao cho Tăng Bạt Hổ mang về nước phát hành. Thanh niên trong nước hưởng ứng phong trào Đông Du rất đông, chừng non hai năm số học sinh tại Nhật có tới chừng hai trăm.

Đầu mỗi của Đông Du là Tăng Bạt Hổ, sau khi kháng Pháp không thành, ông đã lên sang Thái Lan, sang Trung Quốc xin làm thủy thủ vượt biển tới Nhật đăng vào thủy binh Nhật. Trong chiến tranh Nhật Nga, ông đã ghi được nhiều chiến công do lòng quả cảm và cũng do tâm lý căm thù người Âu. Ngày khải hoàn, ông được mời dự đại yến do Nhật Hoàng khoản đãi. Đỡ chén rượu của Vua Nhật tự tay rót mời, ông uống một hơi cạn rồi khóc lớn. Nhật Hoàng hỏi nguyên do ông giải bày tâm sự:

“Tôi vốn không phải là người Nhật, mà là người Việt Nam lưu vong, chống Pháp thua rồi tới đây phục vụ Thiên Hoàng. Nay thấy quý quốc thắng Nga làm vẻ vang cho giống da vàng, tôi nghĩ tới tình cảnh nước tôi mà không ngăn được giọt lệ. Bao giờ dân nước tôi mới có được bữa tiệc này của quý quốc!”.

Các người dự yến thấy đều cảm động trước vẻ mặt cương nghị và những lời khải khái của ông, từ đó các nhà cầm quyền Nhật rất có cảm tình với Tăng Bạt Hổ, họ khuyên ông nên phát triển phong trào Duy Tân để nâng cao dân trí. Muốn duy tân không thể trông cậy ở Pháp được vì Pháp không thực tâm khai hóa nên phải lựa chọn thanh niên tuấn tú đưa qua đây, nước Nhật sẽ đào tạo cho.

Sự tin tưởng thành thực vào Nhật của các nhà trí thức lãnh đạo Đông Du cũng giống như Khang Hữu Vi và Đàm Tự Đồng tin tưởng vào Viên Thế Khải. Khi thực dân Pháp nhận thấy nguy hại của phong trào liền tìm cách đàn áp. Một mặt Pháp cưỡng ép phụ huynh gọi con em về, một mặt điều đình với chính phủ Nhật đề nghị nhường một số quyền lợi buôn bán ở Đông Dương với điều kiện chính phủ Nhật trục xuất những người Việt Nam ra khỏi Nhật Bản. Ngay sau khi hiệp ước Pháp Nhật được ký kết, chính phủ Nhật lập tức giải tán tổ chức học sinh V.N., các học sinh nhận được lệnh rút ngay ra khỏi nước Nhật. Cuối cùng đến lượt cụ Phan Bội Châu bị trục xuất, thế là phong trào Đông Du tan rã. Phan Bội Châu đi với các đồng chí qua Trung Quốc, ở đây ông thành lập Việt Nam quang phục hội.

Năm 1913 xảy ra vụ ném bom ở Thái Bình, Hà Nội, thực dân Pháp lên án tử hình ông Phan Bội Châu. Năm 1925 ông bị mật thám Pháp

bắt cóc ở ga Bắc Tràm rồi giải về Hà Nội để thọ án tử hình, nhưng trước cao trào của nhân dân đòi ân xá, toàn quyền Varenne nhượng bộ, cho đưa ông về giam lỏng ở Huế. Từ đó ông sống những ngày tàn trong một ngôi nhà nhỏ âm thầm hiu quạnh với tất cả những nỗi đắng cay, kiểm điểm lại cuộc đời trăm ngàn thất bại của mình.

oOo

Trong ngục trung thư, ông Phan Bội Châu nhắc đến Tây Hồ Phan Chu Trinh nói với ông như sau:

Xem dân trí Nhật Bản rồi đem dân trí ta so sánh thật không khác gì đem con gà con độn với con cắt già. Giờ bác ở đây, nên chuyên tâm ra sức về việc văn, thức tỉnh đồng bào cho khỏi tai diếc, mắt đui, còn việc mở mang diu dặt ở trong nước nhà thì tôi xin lãnh. Lưỡi tôi còn người Pháp chẳng làm gì được tôi mà lo.

Rồi Phan Bội Châu đưa tập Hải ngoại huyết thư cho Phan Chu Trinh mang về nước. Tới Hà Nội, Phan Chu Trinh lại thăm Lương Văn Can bày tỏ tình hình ở Nhật và cùng nhau sáng lập một nghĩa thực tựa như Khánh Ưng Nghĩa Thực của Nhật để mở mang dân trí và đào tạo đồng chí, mưu việc lâu dài. Ít tháng sau, Phan Bội Châu cũng ở Nhật về lần thứ nhì, mục đích tìm gặp Hoàng Hoa Thám. Nhân cơ hội này các ông Phan Bội Châu, Phan Chu Trinh, Lương Văn Can, Tăng Bạt Hổ họp nhau ở phố hàng Đào, Hà Nội. Từ cuộc hội họp này mà có quyết định mở Đông Kinh nghĩa thực gây một phong trào duy tân trong nước.

Chương trình của Đông Kinh nghĩa thực do Phan Chu Trinh thảo ra, ấn định mở những lớp dạy học không lấy tiền, tổ chức những cuộc diễn thuyết để trao đổi tư tưởng, để cùng cổ động trong dân chúng. Trường sẽ dạy cả Việt văn, Hán văn, Pháp văn. Ban tiểu học chuyên dạy Việt văn, lên trung học đại học mới dạy Hán văn và Pháp văn. Triệt để bỏ lối học từ chương khoa cử mà chú trọng vào thường thức và thực nghiệp.

Năm 1907 là năm phong trào duy tân lên mạnh nhất, cuộc vận động cách mạng tư tưởng nhằm vào mấy điểm căn bản kể dưới đây:

- Lột vỏ hủ nho.
- Thay đổi giáo dục và học thuật.
- Cổ động cho chữ Quốc ngữ.
- Sửa đổi nếp sống, xã hội.

Ngay từ đầu phong trào đã mang tính cách triệt để chống phong kiến, cách mạng văn hóa để đắp con đường đưa tới chống thực dân, đấu tranh giành độc lập.

Phong trào Đông Kinh nghĩa thực hoạt động theo một thể thức hợp pháp, công khai nên bành trướng rất mau. Nhận thấy phong trào này càng ngày càng nguy hại, thực dân không thể để yên cho nó

thả cửa hoạt động, phải đập chết. Đầu năm 1908 thực dân Pháp thu giấy phép của nghĩa thực, viện cớ nghĩa thực đã đi quá trớn làm lòng dân náo động. Để lung lạc các giáo sư, viên thống sứ ra nghị định bổ nhiệm hai ông Hoàng Tích Phụng và Nguyễn Quyền làm trong ty giáo huấn, hai ông Lương Trức Đàm và Dương Bá Trạc được bổ nhiệm làm tri huyện nhưng cả hai khước từ.

Ai cũng tưởng thế là xong, chẳng ngờ mấy tháng sau nhiều vụ chính trị nghiêm trọng xảy ra, làm cho thực dân đối đãi gắt gao hơn với các phần tử trí thức yêu nước của Đông Kinh nghĩa thực.

Vụ thứ nhất biểu tình kháng thuế ở Quảng Nam lan vào các tỉnh miền Trung. Chính phủ Pháp và Nam triều đổ tội cho ông Phan Bội Châu, Tây Hồ, Trần Quý Cáp, Huỳnh Thúc Kháng đã xui dân làm loạn. Bọn quan lại Việt ghét nhất Trần Quý Cáp vì tính khinh mạn của ông nên đem ra chém đầu ngay, ông Tây Hồ Phan Chu Trinh ở Hà Nội bị xích tay giải về Huế.

Vụ thứ hai là âm mưu bạo động Đề Thám.

Vụ thứ ba là vụ đầu độc quan binh Pháp ở Hà Nội.

Lần lượt đến các ông khác, người thì bỏ trốn, người thì bị đi an trí, người thì bị khổ sai chung thân, đẩy ra Côn Lôn. Tới Côn Lôn họ gặp nhau, Phan Chu Trinh đã ứng khẩu ngâm bốn câu thơ (Chữ Hán, Phan Khôi dịch như sau):

Mang xiềng nhẹ bước khỏi đô môn

Hăng hái cười reo lữ viễn còn

Đất nước hăm chìm dân tộc héo

Làm trai chi sá thứ Côn Lôn

Ông Nguyễn Thượng Hiền thoát sang Tàu, chán ngán vì bọn phản bội, vào chùa đi tu ở Hàng Châu, bài thơ Lữ Ngộ (ở trọ đất Ngô) tả thân phận của cụ lúc ấy:

Nước thăm non xanh lảng bóng chiều

Chơi vơi hồn nước biết nơi nào

Sống làm hạc lẽ về vô ích

Thác hoá quyền sầu hận chữa tiêu

Hoàng hải chống gươm thu sóng réo

Ngô môn thổi sáo tối trăng treo

Còn chăng tráng chí nguyên như cũ

Lên vút tầng mây muôn trượng cao

Giọng thơ của ông vừa bi hùng, vừa phiêu diêu nửa như tiếng hạc, nửa như tiếng quyên, nửa như tiếng sóng, nửa như ánh trăng, giống như đời ông (trích của Nguyễn Hiến Lê) thật đúng với thân phận người trí thức yêu nước lưu vong ôm mối hận quốc phá gia vong.

Nghĩa Hòa Đoàn

Phim “Năm mươi ngày ở Bắc Kinh” do David Niven, Charlton Heston và Ava Garner thủ diễn là phim nói về cuộc bạo động ở Bắc Kinh chống các nước Tây phương. Cầm đầu vụ bạo động ấy chính

là Nghĩa hòa đoàn. Sau khi các quan lại, quý tộc đi mãi vào chính sách nhượng bộ, họ hoàn toàn bị mất tín nhiệm thì quyền lãnh đạo phản kháng xâm nhập của Tây phương chuyển sang tay những hội kín có tính chất mê tín thần giáo, những hội kín (société secrète) này đã đáp ứng đúng nguyện vọng của dân chúng trên tôn giáo cũng như trên kinh tế và chính trị. Trên chính trị đây là một vận động tự phát của nhân dân chống xâm lược ngoại quốc, trên tôn giáo đây là một vận động tiêu diệt công giáo cùng các phái bộ truyền đạo, trên kinh tế đây là kết quả mất mùa đói khát của nông dân và thợ thuyền. Về bản chất nghĩa hòa đoàn tương tự như vận động Hoàng Cân đời Tam Quốc, vận động Hoàng Sào đời Đường và vận động Lý Sấm đời Minh. Người ta có thể tùy theo lập trường chính trị mà mệnh danh nó là cách mạng, là giặc, là tạo phản hay là gì khác, nhưng thực tế nó chỉ là vận động xông vào cái chết để tìm cái sống trước một bước đường cùng. Hoàng Cân, Hoàng Sào, Lý Sấm chỉ có một đối tượng là bọn thống trị bản quốc còn Nghĩa hòa đoàn thì đối tượng lại là xâm lược ngoại quốc văn minh Tây phương, tôn giáo xung kích, vì vậy nếu có điểm sai dị nào thì chỉ là do biến thiên của hình thế khách quan. Đối với phần tử trí thức, tuy Nghĩa hòa đoàn không phải do họ lãnh đạo, sách động hay tổ chức, nhưng vận động của Nghĩa hòa đoàn bộc lộ tính chất theo đuôi, ngoan ngoãn, hủ lậu của lớp trí thức cổ cự.

Nguyên nhân thứ nhất của Nghĩa hòa đoàn là sự phá sản của kinh tế nông thôn do thiên tai, sưu cao thuế nặng, bóc lột con buôn, tham nhũng của quan lại, và sau rốt là dương tai tức là tai nạn Tây phương. Hàng hóa ngoại quốc ồ ạt vào Trung Quốc bóp chết nền tiểu công nước này. Ở nông thôn đa số phụ nữ làm nghề dệt vải. Trước tấn công của hàng hóa bông vải họ đành khoanh tay chịu đói. Đường giao thông hàng hải, đường sắt phát triển khiến loại người chuyên mưu sinh bằng vận tải thất nghiệp. Số thất nghiệp tăng rất mau, trong vòng vài tháng lên mấy triệu người. Văn minh mà không tiến bộ thì thật là một đại bi kịch. Nguyên nhân thứ hai là tôn giáo Tây phương. Ai cũng biết tôn giáo Tây phương truyền vào Trung Quốc bằng súng đạn và tàu chiến chứ không phải dựa vào giáo nghĩa để lôi kéo dân chúng. Tôn giáo Tây phương là thiên chúa giáo và cơ đốc giáo thờ một vị thượng đế, lối thờ trái ngược với quan niệm thờ của người Trung Quốc. Người Trung Quốc dù theo Nho, Thích Đạo đều nhìn chỗ nào cũng có một vị thần có thể lễ được, ngay cả quỷ cũng có thể bái được. Bây giờ đòi hỏi phải bỏ hết để chỉ thờ một thượng đế thì thật là câu chuyện cực khó. Quan trọng hơn nữa là người Trung Quốc rất sùng bái tổ tiên từ lâu đời lắm rồi. Nay thiên chúa giáo và cơ đốc giáo yêu cầu từ bỏ sùng bái tổ tiên, đó là câu chuyện không thể nghe được. Để đối phó với những trở ngại trên, các nhà truyền giáo ngoại quốc tung ra nhiều thủ đoạn không mấy đàng hoàng để dụ người vào đạo như:

a- Xuất tiền mua chuộc bọn vô lại theo đạo rồi đem bọn đó mang lương thực dẫn dụ dân chúng.

b- Người ngoại quốc đem đặc quyền của họ giành được ở T.Q. chia sẻ với hoạt động tín ngưỡng, biến giáo dân thành một giai cấp đặc quyền tân hưng, nếu giáo dân bị khó khăn điều gì phải bỏ truyền giáo lập tức ra mặt cứu gỡ.

Thấy giáo dân lợi thế như vậy nên trong dân gian gọi giễu là “ngật giáo”, ngật là ăn như bên ta thường nói đi đạo lấy gạo mà ăn. Dựa vào thế lực, các giáo dân từ được bênh vực tiến lên bắt nạt, áp bách quần chúng đông đảo. Về phía quần chúng đông đảo chịu bao tai trời ách nước không biết bầu víu vào đâu, trông cậy vào ai nên quay ra mê tín thần quyền.

Nghĩa hòa đoàn là một thứ hội đảng bí mật của dân gian mang tính chất tôn giáo. Gốc gác của nó từ đời Đường khi Mani giáo của Ba Tư nhập Trung Quốc. Về sau Mani giáo bị cấm, nó liền chuyển biến và hợp lưu với các giáo ở Trung Quốc thành ra thứ đạo giáo thờ phụng cực đa thần. Đời Minh có Bạch Liên giáo sinh ra Nghĩa hòa môn và Nghĩa hòa môn là tiền thân của Nghĩa hòa đoàn.

Theo sách Từ Hi ngoại ký thì Nghĩa hòa đoàn có một đạo bùa bí mật lúc lâm chiến đeo ở người, đạo bùa mang hình vẽ bằng chu sa không ra người, không ra quỷ, không ra thần, không ra yêu, có đầu không chân, mặt nhọn mắt mũi lạ lùng trên đầu tỏa ra hào quang, quanh lá bùa viết chữ đại ý nói là thiên binh thiên tướng.

Đa số nông dân vốn ít học, suốt đời chỉ nhìn thấy quan và thần.

Khổng học đã lâu đời gần như chỉ dành cho quan và trí thức. Lúc thời cuộc rối loạn cực điểm không còn thể giảng đạo lý dài dòng, nông dân không biết chữ cấp thiết đòi hỏi cái gì dễ tin, đơn giản nên họ dễ mắc vào sự xui giục của Nghĩa hòa đoàn. Nông dân theo Nghĩa hòa đoàn để tìm vị thần che chở, thần ấy nếu nhìn kỹ ra chẳng qua chỉ là sức mạnh của sự quần tụ.

Nông dân gia nhập Nghĩa hòa đoàn hy vọng mang vị thần T.Q. để đả đảo thần ngoại quốc, nghĩa là làm thỏa lòng căm thù đối với cái bọn ngật giáo đang ở địa vị đặc quyền, đang là giai cấp mới bên kia. Về mặt chính trị Nghĩa hòa đoàn đưa ra khẩu hiệu: Cừu giáo diệt dương (thù tôn giáo tiêu diệt bọn Tây). Nhân trời nắng hạn nói: càng diệt nhiều Tây trời càng sớm mưa.

Phần tử trí thức bị lôi cuốn vào Nghĩa hòa đoàn rất ít, đó là một bộ phận nhỏ gồm toàn phần tử trí thức lạc hậu. Còn đa số áp dụng thái độ khoan tay nhìn thế sự, nhưng thâm tâm ai cũng mong mỏi Nghĩa hòa đoàn thành công. Tại sao vậy? Từ Mậu Tuất, phần tử trí thức nhất loạt toàn lực cầu biến, kết quả thất bại, nhiều chán nản. Nay thấy vận động Nghĩa hòa đoàn lan rộng thì họ quan niệm, thôi nếu ta không làm được thì nhường cho người khác làm. Giả thử phần tử trí thức tích cực tham gia, chắc bộ mặt của vận động đã đổi khác. Bởi chừng vận động lọt vào tay đám trí thức lạc hậu ngang

ngành bài ngoại và bọn quí tộc thối nát nên mới thành bi kịch.

Từ phản Thanh phục Minh đến thù Thanh diệt dương

Bạch Liên giáo xưa kia hoạt động cho chính sách phản Thanh phục Minh, cho nên khi Nghĩa hòa đoàn nổi dậy, quan quân nhà Thanh đem binh đi tiêu trừ. Về phía Nghĩa hòa đoàn cũng trương ra danh nghĩa “giết tặc quan”. Đắt khởi nghiệp của Nghĩa hòa đoàn là tỉnh Sơn Đông do Chu Hồng Đăng lãnh đạo. Quan địa phương tiến đánh đều thất bại. Mỗi thất bại một ông quan lại bị cách chức. Đến đời tuần phủ Sơn Hiên đến trị nhậm, ông thấy mình cũng không làm được gì hơn nên áp dụng lối chiêu dụ, rồi từ chiêu dụ đến tiến cử lên Tây Thái Hậu. Triều đình Thanh muốn tạm thỏa hiệp cho yên nên dùng bọn Chu Hồng Đăng giữ nhiệm vụ huấn luyện dân quân. Nghĩa hòa đoàn liền đổi chủ trương ra thù Thanh diệt dương, tôn Sơn Hiên làm lãnh tụ.

Bắt tay vào việc, Nghĩa hòa đoàn cho lập ở mỗi thôn trang một nhà dạy đánh quyền (nên Tây phương mới gọi là Boxer tức quyền phỉ), tụ tập dạy võ rồi công khai phá phách nhà thờ, gây sự đánh đập giáo dân, giáo dân cũng chẳng vừa, vũ trang chống cự. Khắp nơi va chạm đổ máu xảy ra như cơm bữa. Không lâu, ngoại quốc quyết liệt kháng nghị, dọa dẫm triều đình và chính phủ. Thanh triều nhượng bộ, cách chức Sơn Hiên, cử Viên Thế Khải lên thay. Nghĩa hòa đoàn làm dữ giết mát mấy nhà truyền giáo người Anh. Thanh triều thúc Viên Thế Khải tiến đánh Nghĩa hòa đoàn. Viên Thế Khải mở chiến dịch tổng công kích, đánh bật chủ lực Nghĩa hòa đoàn ra khỏi Sơn Đông. Chu Hồng Đăng tử trận. Thoát khỏi Sơn Đông, Nghĩa hòa đoàn xâm nhập Hà Bắc, lấy Thiên Tân, Bảo Định, Thông Châu làm trung tâm hoạt động. Tổng đốc Dụ Lộc đem quân tiêu phạt nhưng thất bại. Thắng Dụ Lộc, uy tín Nghĩa hòa đoàn lên mạnh, liền động viên toàn thể nam phụ lão ấu nông dân có tới mấy trăm ngàn. Trước tình thế tràn ngập như nước vỡ bờ, Dụ Lộc bắt chước Sơn Hiên thừa nhận Nghĩa hòa đoàn là đoàn thể hợp pháp. Dụ Lộc đến lễ miếu thờ Hoàng Thánh Liên Mẫu.

Lãnh tụ Nghĩa hòa đoàn bây giờ là Lý Lai Trung. Trung là em nuôi của tướng Đồng Phúc Tường, qua liên hệ quân Nghĩa hòa đoàn chuyển nhập quân đội chính phủ rất đông rồi sinh sôi nảy nở ở đây. Thấy Nghĩa hòa đoàn thể mạnh, phe quí tộc Tây Thái Hậu nảy ý muốn dùng làm công cụ chính trị cho mình. Vốn sẵn ghét Quang Tự như một kẻ theo Tây nên họ hết sức bằng lòng khẩu hiệu diệt Tây của Nghĩa hòa đoàn. Thêm nữa bọn ngoại quốc mỗi ngày mỗi khó khăn cơ hồ không thể chịu hơn được. Phe Tây Thái Hậu bèn ngầm đưa Nghĩa hòa đoàn về Bắc Kinh.

Ngày 17 tháng 6 năm 1909, Tây Thái Hậu triệu tập quần thần mở ngự tiền hội nghị quyết định tuyên chiến với ngoại quốc. Súng nổ đạn bay, Nghĩa hòa đoàn dù có bùa phép kỳ diệu cũng vẫn lẫn ra

chết như ngã rạ. Liên quân tám nước đánh ập vào Bắc Kinh kết thúc bi kịch Nghĩa hòa đoàn.

Chính trị Thần Quyền ở Việt Nam

Đặc tính thần quyền ở Việt Nam là đồng cốt hay đồng bóng. Không rõ đồng bóng có từ bao giờ, chỉ biết rằng nó không được phần tử trí thức chấp nhận. Riêng các đền để thực hiện việc lên đồng, vì mang ý nghĩa tôn thờ các vị anh hùng liệt nữ dân tộc nên phần tử trí thức sùng kính mà thôi. Ở các đền này nhiều vị danh nho thường là để ca tụng anh linh người xưa có công với đất nước. Tuy nhiên trên toàn bộ lịch sử, chưa hề có vụ nào khả dĩ gọi là vận động lớn lao với chính trị tính do đạo lên đồng lãnh đạo. Đem thần thánh trực tiếp gây phong trào chính trị chỉ mới xảy tại miền Nam Việt Nam. Muốn hiểu thì phải trở lại nguồn gốc.

Năm 1669 có quan nhà Minh là tổng binh trấn thủ đất Long Môn (Quảng Tây) tên là Dương Ngạn Địch cùng phó tướng Hoàng Tiến, phó tướng Trần An Bình không chịu làm tôi nhà Thanh, đem 3000 quân cùng 50 chiến thuyền sang xin làm dân Việt Nam. Chúa Hiền (nhà Nguyễn) nhân muốn khai khẩn đất Chân Lạp bèn cho vào đất Đông Phố. 15 năm sau, Mạc Cửu người Quảng Đông, trong khi nhà Thanh cướp ngôi nhà Minh bên Tàu bỏ sang Chân Lạp, mở sông đánh bạc lấy tiền chiêu mộ lưu dân lập ra Hà Tiên. Mạc Cửu xin thuộc chúa Nguyễn, chúa phong cho làm chức tổng binh giữ đất Hà Tiên.

Trong khi ấy ngay tại Trung Quốc, các di thần chí sĩ hoài bão đại nghĩa, không chịu sĩ nhục trốn đi ẩn vào các tổ chức hải hồ. Để xách động đại chúng, họ dùng nghi thức thần đạo, để tổ chức họ dùng nghĩa khí hào hiệp, để áp dụng hoạt động họ áp dụng hành nhân kết nghĩa. Tất cả quy vào phục vụ cho chủ trương chính trị phản Thanh phục Minh. Đảng hội bí mật này gọi là Hồng Môn. Nghĩa hòa môn của Bạch Liên giáo cũng là một chi phái. Hồng Môn hội đã vượt biển đến với những người Trung Quốc chống Thanh ở Việt Nam.

Nghĩa hòa đoàn bị liên minh tám nước đập tan thì cái đuôi của nó quấy ở miền Nam Việt Nam. Ngay từ đầu thế kỷ 20 chung quanh Saigon có nhiều hội đảng bí mật như Nghĩa Hòa, Thiên Địa hội, Lương Hữu hội, Nhân hòa đường. Các hội đảng này mang màu sắc thờ phụng miếu tự. Các đảng hội viên hội họp ban đêm ở các đền chùa với mục tiêu chống Pháp. Như đã nói đây chỉ là cái đuôi của Nghĩa hòa đoàn bên Tàu nên không làm nên chuyện gì cả, mặc dầu đám nông dân, tá điền và ít nhiều phần tử trí cựu trí thức gia nhập các hội đoàn này để mưu việc cứu nước. Bị Pháp đánh dẹp, các hội đoàn bí mật kể trên biến chất hóa thành các hội đảng của những tay anh chị đánh thuê chém mướn trong xã hội Hoa Kiều.

Đặc biệt nhất là vụ Phan Xích Long xảy ra vào năm 1913. Một đêm bỗng có tám trái bom nổ giữa Saigon Chợ lớn, rồi chừng 600 nông

dân ăn mặc đồ trắng, đeo bùa phá phách khắp nơi, bởi vì đêm đó Phan Xích Long sẽ từ trên trời giáng lâm để lên ngôi cửu ngũ. Người Pháp bắt được Phan Xích Long, ông tự nhận là con vua Hàm Nghi, ông bị giam vào khám lớn Saigon. Ba năm sau vụ Phan Xích Long tái khởi, nhiều người tấn công khám lớn Saigon và khám Biên Hòa để giải cứu Phan Xích Long. Ở Saigon họ thất bại, nhưng ở Biên Hòa họ chiếm được trại giam và thả hết tù. Cầm đầu vụ này là ông Nguyễn Văn Mùì. Từ đó vận động Phan Xích Long tiêu tan, không còn vụ to lớn khác nào nữa, tuy bùa phép vẫn còn hoạt động nhưng không đáng kể. Còn như Cao Đài, Hòa Hảo thì tính chất lại khác hẳn.

Thân phận trí thức

Chương Thứ Sáu HOA KHOA HỌC DÂN CHỦ KẾT THÀNH QUẢ CỘNG SẢN

Những gì không mang lợi cho tổ ong

thì cũng vô ích cho con ong

Marc Aurèle

Anh có biết con châu chấu không? Nếu

sống rời rạc, nó chỉ nhảy lung tung rồi

chẳng chóng thì chày nó sẽ bị đưa trể

chộp được và buộc chỉ xích chân.

Nhưng nếu châu chấu họp đàn thì thôi

không còn gì mạnh hơn, cả một cánh

đồng lúa chín kia sẽ nhả nhụi trong phút

chốc chẳng sức gì cản nổi

Lão Xá

Cách mạng Tân Hợi

Thời gian Nghĩa hòa đoàn làm loạn ở Bắc Kinh đã tạo nên một hiện tượng chính trị đáng chú ý là Thượng Hải thay thế Bắc Kinh làm trung tâm văn hóa. Trước đây Bắc Kinh từ đời nọ qua đời kia vẫn là nơi phát xuất và trung tâm văn hóa, nay văn hóa di chuyển xuống miền Nam. Lý do là phần tử trí thức tiến bộ tránh né tình trạng hỗn loạn khủng bố của Nghĩa hòa đoàn nên di tản xuống miền Nam. Trên mặt chính trị thủ đô bị tám nước hoành hành đem đến sỉ nhục cho T.Q. nhưng trên văn hóa thì lại là một hoàn cảnh có lợi. Phần tử trí thức tiến bộ rời bỏ Bắc Kinh ra đi với tâm lý càng quyết liệt hơn với cách mạng, với canh tân bởi vì họ thấy rõ ràng những hành động chính trị thần quyền cổ lỗ không còn hiệu lực gì nữa trước chiến hạm, đại bác.

Ở Bắc Kinh, sau khi bị tám nước Tây phương chiếm giữ, sinh hoạt và trật tự của nhân dân hoàn toàn bị phá hoại. Phần tử trí thức hủ lậu cay chua bị phản trở về với triết lý Lão Trang sống lối tuyệt thánh khí trí, phần tử trí thức quen lối giáo dục nô tài thì từ bỏ phụng sự Mãn Châu quay sang phụng sự Tây phương. Các sĩ đại phu đua nhau nịnh nọt Tây, họ đi mua thánh giá về đeo, kính về đọc. Họ trước là nô lệ Mãn nay là nô lệ Tây. Trong khi Thượng Hải tư tưởng cầu tiến bộ hừng hực bốc lửa thì Bắc Kinh đi mua quần áo giày dép cũ của Tây phương về mặc. Trong khi thi ca Thượng Hải bông bột với khí thế cách mạng thì ở Bắc Kinh thi nhân ca tụng tình yêu người đẹp của T.Q. với thống đốc Tây già (kịch thơ Trại Kim Hoa). Ông Tinh Vệ hành thích Nhiếp Chính Vương không thành bị hạ ngục, Vệ làm bài thơ tứ tuyệt sau đây:

Khảng khái ca Yên thị
Thung dung tác sở tù
Dẫn đao thành nhất khoái
Bất phụ thiếu niên đầu

Thi ca cách mạng đã chuyển tới hành động cách mạng. Năm Tân Hợi cuộc khởi nghĩa ở Vũ Xương bùng nổ, chừng hai tháng sau cách mạng hoàn thành. Hai tháng! thật là một cuộc cách mạng chớp

nhoáng, một kỳ tích của lịch sử. Tuy nhiên cũng phải nhận rằng sở dĩ nhanh chóng như vậy là vì Tân Hợi chẳng qua chỉ là cái quả chín, hoa nụ của nó đã có từ lâu rồi. Cũng như cuối đời Tần, khi Trần Thiệp-Ngô Quảng trương cờ khởi nghĩa, khắp nước ứng theo nên nhà Tần vong mệnh trong phút chốc. Khởi nghĩa Ngô Quảng-Trần Thiệp chỉ là trái chín, hoa nụ của nó là hoạt động cách mạng của các vong thần vong dân cứu nước cả mấy chục năm trước. Cách mạng Tân Hợi là sự gom góp vận động Mậu Tuất, vận động Nghĩa hòa đoàn do phần tử trí thức lãnh đạo, những bang hội giang hồ và nông dân làm thành.

Bang hội giang hồ là gì?

Trên tổ chức là những đảng hội bí mật Hồng Môn. Trên đơn vị cá nhân theo ý nghĩa “élite” của Paréto là những cao thủ của mọi tầng lớp sinh hoạt xã hội mà chúng ta thường đọc trong kiếm hiệp danh từ “cao thủ” võ lâm. Có lẽ chữ cao thủ để phiên dịch danh từ élite của Paréto sát nghĩa hơn hết.

Như đã nói ở trên bây giờ tìm hiểu thêm. Các đảng hội bí mật tức các tổ chức bang hội của T.Q. phát triển từ khi nhà Minh mất ngôi. Dưới thống trị Mãn Thanh, các tổ chức bang hội không ngừng đấu tranh phục quốc, tên tuổi nhất gồm có: Bạch Liên giáo, Thiên Địa hội, Tam hợp hội, Ca Lão hội. Các hội này lại phân chia ra làm nhiều chi phái nhỏ như Chủy Thủ hội, Song Dao hội, v.v...

Địa bàn của Bạch Liên giáo hoạt động là miền Nam Hoa Bắc.

Địa bàn của Tam hợp hội hoạt động là miền Hoa Nam. Đất khởi nghĩa của cách mạng Tân Hợi là miền Hoa Nam, khởi đầu do Hưng trung hội của Tôn Trung Sơn.

Tôn Trung Sơn là con của một gia đình trung nông. Sau khi họ Tôn ra đời thì gia đình ông bỏ ruộng nương ra tỉnh doanh thương, vì doanh thương mà liên hệ nhiều với ngoại quốc mà Tôn Trung Sơn xuất du Anh quốc theo học. Tốt nghiệp về nước, thấy sự thất bại của Khang Hữu Vi và Lương Khải Siêu trong công cuộc vận động cải cách và biến pháp, ông liền tổ chức một đoàn thể cách mạng, lấy tên là Hưng trung hội với cương lĩnh chính trị: Đuổi giống Mãn khôi phục Trung Hoa, sáng lập hợp chủng chính phủ.

Trong Hưng trung hội có một người tên là Trịnh Sĩ Lương cấp bậc đàn anh của bang hội giang hồ Hồng Môn. Trịnh Sĩ Lương là bạn học với Tôn Trung Sơn. Nhờ giới thiệu của Lương, Tôn Trung Sơn thiết lập quan hệ với Hồng Môn và đảng hội với Hồng Môn về sau chính là chủ lực vũ trang của cách mạng Tân Hợi vậy, bởi lẽ Hồng Môn là chủ tế hầu hết các tổ chức lực lâm ở miền Nam. Tôn Trung Sơn theo học Tây phương từ tấm bé cho nên ông phản đối lẽ lối cách mạng của Nghĩa hòa đoàn. Nhưng Hưng trung hội của họ Tôn trên tính chất chẳng khác Nghĩa hòa đoàn bao nhiêu, cả hai đều lấy bang hội giang hồ làm cơ sở.

Tổ chức bang hội giang hồ nặng mùi mê tín và lạc hậu xa cách hẳn

tư tưởng tiến bộ của Tôn Trung Sơn thể mà hai bên kết hợp được với nhau. Tại sao? Dưới một tình thế cần thiết nào đó, chính trị có thể thiết lập hai khuynh hướng trái ngược, vả lại bấy giờ chỉ quảng đại quần chúng lạc hậu mới có dũng khí hoạt động thôi, còn phần tử trí thức vì hay suy nghĩ nên thường gia nhập phong trào chậm trễ. Giữa Nghĩa hòa đoàn và Tam hợp hội có một điểm khác nhau là Tam hợp hội nhờ phần tử trí thức tiến bộ nên đã tiến bộ hơn.

Từ Hưng Trung Hội đến Đồng Minh Hội

Đầu thế kỷ thứ 20, người đi du học mỗi lúc mỗi đông. Nhật Bản là điểm chuyển vận để người T.Q. tiếp thụ văn minh Tây phương. Đồng thời ở trong nước các trường mới mở ra cũng nhiều, xã hội T.Q. đang dâng lên phong khí mới.

Lưu học sinh ở Nhật tổ chức Thanh niên hội để làm cách mạng, rồi đến Ái quốc học xã do Sái Nguyên Bồi lãnh đạo, Hoàng Hưng ở Nhật về nước thành lập Hoa hưng hội. Ở Hồ Bắc thanh niên học sinh tổ chức Khoa học bổ tập sở. Ở Thượng Hải có Quang phục hội.

Thanh niên trí thức ồ ạt hoạt động cách mạng dưới nhiều hình thức: bí mật, công khai, hợp pháp, bất hợp pháp. Họ tuyên truyền dân chủ, sách vở chính trị được in ra rất nhiều khiến cho ngòi bút Lương Khải Siêu vốn tung hoành lâu nay bị lu mờ.

Cách mạng từng đấu tranh tư tưởng ra không chỉ nhằm thống trị Mãn Thanh, còn kịch liệt bài bác chủ trương của phái cải tạo. Phần tử trí thức cách mạng nhận rằng ngoài việc suy đảo đế chế không còn con đường cứu nước nào khác nữa. Phải cải lương biến pháp mấy năm trước đây là tiến bộ, dẫn đạo cách mạng, bây giờ trở thành lạc hậu làm vướng chân cách mạng.

Hưng trung hội nhập với Tam hợp hội để mong vận dụng các cao thủ giang hồ, trước phong trào cách mạng của thanh niên trí thức không thể không sửa đổi, do đó Tôn Trung Sơn liền đem Hưng trung hội liên kết với Quang phục hội và Hoa hưng hội để thành lập Đồng minh hội. Hưng trung hội nay chỉ còn là bộ phận để giữ mối quan hệ với đám giang hồ cao thủ mà thôi.

Thanh niên trí thức rất hoan nghênh việc làm của họ Tôn, họ đồng lòng bầu họ Tôn làm lãnh tụ Đồng minh hội. Đặc chất của Đồng minh hội là trung tâm lãnh đạo cách mạng đã về tay phần tử trí thức.

Hội viên Đồng minh hội tăng gia cực mau, chỉ non năm năm trời con số ba trăm lên tới vài vạn. Hoạt động ít lâu Đồng minh hội đã chuẩn bị vũ trang khởi nghĩa, tuyên ngôn xác định cương lĩnh chính trị đuổi Mãn, khôi phục Trung Hoa xây dựng Dân quốc, chia lại ruộng đất. Cơ quan ngôn luận của Đồng minh hội là tờ Dân báo. Trên Dân báo Tôn Trung Sơn trình bày chủ nghĩa tam dân của ông. Sau khi Đồng minh hội đưa ra chủ nghĩa tam dân để tiến hành cách mạng dân chủ thì bắt đầu một cuộc tử chiến với phái cải lương biến pháp.

Chính biến Mậu Tuất, Khang Hữu Vi và Lương Khải Siêu là thần tượng được phần tử trí thức sùng kính. Khi Đồng minh hội thành lập, Khang Lương vẫn giữ mãi điệu kèn cũ nên bị đả kích thậm tệ. Ở thời kỳ Hưng trung hội, Tôn Trung Sơn còn đau lòng vì toàn thể học sinh đồng tình với Khang Lương. Sang thời kỳ Đồng minh hội sinh viên học sinh bỏ dần Khang Lương.

Thanh niên trí thức hăng hái can đảm không kém bang hội giang hồ nhất tề tham gia lưu huyết đấu tranh.

Uông Tinh Vệ mưu sát Nhiếp Chính Vương.

Từ Tích Lân đâm tuần phủ An Huy. Lân bị bắt và bị đánh đập đến chết.

Nữ sĩ Thu Cẩn cùng Từ Tích Lân mưu đồ khởi nghĩa bị xử tử. Tô Mạn Thù thi sĩ, đòi giết Khang Hữu Vi để tiêu diệt bọn bảo hoàng. Những tháng trước cách mạng Tân Hợi, hầu như hết thấy phần tử đoàn kết dưới lá cờ cách mạng. Về phía thống trị, bấy giờ mới đi thu nhặt lý luận, phương pháp biến pháp, cải lương để đối kháng với cách mạng.

Một cuộc cách mạng ôn hòa?

Ngày 10-10-1911 là ngày cách mạng Tân Hợi khai hỏa khởi nghĩa ở Vũ Xương. Tháng 12 chiếm Nam Kinh. Tôn Trung Sơn được bầu làm Tổng Thống lâm thời. Nguyên nhân của cuộc khởi nghĩa Vũ Xương là “phong trào đường sắt”. Chính phủ Mãn Thanh cấu kết với tư bản ngoại quốc để cướp bóc của thương gia, dẫn đến vận động thỉnh nguyện của thương giới rồi vận động phản kháng của học sinh.

Việc đường sắt là việc tranh lợi giữa quan lại và thương gia. Trên ý thức chính trị là sự phản đối chính phủ cướp bóc và là cuộc đấu tranh giai cấp giữa nhà buôn với quan lại.

Chính phủ Mãn Thanh sợ xung đột lan rộng mới sai Đoan Phương đem quân lên trấn áp. Đoan Phương chết trong hỗn loạn, mặc dầu vụ đường sắt im hơi nhưng nó đã rải ra một lớp chất dẫn hỏa để đợi cách mạng châm lửa. Ngọn lửa ấy từ Vũ Xương mang đến. Quân cách mạng chiếm toàn thành Vũ Xương rồi liền triệu tập hội nghị quyết định:

a) Tuyên bố Trung Quốc là Trung Hoa dân quốc gồm các giống Mãn, Mông, Hồi, Hán, Tạng.

b) Phế trừ niên hiệu hoàng triều Mãn Thanh.

c) Hiệu triệu các tỉnh khởi nghĩa lật đổ chính phủ Mãn.

d) Tôn trọng lợi ích của các nước trên lãnh thổ Trung Hoa.

e) Quốc kỳ gồm năm màu đỏ, vàng, lam, trắng, đen.

Năm điều trên chứng tỏ nhận thức của cách mạng Vũ Xương tương đối cao.

Chỉ có một điểm lầm lẫn là cử Lê Nguyên Hồng làm đô đốc. Lê Nguyên Hồng là tư lệnh tân quân của chính phủ Mãn Thanh. Lê Nguyên Hồng không phải là người cách mạng nên khi được cách

mạng đưa lên chức đô đốc để báo cáo an dân, Hồng không ký tên, cách mạng phải bắt Hồng ký bằng súng. Đành rằng cách mạng cần dùng đám tân quân của Hồng nhưng đưa Hồng vào hàng lãnh tụ cách mạng là một việc kém tính toán, lưu hại về sau. Phần tử trí thức cách mạng hãy còn thiếu tự tin.

Lần lượt trong khoảng thời gian năm mươi ngày, các tỉnh khác cũng theo Vũ Xương khởi nghĩa.

Cách mạng Tân Hợi thành tựu nhanh chóng.

Cách mạng Tân Hợi đồng thời cũng là cách mạng ôn hòa.

Vì quá nhanh chóng và ôn hòa nên mới dẫn tới bao năm không ngừng hỗn chiến. Nó cũng nói lên khí chất của phần tử trí thức đương thời. Phần tử trí thức lãnh đạo cách mạng Tân Hợi dùng tư tưởng triết học Nho gia vào cách mạng. Không giết người và triệt để áp dụng điều hòa chủ nghĩa. Chỉ cần đổi cò, cắt đuôi sam, không nhận hoàng đế Mãn Châu là cách mạng rồi. Vì thế các quan chức Mãn Thanh bị giết rất ít, dân gian cũng tránh được khổ ải hãi hùng. Lắm nơi mọi người vẫn ngủ an giấc, sáng dậy để nghe tin hoàng đế bị truất phế. Đỡ được cho dân điều đại bất hạnh. Tuy nhiên nếu luận về bản thân cách mạng thì thật không triệt để chút nào. Không triệt để nên sau này vấn đề lãnh đạo gặp nhiều trở ngại khó khăn phức tạp, làm cho nội bộ chia rẽ, cựu thế lực trỗi dậy, gây thành một thời kỳ ảm đạm.

Hướng về Trung Hoa

Nhật bắt tay Pháp đuổi học sinh đông du và các lãnh tụ cầm đầu phong trào đông du.

Đông kinh nghĩa thực bị giải tán.

Phần tử trí thức âm thầm đau xót.

Một buổi tối mùa đông năm Tân Hợi, ông Phương Sơn đang nằm đọc sách thì ông Chân Thiết xồng xộc vào hỏi: Năm làm gì đó?

Người ta thành công rồi đó có biết không. Người ta thành công rồi mà mình vẫn nằm chờ chết ở đây ư?

Nói xong ông ôm mặt khóc hu hu.

Ông Phương Sơn ngạc nhiên hỏi:

- Chuyện gì thế? Ai thành công?

- Tôn Văn chứ còn ai nữa. Họ thành công trước mình rồi.

Ông Phương Sơn vẫn bình tĩnh:

- Tin tức ở đâu thế? Sao báo Tàu không thấy nói.

- Đi với tôi thì biết. Bọn Hoa kiều đang mở hội ở hàng Buồm để kỷ niệm ngày mồng mười tháng mười dân quân thắng ở Vũ Xương.

Lại mà xem.

- Thế thì đi.

Lát sau, hai ông rẽ khỏi phố Mã Mây một chút đã thấy người ta nô nức tiến về phía hội quán Quảng Đông. Không nhìn cảnh chưng đèn rực rỡ ở cửa, cũng không nhận nét mặt hân hoan của Hoa kiều, hai ông len lỏi tới một chỗ dán những tờ báo cáo, đọc những tin

cuối cùng về trận Vũ Xương rồi trở ra, xuôi về phía hàng Ngang.

Ông Chân Thiết nói trước:

- Ngẫm người mà thẹn cho mình.

Ông Phương Sơn cười:

- Việc gì mà thẹn. Người ta làm trước thì thành công trước, mình làm sau thì thành công sau chứ gì?

- Thành công cách nào? Cứ nằm chết dí ở đó mà đòi thành công?

- Thế chú có chương trình gì không?

- Tôi sẽ qua bên đó. Chắc Tôn Văn và bọn Vân Nam du học sinh còn nhớ tôi. Thế nào họ chẳng giúp mình.

Tối đó hai ông đi lang thang hết những phố có Hoa kiều như hàng Ngang, hàng Bồ, rồi trở về hàng Gai, hàng Đào mà bùi ngùi nhớ lại thời hoạt động của Nghĩa Thục. Đồng chí nay đã mỗi người mỗi nơi mà nước nhà thì biết bao giờ mới đổi thay. Khi chia tay ông Chân Thiết nói:

- Thế nào tôi cũng qua Trung Quốc càng sớm càng hay (trích Đông Kinh Nghĩa Thục của Nguyễn Hiến Lê).

Phần tử trí thức thuộc phái Nho gia của chúng ta sau khi đã thất vọng với người Nhật nay thấy cách mạng Tân Hợi thành công hết thảy đều hướng vọng về phía Trung Hoa. Hoạt động cách mạng Việt chuyển qua thời kỳ mới. Chiến sĩ cách mạng lấy Trung Hoa làm trung tâm hoạt động cách mạng. Họ hy vọng ở cách mạng Tân Hợi sẽ là người đồng chí, họ muốn học hỏi ở cách mạng Tân Hợi những kinh nghiệm cần thiết.

Diễn tiến của cách mạng Tân Hợi

Cơn sóng dữ cách mạng nhấn chìm một khu vực rộng lớn ở Trung Hoa. Chính phủ Mãn Thanh liền đưa Viên Thế Khải lên hàng lãnh đạo tối cao. Viên Thế Khải lợi dụng phe cách mạng thiếu tổ chức và lãnh đạo thống nhất đưa ra đề nghị giảng hòa. Khải yêu cầu nói chuyện với Lê Nguyên Hồng. Đa số đảng viên cách mạng từ lâu vẫn có mặc cảm với thanh uy của Viên Thế Khải nên trong lúc hoang mang đã mắc mưu họ Viên.

Tôn Trung Sơn ở nước ngoài về nhận chức Tổng Thống, ông thấy phái hệ trong hàng ngũ cách mạng hết sức phức tạp. Không thể nắm được nếu thiếu thời giờ. Ông tuy được dân chúng ngưỡng mộ nhưng thanh vọng của Viên Thế Khải đối với ông lại cao hơn.

Mặc khác, các phe phái ủng hộ cách mạng có thực quyền bắt đầu lũng củng. Lê Nguyên Hồng và Hoàng Hưng tranh giành nhau quyền lãnh đạo, khiến cho các phần tử tiến bộ bất mãn. Lê Nguyên Hồng thấy mình khó có thể đứng lâu dài với cách mạng liền bí mật cấu kết giảng hòa với Viên Thế Khải.

Quân lực của Khải cố nhiên không thể đánh bại lực lượng võ trang của cách mạng, nhưng nếu cứ tiếp tục vừa dùng áp lực vừa lợi dụng chia rẽ nội bộ của phe cách mạng thì Viên Thế Khải cũng là một mối nguy hại lớn cho cách mạng. Phần tử trí thức T.Q. vốn sẵn

quan niệm “tòng long” đối với cách mạng. Tòng long nghĩa là theo ròng như kiêu đi theo Tấn Trùng Nhĩ bốn ba đề khi về cùng hưởng phú quý với Tấn Trùng Nhĩ hoặc đi theo Lưu Bang là vận hên theo Hạng Vũ là vận xui. Bởi thế trong hàng ngũ cách mạng, đại đa số nhìn cách mạng bằng con mắt lợi ích cá nhân, cho nên khi Viên Thế Khải mới thắng vài trận nhỏ, phe cách mạng đã có nhiều người lo ngại cho sự nghiệp mình mới khởi vận mà đã sớm bị phá hủy. Sự lo ngại ấy làm thành chủ trương tranh thủ Viên Thế Khải gia nhập hàng ngũ cách mạng, lấy mỗi lãnh tụ để câu nử.

Về việc này một nhà văn Cộng sản viết như sau:

“Tên quỷ quyết Viên Thế Khải đã dựa vào sự ủng hộ của chủ nghĩa đế quốc, lấy giai cấp mãi biện, giai cấp địa chủ làm cơ sở lợi dụng nhược điểm của cách mạng. Khải tấn công cách mạng bằng lối vừa đánh vừa lay. Đánh để cho cách mạng nhượng bộ, lay để cho cách mạng lợi lồng đầu chí cách mạng”.

Nói thế vẫn là lối quy loại máy móc mà cộng sản thường nói. Sự thật là các cựu quan liêu Trung Quốc lúc ấy không hề có quan niệm về giai cấp một cách rõ rệt. Còn giai cấp mãi biện và địa chủ thì kịch liệt chống đối nhau, làm sao Viên Thế Khải có thể hợp hai giai cấp này thành một chiến tuyến. Những hành động của Viên Thế Khải thuần là lợi ích cá nhân, chẳng có mấy may ý niệm giai cấp nào.

Tập đoàn của Viên như Phùng Ngọc Chương, Đoàn Kỳ Thụy v.v... cũng vậy, họ chỉ biết nhìn quyền lợi cá nhân, họ vâng lệnh chủ soái và bất biết giai cấp mãi biện, giai cấp địa chủ là gì. Tóm lại nếu lấy lý luận giai cấp để phê phán Viên Thế Khải sợ đi quá sự thật.

Phản Tôn Trung Sơn, ông phản đối giảng hòa, ông nói: nếu mục đích cách mạng không đạt thì không có gì để nghị hòa. Nhưng trận doanh cách mạng quá phức tạp, đa số cấp công cận lợi, mỗi phe nhóm làm việc theo ý riêng khiến cho Đồng minh hội tan rã.

Với nội bộ lũng củng như thế mà tiếp tục chính sách quân sự thì không thể được. Nghị hòa là con đường duy nhất.

Phản hoàng triều Mãn Thanh nay đã hoàn toàn bị cô lập. Các người hữu dụng tập trung dưới lá cờ Viên Thế Khải vì Viên Thế Khải nắm trọn vận binh quyền. Biết không còn cựa quấy gì được nữa nên hoàng triều tuyên cáo thoái vị.

Cách mạng đảng đành chịu nhận một thắng lợi rẻ tiền để mất ngôi vị Tổng Thống vào tay Viên Thế Khải. Thấy làm tới được Viên Thế Khải liền thu xếp lên ngôi vua. Cách mạng Dân quốc bị áo long bào của Viên Thế Khải phủ lên trên. Phản tử trí thức do tâm chất “tòng long” nên đa số bằng lòng làm quan của dân quốc. Số khác quy tụ về phía Nam tiếp tục chủ trương của Tôn Văn, cách mạng chưa thành công, các đồng chí phải nỗ lực, hình thành cuộc đấu tranh vũ trang Nam Bắc.

Cách mạng chưa thành công là bởi tại phần tử trí thức kém tu dưỡng, kém đào luyện chính trị.

Sự phân loạn trên chính trị cũng là sự phân loạn của phần tử trí thức. Phần tử trí thức sau khi dân quốc thành lập họ thích làm quan dân quốc, quên mất lý tưởng cách mạng cho nên cách mạng Tân Hợi rất mau chóng thoát ly nhân dân. Lúc cách mạng bùng nổ, nhân dân hạ tầng tại các thành thị vui mừng, nông dân hoan hô. Đến khi chính phủ dân quốc rơi vào tay Viên Thế Khải, đại chúng bàng hoàng như bị dội gáo nước lạnh. Thấy Viên Thế Khải còn lên để vị nữa, nhiệt tình đại chúng nguội hẳn.

Viên Thế Khải bội phản cách mạng nói cho đúng ra là phản kháng tối hậu của hoàng triều Mãn Thanh mượn Khải làm đại biểu. Quan liêu cự u trào tiếc nuối chế độ điển chương tiền triều, sợ đại phu hãi sợ sự đổi mới quá mau nên xúm lại biến Viên Thế Khải thành tên nô lệ hoàn cảnh.

Cái tài của Khải bất quá chỉ là “trung nhân chi tài” ở mức trung bình, trí thức hẹp hòi hạn chế mà lại vọt lên ngôi vị quá cao. Đó là bi kịch cho đời Viên Thế Khải, cũng là bi kịch cho quốc gia.

Năm 1914 đại chiến bùng nổ ở Âu Châu. Nhật Bản thừa cơ hội các nước Anh, Pháp, Đức, Nga mãi xâu xé nhau, thừa cơ hội Viên Thế Khải tứ diện thù địch, muốn bành trướng thế lực ở Trung Hoa. Nhật ép buộc Viên Thế Khải chịu ký hiệp ước 21 điều. Hiệp ước này làm cho dân chúng phẫn nộ, phong trào chống Nhật nổi lên khắp nơi trong toàn quốc, đâu đâu cũng chửi rủa Viên Thế Khải. Viên Thế Khải lo buồn, sức già khó chịu đựng thành bệnh nặng mà chết.

oOo

Khai trí tiến đức - tây hóa

Đầu thế kỷ 20, thực dân Pháp phát triển chương trình khai thác Đông dương sau khi đã tạm thời dập tắt được các cuộc kháng cự của nhân dân ta và chiếm đóng được hầu hết lãnh thổ Việt Nam. Ngoài sự thiết lập một bộ máy làm việc cho chúng, tạo ra một tầng lớp viên chức và một tầng lớp những người buôn bán hàng hóa của chúng hay thành phần mại biện, Pháp liền nghĩ cách đặt bên cạnh biện pháp bạo lực một bộ máy thống trị văn hóa giáo dục. Chúng tung ra tay sai để tuyên truyền ca tụng nền văn minh nô dịch. Phần khác cũng là để ngăn chặn tư tưởng Tân Hợi tràn xuống. Do sáng kiến của toàn quyền Sarraut và chánh sở mật thám, hội Khai trí tiến đức ra đời. Mục đích của hội này là thừa cái chủ nghĩa khai hóa của nhà nước mà dùng cái cách chính đáng để giúp cho sự mở mang trí thức, giữ gìn đạo đức trong quốc dân An nam, truyền bá khoa học của Thái Tây, nhất là học thuyết tư tưởng nước đại Pháp.

Cơ quan ngôn luận của hội Khai trí Tiến Đức là tờ Nam Phong do Phạm Quỳnh điều khiển. Tờ Nam Phong số 20 có đăng tải thêm để bổ túc cho chủ trương của hội là: Gây mối liên lạc giữa các bậc thượng lưu Tây Nam, dung hòa hai cái văn hóa Đông Tây và cổ

động cho chủ nghĩa Pháp Việt đề huề.

Phạm Quỳnh viết để chống lại những ai còn nghĩ tới những lộn xộn đánh Pháp, hãy quên đi thù cũ, dĩ vãng là dĩ vãng không nên mở lại vết thương trong lòng người đã phải bao nhiêu thời gian mới hàn gắn được.

Theo Quỳnh thì nhiệm vụ của người bản xứ bây giờ là làm sao tự học canh tân để theo kịp người.

Nam Phong ví nước Pháp như vị thiên sứ đi rắc hoa thơm cho nhân loại, người An Nam hãy lấy những bông hoa thơm đó mà gột rửa mọi nếp cũ thói tha của mình. Hãy đồng đẳng đã rồi hãy đòi bình đẳng với người Tây và mệnh danh những cuộc bạo động ái quốc là cổ hủ đáng bỏ rọ trôi sông, Phạm Quỳnh viết:

Một đảng chủ nghĩa quốc gia An Nam, vì không chủ trương độc lập, không che dấu ý tưởng ly khai nào, chẳng những chấp nhận một cách thẳng thắn nền thống trị Pháp mà còn công nhận nó là cần thiết như một áo giáp chống lại những nguy hiểm từ bên ngoài, đảng khác sự bảo hộ kia được thực hiện theo một tinh thần rộng rãi và lý tưởng là truyền thống của nước Pháp sẽ phải giải thoát dần dần dân tộc mình bảo vệ chứ không phải sát nhập tiêu diệt nó...

Ngày nay không có phân biệt người nào là vị nước Pháp, người nào là phản đối nước Pháp, chỉ nên phân biệt người nào là ái quốc, tức vị nước Pháp, ai phản đối nước Pháp tức là người không ái quốc vì làm ngăn trở cái công nước Pháp kinh doanh cho giống nòi An Nam được cường thịnh.

Mặc dầu bọn Tây lại cố gắng hoạt động mang lợi khí văn hóa để hòng đánh lạc hướng phản tỉnh của dân tộc, nhưng bọn trí thức thư lại chim mồi chỉ dụ dễ được một số ít người có quan hệ quyền lợi với thực dân mà thôi.

Bởi thế trong thời gian chiến tranh bên “mẫu quốc” trên giải đất Việt vẫn không ngớt những cuộc bạo động xảy ra do ảnh hưởng Đông Kinh Nghĩa Thục, Đông du Tân Hợi âm vang lại. Các cuộc bạo động lớn nhất là trận cướp phá đồn bắt do Việt Nam Quang Phục hội cầm đầu, vụ phá khám lớn Saigon, âm mưu khởi nghĩa của Vua Duy Tân, binh lính Thái Nguyên nổi dậy đánh phá.

Nhưng rồi mọi cuộc hoạt động đều thất bại vì lẽ thiếu lãnh đạo, cho nên bạo động khởi nghĩa chỉ rộ lên rồi bước ngay vào cái thế phiêu lưu cho đến lúc không đủ chống với sức đàn áp của địch thì quy xuống mà tiêu đi không còn tiếp nối nữa.

Nói phiêu lưu vì bạo động thường làm đơn độc thiếu kế hoạch có quy mô lớn, thiếu tổ chức chặt chẽ, thiếu phối hợp những điều kiện chủ quan với khách quan. Tuy mục đích đề ra là giành độc lập nhưng khởi nghĩa lại không đề ra được sự giải quyết những thắc mắc chính thiết thân với sinh hoạt chung cho cả dân tộc, cho từng tầng lớp người trong xã hội, vấn đề ruộng đất, vấn đề kiến thiết sẽ được giải quyết ra sao, không được ai đặt ra. Thất bại là bởi tại

phần tử trí thức lãnh đạo khởi nghĩa bạo động kém tu dưỡng, kém đào luyện chính trị.

oOo

Tình cảnh xã hội trong thời kỳ vận động ngũ-tứ

Ngày 4 tháng 5 năm 1919, từ hừng đông tại Bắc Kinh học sinh sinh viên tụ tập diễn hành qua Thiên An Môn phản kháng hiệp ước Versailles, đòi xé bỏ hiệp ước bất bình đẳng Trung-Nhật. Quân đội giải tán, súng nổ máu chảy, nộ trào dâng lên. Ngày đó mở đầu một cuộc vận động tư tưởng chính trị, vận động văn học. Ngũ Tứ nghĩa là mùng 4 tháng 5.

Viên Thế Khải đang mải mê với giấc mộng đế vương thì bên Âu châu xảy ra đại chiến, sinh hoạt kinh tế nhân dân T.Q. do cuộc đại chiến đó chuyển hướng.

Trước kia kinh tế quốc dân thật là cùng khốn, tài quyền ở cả trong tay người ngoại quốc và dương vụ phái (như kiểu comptoir de l'Inde một tổ chức mãi biện). Nay vì chiến tranh Âu châu nên công nghiệp dân tộc hưng thịnh. Công xưởng dật khoảng chừng ba năm tăng lên gấp bảy lần. Kỹ nghệ sợi gấp sáu lần. Kỹ nghệ bột mì tăng gấp 15 lần, v.v... Kỹ nghệ nhẹ phát triển, thợ thuyền có công ăn việc làm, mậu dịch hồng phát, nghiệp vụ ngân hàng bành trướng. Sinh hoạt thoải mái. Nhờ sinh hoạt dễ chịu con em các nhà nghèo được ăn học mỗi ngày đông đảo. Chương trình giáo dục tam tự kinh, ấu học quỳnh lâm, thiên gia thi mất dần rồi được thay thế bằng những môn học: quốc tế trí thức khoa học, toán học, thương phẩm, v.v... Tin tức Âu chiến làm cho người Trung Quốc sáng mắt, cùng một lúc tạo ra sự thoái trào của kinh tế xâm lược Anh, Pháp, Đức. Nhưng tránh được Tây phương thì lại rơi vào tay Nhật Bản. Trong việc làm ăn cạnh tranh, Nhật Bản lúc nào cũng thắng người T.Q. cả trên thương mại lẫn kỹ nghệ. Thái độ nhủ nhờ yếu kém của tập đoàn Viên Thế Khải tạo ra cho Nhật Bản nhiều cơ hội chiếm ưu thế tuyệt đối. Kinh tế T.Q. bị Nhật Bản chèn ép còi cọt dần. Bởi vậy phong trào phản kháng xâm lược chuyển hướng tập trung cả vào Nhật Bản.

Nhật Bản đồng minh với Anh tuyên chiến với Đức nên Anh để cho Nhật xơi hết những quyền lợi ở Sơn Đông thay thế Đức. Nhật mang quân chiếm Sơn Đông, Viên Thế Khải nhượng bộ. Chiếm Sơn Đông rồi Nhật đưa ra 21 điều buộc Viên Thế Khải chấp nhận.

Âu chiến đem lại cho T.Q. một thời cơ hồi phục, nhưng thời cơ đó lóe lên chưa được bao lâu đã bị Nhật bản dập tắt.

Phần tử trí thức phát khởi đấu tranh. Cuộc đấu tranh không phải chỉ chống Nhật, còn nhằm vào đánh bật gốc chính quyền Viên Thế Khải. Họ nhận thấy cách mạng triều đại chẳng đi đến đâu, dân chủ hay quân chủ chẳng khác gì nhau nếu chỉ làm cái công việc thay đổi quan danh.

Phe cách mạng trong tân chánh bây giờ hoàn toàn biến ra những tượng gỗ, dân chúng hết tin tưởng. Tôn Trung Sơn gắng sức hoạt

động và gây được rất ít kết quả, các chi phái cách mạng khác rơi vào tình trạng cô độc đấu tranh. Nhìn các đảng phái khuynh loát nhau, tranh giành nhau, phần tử trí thức chán ghét và thờ ơ. Ai ai cũng cùng chung một ý nghĩ: Trung Quốc đang cần cuộc cách mạng mới.

Ngũ tứ vận động thành hình.

Người giác ngộ trước nhất là Tôn Trung Sơn, ông biết rằng hành động cách mạng mùa may thôi không đủ phải có lý luận cách mạng mới xong. Tôn Trung Sơn rút về tô giới viết cuốn “Tôn Văn học thuyết”.

Khởi sự bằng cách mạng tư tưởng cách mạng văn học

Dân chủ giả sau Tân Hợi không thể cứu nước. Chỉ biết cải cách chính trị mà không có phương pháp kiến thiết khoa học cũng không thể cứu nước.

Do nhận định trên mà vận động Ngũ Tứ trương ra hai tiêu đề: Dân chủ và Khoa học.

Phần tử trí thức gây dựng vận động Ngũ Tứ đa số không dính dấp đến trí thức Tân Hợi, cũng không quan hệ chi với các phe phái “du dân chính trị”. Họ là những con người mới.

Vận động được khai mở bằng tờ Tân thanh niên. Tờ báo này ra đời giữa lúc Viên Thế Khải tiếp thụ 21 điều của Nhật Bản, giữa lúc việc xưng đế nhậm nhịp ở Bắc Kinh, giữa lúc đảng viên cách mạng Tân Hợi quốc dân đảng thất vọng buồn thảm.

Số 1 đăng bài kính cáo thanh niên của Trần Độc Tú, còn toàn bộ tờ báo đi vào chủ trương phản kháng quân chủ và đặc quyền hô hào chính trị dân chủ. Trong số 1 còn có bài “Thanh niên tự giác và quốc gia cộng hòa” do Trần Độc Tú viết, là hai bài gây sóng gió. Chủ đích của Tân thanh niên là vận động đề cao nhân quyền, phủ nhận truyền thống T.Q. Những lời văn quá khích đẩy lý luận của Mậu Tuất và Tân Hợi xuống lạc hậu. Đối với Tân thanh niên, tư tưởng Mậu Tuất chỉ là chuyển biến cục bộ, mặc Tây đi giày Tàu. Bây giờ cần phải đổi cả xương cốt nghĩa là toàn bộ Tây hóa. Tân thanh niên xuất hiện chia hẳn hàng ngũ trí thức ra làm hai trận doanh: thủ cựu phái và cách mạng tân phái.

Số 6, Tân thanh niên lại ném ra một trái bom tư tưởng nữa. Đó là bài “Khổng Tử bình nghị” của Dị Bạch Sa phản đối Khổng giáo, phản đối lễ pháp và phản đối quan niệm luân lý cũ. Bài Khổng Tử bình nghị đến tay người đọc đúng lúc Viên Thế Khải lên ngôi Vua và tỉnh Vân Nam khởi nghĩa các tỉnh miền Tây Nam tiếp nhau phản đối đế chế. Trung ương chính phủ cơ hồ suy sụp đến nơi. Trước cơn cuồng phong của thực tế chính trị, phần tử trí thức càng thấy rằng đòi hỏi chính trị biến đổi là cần thiết nhưng biến đổi chính trị không phải là biến đổi chính phủ là là biến đổi tư tưởng. Vì nghĩ vậy nên trí thức lãnh đạo vận động Ngũ Tứ không xao động vội vã trực tiếp can

dự thực tế chính trị lúc đó, họ tiếp tục đi con đường cách mạng văn hóa, cách mạng tư tưởng.

Hồ Thích viết bài: Sửa đổi văn học để chính thức phát khởi cuộc cách mạng văn học. Ông đưa ra ba điểm:

a) Lật đổ văn học quý tộc a dua, tô vẽ tỉ mỉ để kiến thiết văn học quốc dân bình dị, trữ tình.

b) Lật đổ văn học cổ điển phô trương thói tha để kiến thiết văn học tả thực, chân thành, mới mẻ.

c) Lật đổ văn học sơn lâm, u tối loanh quanh để kiến thiết văn học xã hội, thông tục dễ hiểu.

Bài sửa đổi văn học của Hồ Thích tuy bề ngoài chỉ hạn chế trong phạm vi văn học nhưng trên thực tế nó đã ảnh hưởng sâu xa đến phương thức sống, đến tư tưởng. Phản đối văn học quý tộc đề xướng văn học quốc dân hàm chứa ý thức bình dân cách mạng, phản đối văn học cổ điển chủ trương văn học tả thực là phản đối truyền thống. Phản đối văn học sơn lâm u tối, xây dựng văn học xã hội là kêu gọi văn nhân bỏ mộng đi vào thực cảnh, rời tháp ngà xuống đường phố.

Chính quyền Viên Thế Khải mãi mê đối phó với thực tế chính trị, không chú ý mấy việc làm của Tân thanh niên nhưng thanh niên khắp mọi nơi thì bị Tân thanh niên khích động mãnh liệt. Thanh niên trí thức bất mãn càng sâu bao nhiêu họ càng đi tìm ở văn học một xuất lộ. Được thể, Tân thanh niên quá khích hơn. Phần tử quá khích nổi tiếng Tiền Huyền Đồng và Chu Thụ Nhân tức văn hào Lỗ Tấn.

Phần tử tương đối ôn hòa lạc quan là do Hồ Thích làm đại biểu.

Tiền Huyền Đồng đòi dùng tinh thần khoa học để tiêu diệt nhọt độc quốc túy Khổng học. Hồ Thích yêu cầu: nuôi dưỡng tập quán hoan nghênh tư tưởng mới, tư tưởng tự do, ngôn luận tự do. Tuy nhiên cả hai phái quá khích lẫn ôn hòa lạc quan đều có chung một rễ cái là phản đối Khổng học lũng đoạn tự học thuật, phản đối chuyên chế kinh điển.

Từ đấu tranh tư tưởng đến vận động thị uy

Âu chiến kết thúc, nước Đức bại trận. Trung Quốc ở bên kia phía đồng minh và cũng là nước thắng trận. Năm 1919 ở hòa hội Ba Lê, đại biểu Trung Quốc lên tiếng đòi hủy bỏ bảy điều của hiệp ước ký kết giữa T.Q. và liên cường giành đặc quyền cho các nước Tây phương trên lãnh thổ Trung Hoa, đồng thời đòi thủ tiêu 21 điều do Viên Thế Khải ký với Nhật, trao trả tỉnh Sơn Đông.

Nhưng hòa hội Ba Lê không ghi vào chương trình bàn cãi hai thỉnh cầu của đại biểu Trung Quốc. Đã vậy hòa hội Ba Lê còn ghi lên vài điều kiện minh xác việc Nhật chiếm Sơn Đông từ tay Đức là hợp pháp.

Thanh niên trí thức bây giờ đã có một nhận thức chính trị khá trưởng thành và phổ biến, họ căm phẫn hành động ức chế của hòa

hội Ba Lê. Chiều ngày 3 tháng 5 năm 1919 hơn một ngàn đại biểu sinh viên và học sinh tập hợp tại trường đại học Bắc Kinh khai hội quyết định ngày 4 tháng 5 toàn thể xuống đường biểu tình. Biểu tình ngày 4 tháng 5 là phản ứng quyết liệt của phần tử trí thức đối với sỉ nhục ngoại giao. Khẩu hiệu của họ là: Phế trừ 21 điều- Không ký hiệp ước Versailles- Thâu hồi tỉnh Sơn Đông- Trung Quốc của người Trung Quốc. Ngay ấy khẩu hiệu rõ ràng quy vào mục tiêu phản kháng đế quốc Nhật. Trong khi chính phủ lại thân Nhật, đa số cấp bậc cao trong chính phủ ít nhiều đều do Nhật nâng đỡ hoặc phụ trợ. Cuộc biểu tình được chính phủ nhìn nhận như một tử thù. Sáng 4-5 chừng sáu bảy ngàn thanh niên trí thức có mặt trước Thiên An Môn. Họ đi thành hàng tiến về phía sứ quán Nhật Bản. Quân cảnh chặn lại. Đoàn biểu tình hướng về nhà Tào Nhữ Lâm- người ký kết hiệp ước Versailles. Mặc dầu quân cảnh gác chống giữ, thanh niên học sinh ồ ạt sấn lên đốt phá. Lúc ấy nhà Tào Nhữ Lâm đang có hội họp bộ trưởng tổng trưởng, mạnh ai nấy thoát. Đến buổi trưa khẩu hiệu vận động biến thành đả đảo chính phủ vô năng. Buổi tối, hàng loạt sinh viên học sinh bị bắt. Ngày hôm sau, các trường ở Bắc Kinh tổng bãi khóa phản đối chính phủ đàn áp học sinh sinh viên. Chính phủ tiếp tục thi hành biện pháp mạnh. Thanh niên trí thức phần nộ tổ chức đội diễn thuyết, đội phát truyền đơn hoạt động trên toàn thành Bắc Kinh. Học sinh sinh viên tổ chức Bắc Kinh học hiệu liên hợp hội, tung ra từng đội nhỏ quấy phá mọi nơi.

Việc chính phủ Bắc Dương (danh từ chỉ định chính quyền Viên Thế Khải) đàn áp học sinh gây bất mãn toàn quốc. Tôn Trung Sơn, Khang Hữu Vi cùng nhiều nhân vật danh tiếng tới tập đánh điện hoan nghênh sinh viên và học sinh. Giáo sư Sái Nguyên Bồi viện trưởng viện đại học Bắc Kinh bị bức bách từ chức, ông rời Bắc Kinh. Tình trạng gay go vẫn tiếp tục. Ngày 20, quân cảnh bao vây cuộc hội của các đại biểu học sinh sinh viên. Học sinh sinh viên leo tường trốn chạy và bất ngờ tụ tập tại nơi khác in bằng hiệu triệu kêu gọi toàn nước ủng hộ cuộc đấu tranh. Đầu tháng sáu chính phủ bắt giam 3000 học sinh sinh viên. Thế là các tỉnh nổi lên một lượt, học sinh 14 tỉnh bãi khóa hưởng ứng. Ở Thương Hải bãi công bãi thị hưởng ứng. Bắc Dương chính phủ đành nhượng bộ.

Vận động Ngũ Tứ thành công huy hoàng.

Nhà văn Mã Bân viết:

Đây là cuộc vận động yêu nước do phần tử trí thức lãnh đạo. Về tính chất nó tương tự vận động Mậu Tuất nhưng vì thời đại khác nhau nên Ngũ Tứ tiến bộ tích cực và rộng rãi hơn Mậu Tuất. Hoạt động Mậu Tuất chỉ hạn chế trong bản thân giai cấp trí thức còn vận động Ngũ Tứ cũng lãnh đạo bởi phần tử trí thức nhưng các giai tầng khác đều ủng hộ. Thậm chí nhân vật hai đoàn thể ghét bỏ nhau như Khang Hữu Vi và Tôn Trung Sơn nay cũng gặp nhau trên sự

vui mừng đối với Ngũ Tứ. Đặc điểm vận động Ngũ Tứ là thuần xuất từ lòng ái quốc không có đảng phái lãnh đạo.

Tiếng chuông rè...

Trong một số xuất bản năm 1918 tờ Nam Phong có đăng tải bài "Rồng Nam phun bạc đánh đổ Đức tặc": "Này đồng bào ta thử ngẫm mà xem, cả cái vận mệnh của Việt Nam tổ quốc ta, cái tổ quốc đáng yêu của ta chẳng phải là cầm lỏng trong cái cuộc đấu tranh kinh thiên động địa này ra.

Giống An Nam ta còn sinh tồn được trên mặt đất này, quốc dân ta còn giữ được cái hy vọng tối thiết ở trong lòng ta chẳng phải là nhờ cái tài chí của đại Pháp sao?"

... Nam Phong đứng chủ chốt việc cổ động quyền tiền giúp mẫu quốc. Nam Phong cũng đứng chủ chốt đem văn minh Thái Tây để lòn bịp vạch đường chỉ lối lạc đường nhu cầu tiến bộ của dân ta. Bọn Tây lại, bọn trí thức thông ngôn đã thành công trong công việc ngăn chặn vận động tư tưởng để dễ bề đàn áp các cuộc vận động, cho nên suốt mấy năm Âu chiến bạo động không bành trướng được, tư tưởng cách mạng cũng tiêu trầm.

Đến năm 1921, ở các thành thị phương tiện ấn loát ngày một phát triển, sinh viên học sinh hấp thụ tư tưởng mới đã khá đông, nhà văn nhà báo cũng nhiều thì lại thấy vang dội lên những tiếng đòi hỏi đấu tranh, lúc ôn hòa, lúc kịch liệt gây thành những vụ chống đối. Đấu tranh dân chủ của thời kỳ này mang tính chất một cuộc vận động ái quốc lãnh đạo bởi phần tử trí thức mới chịu ảnh hưởng tư tưởng Tây phương. Lá cờ đấu tranh cầu tiến bộ đã chuyển tay từ sĩ đại phu sang trí thức Tây học. Đấu tranh mang hình thức mới. Báo chí là công cụ chính của đấu tranh và tầng lớp thị dân đông đảo là nòng cốt lực lượng.

Trong Nam kỳ năm 1922 xuất hiện tờ báo Thổ dân diễn đàn của Nguyễn Phú Khai và Bùi Quang Chiêu đã kích Thổng đốc Nam kỳ tiêu biểu cho chính quyền thực dân.

Kịch liệt và yêu nước là tờ Tiếng chuông rè (cloche fêlée) của nhóm Nguyễn An Ninh.

Ngoài Bắc có Nam Đồng thư xã, Duy Tân thư xã, Giác Quan thư xã xuất bản nhiều sách vở yêu nước như cuốn Tiếng kêu của Việt Quê và các tập di cảo của Phan Chu Trinh.

Tại hải ngoại, lá thư vạch tội vua bù nhìn Khải Định của Phan Chu Trinh đã gây nên luồng dư luận rất sôi nổi. Cuộc vận động này về sau biến diễn thành những vụ biểu tình đòi thả cụ Phan Bội Châu năm 1925, biểu tình bãi công bãi khóa đi đám táng cụ Phan Chu Trinh tạ thế ở Saigon năm 1926, vụ liệt sĩ Phạm Hồng Thái tử tiết sau khi ném bom giết hụt toàn quyền Martin (1924) mở đầu cho một giai đoạn đấu tranh mới.

Cộng Sản xuất hiện

Tháng 10 năm 1917, chính quyền Xô Viết lãnh đạo nước Nga. Năm 1919 trên tờ Tân thanh niên số năm, Lý Đại Khâm viết hai bài báo nhan đề: Thử dẫn thắng lợi của chủ nghĩa Bôn-sê-vich. Đó là lần đầu tiên dân chúng T.Q. được giới thiệu biến cố lịch sử trọng đại, đồng thời đây cũng là gạch nối giữa vận động Ngũ Tứ với cách mạng vô sản để đưa đến việc thành lập Cộng sản đảng sau này. Ngũ Tứ đón nhận hai bài báo của Lý Đại Khâm như một sự giới thiệu tư tưởng mới cũng như đã đón nhận chủ nghĩa dân chủ Anh-Mỹ do bác sĩ Hồ Thích giới thiệu mà thôi. Dân chúng cùng phần tử trí thức hy vọng những tập đoàn đang trực tiếp lãnh đạo thực tế chính trị chấp nhận tư tưởng mới để thay đổi chính trị. Nhưng tập đoàn cách mạng tức quốc dân đảng gần như mất hết quyền hành chỉ còn vài căn cứ địa ở miền Nam, còn tập đoàn Bắc Dương sau khi Viên Thế Khải chết, quân phiệt cát đất hùng cứ đánh lẫn nhau. Ngũ Tứ do sự phân liệt tranh chấp cũng thoái trào. Phần tử trí thức rơi vào khổ muộn. Chính trong tình thế khổ muộn, chính trong tình thế này, Cộng sản nhân khoảng trống không ai lãnh đạo đã lập đội ngũ tiến vào nắm lấy vận động Ngũ Tứ.

Năm 1920, quốc tế Cộng sản dòm ngó Trung Quốc và phái tới Thượng Hải một cán bộ cao cấp dưới cái tên hoàn toàn Trung Hoa là Ngô Đình Khang để bí mật liên lạc. Ngô Đình Khang gặp Trần Độc Tú rồi tổ chức tiểu tổ Mác xít. Phần Lý Đại Khâm về Bắc Kinh lập một tiểu tổ Mác xít nữa. Dựa vào quen biết với các phần tử trí thức đã tham gia Ngũ Tứ vận động, Tú và Khâm phát triển tổ chức Mác xít tại nhiều tỉnh khác. Tổng số đảng viên được 57 người. Đại hội đầu tiên gồm 12 đại biểu, Mao Trạch Đông là đại biểu của tỉnh Hồ Nam. Tiếp theo là tổ chức đảng vào các sinh viên du học, tiểu tổ hải ngoại thứ nhất lập ở Pháp có Lý Lập Tam, Chu Ân Lai, Lý Phú Xuân và Vương Nhược Phi. Có thể nói những đảng viên tiên phong hết thảy đều là phần tử trí thức tiểu tư sản.

Kỳ đại hội thứ hai, qua một năm hoạt động mặc dầu số đảng viên đã tăng lên gấp đôi và tạo rất nhiều thành tích về vận động công nhân ở Thượng Hải, nhưng cũng vẫn là muối bỏ bể. Lần này đại hội quyết nghị một hoạt động sâu rộng hơn với chính cương mới.

- 1) Tiêu trừ nội loạn, đả đảo quân phiệt, kiến thiết hòa bình trong nước.
- 2) Đánh quy đế quốc quốc tế áp bách, giành độc lập hoàn toàn.
- 3) Thống nhất T.Q. kiến lập nước cộng hòa.
- 4) Nam nữ công nông có quyền tuyển cử không kể đối với cấp nghị hội nào.
- 5) Tự do bãi công, ngôn luận, lập hội, xuất bản.
- 6) Chế định pháp luật phụ nữ, pháp luật công nông.

Với chính cương ôn hòa trên, C.S nhằm mục tiêu ve vãn Tôn Trung Sơn.

Với chính cương dễ nghe trên, C.S được nhiều người ủng hộ, lần lần phát triển xuống miền Nam nơi hùng cứ của phe Quốc dân đảng.

Quốc dân đảng lúc trước Ngũ Tứ là vô địch cách mạng, chức vô địch ấy đã bị Ngũ Tứ đoạt mất, lại thêm hai cánh quân sự thuộc Việt hệ và Quế hệ xung đột mang quân đánh lẫn nhau. Tôn Trung Sơn vô kế khả thi. Giữa lúc náo lòng thì Cộng sản tìm đến tranh thủ họ Tôn. C.S không đến với Tôn Trung Sơn bằng dây liên lạc đặc vụ như C.S đã tranh thủ Trần Độc Tú, họ đến bằng đại diện chính thức của chính phủ Xô viết vì lẽ nếu đem so Trần Độc Tú với Tôn Văn thì thanh vọng Tôn Văn vẫn lớn hơn nhiều. Tôn Văn còn được coi như thủ não của chính phủ miền Nam. Đại diện của chính phủ Xô viết bấy giờ là Malin ủy viên trưởng các vấn đề thực dân địa và dân tộc. Bắt tay xong với Tôn Văn, C.S không để lỡ ngày giờ triệt để áp dụng kế hoạch tu hú để nhờ. Các cán bộ cao cấp C.S dùng chiêu bài Quốc dân đảng để phát triển Cộng sản đảng. Họ vận động Tôn Văn đề ra chính sách “Liên Nga, dung cộng giúp đỡ Công nông”. Hoa dân chủ khoa học đã chính thức kết thành quả Cộng sản. Phần tử trí thức sau một thời gian đảng đảng bị áp (bức?) bị xua đuổi, một phần tự để buông xuôi theo dòng tiêu cực đi vào chủ nghĩa cá nhân hưởng thụ, một phần căm hận phần nô đi theo Cộng sản.

oOo
Năm 1925 tại Marseill sinh viên, thợ thuyền người Việt phát hành tờ Việt Nam hồn rồi tờ Lao động, tờ Phục Quốc rồi tờ Tái Sinh. Quan trọng hơn, nhà xuất bản Quan hải từng thư cho in nhiều sách biên dịch chủ nghĩa Mác xít. Trong số đó có cuốn Án thực dân Pháp của Nguyễn Ái Quốc gây ảnh hưởng vang dội. Nguyễn Ái Quốc còn viết nhiều bài báo khác bằng tiếng Pháp và tiếng Nga, chẳng hạn như bài Lê nin và các dân tộc thuộc địa đăng trên báo Sự thật để khóc cái chết của Lê nin:

“Lê nin đã mất!...

Chúng tôi vô cùng đau đớn trước sự tổn thất không thể nào đền bù được và chia sẻ nỗi buồn chung của nhân dân các nước với những người anh, người chị của chúng tôi. Song chúng tôi tin tưởng rằng Quốc tế Cộng sản và các chi bộ của nó, trong đó có các chi bộ ở các nước thuộc địa sẽ thực hiện được những bài học và những lời giáo huấn mà vị lãnh tụ để lại cho chúng ta. Làm những điều mà Người đã căn dặn chúng ta đó chẳng phải là phương pháp tốt nhất để tỏ tình yêu mến của chúng ta đối với Người hay sao.

Khi còn sống, Người là Cha, là thầy học, đồng chí và cố vấn của chúng ta. Ngày nay Người là ngôi sao sáng chỉ đường cho chúng ta đi tới cuộc cách mạng xã hội.

Lénine bất diệt sẽ sống mãi trong sự nghiệp của chúng ta".
Những tác phẩm của Nguyễn Ái Quốc đánh dấu một khúc quanh lịch sử, hướng dẫn cuộc đấu tranh chống thực dân theo đường lối vô sản. Cộng sản bắt đầu xâm nhập vào đất nước bằng vận động văn học cầu tiến bộ, bằng vận động văn học yêu nước.

Tôn Trung Sơn và chính sách đi đôi

Thắng lợi Tân Hợi chưa vui được bao lâu thì sự phân hóa nội bộ của cách mạng đã nhận chìm thành quả thực tế của Tân Hợi.

Phân hóa nội bộ chia ra làm 4 loại:

- 1) Đi làm quan dân quốc. Thời gian và chức vị làm tiêu mòn cách mạng tính, hết lý tưởng và sống cầu thả.
- 2) Ôm lấy thắng lợi Tân Hợi, thỏa thuận cùng quân phiệt miền Bắc giảng hòa.
- 4) Tiếp tục kiên trì đấu tranh.

(chú thích: trong sách không có phần 3)

Loại người thứ 4 có rất ít. Tôn Trung Sơn là thủ não của loại thứ 4. Lực lượng đã ít lại thêm sự giằng co của ba loại kia thành thử Tôn Trung Sơn đã không thể tiến quân vào lãnh đạo vận động Ngũ Tứ. Bởi vậy, sau Ngũ Tứ, Quốc dân đảng ở vào cái thế thật ảm đạm. Dân chúng và phần tử trí thức say mê khẩu hiệu khoa học dân chủ hơn là chủ nghĩa tam dân. Quân phiệt Bắc Dương coi như Quốc dân đảng không còn nữa. Nếu không có uy danh Tân Hợi chắc Quốc dân đảng đã tiêu rồi. Tôn Trung Sơn đang chới với trên dòng nước lũ thì C.S cầm phao đứng trên bờ quảng kèm theo các điều kiện. Tôn Trung Sơn bằng lòng Quốc Cộng hợp tác, chấp nhận cố vấn Borodine giúp đỡ Tôn Văn xây dựng quân lực.

Năm 1921, Tưởng Giới Thạch được cử làm giám đốc trường quân sự Hoàng Phố, cán bộ C.S Chu Ân Lai làm chính trị chủ nhiệm của trường.

Hợp tác Quốc Cộng là con dao hai lưỡi. Một mặt nó kích thích Quốc dân đảng hồi sinh vì phong khí chính trị mới và vì Nga giúp đỡ kiến quân, một mặt nó đem giang sơn Quốc dân đảng lúc ấy là vùng Quảng Đông chia cho C.S một nửa.

Phản ứng của phần tử trí thức với sự hợp tác Quốc Cộng ra sao?

Đại lược có ba phương diện:

- 1) Phần tử trí thức ở các thành thị lớn ngấy chán những hỗn chiến của các quân phiệt hùng cứ cho nên rất vui lòng thấy cuộc hợp tác Quốc Cộng. Từ Mậu Tuất đến nay, phần tử trí thức thành thị đã quen với tư tưởng Tây phương, họ không kinh hãi lý luận Cộng sản. Đôi khi họ còn chê trách Quốc dân đảng quá ôn hòa. Hơn nữa khuôn mặt Trần Độc Tú không có vẻ gì dữ dằn nếu nhìn hoạt động của ông ta trong vận động Ngũ Tứ.
- 2) Vận động Ngũ Tứ đã phá hết uy tín của truyền thống, đánh đổ chuyên quyền học thuật cũ Khổng đạo, hoàn thành ý thức tự do luyến ái, kết hôn, v.v... nhưng về mặt kiến thiết trên căn bản dân

chủ và khoa học thì chưa ra đầu vào đầu. Nay Ngũ Tứ thoái trào, thanh niên trí thức khổ tâm với cuộc sống tẻ nhạt, họ cần chất kích thích, lý thuyết cộng sản chính là chất kích thích đó.

3) Phản đối cuộc hợp tác là phần tử trí thức đã tiếp nhận thâm sâu lý tưởng dân chủ Anh-Mỹ và phần tử trí thức bảo thủ. Phần tử dân chủ sợ C.S vì họ đã thấy cái cốt độc tài cực quyền bên trong. Phần tử bảo thủ sợ C.S vì quan niệm tư hữu đã ăn rễ quá mạnh trong đầu óc, ngay như chính sách bình phân địa quyền của Tôn Văn đưa ra cũng đã làm họ kinh ngạc rồi.

Phản ứng của chính phủ Bắc Kinh đối với hợp tác ra sao?

Lúc này Đoàn Kỳ Thụy đã thay thế Viên Thế Khải, tập đoàn Bắc Dương không coi trọng cuộc hợp tác, dưới mắt họ phương thức tư tưởng không đáng kể, họ chỉ chú ý đến thực lực và ảnh hưởng ai có sủng, nói vâng theo thế thôi. Họ nhìn Cộng sản đơn giản là một tập đoàn tiến bộ không đáng gờm bằng Tôn Văn. Tóm lại tập đoàn Bắc Dương với ý thức trên quả đã quá lạc hậu với đấu tranh chính trị.

Tình hình phía Bắc

Phía Nam Quốc dân đảng - Cộng sản hợp tác, tuy hỗn loạn vẫn tiếp tục nhưng tiến bộ đã mở đầu.

Ngũ Tứ tuy phát sinh tại Bắc Kinh thế mà bao lời hô hào của thanh niên nhiệt huyết không thức tỉnh được giai cấp thống trị kỳ cựu. Bọn quan liêu sĩ đại phu vẫn mãi mê hoài vọng thời vua chúa vàng son. Bây giờ cầm đầu trung ương là Đoàn Kỳ Thụy, Từ Thế Xương (xuất thân cạo heo) làm Tổng Thống. Tuy gọi là trung ương nhưng thực sự quân phiệt đã chia cắt tự cai quản địa phương của mình. Trong số quân phiệt có Ngô Bội Phu là người có thế lực nhất, không kể về thực lực, cả về uy danh Phu cũng chiếm thượng phong. Trước mắt dân chúng vẫn từng đau khổ nhục nhã vì ngoại xâm thì những khẩu hiệu “Không tiêu tiền ngoại nhân”, “Không ở Tô giới” của Ngô Bội Phu thật đáng mặt anh hùng, thứ anh hùng thổ sản. Ngoài ra Ngô Bội Phu còn được phần tử trí thức Mậu Tuất phò giúp. Khang Hữu Vi cùng tập đoàn của ông đặt hy vọng vào Ngô Bội Phu coi như con người duy nhất trong tương lai có thể thống nhất Trung Quốc. Xem thế đủ biết phần tử trí thức Mậu Tuất còn nặng tính chất bảo thủ ghê gớm. Đến khi Ngô Bội Phu liên kết với Tào Côn đánh bại Trương Tác Lâm chiếm giữ chính quyền trung ương, rồi Tào Côn lại phản Ngô Bội Phu để được bầu làm Tổng Thống thì uy danh của Ngô Bội Phu sụp đổ tan tành. Thổ sản anh hùng lộ mặt thật ra cũng nguyên vẹn chỉ là một loại quân phiệt đáng ghét.

Thượng Hải nơi trăm hoa đua nở

Năm 1921, về sau Ngũ Tứ thoái trào, các người lãnh đạo vận động như Trần Độc Tú, Lý Đại Khâm đã theo Cộng sản, Hồ Thích mờ dần. Nhưng cơn gió Ngũ Tứ đã thổi phẩn nhụy vào các khu vực tự do để nở hoa tại đây.

Cùng bởi tại chính phủ Bắc Dương khinh thị nên Thượng hải là đất

tốt cho văn hóa nở hoa. Khắp mọi tư tưởng Đông Tây đều được tung ra: vô chính phủ chủ nghĩa, xã hội chủ nghĩa, cộng sản chủ nghĩa, văn học lý luận, v.v... Sự phong phú tư tưởng tạo ra không khí học vấn, thanh niên trí thức hứng thú đọc sách. Chế độ Tô giới biến Thượng Hải thành ngã tư quốc tế trên mọi mặt: thương mại, chính trị, kinh tế, điệp báo... Các hội đảng chính trị mọc lên như nấm. Các hội văn học mọc lên như nấm. Nhưng đem lại ảnh hưởng nhiều nhất, rộng rãi nhất cho thanh niên trí thức thì chỉ có Văn học nghiên cứu hội và Sáng tạo xã. Phần tử trí thức ngày xưa tuy đầu óc đầy ắp một chữ Quan nhưng trên truyền thống đồng thời cũng rất nặng với văn chương. Tâm hồn người Trung Quốc thường ghi khắc hai nhân vật lịch sử là Hán thọ Đình Hầu Quan Vân Trường, con người khảng khái tiết nghĩa được hiển thánh và Lý Thái Bạch một nhà thơ tài hoa, lặn lội và phóng túng. Thanh niên trí thức do truyền thống thường yêu văn học hơn chính trị một bậc, chính trị chẳng qua chỉ là một xung động ngắn ngủi còn văn học mới miên trường vĩnh cửu.

Ngũ Tứ thoái trào, khẩu hiệu chính trị cũng phai nét trong lòng đại chúng nhưng vẫn nhiệt tâm với cách mạng văn học. Cách mạng Tân Hợi oanh liệt với sắt máu khói lửa mà không đặt xong nền móng dân chủ. Trái lại vận động Ngũ Tứ với ít bài báo của thư sinh trong tay không có nửa tắc sắt đã làm ra “thiên hạ bạch thoại”.

Thắng lợi lớn nhất của văn học Ngũ Tứ là bộ môn tiểu thuyết. Trước kia tiểu thuyết hoàn toàn bị khinh thị nay ai ai cũng hân hoan đón đọc tiểu thuyết.

Văn học nghiên cứu là hậu thân của báo Tân Thanh Niên tiếp nối mục tiêu cách mạng văn học gồm có những người sáng lập tên tuổi như:

Chu Tác Nhân, Chu Hy Tổ, Trịnh Chấn Đạc, Cù Thế Anh, Trầm Nhạn Bằng tức Mâu Thuấn (hiện là Bộ trưởng Văn hóa Trung Hoa đại lục), Tôn Phục Viên, Tưởng Bách Lý, Vương Thống Chiêu, Ánh Tế Chi.

Văn học nghiên cứu hội xuất quân trước hết là đánh dẹp bọn nhà văn Uyên ương Hồ điệp hay văn học hương phấn chuyên phụng sự thú vui của đời sống Tô giới sa đọa mà cứu vãn thanh niên trí thức. Trong tuyên ngôn của hội văn học nghiên cứu có câu:

Thời kỳ coi văn học như một trò tiêu sầu, khiêu hứng đã qua rồi. Chúng tôi nghĩ rằng văn học hẳn hoi là một công tác, công tác thiết yếu và các nhà văn phải thận trọng công tác ấy như một lễ sống chết của bản thân mình.

Chủ trương của Văn học nghiên cứu hội là:

- Tả thực chủ nghĩa.
- Nhân sinh nghệ thuật.

Sáng tạo xã do nhóm lưu học sinh Quách Mạt Nhược, Úc Đạt Phu, Trương Tư Bình, Trịnh Bá Kỳ tổ chức.

Sáng tạo xã tính chất quá khích nóng nảy đối lập với Văn học nghiên cứu hội.

Vừa nhảy vào vòng chiến, Sáng tạo xã liền đưa ra chủ trương văn nghệ giai cấp đấu tranh. Với luận điệu bạo cuồng quá khích họ đã phá vỡ khối u uất khổ muộn của thanh niên trí thức.

Năm 1924 còn có một hội văn học gây ảnh hưởng lớn nữa là Ngũ Ti Xã, do Lỗ Tấn thành lập cùng với Tiền huyền Đồng, Du bình Bá, Lưu bán Nông. Ban đầu nhóm Ngũ Ti Xã đi theo đúng đường lối Tân Thanh Niên trước đây, chỉ bắc cầu đưa tư tưởng tự do tiến bộ vào đầu óc người TQ. Sau Ngũ Ti Xã dần dần ngã về khuynh hướng thiên tả.

Bàn về ý nghĩa cách mạng văn học

Văn minh nào cũng vậy, đều sáng tạo bởi một số ít nhân tài thông minh trí tuệ hơn người. Hơn người không có nghĩa là thần thánh mà căn bản nhân tài là nhân tính có lý trí kiên cường, cảm giác mãnh liệt, nhãn quang sâu rộng, lãnh ngộ sáng suốt, tóm lại hơn người là cái gì hết sức tự nhiên hợp lý, không thần bí huyền hoặc. Trong sinh hoạt tập thể, vô luận tổ chức chính trị hay tổ chức xã hội, thường thường phần tử ưu tú, nhân tài ở địa vị thống trị, địa vị lãnh đạo, đó là lộ trình tự nhiên của lịch sử. Nhân tài phải hoàn toàn dựa vào thông minh tài trí hơn người để dành địa vị lãnh đạo, phải dùng thông minh tài trí hơn người để mang hạnh phúc cho dân chúng.

Nhưng xã hội, lịch sử và nhân tình loài người đâu có phải lúc nào cũng trôi chảy êm đềm như thế. Có những thời kỳ người ở địa vị lãnh tụ mà không đủ tư cách lãnh đạo, thiếu khả năng lãnh tụ, một loại tầm thường nhờ cơ hội, phương tiện hoặc thế tập (cha truyền con nối) mà bước lên địa vị lãnh tụ. Các giả lãnh tụ cống hiến cho dân chúng thì ít mà áp bách phá hoại thì nhiều. Các chân lãnh tụ ẩn trong dân chúng đến lúc không thể nhẫn nhịn được nữa liền đứng lên lãnh đạo dân chúng phản kháng, ấy gọi là cách mạng. Ý nghĩa chân chính của cách mạng vận động là dùng thủ đoạn phá hoại để đả đảo giả lãnh tụ, đem tinh thần tích cực ủng hộ chân lãnh tụ,

Cách mạng có mấy điểm đáng chú ý:

- 1) Vận động cách mạng phát xuất từ biến thái của sinh hoạt chính trị.
- 2) Mục tiêu của cách mạng là khôi phục sinh hoạt về trạng thái bình thường.
- 3) Tinh thần cách mạng là tinh thần phản kháng chống lại hư nguy.
- 4) Cách mạng là sự biến động mãnh liệt nhưng mang tính cách tạm thời, không thể là trạng thái kéo dài ray rứt.
- 5) Sự bạo phát của cách mạng đối với quần chúng thuần túy là nhiệt tình.
- 6) Cách mạng là tổ chức và kỷ luật, cách mạng là tôn trọng nhân tài.

Trước thời kỳ cách mạng hay đương thời kỳ cách mạng, văn học là khu vực chịu ảnh hưởng nhiều nhất và văn học cũng là một trong những nguồn gốc phát sinh cách mạng. Nỗi thống khổ của nhân gian, cảnh thối tha của xã hội, sự hắc ám của chính trị, tính chất hư nguy của đạo đức đều được cảm nhận trước tiên bởi các nhà văn. Nói thế chẳng phải vì dân chúng trước trạng thái sinh hoạt ác liệt không biết thống khổ đâu. Có điều cảm giác thống khổ của họ không được thâm sâu, và thứ nhất là không thể diễn đạt đủ ý để có thể truyền bá toàn chỉnh nỗi thống khổ đó. Văn nhân nhờ bản tính, nhờ tu dưỡng, nên sự cảm thông với thống khổ của dân gian bén nhạy hơn, rồi dùng những phương thức nghệ thuật (khác nhau tùy từng thời đại) để nói lên hiện trạng bất mãn để làm xúc động hơn. Người ta có thể kể cả ngàn nỗi thống khổ của người mã phu, nhưng với kiệt tác *Une banale histoire* của Tchekov chỉ mười trang thôi, các nỗi thống khổ kia đã kết thành u uất thể thảm.

Văn học gia là những người tiên tri tiên giác của dân chúng cho nên thời kỳ lịch sử nào mà văn học giàu tinh thần cách mạng bao giờ cũng là nguồn gốc của vận động cách mạng của thời kỳ đó. Văn học cách mạng thường vẫn là giọt máu tâm linh trong thời gian trước cách mạng. Văn học gia là một đại biểu không chính thức của dân chúng. Văn học chẳng những hun đúc nỗi phẫn uất thành sự đồng tình tụ tập, văn học còn tìm tòi phát hiện những quy luật và kỷ

thuật tổ chức đấu tranh. Nắm được vận động cách mạng văn học có nghĩa là đã giữ được một nửa lãnh đạo quyền cách mạng.

Thân phận trí thức

Chương Thứ Bảy NGƯỜI TRÍ THỨC VỚI TỔ QUỐC

Thơ xưa yêu cảnh thiên nhiên đẹp

Mây gió trăng hoa tuyết núi sông

Nay ở trong thơ nên có thép

Nhà thơ cũng phải biết xung phong

Trích "Ngục trung nhật ký"

*La poésie a combattu en première ligne
du drame, elle a eu ses morts ses saints,
ses héros et le combat continue, la
poésie fume encore comme une arme
qui vient de tirer.*

Jean Cayrol

Quân đội chiếm ưu thế

Sau cách mạng Tân Hợi, năng lực lãnh đạo của Tôn Trung Sơn ngày một thấy thoái hoá. Đảng do ông dẫn dắt không tiến bộ gì hơn mấy ông quân phiệt miền Bắc cho nên không giải quyết được tình trạng cắt đất chia khu hùng cứ một phương làm nhiều anh hùng nhất khoảnh. Phần tử trí thức hoàn toàn thất vọng về thể vị lãnh đạo của họ Tôn. Nếu như phương thức lãnh đạo của Quốc dân đảng không cải biến để đánh dẹp quân hùng thì chẳng những đảng vỡ mà cách mạng cũng tiêu theo. Do tình thế này đã đưa lên địa vị chủ tử một nhân vật mới: Tưởng Giới Thạch.

Tưởng Giới Thạch ở trong Quốc dân đảng còn rất non tuổi đảng, tư vọng cũng chưa có gì đáng chú ý, nhưng nhờ đã học được những phương pháp tổ chức, huấn luyện quân đội từ Liên Xô, nhờ Tôn Trung Sơn cử làm hiệu trưởng đại học quân sự Hoàng Phố, ông đã gây dựng được cái vốn chính trị bằng lực lượng hợp thời thế nhất là quân đội cách mạng.

Trước khi Tưởng Giới Thạch bắt tay vào việc tổ chức thi quân đội chỉ là chuyện hữu danh vô thực. Quân đội rất ô hợp theo kiểu tập giang hồ lưu khẩu do các tướng bang hội chỉ huy.

Tưởng Giới Thạch thừa thụ chính sách bắt tay với Cộng sản của Tôn Trung Sơn, ông đi nước cờ đầu tiên nhằm loại ra khỏi đảng hoặc tiêu diệt thế lực của các trọng thần kỳ cựu ngoan cố từng phản đối Tôn Văn dung dưỡng Cộng Sản. Thanh niên trí thức vui lòng thường thức nước cờ đó. Được sự ủng hộ của phe tiến bộ, được C.S để yên không phá, Tưởng Giới Thạch gấp rút kiến thiết lực lượng bản thân bằng cách nắm toàn bộ quân lực.

Quân đội trường Hoàng Phố ban đầu chỉ có 2 trung đoàn, tuy nhiên với lối tổ chức, huấn luyện mới nên nó đã đứng bá chủ về phương diện tinh nhuệ. Thấy đã đủ sức Tưởng Giới Thạch đem quân đánh Trần Hưởng Minh, Dương Hy Mẫn và Lưu Chấn Hoàn thống chiếm toàn cõi Quảng Đông qui vào một quyền lãnh đạo.

Làm chủ Quảng Đông rồi, Tưởng Giới Thạch mặc dầu trước kia dùng phương pháp Liên Xô để xây dựng quân đội, nhưng nay chủ khách đã ở tư thế khác nhau, nên Tưởng phải xem Cộng Sản như mối lo ngại hơn là một bạn đồng minh. Ngược lại C.S lúc hợp tác với Quốc dân đảng cũng là để nuốt luôn đảng này vào bụng. Nên khi thấy Tưởng Giới Thạch bành trướng thế lực, C.S liền đặt lại vấn đề hợp tác, vận động gây áp lực và xung đột âm ỷ nhóm lên. Hai bên chạy đua cướp thời cơ. Giữa lúc ấy thì một biến cố trọng đại xảy ra. Liêu Trọng Khải bị ám sát chết, Hồ Hán Dân bị bức bách rời Quảng Đông và quân đội Hứa Sùng Trĩ bị tước khí giới. Ba người Khải, Dân, Trĩ đều đối lập kịch liệt với Tưởng Giới Thạch. Để cho khỏi cảnh nhất quốc tam công, phe Tưởng phải ra tay để mau nắm trọn quyền lực.

Sau biến cố thì xung đột quốc cộng từ âm thầm trong bóng tối

chuyển ra gay gắt dưới ánh sáng. Tháng 3 năm 1926 hạm trưởng Lý Chi Long mang chiến thuyền từ Quảng Châu đến Hoàng Phố tung tin lật đổ chính phủ. Tưởng Giới Thạch điều động bộ đội bắt được tập đoàn Lý Chi Long, phong toả Quảng Châu, bố cáo giới nghiêm và quản thúc các đảng viên C.S.

Sự lạnh lẽo ửng phó làm cho Tưởng Giới Thạch toàn thắng, thanh trừng CS gạt hẳn ra khỏi quân đội. Đến tháng 5 Tưởng triệu tập trung ương hội nghị đảng đưa ra đề nghị Chỉnh lý đảng vụ án(?) để hạn chế phạm vi hoạt động của Cộng sản đảng. Đề nghị quy định người Cộng sản không được quyền làm bộ trưởng các bộ thuộc trung ương đảng. Biết rằng lúc ấy Mao Trạch Đông làm đại lý bộ trưởng tuyên truyền bộ, Lâm Bá Cừ làm bộ trưởng bộ nông dân và Đàm Bình Sơn làm bộ trưởng bộ tổ chức.

Tưởng Giới Thạch tấn công tới tấp, đảng Cộng sản do Trần Độc Tú lãnh đạo nhần nhục nhận đòn cho nên sự hợp tác quốc cộng vẫn không hoàn toàn đổ vỡ, vì theo ý Trần Độc Tú, việc Bắc phạt dành cho Tưởng Giới Thạch.

Quyền hành vào trong tay họ Tưởng thì tính chất chính phủ cách mạng cũng biến đổi. Từ xưa quân nhân can dự chính trị vẫn là thể thức quân sự phụ thuộc chính trị. Nay Tưởng Giới Thạch đem chính quyền và quân quyền gộp làm một. Để tổ chức Bắc phạt, Tưởng giao cho bộ tổng tư lệnh cả quyền hành ban bố chính lệnh.

Tháng 7 năm 1926 quân cách mạng khởi đầu công cuộc Bắc phạt.

Tỉnh trưởng Hồ Nam đầu hàng và xin cải biên làm đệ bát quân.

Quân Ngô Bội Phu bị quân cách mạng đánh bại ở Trường Sa.

Tháng 9 quân cách mạng chiếm tỉnh Giang Tây, tháng 11 đánh Nam Xương.

Tình hình mới tạo ra thế mới cho hai phe Quốc cộng. Đảng Cộng sản lợi dụng tiến triển của quân sự để mở rộng vũ lực đảng, phát triển vận động công nông và triệt bỏ uy tín quốc dân đảng. Cố vấn quân sự Borodine thấy thanh thế Tưởng Giới Thạch tăng cao liền nghĩ cách ngăn trở kế hoạch quân sự. Tưởng biết vậy, ngoài mặt vờ nghe Borodine nhưng ông đã ngầm ngầm quyết liệt thi hành kế hoạch riêng. Thấy Borodine không ngăn trở được Tưởng Giới Thạch, đảng Cộng Sản liền kiến lập một trung ương là chính phủ Vũ Hán đối lập với chính phủ Nam Kinh.

Ông Tinh Vệ từ Pháp về Thượng Hải giữa lúc đe dọa phân liệt Quốc Cộng đang trầm trọng. Ông Tinh Vệ là một trong những người cách mạng tiến bộ từng ủng hộ Tưởng Giới Thạch chống phe bảo thủ. Tưởng Giới Thạch từ Nam Kinh tới Thượng Hải đón Vệ, gặp gỡ trình bày lý do và mời về Nam Kinh cộng tác chia đôi công việc, chính trị phần Ông Tinh Vệ, quân đội phần Tưởng Giới Thạch. Nhưng Ông tinh Vệ vốn dĩ là người thiên tả nên đã từ chối Tưởng và cộng tác với chính phủ Vũ Hán, gấp rút tổ chức đại hội đồng khai trừ Tưởng Giới Thạch. Khốn nỗi ở Vũ Hán chưa đầy hai

tháng Ông Tinh Vệ đã hoàn toàn thất vọng. Đảng Cộng Sản dưới quyền điều khiển của một cán bộ quốc tế người Ấn tên là Roy có nhiều hành động khùng bố quá khích. Ông Tinh Vệ liền cùng Tôn Khoa, Đàm Đình Khải liên kết chống Borodine và Roy. Một số tướng lĩnh khác theo Vệ mang quân giao chiến với Cộng Sản. Tháng 7 năm 1927 Ông Tinh Vệ chính thức tuyên cáo phân khai chính phủ Cộng Sản, chuẩn bị hợp tác với chính phủ Nam Kinh. Trong đàm phán giữa phe Ông với Nam Kinh có nhiều mối bất đồng khiến cho bộ đội theo Ông bắn nhau với quân Nam Kinh. Tình hình cực rối loạn. Để cứu vãn Ông Tinh Vệ phải đánh điện mời Tưởng Giới Thạch về nước. Cùng một lúc, phe Tưởng Giới Thạch chuẩn bị đại hội đảng khai trừ Ông Tinh Vệ, kết tội Ông là phản quốc. Thất trận Ông Tinh Vệ đành xuất ngoại. Nội bộ quốc dân đảng thống nhất các tướng quy tụ quanh Tưởng Giới Thạch tiếp tục công cuộc Bắc phạt. Nội bộ C.S sau vụ Ông Tinh Vệ phân khai chia rẽ mâu thuẫn trầm trọng. Cuối năm 1927 Nhật Bản sai người ám sát Trương Tác Lâm ở Đông Bắc rồi phao vu cho Tưởng Giới Thạch, để dùng Đông Bắc quân ngăn chặn Bắc phạt. Nhưng Tưởng Giới Thạch đã mật sai Ngô Thiết Thành liên lạc với Trương Học Lương (con Trương Tác Lâm) cho biết hết âm mưu thâm độc của Nhật. Lương vỡ lẽ chịu theo Tưởng. Công cuộc Bắc phạt hoàn thành.

Chính trị tàn khốc và phản tử trí thức.

Hợp tác quốc cộng sau vụ Vũ Hán kể như kết thúc. Xung đột Quốc cộng mở đầu cho một giai đoạn tàn khốc. Tính chất quang minh lỗi lạc của thời kỳ cách mạng lãng mạn không còn nữa, đạo đức truyền thống không còn nữa. Toàn bộ sinh hoạt hiện tại chỉ là thanh toán ám sát. Giết chóc là chuyện cơm bữa, là thủ đoạn căn bản để tiêu trừ kẻ chống đối. Di huấn hoà bình phấn đấu của Tôn Văn không còn ai tôn trọng nữa. Ước Pháp lâm thời quy định chủ quyền Trung Hoa dân quốc thuộc toàn thể quốc dân với quyền tín ngưỡng, ngôn luận, kết xã tự do mà Tôn Văn hằng mong ước nay chỉ là hư ảo. Phản tử trí thức đấu tranh suốt từ Mậu Tuất chỉ là để thực hiện ước pháp, phản tử trí thức cổ vũ Bắc phạt chỉ là để đuổi Viên Thế Khải cùng lũ lỗi dân chủ bầu bán dứt lốt mà khôi phục ước pháp. Lẽ ra thành công trong công cuộc Bắc phạt rồi, quốc dân đảng phải tiếp tục thi hành ước pháp lâm thời. Nhưng tình thế chính trị thảm khốc tàn nhẫn giữa Quốc Cộng đã buộc Quốc dân đảng để tự vệ phải bóp chết dân chủ. Tổ chức chính phủ (tuy gọi là Quốc dân chính phủ) do trung ương uỷ viên hội Quốc dân đảng tự quyền quyết định, toàn dân không được bàn cãi. Mọi quyền xuất bản, ngôn luận, kết xã v.v. đều bị “niêm phong”. Phản tử trí thức phẫn hận. Chính phủ Quốc dân hạn chế quyền dân chủ chủ yếu nhằm quyết đấu một mất một còn với Cộng sản, dùng phương pháp cực quyền của CS đối phó với Cộng Sản. Đó là một đường lối không chính

xác. Quyết liệt ban đầu dần dần biến thành độc đoán bạo ngược vì say sưa với quyền thế. Chính phủ quốc dân tự cô lập. Phần tử trí thức mất hết nhiệt tình đối với Quốc dân đảng, thái độ bất hợp tác của họ mỗi ngày thêm rõ rệt.

Hồ Thích lên tiếng chỉ trích trước nhất. Trong một bài nhan đề “Biết khó làm cũng không dễ” đăng ở tuần san “Tân nguyệt tạp chí” Hồ Thích đòi thảo luận công khai. Theo Hồ Thích thì ít lâu nay học thuyết Tôn Văn đã trở thành kinh điển và ngẫu tượng dùng cho chính sách áp chế. Quốc dân đảng cho rằng Hồ Thích đặt vấn đề như thế là một điều “phạm kỵ” liền hạ lệnh thộp cổ Hồ Thích. Dư luận công phẫn. Chính phủ Quốc dân đành lui bước. Từ đấy mà đi, người trí thức nào cũng cảm thấy chiếc cối đá vô hình đè nặng trên đầu. Cũng từ đấy mặc dầu chính phủ quốc dân tạm ổn định được tình thế, nhưng sự ổn định tạm ấy không bao giờ tiến bộ. Có ba lý do:

- 1) Vì học thuật tư tưởng không được phát triển nên không có tiến bộ.
- 2) Chiến tranh quốc cộng mở rộng binh họa liên miên, chính phủ dồn hết lực vào việc tiêu cộng nên các mặt khác bỏ ngỏ.
- 3) Tuy mang bề ngoài thống nhất nhưng trong nội bộ đảng, nội bộ chính phủ phân chia làm nhiều hệ phái. Chính phủ quốc dân lẫn quần trong mâu thuẫn và nội chiến.

Ba lý do trên ảnh hưởng nghiêm trọng đến sự tiến bộ của Trung Quốc, đồng thời cũng ảnh hưởng nghiêm trọng đến sự tiến hành chiến tranh của Quốc dân đảng với Cộng sản.

Ép buộc tư tưởng học thuật không được tự do phát triển. Quốc dân đảng đã từ bỏ tư tưởng chiến. Không có tư tưởng đấu tranh thì không thể đánh bại C.S đến cội rễ. Bản thân Quốc dân đảng vì quá tin tưởng vào sức vạn năng của quân sự nên thua sút hẳn trên mặt đấu tranh tư tưởng.

Nội bộ Quốc dân đảng phân tranh đã làm giảm lực lượng quân sự tiêu cộng.

Trước Bắc phạt, Thượng Hải là nơi trăm đoá hoa tư tưởng đua nhau nở, văn hoá vô sản chỉ là một trong trăm đoá hoa đó, thanh thế đâu có mạnh bằng chủ nghĩa quốc gia. Đến Quốc công hợp tác sơ kỳ, quốc dân đảng bị Cộng Sản hóa, tả phái của Quốc đảng bành trướng. Quốc cộng chia tay, trên mặt quân sự C.S thua nhưng trên mặt văn hoá C.S đạt được nhiều thắng lợi khả quan. Ở Thượng Hải các đoàn thể văn hoá C.S có Thái Dương Xã, Sáng Tạo Xã. Hai đoàn thể này đệ tam quốc tế dùng làm trung tâm phát huy chủ nghĩa Mác Xít. Các cán bộ sang thụ huấn tại Liên Xô rồi về tổ chức các Xã đoàn tả khuynh. Văn hoá tả khuynh do đó mọc lên như nấm.

Cộng Sản triệt để nhanh chóng lợi dụng nhược điểm chỉ trọng quân sự chính trị, khinh thường văn hoá của Quốc dân đảng để khoáng triển thế lực. Thanh niên trí thức trước kia tin tưởng dân chủ khoa

học, nay họ tin tưởng giai cấp chuyên chính và duy vật sử quan. Phần tử trí thức lãnh đạo lâm vào cảnh “mây dày mà không mưa” ưu uất, nên thoái rút khỏi hiện thực sống cuộc đời ẩn sĩ như Lâm Ngữ Đường, Chu Tác Nhân v.v.

Sau hai năm ráo riết hoạt động thu hoạch nhiều thắng lợi, Cộng Sản liền đổi hình thức để thống nhất lực lượng. Mở đầu Cộng Sản thành lập Trung Quốc Tự Do đại đồng minh do Lỗ Tấn, Điền Hán, Hựu Đạt Phu điều khiển. Rồi đến Liên minh các nhà văn tả phái do Lỗ Tấn, Mâu Thuấn, Phùng Tuyết Phong cầm đầu. Rồi đến hội nghiên cứu chủ nghĩa Mác Xít, Hội nghiên cứu văn hoá Quốc tế, hội nghiên cứu văn hoá đại chúng. Các hội đoàn kể trên có cả thấy 20 tờ báo vừa hàng ngày, vừa hàng tuần, hàng tháng.

Trong khi ấy, Quốc dân đảng hoàn toàn không có lấy một sách lược đấu tranh tư tưởng. Để đối phó Quốc dân đảng chỉ dùng quyền hành bắt bớ, cấm chỉ lưu hành hoặc dùng đặc vụ thủ tiêu, đốt phá. Kết quả chẳng dành được hiệu lực đáng kể nào hết. Thấy liên minh tả phái thành lập, bấy giờ Quốc dân đảng mới vắt ra khẩu hiệu văn học dân tộc để chống phái Tả.

Văn học dân tộc là trận chiến văn hoá đầu tiên của Quốc dân đảng với Cộng sản.

Dân tộc chủ nghĩa văn học được Vương Bình Lăng, Hoàng Chấn Hà, Chu Ứng Bằng, nhóm này đưa ra trong bản tuyên ngôn vận động văn nghệ dân tộc Trung Quốc. Chủ trương ý nghĩa tối cao của văn nghệ là dân tộc chủ nghĩa, bác bỏ chủ nghĩa quốc tế của tả phái. Dân tộc chủ nghĩa dễ được mến chuộng thứ nhất là đối với dân tộc đã nhiều lần bị ngoại nhân bức chế. Tả phái biết thế nên khai hoả tấn công ngay, họ gọi những người công tác văn học chủ nghĩa cùng hai tờ báo Tiền phong nguyệt báo và Văn nghệ nguyệt báo là cơ cấu văn nghệ của giai cấp thống trị. Họ nói nhiệm vụ của văn học dân tộc chủ nghĩa là đem chôn văn nghệ do chính phủ quốc gia thuê mướn.

Viên đại tướng cầm quân đánh phá dân tộc văn học là Lỗ Tấn ông tung ra một đòn chí mạng gọi vận động văn học dân tộc chủ nghĩa của bọn Lăng Hà Bằng là vận động nhằm tiêu diệt văn học cách mạng. Mặc dầu tứ diện thụ địch, vận động văn học chủ nghĩa cũng gây sôi nổi một ít lâu. Tiếc thay, Quốc dân đảng đánh trống bỏ dùi không tiếp tục lấn vào trận chiến văn hoá lợi hại này. Lại cái tệ khác nữa, Quốc dân đảng chỉ đối đãi với những người công tác văn hoá bằng cử chỉ coi như một thứ “chó thả trong nhà” (chien en laisse) nên hàng ngũ của Vương Bình Lăng vì thế mà vắng vẻ. Phần tử trí thức Quốc dân đảng sau khi tranh đoạt được chính quyền rồi thì chỉ nghĩ đến ra làm quan. Khác hẳn với trước, từ Tân Hợi đến Bắc phạt, Quốc dân đảng coi mặt trận văn hoá là trọng, Uông Tinh Vệ, Ngô Trĩ Huy, Vu Hữu Nhiệm từng là những người vang tiếng trong mặt trận này. Bây giờ họ coi nhẹ văn hoá và mãi mê với tranh đoạt

quyền bính. Còn lại Trương Thái Viêm thì Viêm lại lên mặt chính thống không coi ai ra chi, mà nhất là không chịu chấp nhận tư tưởng đấu tranh.

Sinh hoạt của phần tử trí thức toàn quốc vì trạng thái hỗn loạn nghi kỵ nên không tiến bộ, vì áp lực chính trị nặng nề nên đại chúng cũng hết dục cầu học hỏi. Chính sách của chính phủ cấm các ấn phẩm cổ động cho Tự do, khiến cho món ăn tinh thần thiếu hụt. Phần tử trí thức quá bốn mươi đi tìm món ăn đó qua Tam Quốc Chí diễn nghĩa, Tây Du Ký và thanh niên trí thức thì vùi đầu vào dâm thư, văn học phồn hương, hồ điệp.

Nội chiến mỗi ngày mỗi lan rộng làm cho kinh tế kiệt quệ, dân chúng nghèo đói làm mồi cho Cộng dự hoặc. Chỉ với thời gian rất ngắn, Cộng sản đã kiến lập được bốn căn cứ địa quân sự mới ở Giang Tây, Phúc Kiến, Quảng Tây, Hồ Nam. Tại các thành thị sự nghiệp sản xuất đình trệ. Tại nông thôn, do chiến tranh, do thiên tai có chừng 50 triệu người lưu ly không nhà không cửa.

Mục động trong nghiên sâu.

Đề đốc Nhung tay sai của Lê Hoan lập công với Pháp vây bắt cánh tay mặt của lãnh tụ Cần Vương là Nguyễn Cao. Khi giải Nguyễn Cao đến trước mặt các quan tây và nam trong đó có Hoàng Cao Khải, hội đồng dụ dỗ hứa bổ chức lớn nếu chịu ra làm quan, ông Nguyễn Cao từ chối. Hội đồng lại cho đem hình cụ tra tấn ra để dọa nạt. Ông Nguyễn Cao mỉm cười nói:

- Tôi đâu có sợ chết, sẽ có cách tự xử khỏi phiền ai.

Nói rồi Nguyễn Cao thò tay vào trong áo lấy mảnh sứ đã giấu sẵn mạnh tay khoét rốn, rút ruột ra vứt lên mặt họ Hoàng rồi chửi rửa tên viết gian thậm tệ, làm cử tọa vừa xấu hổ vừa kinh hoàng. Một lát sau miệng Nguyễn trào máu ra, Nguyễn đã cắn lưỡi tự tử.

Các nhà nho làm cách mạng chống Pháp cứ lần lần bị bắt. Cả một thế hệ trí thức tàn lụi dần, văn hoá cũ lùi vào dĩ vãng. Nho sĩ chỉ còn là một hình ảnh buồn thảm như bài thơ ông đồ (của Vũ Đình Liên)

Mỗi năm hoa đào nở
Lại thấy ông đồ già
Bày mực tàu giấy đỏ
Bên phố đông người qua
Bao nhiêu người thuê viết
Tám tắc ngợi khen tài
Hoa tay thảo những nét
Như phượng múa rồng bay
Nhưng mỗi năm mỗi vắng
Người thuê viết nay đâu
Giấy đỏ buồn không thắm
Mực đọng trong nghiên sâu
Ông đồ vẫn ngồi đấy

Qua đường không ai hay
Lá vàng rơi trên giấy
Ngoài trời mưa bụi bay
Văn minh và văn hoá Tây phương tràn vào làm thành phong trào Tây hoá. Ngoài khuynh hướng Tây hoá theo đường lối Phạm Quỳnh, đồng đẳng với bình đẳng, thuần tính chất tay sai phản bội dân tộc, có một khuynh hướng khác xuất hiện với sự hình thành của tư sản thành thị và sự tiếp xúc với văn học phương tây từ sau chiến tranh thế giới lần thứ nhất. Đó là khuynh hướng lãng mạn trên văn học. Trước hết là cuốn Tố Tâm của Hoàng Ngọc Phách. Đạm Thuỷ học trường Cao đẳng, có nhiều thơ văn đăng báo, Tố Tâm đọc sách nhiều say mê thơ văn, qua thơ Tố Tâm đã cảm phục Đạm Thuỷ trước khi hai người biết nhau. Vì một sự tình cờ hai bên gặp nhau và yêu nhau. Tình yêu càng ngày càng nặng, nhưng không có lối thoát vì Đạm Thuỷ đã hỏi vợ và không muốn làm trái ý cha mẹ. Rồi Tố Tâm có người môn đăng hộ đối dạm hỏi, mẹ nàng ưng gả. Nhân lúc bà bệnh nặng, bà buộc nàng phải nhận lời. Cưới xong, Tố Tâm ốm, hơn một tháng sau nàng chết, để lại cho Đạm Thuỷ một tập nhật ký thống thiết, chép từ ngày Tố Tâm sửa soạn về nhà chồng cho tới ngày nàng chết.

Hoàng Ngọc Phách xuất thân từ một gia đình nho giáo, thuở thiếu thời ông học chữ Pháp tốt nghiệp trường Cao đẳng. Hoàng Ngọc Phách cũng như hầu hết thanh niên trí thức phương Đông buổi đầu tiếp xúc với Tây phương văn hoá, đều say mê chủ nghĩa tự do luyện ái. Cho nên cuốn Tố Tâm đi tiên phong trong công cuộc Tây hoá văn học cũng là điều chẳng đáng ngạc nhiên.

Tuy nhiên có điểm khác biệt là Tố Tâm mang tính chất hoàn toàn tiêu cực, không tích cực như những tác phẩm cùng đề tài này của Ba Kim, Trần Nhạn Băng v.v. bên Trung Quốc. Tố Tâm đau khổ đánh bông xuôi, không phản ứng giống như Tuyết hồng lệ sử của Từ Trầm Á, nghĩa là phảng phất nỗi lòng tuyệt vọng của kẻ vong quốc (Từ Trầm Á viết Tuyết hồng lệ sử đang lúc nhà Thanh còn cai trị). Trong khi những cuốn Gia, Thu Xuân của Ba Kim và Hũ Trùng, Dạ Tử của Trần Nhạn Băng viết sau lúc Bắc phạt hoàn thành. Văn học lãng mạn Việt Nam ngay từ đầu đã tỏ ra bản chất yếu đuối.

Thất bại Yên Bái

Sau khi tiếng súng của cuộc chiến tranh thế giới lần thứ nhất ngừng nổ chưa được bao lâu thì đế quốc Pháp thi hành ở Đông Dương chính sách khai thác thuộc địa lần thứ hai để mong hàn gắn các vết thương chiến tranh tại chính quốc. Chúng đẩy mạnh việc đầu tư vào Đông Dương, tăng cường chiếm đoạt ruộng đất, dùng hàng rào quan thuế để độc chiếm thị trường. Tiếp đó năm 1929 lại nổ ra một cuộc khủng hoảng kinh tế trầm trọng trong toàn bộ hệ thống tư bản

các nước trên thế giới. Ở Việt Nam, đời sống của dân chúng càng ngày càng đen tối cơ cực. Mâu thuẫn giữa dân tộc với đế quốc thực dân và tay sai ngày càng sâu sắc.

Sau vụ giết hụt toàn quyền Merlin, tại hải ngoại cũng như trong nước xuất hiện nhiều tập đoàn chính trị phôi thai và một số chính đảng như:

- Đảng Lập Hiến
- Việt Nam nghĩa đoàn
- Hội Hưng Nam
- Thanh niên Việt nam đảng
- Đảng Việt Nam độc lập

Nhưng đáng kể nhất là hai đảng:

Việt Nam thanh niên đồng chí hội
và Việt Nam quốc dân đảng.

Việt Nam thanh niên đồng chí Hội là tiền thân của đảng Cộng sản, hoạt động truyền bá tư tưởng Mác xít.

Việt Nam Quốc dân đảng mặc dầu đã có một mớ kinh nghiệm từ các cuộc đấu tranh trước mà vẫn không khỏi đi vào con đường phiêu lưu. Những lãnh tụ Việt Nam Quốc dân đảng chỉ có tinh thần dũng cảm hy sinh với cái ý nguyện không thành công thì thành nhân, nên liều khởi nghĩa hơn là khởi nghĩa có nghiên cứu khoa học. Cuộc bạo động Yên Bái nổ ra từ một tình thế đang tan vỡ của Việt Nam Quốc dân đảng, giữa lúc mà kẻ thù đang khủng bố, bắt bớ ráo riết. Sự thất bại hầu như là tất nhiên. Sự thất bại của Việt Nam là sự thất bại của trí thức và giai cấp tư sản khi đương đầu với đế quốc về chính trị, quân sự. Sự thất bại này đã mở cửa cho tư tưởng Cộng sản tràn vào nắm trọn quyền lãnh đạo đấu tranh. Năm 1930 là năm 13 nhà ái quốc Việt Nam Quốc dân đảng lên máy chém thì cũng là năm đảng cộng sản thành lập.

Bao kinh nghiệm, từ vận động văn học đến bạo động rồi lại từ bạo động trở về vận động văn học ngót 40 năm cho biết tất cả nguyên nhân thất bại chỉ là thiếu hệ thống lãnh đạo thích hợp với sứ mệnh lịch sử và thời đại. Đến Việt Nam Quốc dân đảng vẫn vấp phải lỗi trên, nghĩa là quá hấp tấp với bạo động, bạo động không được chú trọng bằng một cuộc cướp chính quyền có kế hoạch trên chính trị, trên quân sự, trên kinh tế với hệ thống tổ chức cơ sở vững vàng. Bạo động đối với Việt Nam Quốc dân đảng chỉ chú trọng gây phong trào yêu nước từ vài điểm ra toàn cõi với chút hy vọng thắng lợi không bao giờ chắc chắn. Nền tảng cho VNQD đảng cách mạng là:

- Nhân quyền dân chủ cách mạng 1789.
- Tam dân chủ nghĩa kèm theo một câu phương châm là: làm cách

mạng dân tộc trước rồi làm cách mạng thế giới sau.

Tuy lấy những tư tưởng trên làm nền tảng, nhưng tuyệt nhiên trên hoạt động Việt Nam Quốc dân đảng đã không hề tổ chức một cơ sở đấu tranh văn hóa để phổ biến, giáo dục hay phát huy những tư tưởng đó. Người ta không thấy một văn kiện hay tác phẩm nào, dù bí mật hay công khai mở xẻ lý luận hoặc tìm cách áp dụng cho hợp với hoàn cảnh. Ngay ở tầng lãnh đạo, đối với tư tưởng nền móng cũng mỗi người đi theo một hướng riêng, tự tìm hiểu và giải đáp lấy cách mạng Pháp và cách mạng Tân Hợi, Tam dân chủ nghĩa. Đến như phương châm làm cách mạng dân tộc trước, làm cách mạng thế giới sau thì lại là vu vơ bắt nguồn từ chủ nghĩa Tam dân mà không có luận cứ gì cả. Nói về văn học, Việt Nam Quốc dân đảng bấy giờ chỉ cho lưu truyền một số văn thơ u hoài bi ai hoặc hùng tráng phát xuất từ tinh thần yêu nước, từ cảm khái vong quốc. Tuyệt nhiên không có một lý luận nào dành cho đấu tranh, dành cho giáo dục huấn luyện, dành cho chiến lược chiến thuật, dành cho sự đặt mọi vấn đề thực tiễn của cách mạng. Lác đác một vài văn phẩm nói về chủ nghĩa Tam dân thì chỉ là những bản dịch y nguyên văn không dẫn giải phê phán cặn kẽ. Thiếu phần đấu tranh văn hóa nên hàng ngũ rất yếu về mặt tư tưởng, lý luận. Thiếu lý luận nên hành động lệch lạc không thống nhất. Mỗi nhóm theo đường lối riêng tự mình đặt ra.

Trong khi ấy thì nhu cầu chỉnh thể cho sinh hoạt văn hóa dân tộc thời đại càng thêm bách thiết, các giá trị đã bị băng hoại, mặc dầu đã trải mấy thời Duy Tân và Tây Du nhưng vẫn chưa khôi phục lại được mà còn mỗi ngày mỗi rạn nứt hơn lên, do ảnh hưởng của những nguồn tư tưởng từ khắp nơi cùng những vụ biến động tại các nước láng giềng.

Quyết định khởi nghĩa liều lĩnh tất nhiên thất bại. Trong khi vì bị khủng bố, các cơ sở của đảng tan vỡ, lực lượng rời rạc, đánh liều một trận không thành công thì thành nhân, Việt Nam Quốc dân đảng đã lưu lại cho lớp người sau một bài học xương máu vô cùng quý giá nhưng lại chỉ có rất ít phần tử cách mạng quốc gia dân tộc thấu lượm được. Việt Nam Quốc dân đảng tan vỡ dần mòn để lại một “trống rỗng” trên chính trị, trên đấu tranh cách mạng. Lợi dụng những điều kiện khách quan thời đó, dựa vào mối liên hệ ruột thịt với đảng Cộng sản Pháp, đảng Cộng sản Việt Nam ra đời nhanh chóng bù đắp vào chỗ trống rỗng đó.

Bách gia tranh minh

Ngày 3 tháng 2 năm 1930 đảng Cộng sản Đông Dương ra đời, chia

sự học hỏi Tây phương ra làm hai đường: đường dân chủ tư sản và đường Mác xít vô sản. Chia chính trị ra làm hai khuynh hướng: Quốc gia và Cộng sản. Đảng Cộng sản thành lập cũng mang đến một làn đấu tranh mới mẻ như các phong trào Sô Viết Nghệ An, chống sưu chống thuế ở Hà Tĩnh gọi là những phong trào công nông.

Cuối năm 1931, thực dân Pháp tổ chức cho Bảo Đại hồi loan và tuyên truyền âm ỉ cho cái gọi là chương trình cải cách của Bảo Đại, đồng thời chúng cũng gieo rắc đồn phong bại tục, tổ chức các sông bạc, mở thêm các tiệm nhậu, nhà chứa. Nhớ lại khi Khải Định trao Bảo Đại cho người Tây đem về Pháp đào tạo có nói: “Đây là đứa con của tôi, mai sau sẽ kế nghiệp tôi mà cầm giềng mỗi nước tôi. Xin nhờ các ông đào tạo cho nó sao thì chúng tôi được nhờ vậy”. Nay thực dân Pháp đem Bảo Đại về để đào tạo một phong khí chính trị mới thì phong khí ấy chẳng qua cũng vẫn tiếp tục là phong khí chịu vổ về yên phận mất nước. Phong khí mới của Bảo Đại chỉ có bọn thư lại tay sai là hoan nghênh hết mình mà thôi. Phần tử trí thức yêu nước chẳng vui chút nào.

Cuộc khởi nghĩa Yên Bái đã chấm dứt cái trò hề Pháp Việt đề huề nhưng nó cũng làm cho một số trí thức Tây học (tư sản) e dè với sự đương đầu đế quốc bằng những cuộc bạo động. Họ quay sang đấu tranh chống phong kiến về mặt văn hóa lễ giáo. Tự lực văn đoàn xuất hiện đấu tranh cho quan niệm tự do luyến ái, đả kích chế độ đại gia đình và lễ giáo phong kiến, đề cao chủ nghĩa cá nhân tư sản. Tự lực văn đoàn cũng đem những hủ tục ở nông thôn ra chế giễu.

Phần tử trí thức trong Tự lực văn đoàn trên phương diện đấu tranh mặc dầu có cái vỏ bài bác phong kiến thư lại, nhưng bên trong mầm mống xu hướng thoát ly thực tế đấu tranh mọc lên quá nhanh, đưa dẫn thanh niên trí thức trốn tránh vào thế giới của tình yêu lãng mạn. Họ đã vui chân đuổi theo nàng nghệ thuật của nghệ thuật bằng những chủ nghĩa bướm trắng, hồn bướm mơ tiên. Hai tác phẩm chứa đựng ý tứ khích lệ cách mạng như cuốn Tiêu sơn tráng sĩ, Đồi bạn mà cũng vẫn đầy tính chất tiêu cực thoát ly thực tế. Đánh rằng thứ văn học cách mạng (Romantisme révolutionnaire) rất cần thiết cho sự khích lệ nhưng nếu nó cứ đuổi dài mãi vào tính chất tiêu cực thì chẳng mấy lúc nó sẽ tạo điều kiện cho tính chất suy đồi nảy nở. Quả như vậy, văn học lãng mạn càng đi vào con đường bế tắc khiến cho các khuynh hướng suy đồi nảy sinh ra rất nhiều. Có khuynh hướng muốn thoát ly hiện tại để trở về cái dĩ vãng được lý tưởng hóa, có khuynh hướng đi vào con đường truy lạc tự hủy hoại cuộc đời bằng rượu mạnh, ma túy. Họ không biết gì đến những mâu thuẫn đang gay gắt diễn ra trong xã hội trong cũng như ngoài

nước. Tác phẩm của họ vẫn quanh quẩn với những chủ đề chống lễ giáo phong kiến, đề cao chủ nghĩa cá nhân.

Nhóm Tự lực văn đoàn cùng những phần tử trí thức theo họ trên phương diện cầu tiến bộ đã vô tình cùng bọn thư lại thông ngôn chia người trong nước thành hai thế giới với hai hệ thống tâm trạng khác nhau như hành tinh này với hành tinh kia. Giáo sư Paul Mus viết: Trong khi nông dân cố chống Pháp cho thấy Việt khác với Pháp thì trí thức lại đấu tranh cho mình được giống Pháp. Giáo sư Kim Định viết: “Cái thảm trạng của nước ta chính là ở chỗ đó. Từ đáy trí thức trở thành đầu không có thân. Ngược lại nông dân là thân không đầu. Thôn dân với thị dân mỗi ngày không thể hiểu nhau vì không cùng ngôn ngữ.” Hãy đọc thêm đoạn dưới đây trích dẫn lời giáo sư Kim Định viết trong cuốn “Căn bản triết lý trong văn hóa Việt Nam”:

“Thấy xã hội Tây Âu tiến bộ văn minh cường thịnh thì giới trí thức trường giả trăm người như một đều cho triết học lý niệm là căn do của sự tiến bộ kia. Cho nên dần dần trí thức đô thị ngộ nhận mọi giá trị cổ truyền, cho thôn dân là không biết chi đến Tự Do, đến quyền lợi. Và từ đáy trí thức khởi đầu miệt thị Nho giáo”.

Ông Paul Mus nhận xét: Trong Âu hóa người trí thức Việt Nam, khi nhận họ đứng vào hàng với ta, ta đã phá vỡ cơ cấu tinh thần của họ, quan niệm cổ truyền của họ và đặt lối xử thế cũng như chính bản thân họ ra khỏi môi trường xã hội đã hun đúc nên họ. Thế mà xã hội đó không sống bằng ý niệm trừu tượng, trái lại cả những quan niệm rất triết lý của họ không bao giờ xa lìa cơ cấu kinh tế, chính trị, gia đình xã thôn, nhưng tất cả bấy nhiêu đều thích nghi vào một cơ cấu, một vũ trụ quan phát xuất từ đáy lòng mà Nho giáo là một sự biểu lộ cao nhất và chính thức nhất. Một khi đã cắt mất lòng thâm tín vào những ý tưởng đó của Nho giáo thì toàn hệ thống không thể đứng nổi... Thế là Nho giáo tàn dần không còn nữa để mà tiêm sinh lực thiêng liêng cho các thể chế nên những thể chế này dễ đổ vỡ ra tệ đoan, trở thành dụng cụ khai thác thôn dân phụng sự cho sự lớn mạnh của nền văn hóa đô thị. Ngọn lửa nhân ái hết được đôn hậu ngàn(?) dần đi để trở thành đống tro tàn sau lũy tre xanh. Nếu mất phần ruộng công điền kể như mất phần “đất chõ” thì giết chết Nho học kể như phá mất “trời che”. Người trên đã không còn học đạo thuật, không còn đôn hậu tình người bằng lễ nhạc, bằng giảng học, thì lễ gia tiên còn lại có phần thiển cận thuộc giai đoạn bái vật và bao nhiêu cái đẹp xưa trở thành hủ tục sinh ra những tệ lạm đủ đề tài cho Tự lực văn đoàn khai thác, cho trí thức chê bai dè bỉu. Văn hóa thôn dân sắp bị gọi bằng danh từ miệt thị là nhà quê. Nhà quê không phải là người (hiểu là cá nhân) mà chỉ là

những thực thể bị nuốt trôi vào toàn thể.

Ông Paul Mus viết: Trí thức không còn nhận định nổi được, là thôn dân thích bị nuốt trôi vào cộng thể, vì nó không là đoàn lũ, nhưng là cộng thể đầy áp tình người, nên đi đâu mặc lòng vẫn không sao quên được nơi quê tổ, nơi có bàn thờ tiền nhân. Những cu li làm trong các đồn điền được dư đồng nào hầu hết gửi về nhà. Và sau hết hạn khế ước thì liền trở về với quê cũ, bỏ lại nơi đồn điền cái nhà đẹp hơn nơi quê hương, bỏ lại người vợ tạm mà thói tục cho phép lấy trong lúc đất khách quê người trước sự ngạc nhiên của người Tây phương, của trí thức trưởng giả đô thị. (trích trang 65, 66,67).

oOo

Sau một thời gian, văn học lãng mạn mất ưu thế trên trận doanh văn học với sự phát triển của trào lưu văn học hiện thực phê phán. Phong trào này chịu ảnh hưởng của chủ nghĩa Mác xít, hàng ngũ văn học hiện thực có: Đặng Thái Mai, Lương Đức Thiệp, Nguyễn Công Hoan, Vũ Trọng Phụng, Nguyên Hồng, v.v... Những tác phẩm đầu tiên của phái hiện thực phê phán như Bước đường cùng, Giông tố, Tắt đèn, Bỉ vỏ rất được quần chúng ham thích. Các tiểu thuyết của phái hiện thực phê phán đều được sáng tạo trên căn bản ý thức phản kháng của kẻ bị áp bức và bóc lột. Đồng thời họ cũng đưa ra một đường hướng văn học mới. Lên tiếng cổ vũ cho đường hướng mới này lớp tiền phong có Hải Triều Nguyễn Khoa Văn. Trong bài “Nghệ thuật vị nghệ thuật hay nghệ thuật vị nhân sinh” Hải Triều viết:

Nhà nghệ sĩ duy tâm bao giờ giải thích đến nghệ thuật thời cho là những cái sản vật thần bí màu nhiệm của đấng thiêng liêng. Vì thế nên họ cho nghệ thuật có cái tính chất siêu phàm huyền diệu không quan hệ đến xã hội, không dính dáng đến nhân sinh. Họ cao hơi lớn tiếng đề xướng thuyết: nghệ thuật thuần túy (l’art pur) nghệ thuật thần tiên (l’art olympien) hay nghệ thuật vị nghệ thuật (l’art pour l’art)...

Trái với nghệ sĩ duy tâm, chúng tôi bao giờ cũng chủ trương nghệ thuật là một cái sản vật của sự sinh hoạt xã hội...

Tôi muốn đưa đây một ít chứng cứ mà tôi đã vội vàng sưu tập để chúng ta thấy rõ các nhà văn sĩ Tây phương, người ta vẫn chủ trương lấy nghệ thuật làm cứu cánh cho nhân sinh.

Taine trong bản sách triết lý của nghệ thuật nói rằng: Nhà nghệ sĩ

với quần chúng là một, nhà nghệ sĩ không thể là hạng người biệt lập.

Diderot bảo chúng ta rằng: Nghệ thuật phải có cái nhiệm vụ ca tụng những công nghiệp lớn lao, tốt đẹp, bênh vực cái lẽ phải, công kích sự đồi bại, chống chọi với đũa hung bạo.

Trong bản sách chúng ta phải làm thế nào? Tolstoi nói: Loài người đang gặp biết bao nhiêu sự khổ sở đau đớn rất tội nghiệp, ai có thời giờ đâu mà ngao du đùa bỡn. Nhà nghệ sĩ hay nhà tư tưởng không bao giờ ngồi trên đỉnh núi thần tiên, họ phải luôn luôn ở trong cảnh hoạt động chan chứa cảm tình. Họ phải chỉ cho loài người thấy con đường giải thoát những sự khốn khổ ngày nay và tìm ra những cái tốt đẹp mới mẻ hơn.

Tôi muốn để nguyên một câu chữ Tây mà tôi không dịch sợ mất cái ý nghĩa hay của nó đi:

Le vrai art est l' expression de la connaissance de la mission et du vrai bien de tous les hommes.

.....

Quách Mạt Nhược, một nhà văn sĩ về phái mới ở nước Tàu trong bài học "Dữ giai cấp đấu tranh" có câu: nghệ thuật là gì? Nghệ thuật là cái biểu hiện của nhân sinh. Câu ấy thật đúng. Không biểu hiện được nhân sinh thì không thành nghệ thuật nữa. Bao nhiêu sự thăng trầm biến chuyển trong xã hội, về kinh tế, về chính trị đều gián tiếp hay trực tiếp ảnh hưởng vào nghệ thuật...

Khi nghệ thuật dần dần xu hướng về mặt thần bí, huyền hoặc v.v..., nhà nghệ thuật chẳng những không khai sáng lại trở lại mê hoặc quần chúng. Nhà nghệ thuật hóa ra một người thù của quần chúng. Ông Tolstoi cho là "bạn cướp văn nghệ" (forbans de l'art) thật đáng kiếp.

Bên cái nền nghệ thuật phản nhân sinh ấy, phản tiến hóa ấy ngày nay chúng ta thấy nhóm lên những nghệ thuật mới, tự lấy cái trách nhiệm diễn tả tình cảm tư tưởng của quần chúng và đề cao sự sinh hoạt của xã hội về tất cả mọi phương diện vật chất và tinh thần... Giữa cuộc phân tranh của xã hội trước những vấn đề sống còn của thời đại, nhân loại đương mong mỏi về phương diện tinh thần một hạng nghệ sĩ biết diễn dịch được nỗi lòng của họ, làm sao mà những sự đau thương, sự mong mỏi, sự buồn giận, sự vui sướng trong tâm khảm họ đều vẽ thành những bức tranh linh hoạt chan

chứa cảm tình. Trái lại ai lấy nghệ thuật làm món chơi riêng, lấy nghệ thuật làm nghệ thuật, lấy nghệ thuật làm bùa mê người đều là vô tâm hay hữu ý đã nối giáo cho những lực lượng phản tiến hóa. Hạng nghệ sĩ ấy là hạng nghệ sĩ gian trá, hạng nghệ sĩ quái quỷ vậy (đăng trong T.T.T.B năm 1935).

Sau Hải Triều có Đặng Thái Mai, Trường Chinh tiếp nối, dùng nhãn quan Mác xít xây dựng đường hướng văn học để sau này biến nó thành trào lưu văn học cách mạng của giai cấp vô sản. Văn học lãng mạn bị tấn công lùi dần vì lẽ nó không đáp ứng được nhu cầu đấu tranh mỗi ngày càng gay gắt của chính trị.

Trung Nhật chiến tranh Sự biến ngày 18 tháng 9-1931

Từ khi chế độ dân quốc thành lập, vấn đề của Trung Quốc là: đối ngoại với Nhật Bản và đối nội với đảng Cộng sản. Trong sự đan kết phức tạp của hai mặt đấu tranh ấy khiến cho Trung Quốc không lúc nào ngớt chiến tranh.

Chính phủ Nam Kinh coi việc tác chiến với đảng Cộng sản làm công tác chủ yếu.

Chủ nghĩa đế quốc Nhật phát động chiến tranh xâm lược vào Trung Quốc qua nhiều mặt và cũng có nhiều nguyên nhân. Đại lược kể như sau:

- 1) Từ năm 1929, do kinh tế khủng hoảng các nước tư bản Âu Mỹ ở vào tình trạng nguy ngập. Công nhân thất nghiệp lên tới con số 20 triệu người. Nửa thế giới rơi vào cục diện ảm đạm. Nhật Bản lợi dụng thời cơ đó sử dụng chiến tranh xâm lược để tìm một xuất lộ. Dựa vào địa thế tiếp cận Trung Quốc, dựa vào những đặc quyền kinh tế sẵn có, Nhật Bản quyết tâm xâm lược quy mô.
- 2) Không thể để cho Tưởng Giới Thạch thung dung hoàn tất công cuộc thống nhất Trung Quốc.
- 3) Năm ngày cơ hội Trương Tác Lâm mới chết, Trương Học Lương hãy còn bỡ ngỡ với chính quyền Đông Bắc.
- 4) Nạn lụt lội khiến chừng 50 triệu người lưu ly. Chính phủ Nam Kinh phải cực nhọc đối phó với vấn đề xã hội quá nặng nề đó.
- 5) Nhật đem phi cơ oanh tạc mấy nơi và phao vu là quân đội Trung Hoa phá hủy rồi lấy cớ đem quân oanh kích Phàn Dương Thành

vào ngày 18 tháng 9. Ngày 19, Nhật chiếm đóng hai binh công xưởng lớn nhất T.Q. ở Phần Dương thành.

Sự biến 18-9 xảy ra, quân số Đông Bắc có tới 10 vạn người mà không hề phản kháng. Lý do: vị chỉ huy trẻ tuổi Trương học Lương còn đang mải mê với rượu ngon gái đẹp.

Nhật bèn làm tới, chia binh chiếm giữ thêm nhiều nơi khác.

Chính phủ Quốc dân Đảng im lặng, hy vọng vào sự tài phán của công lý quốc tế.

Thái độ nhân nhượng, im lặng của Chính phủ Quốc dân đảng đã làm cho uy tín chính trị sút giảm ghê gớm. Đây là cái làm lỗi hết sức to tát trong đời chính trị của Tưởng Giới Thạch. Lẽ ra, nếu không phát động chiến tranh toàn diện ngay, nhưng ít nhất cũng phải đánh trả để giữ uy tín chính trị mới phải. Kết quả, thái độ im lặng nhân nhượng của chính phủ Nam Kinh làm cho Nhật được thể rộng rãi hơn. Tháng 10, Nhật tràn quân xuống Hắc Long Giang, tháng 11 chiếm Cẩm Châu. Quốc quân đóng ở Cẩm Châu kháng cự lẻ tẻ. Chính phủ Nam Kinh kêu gọi Hội Quốc Liên can thiệp, và yêu cầu thiết lập một khu vực trung lập tại Cẩm Châu. Nhật Bản chẳng thèm ngó ngàng đến phản ứng của hội Quốc Liên, thúc quân đánh bừa. Hội Quốc Liên lúc này đã quá yếu, khoanh tay nhắm mắt mặc kệ Nhật khiêu khích. Còn tập đoàn Tưởng Giới Thạch vẫn một mực tin tưởng vào hành động gìn giữ công đạo của Hội Quốc Liên. Trong khi ấy thì toàn dân lòng yêu nước sôi lên, uất hận quốc sỉ tràn ngập. Quốc dân bức bối khó chịu vì hình như chính phủ Nam Kinh do một lý lẽ chính trị nào đó không muốn tuyệt giao với Nhật Bản. Bởi vậy, trên vấn đề cứu nước, quốc dân và chính phủ trông nhau qua hai vị trí đối lập. Trong chính phủ và trong giai cấp đặc quyền công thương giới, lưu hành chủ nghĩa thất bại, thường so sánh lực lượng rồi kết luận nếu đánh nhau với Nhật ngay là thua. Nhưng quảng đại dân chúng nghĩ khác: mất Đông Bắc cũng chẳng khác gì mất Trung Quốc, phải rửa hận thà ngọc nát còn hơn ngói lành.

Phản tử trí thức nghĩ sao?

Đa số tới chín mươi phần trăm chủ trương đánh Nhật, chính sách nhấn nhục cầu toàn của Chính phủ hoàn toàn cô lập. Ngoài số ít người kinh doanh công thương nghiệp ra, chính phủ không còn ai là người bạn đường nữa. Phản tử trí thức nhận rõ chính sách xây dựng trên quyền lợi và lý trí đảng. Trước mắt Quốc dân đảng lúc đó, chỉ có đảng Cộng sản mới là mối nguy căn bản, cho nên Tưởng Giới Thạch mới đề ra phương châm "Có yên trong rồi mới chống

ngoài". Theo Tưởng, việc làm trước là việc trăm tặn sát tuyệt Cộng sản đảng.

Khốn nỗi nhân dân Trung Quốc lại không nhận thức như thế. Nhân dân nghĩ C.S. Trung Quốc cũng là người Trung Quốc. Người Trung Quốc đánh nhau với người Trung Quốc là việc tranh thiên hạ, tranh quyền thống trị, còn việc đánh nhau với ngoại nhân là việc tranh sống. Tình cảm dân tộc bị thương tổn, bị vũ nhục nên quyết sách của Tưởng Giới Thạch không thể kêu gọi sự đồng tình của nhân dân.

Bởi vậy vấn đề kháng Nhật đã khiến cho quan hệ giữa chính phủ với nhân dân tắc nghẽn.

Phản ứng quyết liệt, nóng bỏng của phần tử trí thức đối với quyết sách của chính phủ là phản ứng của học sinh, sinh viên.

Phát động phong trào phản kháng đối với vụ 18 tháng 9, mười vạn học sinh tại Thượng Hải bãi khóa rồi đến công nhân họp tập bãi công. Tổ chức kháng Nhật Cứu quốc liên hiệp hội ra đời được học sinh, công nhân, tiểu thương hăng hái tham gia.

Thượng Hải xung phong vì Thượng Hải trung tâm văn hóa, trung tâm kinh tế, dân chúng ở Thượng Hải kiến văn rộng rãi đồng thời cũng chịu nhiều áp bức ngoại nhân hơn các nơi khác.

Thượng Hải nổi dậy rồi.

Vùng Hoa Bắc kế tiếp.

Toàn quốc vùng lên.

Ngày 28 tháng 9 học sinh, sinh viên Thượng Hải chính thức thỉnh nguyện quốc dân chính phủ Kháng Nhật. Tưởng Giới Thạch tiếp kiến đại biểu sinh viên học sinh, hứa sẽ thu phục lãnh thổ trong thời gian ba năm. Ba năm! người ta không thể xoa dịu nạn tràn bằng lời hứa ba năm! Tháng 12, ba vạn học sinh tại Nam Kinh xô xát đổ máu với cảnh sát.

Thỉnh nguyện bị đàn áp. Dân chúng tự động tổ chức nghĩa dũng quân. Các thành thị nhỏ, huyện, trấn, xã thôn đều có thiết lập hội chiêu mộ Nghĩa dũng quân. Đâu đâu người ta cũng thấy những chàng thư sinh yếu ớt đứng lên cổ lệ cho phong trào kháng Nhật. Chính quyền địa phương trước phong trào ái quốc tự phát của dân chúng cũng hòa theo, làm thành sự phân kỳ giữa trung ương với địa

phương. Ở thượng tầng tổng chính sách là cố sức tránh chiến tranh với Nhật. Hạ tầng trái ngược hẳn, đảng viên Quốc dân đảng tích cực hoạt động cho vận động ái quốc kháng Nhật. Về sau Cộng sản đã viết sai khi nhận rằng phong trào kháng Nhật hoàn toàn do họ phát động. Thực ra Cộng sản chỉ muốn quay hướng vận động ái quốc kháng Nhật vào mục đích suy đảo chính phủ quốc dân mà thôi. Nói cho đúng thì vận động yêu nước kháng Nhật chính là công lao của phần tử trí thức đóng góp phần lớn nhất.

Đảng Cộng sản, lợi dụng cuộc xâm lược Nhật Bản hãm chính phủ Nam Kinh vào khó khăn nội ngoại, gắng sức khoáng triển lực lượng. Cơ cấu lãnh đạo trung ương cộng đảng đóng đô ở Thượng Hải, nay thiên về Thụy Kim thuộc tỉnh Giang Tây lập chính phủ Sô Viết, tôn Mao Trạch Đông làm chủ tịch.

Các đảng muốn hoạt động ra sao mặc, nhân dân Trung Quốc chỉ nhìn nhận một điều là kháng chiến quyết mất còn với giặc ngoại xâm. Nhân dân sẽ theo kẻ nào trung thành với lời thề truyền thống: “Thời nhật táng dư cập nhữ giai vong”. (mặt trời hết sáng tao với mày cùng chết). Sự biến 18 tháng 9 đã làm thức tỉnh câu thề ấy, một trăm năm đau nhục rồi không thể chịu đựng hơn được nữa.

Văn học dân tộc chủ nghĩa lên địa vị lãnh đạo

Trước đây nhóm Vương Bình Lăng xưng xuất văn học dân tộc chủ nghĩa, phần bị tả phái đánh phá, phần vì quốc dân chính phủ ơ hờ nên không nảy nở mạnh được.

Sự biến 18 tháng 9 khiến cho toàn dân phấn uất, chủ nghĩa dân tộc bất cứ trên lãnh vực nào cũng trở nên quuyến rũ. Vì thế văn học Trung Quốc sau vụ 18-9 có thể nói là văn học hoàn toàn xây dựng trên chủ nghĩa dân tộc. Phần tử trí thức vùng Đông Bắc chạy giặc Nhật vào Trung Nguyên với bao tâm tư ai trầm bi tráng, buồn vì nỗi nhà tan, hận vì nỗi nước mất. Họ đều hướng vào mục đích sau cùng phải đạt là kháng chiến khôi phục sơn hà. Hoa văn hóa nở đầu hết là hai khúc:

- Tùng hoa giang thượng.
- Nghĩa dũng quân hành khúc.

Hai ca khúc ấy là sự phát tiết tình cảm ai trầm khích lệ của dân tộc. Chỉ với 1 tháng trời 2 ca khúc ấy đã lưu truyền khắp nước cho 600 triệu người khắp hang cùng ngõ hẻm, đồng ruộng rừng sâu núi cao cùng cất tiếng hát. Hoa văn hóa cũng nở trên các tường, các thân

cây v.v... bằng các tác phẩm văn học với phong cách thật thô khoáng, đó là khẩu hiệu. Quốc gia lâm nguy, một sớm một chiều không còn đủ thời gian cho sự gọt dũa. Hơn nữa tất cả mục đích của tác phẩm văn học bây giờ là cứu nước, bất cứ giá trị nghệ thuật nào đi xa quá công việc quốc gia dân tộc đều không được tồn tại.

Thế mà chính phủ quốc dân để lỡ không chịu phối hợp ngay lòng cuồng nhiệt dân tộc với chính sách văn hóa. Lạch như con trâu già kéo xe. Đối với cuộc tấn công văn hóa vẫn áp dụng chính sách “đội xếp mã tà” là bắt bớ, cấm đoán.

Thái độ trên làm nổi bật lên điểm khác biệt giữa Quốc dân đảng và Cộng sản đảng:

Cộng sản đảng coi văn hóa làm tiên phong cho quân sự. Quốc dân đảng coi văn hóa làm phụ dung cho quân sự. Quốc dân đảng nghĩ cứ việc đánh thốc vào trung tâm hồng quân ở Giang Tây là tự khắc tiêu diệt luôn cả văn hóa Cộng sản.

Tướng Giới Thạch dốc toàn lực vào mấy chiến dịch “vây tiểu giặc cộng” với phiên bản bảy phần quân sự, ba phần chính trị. Thực ra những chiến dịch đó hoàn toàn tiến hành với mười phần quân sự.

Để chống trả với chính trị tiểu phỉ của Quốc dân đảng, Cộng sản triệt để sử dụng mọi khẩu hiệu văn học dân tộc. Về sau Cộng sản biến nó đi và đưa ra Quốc phòng văn học và Thống nhất chiến tuyến dân tộc kháng Nhật.

Phải nhượng cho Quốc dân đảng quyền bá chủ quân sự, Cộng sản quyết chiếm cho được quyền bá chủ văn hóa. Kể từ vận động Ngũ Tứ, phong khí đọc sách học hỏi ở Trung Quốc khai mở cực rộng rãi. Sách cũ sách mới xuất bản nhiều không kể xiết, số tiêu thụ cũng rất cao rất nhanh. Giả thử chính phủ Quốc dân đưa ra đúng lúc một chính sách giáo dục văn hóa hợp thời thì làm sao CS có thể độc chiếm văn hóa.

Vì Quốc dân đảng bỏ lơ văn hóa, thanh niên trí thức với lòng ham học tất nhiên dễ dàng tiếp thụ tất cả những gì CS trao đến tay họ.

Vì chính sách giáo dục hình thức, lấy lệ nên học sinh đối địch với chính phủ tạo nên hiện tượng lấy quân sự áp bức giáo dục văn hóa.

Quân sự áp bức giáo dục văn hóa làm cho thanh niên trí thức quay ra nhiệt liệt ủng hộ Liên minh các nhà văn phái Tả.

Sau 18 tháng 9 đã có một cuộc tranh luận giữa văn hóa chủ nghĩa Tự Do với Tả phái về tính nguyên tắc của chủ nghĩa Tự Do. Người gây ra cuộc tranh luận là giáo sư Hồ Thu Nguyên, ông viết:

“Sự phát triển của nghệ thuật và văn hóa phải dựa vào cạnh tranh của các loại ý thức thì mới có cái thú muôn màu muôn sắc. Văn hóa Âu châu và văn hóa Trung Quốc đều phát đạt trước đời Tần, đời Hy Lạp bởi được Tự Do biểu hiện, nó đã cứng nhắc lúc ý thức trung tâm hình thành. Dùng ý thức trung tâm để xén cắt văn đàn rút cục chỉ đào tạo nên một bọn nô tài, một ngòi bút xu phụng”.

Hồ Thu Nguyên công kích triệt để các nhà văn Tả phái phục tùng lẽ lối đấu tranh giai cấp bóp chết Tự do. Cùng phe phái với Hồ Thu Nguyên còn có Tiền Hạnh Thôn, v.v...

Phái Tả liền dàn quân ứng chiến gồm các danh tướng như Lỗ Tấn, Cù Thu Bạch, Chu Khởi Ứng, Phùng Tuyết Phong, v.v...

Trận chiến diễn ra chừng một năm trường. Kết quả phái Tự do chủ nghĩa bị cô lập. Cái ngôn ngữ quá Tự do làm cho Quốc dân đảng không ưa nghe mà CS thì coi như đại địch, Hồ Thu Nguyên đành im trống cuốn cờ. Ở giữa hai khối lớn găm ghè khoảng an toàn bao giờ cũng quá hẹp mà chủ nghĩa tự do thì “khổ người” lại kèn càng. Thất bại là lẽ đương nhiên vậy. Hồ Thu Nguyên thua trận, chủ nghĩa tự do văn học xơ xác. Nó bị cuồng trào văn học dân tộc chủ nghĩa xung kích xô chìm.

Tự do chủ nghĩa phải đợi hơn một năm sau mới trở dậy do Lâm Ngữ Đường xuất lĩnh điều khiển. Lâm Ngữ Đường chủ trì tờ bán nguyệt san Nhân Gian Thế đề cao các tác phẩm văn đọc để khiến hứng lúc nhàn rỗi. Với học vấn uyên bác của họ Lâm, tiểu phẩm văn của tờ Nhân Gian Thế có nhiều cây bút xuất sắc khác rất được thanh niên trí thức ưa đọc. Liên minh Tả phái thấy thế bèn chia quân đánh chặn, cho xuất bản một tạp chí tiểu phẩm văn khác lấy tên là tờ Thái Bạch dùng ngay loại văn tương tự chống lại nhóm U mặc (humour) Lâm Ngữ Đường.

Lối văn khiến hứng nhàn thích tuy không là văn đấu tranh, nhưng nó lại có ma lực công dụng làm lợi lỏng đấu tranh giai cấp cho nên Tả phái ghét thậm tệ. Ghét là vì nó mang tới mọi người phong cách tự do xâm nhập dần dần vào huyết quản, khiến mọi người lúc bàn đến các vấn đề thiên hạ bỏ bớt bộ mặt hàm hè để đối xử với nhau thân thiết ôn hòa.

Văn U mặc nhàn thích hóa giải cái vẻ quan cách lên mặt của Quốc

dân đảng, cũng hóa giải luôn cả cái vẻ nhe nanh nhe vuốt của Cộng sản đảng. Đối với Lâm Ngữ Đường cả hai “quan” với “phỉ” chuyên hoành hành ngang ngược đều đáng sợ như nhau. Phần tử trí thức chấp nhận Nhân Gian Thế tức là tìm một lối giải thoát bớt không ngọt ngào cay thù của chính trị bao năm nay.

Nhưng sinh mệnh tiểu phẩm văn quá ngắn ngủi vì nguy cơ dân tộc đã sát nách không cho phép con người sống nhàn thích, cũng không cho phép ai trốn chạy. Đe dọa xâm lược khiến cho những người truy cầu đời sống thông dong phải quay về thực tế.

Trí thức khổ muộn trốn chạy tàn khốc của chính trị vào tháp ngà, nay họa mất nước buộc trí thức phải rời bỏ tháp ngà xuống đường phố.

Tiểu phẩm văn nhàn nhã suy tàn. Trên quân sự CS bị thất bại nặng phải bỏ Giang Tây, Thụy Kim chạy lên Diên An. Cộng sản đặt trọng tâm vào mặt trận văn hóa, lấy thắng lợi của văn hóa che chở cho thất bại quân sự.

Năm 1934 Trung cộng đưa ra sách lược tổ chức Thống nhất chiến tuyến phản đế. Năm sau CS phát hành: bức thư gửi đồng bào toàn quốc về việc kháng Nhật cứu nước- và hiệu triệu đình chỉ nội chiến, thiết lập chiến tuyến thống nhất dân tộc kháng Nhật.

Bỏ Thụy Kim lên Diên An là thời kỳ đen tối nhất của đảng Cộng sản. Để cứu vãn, CS mở cuộc tấn công văn hóa bằng khẩu hiệu quốc phòng văn học. CS đã nắm vững tâm lý quần chúng cay thù giặc Nhật để chia đỡ gánh nặng thất bại quân sự.

Trí thức phần tử nhiệt thành yêu nước nên tự nhiên cũng nhiệt thành với quốc phòng văn học của đảng viên CS Chu Dương.

Thượng tuần tháng 10 năm 1936 tại Thượng Hải có bản tuyên ngôn đòi tự do ngôn luận và đoàn kết chống giặc như sau:

Chúng tôi là những người văn học, chúng tôi kêu gọi tất cả những người văn học khác không phân biệt phái cũ phái mới, hãy vì kháng Nhật mà liên hợp với nhau. Văn học là phản ánh của sinh hoạt mà sinh hoạt thì rất phức tạp, nhiều mặt, nhiều giai tầng. Các tác giả các tập đoàn đối với văn học am hiểu và hứng thú khác nhau. Tân phái, cựu phái, tả phái, hữu phái dị biệt, nhưng vẫn chỉ có một người Trung Quốc, người Trung Quốc không muốn làm vong quốc nô. Động cơ kháng Nhật của mọi người cũng không ai giống ai nhưng tất cả vẫn chỉ có một lực lượng kháng Nhật. Chúng tôi không

đòi hỏi thống nhất lập trường kháng Nhật. Chúng tôi kêu gọi thống nhất lực lượng kháng Nhật.

.....
.....

Chúng tôi yêu cầu đương cục chính phủ tức khắc khai phóng tự do ngôn luận cho nhân dân, hết thảy pháp qui chương ngại cho tự do ngôn luận nên sớm hủy bỏ.

Tuyên ngôn trên do CS phát động mà nội dung lại hợp với mọi người. Tuyên ngôn chỉ nhấn mạnh hai điều kháng Nhật, Tự do ngôn luận. Đó là hai điều mong muốn chung của hầu hết thanh niên trí thức. Tự do ngôn luận trong bản tuyên ngôn thực ra chỉ là phụ thuộc vào mệnh đề kháng Nhật. Tự do ngôn luận ở đây có nghĩa là dùng Tự do ngôn luận kháng Nhật để Tự do truyền bá chủ nghĩa Cộng sản. Chủ yếu chính sách của Quốc dân đảng lúc ấy vẫn là theo đuổi điều đình hòa hoãn với Nhật, tiêu diệt cho xong Cộng sản. Bởi vậy trên báo chí, cơ quan kiểm duyệt không cho dùng chữ “quĩ” Nhật Bản hay “giặc” Nhật. Nếu cho ngôn luận tự do tất báo chí chửi rủa Nhật Bản sẽ làm chính sách hòa hoãn kia khó lòng thực hiện.

Bản tuyên ngôn ra đời, hết thảy các nhà văn nhà báo tên tuổi hưởng ứng ký tên ngay. Bản danh sách thấy có Ba Kim, Lâm Ngữ Đường, Mâu Thuấn, Quách Mạt Nhược, Trương Thiên Dực, Trịnh Chấn Đạc, Triệu Gia Bích, Lỗ Tấn, Phong Tử Khải, Vương Thống Chiêu, Hạ Cái Tôn, Trần Vọng Đạo, v.v... Những người ký tên đa số không phải là Cộng sản. Trái lại những cán bộ văn hóa CS chính cống như Chu Dương, Trần Mẫn Dung thì lại không xuất hiện.

Trương Học Lương bắt Tưởng Giới Thạch

Tháng chạp năm 1936, vùng Đông Bắc tình hình chính trị giữa Nhật với người chỉ huy địa phương Trương Học Lương tự nhiên căng thẳng. Trương bị phong trào kháng Nhật cứu nước ảnh hưởng, muốn khởi binh đánh Nhật đòi lại đất đai của ông cha đã bị Nhật chiếm. Quyết định của Trương Học Lương có thể khiến cho chính sách hòa Nhật tan vỡ, nên Tưởng Giới Thạch bèn đích thân lên Tây An mong khuyên giải Trương Học Lương. Ở đây hai người đã to tiếng. Trương Học Lương liền sai quân bao vây bắt Tưởng Giới Thạch. Người chỉ huy vụ vây bắt là tướng Dương Hổ Thành.

Cả nước kinh động Đại sứ Mỹ lên ngay Tây An, Chu Ân Lai cũng đến Tây An. Kết quả Trương Học Lương cho thả Tưởng Giới Thạch và Tưởng Giới Thạch phải hứa ít điều. Toàn vụ lịch sử gọi là vụ

binh biến Tây An.

Vụ Tây An xảy ra đúng lúc CS phá vòng vây bỏ Giang Tây chạy lên Thiểm Bắc, lực cùng sức kiệt, rồi nội bộ CS đầy xung đột mâu thuẫn. Trương Quốc Đào chống lại Mao Trạch Đông. Cao Cương tranh quyền lãnh đạo với Mao. Để khỏi bị cô lập, để đem nhân dân bao vây lại chống Quốc dân đảng nên CS vừa chạy vừa hô hào người Trung Quốc không giết người Trung Quốc. Người Trung Quốc phải đoàn kết đánh Nhật. Các sĩ binh Quốc dân đảng bị lời hô hào này mê hoặc nên không triệt để thi hành lệnh trên và lỏng tay cho CS trốn thoát thành thử cuộc vận lý trường chinh mới hoàn thành.

Nay Tưởng Giới Thạch bị bắt ở Tây An, đại sứ Mỹ lên can thiệp, Mao Trạch Đông, Chu Ân Lai cũng lên gặp Trương Học Lương. Dư luận toàn quốc lo ngại cho sinh mạng của Tưởng Giới Thạch. Dù sao uy tín ông cũng rất lớn, đương thời không ai đủ uy danh thế lực như Tưởng để lãnh đạo chiến tranh chống Nhật. CS biết thế lắm nên họ lúc ban đầu lên Tây An với mục đích liên kết với Trương Học Lương để hạ Tưởng, nhưng thấy khó lòng xong xuôi liền đổi kế hoạch ủng hộ Tưởng Giới Thạch để đòi hỏi một số điều kiện. Số điều kiện ấy đều đặt trên hai điểm căn bản là:

Tuyên bố kháng chiến, chấm dứt nội chiến. Tưởng Giới Thạch bằng lòng. Ông trở về Nam Kinh ra lệnh cho quân đội thôi không truy kích CS ở Thiểm Bắc nữa. Thế là mười năm nội chiến tàn khốc kết thúc. Ở Nam Kinh với quyết định không nội chiến, Tưởng Giới Thạch đã bị nhóm Uông Tinh Vệ phản đối khiến nội bộ Quốc dân đảng chia rẽ.

Vụ Tây An rõ ràng là viên thuốc hồi sinh cho đảng Cộng sản. Với tư cách và địa vị người hợp tác, tả phái tha hồ hoạt động công khai hoặc nửa công khai. Sách vở tuyên truyền lý luận của chủ nghĩa CS tràn ngập. Thấy thanh niên trí thức chỉ chú ý vào vấn đề kháng Nhật nên CS viết tuyên truyền phẩm bao giờ cũng dựa trên quan điểm kháng chiến.

Tây An chuyển Trung Quốc vào trang sử mới với tám năm kháng chiến oai hùng, nhưng đồng thời cũng là trang sử khai mở chính quyền Trung Quốc cho Cộng sản đảng.

Lư Cầu Kiều

Ngày 7 tháng 7 năm 1937, Nhật Bản xua quân tiến chiếm Lư Cầu Kiều. Uất hận tích lũy từ lâu, nay lại thêm sỉ nhục nữa, dân chúng

phần nộ điên cuồng.

Vì chưa hoàn thành chuẩn bị chiến tranh, chính phủ Quốc dân vẫn muốn đối phó với vụ Lư Cầu Kiều bằng thái độ “hóa can qua vì ngọc bạch” (biến gươm đao thành nhung lụa) nghĩa là ngoại giao mềm dẻo. Một phần tại dân chúng nhất định không chịu, một phần tại quân Nhật làm quá nên chính sách mềm dẻo hỏng ngay từ đầu. Cực chẳng đã Tưởng Giới Thạch phải triệu tập hội nghị ở Lư Sơn, lên tiếng phản kháng sự lộng hành của quân đội Nhật, bắn tiếng sẽ kháng chiến tới cùng, không nửa đường thỏa hiệp.

Phía Nhật, họ vẫn tin tưởng vào chiến lược chiếm đóng tất cả đô thị lớn rồi buộc Trung Quốc đầu hàng.

Tháng 8, Nhật đánh Thượng Hải và phải trả cho Thượng Hải một giá khá đắt, chính phủ Quốc dân tuyên cáo toàn quốc kháng chiến.

Kháng chiến bắt đầu. Giai tầng khắp nước biến hẳn tính chất. Thanh niên trí thức đổ xô lên tiền tuyến. Quan niệm “hảo nam bất đương binh” không còn nữa. Đại đa số coi việc vũ trang chiến đấu chống xâm lược là một nhiệm vụ thần thánh. Chính trị trên tầng cao, chú tâm thực hiện đoàn kết nội bộ. Tại Lư Sơn trong một cuộc đàm thoại, Tưởng Giới Thạch bày tỏ lòng tin tưởng đoàn kết. Cũng ở đây hai lãnh tụ đảng Cộng sản là Chu Ân Lai và Tàn Bang Hiến họp mặt với các đảng viên cao cấp của Quốc dân đảng.

Trên mặt báo của Quốc dân đảng đăng toàn những bài của cán bộ cộng sản. Quách Mạt Nhược được phép về nước lập Cứu quốc hội. Một số cán bộ cao cấp cộng sản được phóng thích như Vương Tạo Thời, Trầm Quân Nho, Lý Công Phác, v.v...

Quốc phòng tham nghị hội mở cửa cho đủ mặt đại biểu Quốc dân đảng, Cộng sản đảng, Quốc xã đảng và Thanh niên đảng.

Văn học về đồng ruộng

Cuộc kháng chiến Trung Quốc có một đặc chất. Đó là Trung tâm văn hóa từ miền duyên hải di chuyển vào nội địa.

Từ cuối nhà Thanh, trung tâm văn hóa, kinh tế, chính trị đều ở thành thị lớn vùng duyên hải. Sau Bắc phạt, định đô ở Nam Kinh. Thượng Hải biến thành trung tâm văn hóa, chính trị, kinh tế phồn thịnh chẳng kém gì Thiên Tân, Bắc Bình ngày xưa. Tuy chính phủ Quốc dân thành lập, vẫn chưa thống nhất được toàn quốc. Miền Bắc quân nhân địa phương mặc dầu vẫn chịu thần phục trung ương, nhưng

tiếp tục theo đuổi tham vọng riêng. Lại thêm Nhật Bản thường xuyên đe dọa nên phần lớn phần tử trí thức phải rời Bắc chuyển xuống miền Nam, khiến cho vườn văn hóa Bắc Kinh ngày càng cạn cỗi.

Trái hẳn, Thượng Hải phát triển không ngừng. Các ngân hàng lớn của Trung Quốc đều tập trung ở Thượng Hải. Thượng Hải cũng là khu tư lệnh của công thương nghiệp toàn quốc. Sách vở báo chí cung cấp ra khắp nước cũng đều ở Thượng Hải phát đi.

Ngày 18-7, Đông Bắc lọt vào tay Nhật, phần tử trí thức lưu vong, trừ một số ở lại Bắc Bình, Thiên Tân còn hầu hết đến Thượng Hải.

Ngày 7-7 Bắc Bình, Thiên Tân thất thủ, phần tử trí thức toàn vùng Hoa Bắc di chuyển xuống phía Nam.

Thượng Hải là tô giới ngoại quốc nên vẫn tiếp tục giữ được sắc thái yên ổn hòa bình nhiều năm nay. Đến lúc Thượng Hải bị luân hãm, trung tâm văn hóa, kinh tế, chính trị đó liền biến thành ngã tư gián điệp.

Thượng Hải trong tay Nhật mang ba bộ mặt:

- Mỗi gia đình thường có con em vào nội địa trực tiếp cầm súng đánh nhau với Nhật.
- Người vì hoàn cảnh không đi được thì ở lại tổ chức địa hạ chiến đấu.
- Một số theo Nhật phê phỡn dĩ thỏa vô sỉ hoang dâm, hình ảnh trái ngược với chiến đấu lưu huyết oai hùng.

Chẳng riêng gì Thượng Hải, các thành thị khác cũng vậy, thanh niên trí thức tấp nập rời khu bị chiếm đóng đến các nơi hoang dã, về đồng ruộng. Họ từ bỏ lối sống du nhàn, thích ứng với đời sống thôn dã. Với tâm hồn chứa chan kỳ vọng, họ khai phá đất hoang, giáo dục nông dân.

Ai cũng rõ, trước thời kỳ Bắc phạt số người mù chữ chiếm 90 phần trăm. Chính phủ Dân quốc tuy có làm giảm thiểu đi chút ít nhưng cũng không thấm vào đâu. Phần vì yếu phương tiện, phần vì phải đương đầu nội chiến thành ra với vấn đề giáo dục, chính phủ Quốc dân chỉ nói thôi mà không làm. Nay toàn bộ vấn đề giáo dục phổ thông do kháng chiến đã rơi vào tay phần tử trí thức.

Phần tử trí thức về nông thôn, gần gũi với cuộc sống chất phác nên những sáng tác cũng đượm sắc thái đại chúng, dễ hiểu, nhẹ nhàng. Các tác phẩm cao sâu đều không có đất sống. Phần tử trí thức ở nông thôn đã tự phát gây phong trào học tập, phong trào giáo dục đại chúng. Phần tử trí thức lưu vong bất luận gốc gác gia đình, bất luận chức nghiệp, tất cả lột bỏ nếp sống cũ, hòa mình với sinh hoạt kháng chiến trên quân sự cũng như trên văn hóa. Đa số gom góp tiền chung in một tờ báo để giáo dục kháng chiến. Khắp nơi, báo viết tay có, báo in có, người ta tính có tới 5, 6 ngàn loại khác nhau. Phần chính phủ gồm các báo quân sự và báo đảng có 37 loại chính thức. Vì giao thông khó khăn nên bích báo là báo phổ thông nhất. Nhờ vậy mà tình trạng văn hóa thêm phồn thịnh. Trước kia nội địa là sa mạc của văn hóa nay mưa kháng chiến làm cho sa mạc đó tốt tươi cây lá.

Các lối vũ dân tộc được sưu tầm nghệ thuật hóa. Các vở kịch địa phương được khảo sát và chấn chỉnh lại. Các bản dân ca được thu góp phổ biến. Những xóm làng ở nơi hoang vu nhất nay cũng có tiếng ca điệu múa, người thôn xóm quây quần xem kịch.

Giai đoạn thứ nhất của kháng chiến, văn hóa Trung Quốc được triệt để đại chúng hóa. Những phần tử trí thức cao cấp, nghĩa là những đại học giả, không còn tự mình kiến lập trường phái nhỏ hẹp vì lẽ tất cả có bốn phần phải làm 600 triệu con người để sẻ núi lấp sông. Do đó văn hóa phân tán, phổ biến không có tập trung điểm. Công tác khai phát dân trí của kháng chiến không chỉ giới hạn trong các thành thị hoặc các thôn xóm kế cận đường giao thông. Nó lan tràn khắp núi cao rừng sâu.

Nam Kinh thất thủ, chính phủ thiên đô về Trùng Khánh nhưng trung tâm kháng chiến vẫn ở Vũ Hán. Nhật dùng đủ mọi độc kế mà không làm sao giải quyết nổi chiến trường vì toàn dân một lòng kháng Nhật. Ngọn lửa kháng chiến không tàn lụi chính là nhờ phần tử trí thức luôn luôn chăm sóc tiếp dầu tiếp mỡ.

Giai đoạn kháng chiến thứ nhất, quốc cộng hợp tác thành thật, quốc phòng hội nghị mở rộng thành quốc dân tham chính hội. Tuy nhiên chỉ được hơn một năm lại phát hiện mâu thuẫn ngầm ngầm. Lý do là Quốc dân đảng ép các đảng phái khác phải tuân thủ Tam dân chủ nghĩa. Tam dân chủ nghĩa là chủ nghĩa của Quốc dân đảng, đầu phải là chủ nghĩa của đảng Cộng sản, của đảng Xã hội hay đảng Thanh niên mà bắt phải tuân thủ. Riêng CS quyết không cần hình thức nên tuân theo triệt để, thực hiện chiến đấu cho chủ nghĩa tam dân. Thấy tuyên ngôn đó, Quốc dân đảng chịu lắm, dựa vào hình thức để mơn trớn lòng tự đại. Thái độ tự đại thật hão vì lúc ấy

dân chúng không hề quan tâm đến đảng phái vấn đề.

Nói về vùng chiếm đóng thì đa số phần tử trí thức làm việc cho công tác địa hạ, tuyên truyền mật, lấy tin tức, tổ chức phá hoại, v.v...

Kể đến thành phần Hán gian ở vùng luân hãm thì số lớn là quan liêu chính phủ Bắc Dương. Từ khi chính phủ Dân quốc thành lập, họ bị đào thải, họ phần đông ở Hoa Bắc tiếp xúc thường xuyên với Nhật, Nhật xâm lăng, họ ra đầu hàng phục vụ để thỏa mãn tâm lý “quan” đã thâm căn cố đế. Sau đến tập đoàn bất đắc chí Ông Tinh Vệ. Trước Bắc phạt Ông Tinh Vệ lớn hơn Tưởng Giới Thạch. Khi chính phủ Quảng Châu thành lập, Ông Tinh Vệ làm chủ tịch còn Tưởng mới chỉ là Tổng tư lệnh quân đội Bắc phạt. Tưởng và Ông nhiều lần xung đột nhưng cuối cùng Ông thua, ôm mối hận sâu sa với Tưởng nên đi với Nhật để rửa hận.

Ông Tinh Vệ là lớp người tiền phong, nhưng quá khứ đó không đủ biện hộ việc làm theo giặc của ông. Quốc dân thấy ông đi với Nhật, Quốc dân phỉ nhổ ông như một tên Hán gian.

Vùng chiếm đóng còn có bọn người khác nữa là bọn trụ lạc. Bọn này hầu hết xuất thân ở đám nhà giàu, trí thức lai căng. Họ tuy không phản đối kháng chiến nhưng họ rất sợ chiến tranh. Họ sống bám vào tô giới như những ký sinh trùng. Họ không làm hại kháng chiến nhưng họ gây nhiều thói tha.

Trí thức trụ lạc vùng luân hãm thường hay ngâm phong vịnh nguyệt. Họ làm văn học để chiều lòng chiều ý các tiểu thư lấp ló sau vườn. Họ hủ hóa các thanh niên học đường. Hồi ấy nổi danh có cuốn “nắm mồ chung” của Mục Thời Anh, ca tụng tình yêu u uất, say đắm. Lâm Ngữ Đường cũng cho xuất bản tờ Tây Phong. Ý vị các bài viết trong Tây Phong về giá trị văn chương hay thì có hay nhưng chỉ để cho những người Trung Quốc không quan thiết lắm đến vận mạng Trung Quốc đọc.

Tại Thượng Hải dưới gót Nhật Bản còn có tác phẩm như “Phong tiêu tiêu” của Từ Vu mang nội dung đấu tranh, sắt máu. Phong tiêu tiêu đáng kể là cuốn tiểu thuyết hay tuy nhiên nó kênh kiệu gọt dũa quá thành ra không thực. Cuốn chuyện chứng minh lối nhìn của tô giới nửa Tây nửa Tàu đối với kháng chiến.

Thân phận trí thức

Chương Thứ Tám

NGƯỜI TRÍ THỨC VÀ NỘI CHIẾN

Chỉ biết bắt người khác làm mà không biết khẩn cầu người ta làm là một thái độ nguy hiểm.

MAURICE DRUON

Những người mà chúng ta gọi là giai cấp lãnh đạo gồm đa số là những kẻ đã không còn tiếp xúc với giai cấp bị lãnh đạo nữa.

MAURICE DRUON

Giai đoạn mới

Tháng 10 năm 1930, Quảng Châu và Vũ Hán theo nhau thất thủ. Kháng chiến trên mặt quân sự tiến vào một giai đoạn mới, cục diện thay đổi. Lúc chiến tranh mới khởi sự, Tưởng Giới Thạch từng tuyên thị đây là cuộc trường kỳ kháng chiến. Lòng ai nấy còn đang hăng hái phục cừu tuyết sỉ nên hai chữ trường kỳ chẳng thấm thiết gì, vả lại cũng chưa hiểu trường kỳ gian khổ ra sao. Đột nhiên Vũ Hán lọt vào tay giặc, chiến tuyến kéo dài, những trận đánh lớn quyết định không thấy xuất hiện. Tính kích thích của những trận đánh lớn không còn nữa. Chiến tranh trở thành ray rứt tiêu hao. Người ta thấy hiện tượng mệt mỏi chán nản từ trung ương lan xuống địa phương. Thủ phủ Trùng Khánh lãnh đạo chiến tranh bằng một giọng điệu tắc trách. Trong khi đó Cộng sản bành trướng mạnh. Trước vụ

Tây An, quân sự của Trung Cộng như chiếc đèn hết dầu. Tây An đã đổ cho CS đầy lại bầu dầu, đến kháng chiến thì Trung Cộng có thêm hẳn một “phuy” dầu cách mạng vô sản tha hồ mà thắp.

Ban đầu, Quốc dân đảng rất mãn ý với thắng lợi hình thức đã bắt được CS phải cúi đầu tin tưởng Tam dân chủ nghĩa, còn CS thì âm thầm nỗ lực nắm cơ hội 15 tháng kháng chiến cộng với những thắng lợi trên trận doanh văn hóa mà phát triển đảng. Bây giờ Quốc dân đảng mới tỉnh ngộ, vội vã củng cố lại quyền thống trị.

Trong đầu óc Tưởng Giới Thạch, ông có ý muốn hòa hợp Quốc dân đảng với CS đảng thành một đảng, cho nên ông thiết lập tổ chức Tam dân chủ nghĩa thanh niên đoàn. Ông hết sức kỳ vọng vào đoàn thể mới mẻ này. Ông đã tìm nhiều mưu kế để vét Chu Ân Lai và Tả Vũ Sinh, thanh niên đảng vào lưới của ông nhưng bất thành. Mưu của họ Tưởng chẳng những thất bại mà còn tác họa sau này, chính vì Tam dân chủ nghĩa Thanh niên Đoàn nên Quốc dân đảng vốn đã lắm phái hệ nay lại thêm hệ phái. Tam dân chủ nghĩa Thanh niên đoàn thành lập sau khi nhiệt thành kháng chiến lắng đọng, Tưởng Giới Thạch muốn dùng nó để đốt lên ngọn đuốc sáng năm cũ. Riêng ở điểm này thì Tưởng Giới Thạch được hài lòng phần nào. Bây giờ nói đến ảnh hưởng quốc tế.

Chiến tranh Trung Nhật vừa chuyển sang giai đoạn cầm giữ dằng dai thì bên Âu châu Đức quốc xã gây chiến, Pháp bại trận đầu hàng. Cục thế biến chuyển bên ngoài làm cho dân khí phấn khởi chút đỉnh. Nhật với Đức là một phe, thế là từ nay Trung Quốc không phải cô độc chiến đấu nữa.

Mặt khác, chiến tranh Âu châu làm cho vật tư ở Trung Quốc càng ngày càng khan hiếm. Hải cảng lớn đã bị Nhật chiếm hết, giao thông nội địa cực kỳ khó khăn, vật giá vọt lên cao.

Năm 1940 là năm sinh hoạt kinh tế chiến thời nguy ngập, tiền tệ lạm phát ảnh hưởng nghiêm trọng đến đời sống của người dân hậu phương.

Cái khổ thường dắt kèm cái nản. Cái nản ban đầu chỉ hiện ra qua giọng điệu ỉu xìu trên thượng tầng, nay nó lan ra khắp nước.

Tiền tệ lạm phát gây ra tình trạng hết sức kỳ quái, người theo kháng chiến thì cơm không đủ no, áo không đủ ấm. Bọn bạo lợi tham những gian thương chợ đen chợ đỏ thì hưởng đủ xa hoa. Một bên đắng cay tận khổ, một bên hoang dâm vô sỉ. Nhân tâm oán thán thật là lẽ đương nhiên.

Chính sách kinh tế chiến thời của chính phủ thất bại, chiến tranh tắt

đem tới lạm phát. Khi quốc gia ấn định chính sách trường kỳ chiến tranh thì ít ra cũng định trước được biện pháp thích ứng tối thiểu, không thể đợi nước vỡ ở đâu đắp đất ở đấy.

Hàng hóa thực ra đã khan hiếm từ lâu rồi, nhưng buổi ban đầu nhiệt huyết còn mạnh mẽ chạy trong tim, nên ai nấy đều tự nguyện tiết kiệm để phục vụ cho kháng chiến thần thánh. Càng về sau thiếu thốn càng xóa mờ nhiệt tình. Chính phủ cấp thời khống chế vật giá, do những cơ sở khuyết điểm của kẻ thừa hành làm cho gian thương thả cửa hoành hành. Chợ đen, gian thương lại sinh sản ra cao lâu tửu quán, dĩ bợm. Kẻ anh hùng mã thượng mà mọi người ước ao không còn là chàng chiến sĩ khoác áo chinh y nữa mà là kẻ nhiều tiền bạc bạo lợi.

Công chức binh sĩ đồng lương cũng chẳng đủ nuôi miệng, một bao thuốc lá giá tiền bằng nửa tháng lương của một tiểu công chức, binh sĩ phải tự bện dép rơm mà đi.

Giai cấp bạo lợi tạo cho kháng chiến bộ mặt kỳ dị. Khi giai cấp bạo lợi thành hình rồi, mỗi cá nhân trong xã hội đều lấy tiền tài làm tiêu chuẩn nhân cách. Ai tung tiền nhiều, ai thừa thãi, kẻ đó là thượng lưu nhân vật. Ngoài ra đều đáng chê bỏ.

Giữa xã hội bạo lợi, phần tử trí thức chính là một thứ đồ bỏ vào cấp thượng thặng.

Trí thức hầu như không ai khả dĩ làm nổi một Rhett Butler (Trong chuyện Cuốn theo chiều gió) xông pha buôn lậu, đầu cơ, quan(?) cần thiết cho kháng chiến. Họ là những cán bộ trung cấp, đồng lương cực nhỏ nhoi, trong nhà ai nấy sắc mặt toàn một màu rau cỏ. Ăn còn chẳng đủ lấy đâu ra mà học. Mãi lo ăn, lo sống nên dục cầu học hỏi cũng kém hẳn đi.

Văn học sáng lạn cách đây một năm bây giờ khô héo, ngàn phần chưa sót được hai ba. Số sách xuất bản thật xuống thảm hại.

Ngòi bút nhà văn trở nên chua chát. Hời Vũ Hán chưa mất, văn học hướng toàn vào bộ hoạt động kháng chiến. Đến giai đoạn cầm giữ bây giờ nhìn thấy xã hội sa đọa với tiền bạc, các nhà văn giận dữ công kích, số nhà văn khác âm thầm lén trốn khỏi hiện thực đau lòng bằng giọng tiêu cực đáng cay. Đâu đâu văn học màu vàng cũng hiện ra.

Không khí đọc sách xẹp xuống. Kể cả bên phía tả. Sơ kỳ kháng chiến, sách thiên tả xuất bản nhiều lắm. Giờ phút này, thanh niên bị sinh hoạt thực tế áp bách quá cũng chẳng có mấy may hứng thú với bất cứ chủ nghĩa nào.

Chắn ngang trước mặt trí thức là vấn đề làm sao có cơm gạo sống qua ngày hôm nay, làm sao ngày mai không đói rét. Cái khổ cực quá quắt sở dĩ không làm cho người Trung Quốc từ bỏ đấu tranh chỉ là mối thù với Nhật quá sâu, thù chết để phục hận.

Chính phủ bắt lực luôn cả việc nâng đỡ binh sĩ và các chức viên. Tất cả căm thù giai cấp bạo lợi. Vào thế giới quan chức lại càng

thấy thối nát hơn, nạn tham nhũng hoành hành vô giới hạn. Các bạo quan, để thích ứng với sinh hoạt cũ, cố gắng xoay sở. Các tiểu quan dùng đủ mọi phương kế để thoát vòng đói khổ. Hiện tượng thương hạ giao chinh lợi là chuyện đương nhiên vậy. Đói rét đe dọa thì liêm sỉ làm gì?

Cơ lốc bạo lợi lôi cuốn cả phần tử trí thức quay cuồng, thổi bay luôn cả lòng tự tôn cổ hữu của trí thức và thay thế vào đấy những mầm mống tự ti. Họ cảm thấy thân phận mình kém vế quá. Họ bây giờ mới nhận ra rằng “bách vô nhất dụng thị thư sinh” thật đúng. Giai đoạn chiến tranh giằng co, tiếng kêu cấp cứu duy nhất là tiếng kêu “cải thiện đời sống”. Bất cứ từ phía nào có tiếng kêu đó là tất cả mọi người quay hướng ngóng trông.

Giữa lúc ấy nội chiến Quốc Cộng bùng nổ trở lại.

Tại khu du kích Hoa Bắc, lực lượng quân sự CS phát triển mau lẹ. Những cuộc chạm súng lẻ tẻ với Quốc quân mỗi ngày mỗi nhiều. Ở lưỡng ngạn Trường Giang, Tân tứ quân Cộng Sản lên đến 10 vạn người. Với sự tăng vọt ấy, Quốc dân đảng lo ngại cái họa Cộng Sản uy hiếp cho nên qua một thời gian liên tục đụng độ nhỏ, nay chuyển thành đánh lớn, trước nay là đánh lén nhau rồi chối lới, nay đánh thẳng mặt rồi kết tội. Tháng 10 năm 1940, quân chính phủ tập trung lực lượng vây đánh chủ lực Tân tứ quân Cộng sản, bắt được quân trưởng Hạng Anh. Tháng 1 năm 1941, chính phủ hạ lệnh triệt tiêu quân hiệu Tân tứ quân.

Vấn đề Quốc Cộng đã phân tán sự nhất trí kháng Nhật. Bản thân kháng chiến từ 1941 trở đi đã thành vấn đề thứ yếu.

Thời kỳ đen tối

Mã Bân viết:

Trước ngày kháng chiến thắng lợi, thực ra là thời kỳ đen tối của cuộc kháng chiến. Thời gian tiếp cận thắng lợi là thời gian mọi hy vọng tiêu tan.

Tháng 12 năm 1941, chiến tranh Thái Bình Dương bùng nổ. Bị đánh ở Trân Châu cảng, Mỹ tuyên chiến với Nhật. Nhưng vì Anh Mỹ thiếu chuẩn bị nên lúc đầu quân Nhật đánh thắng như chẻ tre.

Chiến tranh Thái Bình Dương một lần nữa làm cho kháng chiến Trung Quốc thêm phần hy vọng. Tuy vậy hy vọng ấy rất sớm tàn lụi. Bởi vì kinh tế kháng chiến không ngừng ác hóa, đồng tiền sụt giá không ngừng. Chính phủ không hề có một chính sách tốt và thi hành triệt để. Chính phủ chỉ có những phương pháp chữa chạy ngoài da. Đại chúng cơ cực. Thiếu số phát đạt. Kêu gọi không xong, dân chúng phản đối chính phủ. Khởi đầu cho tiếng nói phản đối là cơ quan Dân hiến Tham chính hội. Cơ quan này trong kháng chiến tuy không thể gọi là đại biểu cho chính trị nghị hội, nhưng ít ra nó cũng là một đóa hoa dân chủ nở trong thời kháng chiến.

Chiến tranh Quốc Cộng tái hồi. Không khí chính trị ngột ngạt. Sứ

mạng Tham chính hội trước sự đôi bên đả nhau bằng súng ống, đành khoanh tay tự đặt vào cái thế cùng đường. Chính phủ đưa ra một danh sách để loại trừ C.S ra khỏi Tham-chính -Hội. Cộng Sản chống lại. Tham chính Hội vỡ sau khi đã vạch vôi chính sách đảng trị của Quốc dân Đảng.

Thay thế Tham chính Hội là tổ chức Trung Quốc dân chủ Chính đoàn đồng minh. Lãnh đạo tổ chức này là các trí thức tên tuổi như Trương Lệ Quân, Lương Nộn Minh, Tả Vũ Sinh, Hoang Viêm Bồi, Chương Bá Quân, v.v... Tổ chức kết hợp bởi các đảng phái nhỏ từ trước tới giờ vẫn từng là khối đảng hoăng xung giữa Quốc Cộng. Về sau có thêm Cứu Quốc hội gia nhập làm cho thanh thế to lớn. Chính phủ Tưởng Giới Thạch đối với tổ chức Dân minh này trước sau vẫn không ưa, cũng không buồn đặt vấn đề tranh thủ. Vả lại lúc kháng chiến, ngôi sao Tưởng Giới Thạch quá sáng, khối Dân minh dù thân thế to tát cũng không độ lại, nên nằm yên. Nhưng từ năm 1944 thì dân chúng thích nghe tiếng nói của Dân minh. Và cũng từ năm này, tổ chức Dân minh do Cộng sản tranh thủ đã thành khuynh hướng thiên tả.

Trước ngày thắng lợi, nội chiến và đấu tranh Quốc Cộng phá hoại kháng chiến rất nhiều. Sau vụ Tây An, Tưởng Giới Thạch được hoan nghênh như lãnh tụ duy nhất, được toàn dân yêu kính. Thế mà đến giai đoạn tương tri, tình cảnh đối khổ tham những phá hủy uy tín của họ Tưởng. Khổng Tường Hi, Tống Tử Văn, Trần Lập Phu và Tưởng Giới Thạch thành bốn họ quyền hành nhất nước và cũng bị công kích oán ghét nhất nước.

Không để lỡ cơ hội, Cộng sản huy động một cuộc vận động tuyên truyền vĩ đại đả kích tứ hào Tưởng, Tống, Khổng, Trần. Trợ giúp cho cuộc vận động tuyên truyền Cộng sản là Nhật Bản mở đại tấn công đánh đầu thắng đấy. Trận chiến đe dọa cả thủ phủ Trùng Khánh. Tưởng Giới Thạch đích thân điều khiển mặt trận cũng vẫn thua liểng xiểng. Nguyên nhân thua trận đều do tinh thần binh sĩ xuống thấp, chưa chiến đấu đã chạy. Tinh thần quân đội xuống thấp là do xã hội bạo lợi "heo hậu phương no béo, ngựa chiến trường không có cỏ khô ăn".

Đau khổ là toàn thể dân chúng.

Giác ngộ nguyên nhân đau khổ là phần tử trí thức.

Phần tử trí thức thức tỉnh toàn dân đối diện với tập đoàn Tưởng Giới Thạch, tỏ lộ sự hoài nghi khả năng lãnh đạo của Quốc dân đảng.

Bên ngoài, các nước chê bai quân Trung Quốc vô dụng.

Đối với phần tử trí thức đây là một quốc sỉ trọng trong khi thế giới đang tiến gần đến thắng lợi thì Trung Quốc thảm bại hoàn toàn.

Cộng sản cho phát hành cuốn sách Trung Quốc Tân dân chủ nghĩa cách mệnh sử gồm 250 trang có ghi đậm mấy dòng sau đây:

"Trên kinh tế, hết thảy huyết mạch kinh tế đều nằm trong tay bốn đại

gia tộc Tưởng, Tống, Khổng, Trần, một bọn quan liêu mãi biện. Chúng lợi dụng chiêu bài kháng chiến để thu vét, tích lũy, điền cuồng làm giàu làm có”.

Hai bộ mặt của thắng lợi

Trong tiêu trầm thất vọng, trong đen tối, Dân quốc Trung Hoa như chiếc xe cũ kỹ chạy đường trường đến đích thắng lợi với dáng dấp hết sức mệt nhọc.

Thắng lợi 4.

Tiếng tăm Tưởng Giới Thạch nổi dậy. Hàng trăm triệu người ở các vùng luân hãm (chiếm đóng) hướng về vị lãnh tụ kháng chiến khâm phục chiêm ngưỡng. Khu chiếm đóng thì sôi nổi như thế mà trái lại khu hậu phương thì nguội lạnh.

Ngày 10 tháng 8 Nhật Bản tuyên bố đầu hàng.

8 năm chiến tranh đằng đẵng kết thúc. Ở Trùng Khánh tin thắng lợi loan ra, mọi người vui sướng đến phát điên: lánh nạn, tản cư hết rồi. Nguyên vọng “thanh xuân tác bạn bảo hoàn hương” rộng mở. Nhưng thắng lợi chóng quá nên thắng lợi mang hai bộ mặt. Một mặt vui sướng và một mặt lo âu. Mặt vui sướng ở phía dân chúng, mặt lo âu ở phía tập đoàn lãnh đạo. Nhật Bản tuyên bố đầu hàng như tiếng sét nổ xuống, khiến cho Quốc dân đảng chưa kịp chuẩn bị tiếp thu di sản Nhật để lại.

Còn Cộng sản, họ đang tích cực sửa soạn tranh cướp đất đai với Quốc dân đảng, CS sẵn sàng cho một nội chiến đại quy mô.

Nhật Bản tuyên bố đầu hàng ngày 10 tháng 8 nhưng Nhật Hoàng chính thức tuyên cáo điều kiện đầu hàng lại là ngày 14-8. Lãnh tụ quân sự Cộng sản Chu Đức ngày 10-8 đã tức tốc ban bố lệnh giải giới quân Nhật và tiếp thu các khu vực chiếm đóng.

Chính phủ Dân quốc thì hạ lệnh không cho phép Cộng quân được tiếp nhận đầu hàng của Nhật. Dĩ nhiên CS không tuân lệnh. Thế là chiến tranh bùng nổ.

Có hai sự thực không thể chối cãi là:

- Quân đội CS nhờ kháng chiến đã lớn mạnh hơn nhiều.
- Người Trung Quốc sau 8 năm chiến tranh khổ sở không ai bằng lòng lại chiến tranh nữa.

Tưởng Giới Thạch bắt buộc dĩ phải minh xác lập trường tỏ ý muốn hợp tác với CS lần thứ ba.

Đại sứ Mỹ thôi thúc Tưởng Giới Thạch thỉnh Mao Trạch Đông đến Trùng Khánh thương nghị hợp tác.

Mao Trạch Đông đến Trùng Khánh ngày 28-8.

Chính phủ Dân quốc công việc bộn bề, nào phải đàm phán với Cộng sản, nào phải tiếp thu Nhật đầu hàng, thêm trận tuyến Quốc Cộng rộng lớn đã có nhiều trận đụng độ tiến hành cuộc chiến tranh cướp đất.

Phần tử trí thức tản cư vào nội địa rất chú trọng đến cuộc đàm phán Quốc Cộng.

Phần tử trí thức khu luân hãm chỉ biết vui sướng với thắng lợi ngoài ra không biết chi khác nữa, bởi vì họ cho rằng: ta thắng rồi, bây giờ là lúc phải kiến thiết đất nước. Nội chiến tái phát là chuyện họ không tin.

Mao-Tưởng đàm phán. Mao Trạch Đông đòi cho đảng CS năm chủ tịch năm tỉnh, bốn phó chủ tịch bốn tỉnh, bốn phó thị trưởng, giữ nguyên 48 sư đoàn CS. Đòi thế có nghĩa là đòi chia đôi Trung Quốc cho nên Chính phủ Dân quốc không chịu.

Mao Trạch Đông ở Trùng Khánh tới một tháng rưỡi. Trong thời gian ấy lễ nghi đầu hàng tiến hành giữa Trung Nhật hoàn tất. Kháng chiến kể như kết thúc, Mao Trạch Đông rời Trùng Khánh về Diên An và công bố “ký lục hội đàm”. Nội chiến không thể tránh được.

Nói cho đúng, cuộc đàm phán hy vọng thêm một lần hợp tác nữa là kết quả của đầu óc quá giàu tưởng tượng. Mao, Tưởng qua hai lần hợp tác vẫn giữ nguyên vẹn người này mưu đồ nuốt chửng người khác. Tưởng lúc nào trong đầu cũng mang sẵn ý nghĩ tiêu diệt Cộng sản. Mao luôn luôn rình rập cơ hội để sát hại Quốc dân đảng.

Sở dĩ Mao lưu lại Trùng Khánh lâu như vậy mục đích chỉ là tiến hành công tác phân hóa nội bộ Quốc dân đảng. Tuyệt nhiên Mao không hề luyện tiếu hòa đàm.

Mỹ quốc phái tướng Marshall tới Trung Quốc để làm trọng tài cho cuộc điều đình Quốc Cộng thoát khỏi nội chiến. Hai bên ký hiệp định đình chiến và ban bố đình chiến lệnh. Hai bên thỏa thuận mở hội nghị hiệp thương chính trị ở Trùng Khánh. Lần này cũng hảo huyền luôn vì cả hai bên đều thấy rằng không đánh nhau không xong.

Khi hội nghị hiệp thương chính trị bắt đầu thì cục diện Trung Quốc nhanh chóng ác hóa. Tiếp thu các chiếm đóng khu ở trong tình trạng cực hỗn loạn, dân chúng oán thán rầm trời. Cái phong khí quan lại trụy lạc trở lại. Máy trăm triệu người sống trong đen tối của khu chiếm đóng lúc nào cũng yên trí hướng về ánh sáng của chính phủ kháng chiến. Họ chẳng khi nào ngờ vực lòng quả cảm trong sạch của những người đã từng gian khổ để đuổi giặc, thế mà bây giờ họ biết họ đã lầm. Bao nhiêu lòng nhiệt thành ủng hộ, đón mừng chỉ trong vài tháng tiêu tan.

Phần tử trí thức khu vực chiếm đóng dĩ tiên phong của phong trào uất hận tuyệt vọng. Tuyệt vọng và uất hận vì người có trách nhiệm tiếp thu khu luân hãm chẳng thềm biết rằng ở đây cũng có gian khổ đấu tranh. Nhân viên Trùng Khánh về Bắc Bình cho tập hợp bọn giáo sư ngụ và học sinh ngụ để lên tiếng xỉ vả.

Tối trọng yếu là vấn đề kinh tế, thắng lợi làm cho tiền tệ khu chiếm đóng buộc phải mất giá đem đổi lấy tiền chính phủ kháng chiến. Với chính sách này, chính phủ Dân quốc đã làm máy trăm triệu người phá sản trong một thời gian kỷ lục.

Quốc nạn mới khai thủy: kể từ kháng chiến kết thúc Nga Sô thừa kế Nhật Bản đem quân đóng khắp miền Đông Bắc. Vì Nga Sô là đồng

minh nên Tưởng Giới Thạch không ra mặt phản đối việc Nga gỡ hết máy móc cơ xưởng vùng Hoa Bắc, nên ngầm phát động phong trào phản kháng trong dân chúng mà mục tiêu chính là nhằm đả kích Cộng Sản. Để đối phó, Trung Cộng rầm rộ hơn chuyển phong trào dân tộc đả kích nội chính.

Chiến tranh Quốc Cộng lan tràn, vấn đề Đông Bắc hết quan trọng vì xương máu lại rơi đổ khắp nơi.

oOo

Kháng chiến thắng lợi, quân mệt mỏi, dân mệt mỏi chẳng bụng dạ nào còn hăng hái. Bề ngoài binh lực chính phủ quốc dân có vẻ chiếm ưu thế, nhưng bề trong, tinh thần bị quỵen của quân đội thêm thất bại trên chính sách kinh tế nên ưu thế kia không thể tồn tại. Cái cảnh hoàng đế sai lũ dân đói khát trông thật thảm thương.

Chiến tranh phá hoại cực nhanh chóng phong khí xã hội, đạo đức mất hết chỉ còn lại tham lam và vô sỉ. Tám năm trời gian khổ, khí tiết con người bị đói rét tiêu hủy không dễ chốc lát xây dựng được.

Trong chiến tranh, phần tử trí thức đã cố gắng chịu khổ mong giữ cho lòng trong sạch, thế mà xã hội bạo lợi chẳng để yên, nó miệt thị khinh rẻ bọn trí thức gàn dở vô dụng. Chiến tranh trong một lúc nào đó có thể làm biến mất chất cả một nền văn hóa.

Thanh thiếu niên sinh ra và lớn lên trong chiến tranh ít được giáo dỡng kỹ càng nên ưa phù phiếm, lầy sự xa hoa làm cao quý, tất cả mục đích sinh tồn chỉ là hưởng thụ hoang phí vậy thì chỉ có việc lao vào tranh đấu tranh thủ kim tiền.

Một xã hội như vậy, Cộng sản đánh thắng không khó khăn.

Văn hóa đấu tranh rơi vào tay Cộng sản

Tháng 9 năm 1939, thế chiến bùng nổ ở Á châu. Bọn thực dân Pháp ở Đông Dương tìm mọi cách để canh chừng và kìm hãm dân tộc Việt. Chính sách khủng bố diễn ra ở khắp nơi. Tiếp đó, tình hình chính trị trong ngoài nước biến chuyển dồn dập. Tháng 6-1940 nước Pháp bị chiếm đóng, tháng 9 năm 1940 Nhật Bản thực sự xâm lược Đông Dương. Pháp bắt tay với Nhật chịu chia quyền với Nhật ở Đông Dương. Nhiều vụ khởi nghĩa của dân Việt nổi lên khắp nơi.

Năm 1941, CS cho ra đời mặt trận Việt Minh nêu khẩu hiệu giải phóng dân tộc, ra sức tranh thủ sinh viên, trí thức và tư sản. Lúc bấy giờ hàng ngũ các tầng lớp trí thức bị phân hóa, một bộ phận thân Nhật, một bộ phận tán thành Việt Minh, một bộ phận còn lưu luyến Pháp. Càng về sau, số thân Pháp ngày một ít, số thân Nhật thất vọng. Việt Minh liền thả mìn lưới vớ vét.

Nhật Pháp biết không thể chỉ đàn áp mà dập tắt được sự chống đối của dân chúng. Chúng liền cho khôi phục các đòi phong bại tục, truyền bá những tư tưởng phản động, lập ra phong trào sức khỏe để lôi cuốn thanh niên đồng thời cũng chỉ để cho thanh niên mãi mê

huy chương áo vàng quên mất chính trị. Các khuynh hướng văn học tiến bộ bị triệt để ngăn cấm.

Văn học lãng mạn chỉ còn làm công việc phỉnh nịnh thú vui đê cấp của độc giả.

Tự lực văn đoàn cũng hết thời lãnh đạo.

Văn hóa đấu tranh bị bỏ trống. Cộng sản bí mật phát hành tập Đề cương văn hóa Việt Nam. Công khai thì có nhà xuất bản Hàn Thuyên của nhóm đệ tứ Tờ rớt kít. Báo Tri Tân tranh đấu cho chủ nghĩa Dân Tộc và báo Thanh Nghị của một số nhà trí thức tiến bộ. Tuy báo Thanh Nghị không là cơ quan của Cộng Sản, nhưng báo này lại do Đặng Thái Mai, người trí thức thiên tả thao túng. Trong bài nhan đề bàn về nguyên tác sáng tác.

“Lịch sử văn nghệ đã chứng thực rằng: một thời kỳ lịch sử vẫn có một nền văn học riêng. Và một nhà văn bao giờ cũng đại biểu cho một giai tầng xã hội. Phú Tư Mã Tương Như đến nay còn truyền tụng là một lối văn chuyên môn mô tả vườn hoa và thú đi săn bắn của vua Hán. Lý Bạch là một người tôi hầu hạ nhà vua trong ban văn học!”.

Ngót hai ngàn năm đế chế ở Trung Quốc đã sản sinh được một đội thị vệ văn học đua nhau múa bút, nặn lời viết nào là chiếu biểu, là trướng thượng thạ, nào là văn tế, nào là bia để mã. Những nhà văn cao cách hơn không thèm viết những lối văn ấy thì cũng ngồi mà gõ bằng bằng trắc trắc, tìm từ trong huấn hộ điển mô, lựa lọc những vế chữ đối cho chỉnh để dâng các nhà quý tộc một ít văn chương tiêu khiển, hoặc để ca tụng, để ủng hộ chế độ chính tài. Trong làng văn đó nếu có kẻ gặp thời thì tới một địa vị cao quý, tâm tình họ được thư thái trong cảnh ngộ an nhàn thì chơi nơi dăm khách vui cùng nước non, để vịnh những cảnh vật thiên nhiên hoặc là nằm bẹp trong chõn thư phòng, đập kinh chuyện ngày xưa ra mà tầm chương trích cú, đem những danh ngôn đời trước đảo ngược đảo xuôi mà viết những bài văn chương thù tạc. Văn chương họ nếu chải chuốt bóng bẩy thì đã có bề trên đỡ đầu và được ấn hành lưu truyền tới đời sau. Một bọn nữa sinh chẳng gặp thời hóa ra sinh kế một ngày một đốn, họ viết thế nào viết cho ai? Thôi đành luẩn quẩn nhìn tháng trọng ngày qua, tự an ủi với cái cao vọng là văn thơ mình chỉ có thể tàng chi danh sơn, truyền chi hậu thế, giấu vào chõn núi đẹp để truyền cho đời sau. Văn chương của bấy nhiêu nhà văn bắt đắch nếu không kết tinh vào những khúc phần uất lâm ly thì cũng biểu hiện những mối tình hoài phóng khoáng và thoát tục, những ý tưởng hoài nghi yếm thế.

Dưới chế độ phong kiến, địa vị nhà văn cố nhiên là cao quý hơn dân chúng. Tuy vậy đối với vua, họ chỉ là một lũ hề để làm vui cung điện miếu đường mà thôi. Lúc vua Càn Long nhà Thanh hạ Giang Nam, người văn thần được vua yêu quý hơn hết là Kỷ Hiểu Lam có vào

can đừng đi. Càn Long cười gằn ra vẻ giận dữ trả lời rằng: Chú cũng dám can gián kia à? Chú đối với trẫm chẳng qua là một con đào hát, một thằng hề đồng, lâu nay nuôi nấng trong nhà để hầu làm vui mà thôi.

Văn học sử Pháp còn ghi lại những lời chua chát của nhà thi sĩ Marot. Ai cũng biết rằng đối với vua Phơ răng xoa, Marot chỉ là một vai “ba lơn” phải luôn luôn khấn khoản với “bệ hạ” mà xin tiền ăn mặc. Marot đã viết trong một bài thơ hiện nay còn truyền:

Hạ thần biết nói gì hơn nữa? Tầm thân khốn khổ

Mà hạ thần mô tả cùng bệ hạ, bây giờ chỉ còn

Chút tinh thần yếu đuối rên rỉ than vãn

Và vừa khóc lóc, vừa cố hơi cố sức làm cho bệ hạ vui cười

Văn sĩ và thi sĩ thời phong kiến, nếu không sinh trưởng ở giai tầng quý phái thì chỉ là một con hát con đào của quý tộc.

Sau khi giai tầng quý tộc đã bị bọn thị dân khuynh loát sau khi qui mô kinh tế đại địa chủ đã vỡ lở và sinh hoạt xã hội đã kiến thiết trên một nền tảng mới, thì văn học dần dần biến tướng. Các thành phố lớn đã thành chỗ tập trung các nhà văn. Trên các thị trường to nhỏ, tác phẩm văn học cũng như trăm ngàn món hàng khác, phải chịu luật cạnh tranh thương trường chi phối. Viết xong một cuốn sách, nhà văn phải cần một nhà xuất bản, cần mà cả trên món tiền nhuận bút cò kè bớt một thêm hai, cần quảng cáo, cần có người tiêu thụ cho, nghĩa là phải cần chiều thời thượng, phải hợp với nhu yếu sở thích của độc giả thì đối với ông chủ nhà xuất bản, các ông nhà văn cũng chỉ là một bác thợ trí thức làm khoán mà thôi. Ông nào được tín nhiệm thì tiền công được cao, ông nào không được đặc ân ấy thì sẽ bị bỏ rơi và tha hồ mà bức tức mà buồn bã mà viết những câu văn căm giận hoặc chán chường!

Nhiều nhà đại biểu của văn học tư sản cũng đã cảm thấy những nỗi thất vọng trong tình cảnh mới của làng văn. Ngay từ 1667, Boileau nhà văn cổ điển Pháp đã viết:

Ngay sau lúc một nhà thi sĩ nẩy nở trong khuôn ần loát

Là lúc chàng đã thành nô lệ của khách mua

Trong một xã hội mà ai cũng nhận rằng vạn tội bất như bần và chỉ có đồng tiền đủ thế lực để đi trước, đứng trên trong một thời kỳ mà bọn trọc phú càng vô lương tâm càng ngu xuẩn chừng nào, lại càng hách dịch kiêu căng với thiên tài với trí tuệ của chúng, thì phùng trí thức chỉ có hai đường đi, một là xa hẳn giai tầng mình, hy sinh hết bản ngã của mình dựa theo sở thích của lũ hãnh tiến, lũ “parvenus” để mà in sách, mà bán văn chương hê ha ngâm vịnh theo luận điệu duy tâm, say sưa với hình ảnh của mình, viết những bộ tiểu thuyết ngắn hay dài, đem giọng lảng mạn mà tiêu khiển các ông bà, cô cậu tư sản trong lúc chúng ngáp dài ngáp ngắn, trước cái mặt quày đã

trơn lý dưới bàn tay vơ đi vét lại, trên một bậc nữa thì viết những sách dài sùng sục về triết học, về lý luận về xã hội học, kinh tế học, đề tán dương ủng hộ một chế độ đã đèo mình tới địa vị cao quý. Nói tóm lại họ chỉ là một lũ đĩ bút mực. Hai là nhà văn đã cố sức giữ lấy lòng trinh bạch và không chịu hy sinh bản ngã, thì lẽ tất nhiên phải đọa lạc, phải nghèo khổ, tha hồ cho lửa cơ đốt ruột dao hàn cắt da. Trong tình cảnh ấy nếu nhà văn không buồn rầu chán nản, không thốt ra những đoạn văn lằng mạn sầu não lâm ly, thì tất là phải bức tức giận dữ, tìm một lối văn để biểu hiện những tư tưởng mới đã lĩnh hội được trong sự mâu thuẫn của sinh hoạt.

Vì vậy nên trong những buổi giao thời, trong một chế độ sắp đổ nát là một lối văn tân tiến, một nền văn học tiên tiến phải xuất hiện. Giải nghĩa danh từ thiên tài, một nhà triết học hiện đại chủ trì rằng thiên tài không phải là người đã rút trong trí khôn của mình những ý nghĩ hoàn toàn mới mẻ để đổi mới cục diện thế giới, cải tạo xã hội, mà thiên tài chỉ là một nhân cách đào luyện trong cuộc sinh hoạt xã hội, và đã nhận thấy trong xu hướng đại chúng một phương pháp thích nghi để giải quyết những sự khủng hoảng của thời đại.

Để kết luận Mai đưa vào bài luận văn của mình một lập lý bệnh vực cho văn học vô sản hiện đang lên tại tổ chức xô viết. Những điều Mai ca tụng thì nhà văn Ba Lan danh tiếng là Milosz trong cuốn tư tưởng mắc bẫy (*La pensée captive*) đã công kích kịch liệt.

Tiếp theo Đặng Thái Mai là Trường Chinh viết bài: Mấy nguyên tắc của cuộc vận động văn hóa mới lúc này. Bài này nhằm mục đích đả kích nhà xuất bản Hàn Thuyên, khởi sự cho cuộc đấu tranh chính thức giữa đệ tam và đệ tứ quốc tế để nắm quyền lãnh đạo vận động văn hóa, đồng thời cũng là cuộc đấu tranh giữa đảng cộng sản Pháp với âm mưu tư bản Pháp định dùng đệ tứ bẻ gãy đệ tam. Trường Chinh lập luận: Vấn đề văn hóa được đặt ra một cách hăm hở nhiệt liệt, nhưng không ai để ý đến phương châm vận động văn hóa mới.

Việc tìm nguyên tắc vận động là phải nhìn ngay vào tình trạng văn hóa nước Việt Nam hiện tại.

Xét văn hóa Việt Nam lúc này thấy ba hiện tượng:

a) Vì còn là một thuộc địa cho nên văn học hợp pháp hầu hết phải (phản?) bội tinh thần dân tộc độc lập. Kỹ nghệ yếu kém, nền hành chính khác nhau, sinh hoạt các vùng sai biệt nên văn hóa Việt Nam thiếu thống nhất.

b) Vì là một nước nông nghiệp nên đầu óc đồng bào ta rất non kém trên khoa học. Trình độ yếu kém về khoa học ảnh hưởng không tốt đến các ngành văn học nghệ thuật khiến cho những sản phẩm văn hóa mang đầy tính chất huyền bí phản thực tại.

c) Bệnh mù chữ trầm trọng không kém gì nạn đói, văn học nghệ thuật là đặc quyền của bọn quyền quý nên văn học không có rể đại

chúng, kết quả là căn cỗi héo non.

Để kết luận, bài này cho rằng vận động tân văn hóa lúc này phải theo ba nguyên tắc, ba khẩu hiệu: dân tộc hóa- khoa học hóa- đại chúng hóa.

Gần cuối bài, Trường Chinh lên tiếng công kích nhóm tân văn hóa Hàn Thuyên đã dám tự nhận là khoa học, nhưng đã phản lại duy vật biện chứng tức là phản khoa học. Nhóm Hàn Thuyên tự nhận không dám bênh vực quyền lợi văn hóa cốt yếu của đại chúng, họ tỏ ra yếu xiu trước những thủ đoạn tuyên truyền của viện văn hóa Nhật Bản hay của nhà xuất bản Alexandre de Rhodes. Đáng lẽ phải tập trung văn hóa để chống lại văn hóa thoái bộ phong kiến và văn hóa phát xít thì họ lại thi hành chính sách văn hóa chia ngọn lửa đấu tranh vào các nhà văn hóa dân tộc của Tri Tân và Thanh Nghị. Bài của Trường Chinh chẳng có điểm nào mới mẻ đặc sắc, nó chỉ là sự nhai lại những kinh nghiệm, những khẩu hiệu của vận động Ngũ Tứ. Tuy nhiên bài này cho người ta thấy Cộng sản hết sức chú ý đến mặt đấu tranh văn hóa.

Tiêu diệt tờ rớt kít trí thức

Tên trùm mật thám Marty của thực dân Pháp ở Đông Dương có ghi lại nhiều điểm quan trọng trong cuốn: "Góp phần tìm hiểu các phong trào chính trị ở Đông Dương". Khi nhận định về các phong trào quốc gia, y thường tỏ ý chê bai, tỉ dụ như nói về Tân Việt đảng, y viết: "Đoàn thể chính trị không được tổ chức, không có chương trình và phương tiện hoạt động nhất định để đạt tới mục tiêu nhất định, không có liên lạc giữa các đảng viên: mỗi người hành động theo ý mình mà không tiên đoán những cản trở trên đường.

Những người cách mạng này không biết gì về tình hình chính trị Đông Dương. Họ cũng không thảo nổi một kế hoạch thích nghi với hoàn cảnh. Ai cũng muốn cho An Nam độc lập nhưng không ai ấn định phương thức hoạt động. Người thì chủ trương dùng vũ lực chiếm lại xứ sở, người thì chủ trương ôn hòa với người Pháp (theo bản dịch của giáo sư Nguyễn Văn Trung).

Nói về Quốc dân đảng y viết:

Những luật lệ của họ bắt buộc cương lĩnh của Quốc dân đảng Trung Hoa; chủ nghĩa của đảng chỉ được phác họa sơ sài. Tất cả những gì người ta biết được là đảng chủ trương dân chủ xã hội. Những lãnh tụ không bao giờ xác định ý tưởng của họ về những vấn đề xã hội và những tầng lớp của xã hội An Nam mà họ nhằm tuyên truyền, hình như cũng không để ý nêu lên những vấn đề đó trước khi chấp nhận những lời tuyên truyền của họ... Những truyền đơn của Quốc dân đảng chỉ thấy hô hào bạo động nổi loạn. Sự nghèo nàn về văn tự của Quốc dân đảng ở tại chỗ họ không đưa ra một chương trình xã hội nào. Chính mình còn không biết sẽ đưa xứ sở đến đâu nên các lãnh tụ đảng cũng rất ít để ý đến việc giáo dục

đảng viên. Vì thế họ chỉ đưa ra những nhận định thông thường về việc nước bị mất và nước Pháp vô nhân đạo trong các tài liệu của họ (theo bản dịch của giáo sư Nguyễn Văn Trung).

Trái lại khi nhận định về các cuộc vận động của Cộng sản Marty đã viết để nói rõ sự nguy hiểm của các cuộc vận động này:

“Những rối loạn mà Cộng sản đã gây nên trong những năm 1930-1931 trong một vài vùng ở xứ An Nam là những vụ trầm trọng nhất mà chính quyền địa phương phải đối phó đàn áp từ trước khi nước Pháp chiếm đóng xứ này... Có điều không thể chối cãi được là những nguyên nhân vẫn có thể bó buộc phải đưa đến những hậu quả tương tự và sự phục sinh của đảng Cộng sản Đông Dương tạo thành một mối nguy hiểm trầm trọng cho trật tự công cộng mà chính phủ có bổn phận phải làm tê liệt nó.

Qua nhận định của Marty vốn là tên thực dân cáo già, một tên tình báo nhà nghề rất am tường tình hình, người ta có thể thấy được ngay rằng: kể từ sau khởi nghĩa Yên Bái của những người quốc gia yêu nước thất bại thì Cộng sản đã nắm được lãnh đạo quyền đấu tranh chính trị ở Việt Nam. Đối với thực dân Pháp chỉ có Cộng sản mới là một thứ đảng mới, đảng của thời đại với hệ thống thế giới chọi với hệ thống đế quốc thế giới. Các đảng phái quốc gia không thể đương đầu với thực dân từ gốc rễ của nó. Các đảng phái quốc gia nhiều lắm chỉ mới nhìn thấy Trung Quốc hay Nhật Bản là cùng. Các đảng phái quốc gia lại rất ít kinh nghiệm đấu tranh, thứ nhất là kinh nghiệm chính quyền, lật chính quyền, giành chính quyền và giữ chính quyền. Bằng cứ rõ rệt nhất là nội các Trần Trọng Kim, nội các thành lập sau khi Nhật Bản lật chính quyền Pháp tại Đông Dương. Nhật Bản đầu hàng, ông Trần Trọng Kim, tự ý rời khỏi Thủ Tướng phủ ra ở ngoài phố để chờ giao quyền cho Việt Minh.

Tuy nhiên không phải chỉ riêng Cộng sản chỉ có những điều kiện ưu việt nói trên. Còn người anh em thù hận tức là nhóm tờ rớt kít chia sẻ những điều kiện đó. Cho nên CS để đấu tranh giành chính quyền, trong sách lược chiến tuyến thống nhất có thể bắt tay đoàn kết hay liên hiệp với các đảng phái quốc gia, để mượn danh nghĩa dân tộc. Nhưng CS nhất định phải giết, phải tiêu diệt bọn tờ rớt kít. Đúng kế hoạch đã thảo ra từ lâu, khi đệ tam quốc tế CS cướp được chính quyền Đông Dương thì các lãnh tụ đệ tứ như Tạ Thu Thâu, Phan Văn Hùm, Trần Văn Thạch, v.v... (cũng là những người trí thức nhiều thành tích đấu tranh nhất) lần lượt bị thủ tiêu.

Kháng chiến

Nửa đêm hôm 14 tháng 9-1946, ông Hồ Chí Minh đến gõ cửa Moutet nói:

Tôi đến đây bằng lòng ký tạm ước.

Ký xong ông than thở với một người Pháp:

“Tôi vừa ký một bản án tử hình của tôi”.

Ngày 15 ông Hồ Chí Minh xuống Marseille, thợ thuyền tiếp đón ông lạnh nhạt thờ ơ khác hẳn với sự tiếp đón lúc trước. Hồ Chí Minh hiểu ý họ nên đứng ra ngậm ngửng giải thích về lý do phải ký tạm ước. Thợ thuyền không thỏa mãn với những lời giải thích quanh co hô to:

Việt gian!

Việt gian!

Đệ tứ quốc tế đã tổ chức và vận động phản đối Hồ Chí Minh ngày hôm đó.

Trong khi ấy ở Hà Nội phe quốc gia đã bị tiêu diệt lần mòn vì quá ư tin tưởng vào lòng thành thật cộng tác giữa hai ông già Nguyễn Hải Thần và Hồ Chí Minh. Lề lối chính trị “tòng long” cố hữu của phe quốc gia hoàn toàn phá sản trước thỏa hiệp Pháp-Cộng sản bầy Tàu ra khỏi Việt Nam. Quân đội Trung Hoa về nước thì phe Quốc gia cũng hết chỗ bầu víu, xô nhau chạy.

Mặc dầu có tạm ước Moutet nhưng tại Đông Dương, đô đốc D'Argen-Lieu vẫn hối thúc tay chân của ông tìm mọi cách gây hấn. Ngày 20 tháng 11 một vụ bé xé ra lớn, đại tá Dèbes hạ lệnh pháo kích Hải Phòng. Đô đốc D'Argen-Lieu đánh điện khen ngợi tướng Vally người đã cho phép Dèbes làm dữ.

Ngày 30 tháng 11, Quốc hội Hanoi nhóm họp, gửi thông điệp sang Ba Lê yêu cầu Quốc hội Pháp làm trọng tài giải quyết các vụ lưu huyết vừa xảy ra. Trong thông điệp có ghi:

“Dân tộc Việt Nam chúng tôi cương quyết muốn hợp tác với dân tộc Pháp, yêu cầu Quốc hội Pháp can thiệp bằng cách gửi qua một ủy ban điều tra tại chỗ”.

Quốc hội Pháp gửi Sainteny qua Hanoi gặp Hồ Chí Minh. Hai người đều đồng ý là tất cả đã quá chậm. Hà Nội đã khởi sự tản cư.

Ngày 17 tháng 12 Chính phủ Léon Blum được tấn phong. Việc làm đầu tiên của ông Blum là gửi Montet qua Đông Dương, ngày 19 tháng 12 Montet lên đường qua Saigon. Ngay tối hôm ấy súng đã nổ khắp Hanoi.

Trước lòng căm phẫn của toàn thể nhân dân Việt, trước sự khiêu khích khinh mạn của quân đội Pháp, Chính phủ Việt Minh không thể tiếp tục chính sách thỏa hiệp với Pháp được nữa. Tiếp theo kháng chiến Nam Bộ là kháng chiến toàn quốc.

Ngày 2 tháng 1 Moutet tới Hanoi đi quan sát và ở tại đây 2 ngày rồi về Saigon tuyên bố:

“Tôi hết sức buồn thấy thảm trạng ở Hanoi. Tôi muốn tai nghe mắt thấy và bây giờ tôi có đủ bằng cứ rằng Việt Nam đã mưu tính bạo động từ lâu.

Tôi nói rõ lập trường của tôi: đêm 19 tháng 12 tại Hanoi đã xảy ra do mưu tính kia và chúng tôi phải dùng vũ lực đối phó... Chừng nào quân đội lập lại trật tự rồi chừng đó mới có thể nghiên cứu vấn đề chính trị”.

Thế là mọi hy vọng điều đình cũng tiêu tan luôn qua lời tuyên bố của Montet.

Quyền lãnh đạo kháng chiến

Lãnh đạo quyền trên cơ bản ý nghĩa là quyền lực căn bản quyết định phương hướng căn bản của một công cuộc. Công năng của nó giống như bánh lái của chiếc xe hay kim chỉ nam của chiếc tàu biển. Lãnh đạo quyền kháng chiến chống Pháp do CS nắm giữ thì công cuộc kháng chiến không còn chỉ là việc giữa dân tộc thuộc địa giành độc lập đánh đuổi đế quốc thực dân mà còn duỗi rộng vào nhiều quan hệ khác.

Bởi vậy khi Trung Cộng tiến sát biên giới Hoa Việt và đất Tàu được đặt làm hậu cứ cho bộ đội Việt, thì Trung Cộng ra ngay điều kiện đòi hỏi chính phủ Hồ Chí Minh phải chấm dứt tình trạng mù mờ, nghĩa là phải công khai đứng vào trận tuyến Cộng sản. Những năm 1950-1951 hàng ngũ kháng chiến phải chịu sự thanh trừng lớn lao, tất cả những phần tử yêu nước không Cộng sản đều bị loại bỏ. Chiến tranh tiếp tục đẩy tình thế ra khỏi tay chính Pháp cũng như ra khỏi tay dân tộc Việt để trở thành chiến tranh giữa hai khối tư bản và xã hội chủ nghĩa. Hồ Chí Minh đi Bắc Kinh thì De Lattre cũng đi Hoa Kỳ. Cố vấn Nga Tàu vào Việt Nam thì cố vấn Hoa Kỳ cũng lên đường tới Đông Dương.

Trên tư tưởng, trên văn hóa, cuộc kháng chiến chống Pháp cũng được tiến hành bằng ý thức kháng chiến là hình thức cao của đấu tranh giai cấp.

Kháng chiến được tiến hành với hai tâm lý căm thù thực dân và căm thù giai cấp. Văn học kháng chiến mấy năm đầu là văn học yêu nước nhưng mấy năm sau là văn học Mác Xít đấu tranh giai cấp. Hình dáng người chiến sĩ yêu nước mở đầu để thay thế vào đó hình dáng người anh hùng lao động công nông và những nỗi uất hận nghẹn ngào của lão Hạc (nhân vật tiểu thuyết của Nam Cao) và Chí Phèo (cũng của Nam Cao) của Điền với tâm trạng:

“Chao ôi đẹp lắm. Trăng dịu dàng và trong trẻo và bình tĩnh. Nhưng trong những căn lều nát mà trăng làm cho cái bề ngoài trông cũng đẹp, biết bao người quằn quại nức nở nhẩn nhó với những đau thương của kiếp mình. Biết bao nguyền rủa và chửi rủa. Biết bao cực khổ và làm than. Không, không, Điền không thể nào mơ mộng được. Cái sự thật tàn nhẫn luôn luôn bày ra đấy, sự thật giết chết những ước mơ lãng mạn, gieo trong đầu óc Điền cái thứ văn chương của bọn nhàn rỗi quá. Điền muốn trốn tránh sự thực nhưng trốn tránh làm sao được. Vợ Điền khổ, con Điền khổ, cha mẹ Điền khổ. Chính Điền cũng khổ. Bao nhiêu người nữa cũng cùng một cảnh khổ như Điền. Cái khổ làm héo một phần lớn những tính tình tươi đẹp của con người ta. Tiếng đau khổ vang dậy mạnh mẽ. Chao ôi! Chao ôi! Nghệ thuật không cần phải là ánh trăng lừa dối, không nên là ánh trăng lừa dối. Nghệ thuật có thể chỉ là tiếng đau khổ kia

thoát ra từ những kiếp làm than dội lên mạnh mẽ trong lòng Điền. Điền chẳng cần đi đâu cả. Điền chẳng cần trốn tránh. Điền cứ đứng trong lao khổ, mở hồn ra đón nhận lấy tất cả những vang động của đời...”

(Trích trong truyện ngắn Trăng sáng)

Thân phận trí thức

Chương Thứ Chín LUÂN LẠC VÀ PHẢN TÌNH

*Sự cùng thể bách chi nhân,
đương nguyên kỳ sơ tâm.
Công thành hành mẫn chi sĩ,
yên giác kỳ mật lộ*

(TRÍCH THÁI CĂN ĐÀM)

*Bà mẹ Karl Marx thường phân
nàn với các bạn hữu của con*

*bà: “Giá thằng Marx nhà tôi
nó chịu khó đi kiếm chút tư*

*bản còn hơn cả ngày nó loay
hoay với công việc luận về*

tư bản”.

Chính hiệp

Do những vận động phản đối nội chiến của phần tử trí thức toàn quốc nên ngày 31 tháng 1 năm 1946, sau 20 ngày thảo luận tại Trùng Khánh, hội nghị hiệp thương gồm đại diện Cộng sản đảng, Quốc dân đảng, các đảng và nhân sĩ không đảng phái đã thông qua 5 nghị án.

1- Đối với vấn đề tổ chức chính phủ, hiệp nghị xác định.

a) Sửa đổi tổ chức chính phủ quốc dân, tăng thêm người vào chính phủ để sung thực ủy viên hội.

b) Ủy viên chính phủ do chủ tịch chính phủ tuyển nhiệm từ những nhân sĩ trong hay ngoài Quốc dân đảng.

c) Khi chủ tịch chính phủ yêu cầu thì các đảng phái đề cử, trong trường hợp chủ tịch không đồng ý các đảng phái phải đề cử người khác.

d) Khi chủ tịch chính phủ muốn tuyển nhiệm người không đảng phái thì nếu người ấy bị một phần ba phản đối, chủ tịch phải tìm người khác.

e) Nửa danh sách ủy viên do Quốc dân đảng đảm nhiệm, nửa số kia sẽ do các đảng phái và nhân sĩ hiền năng đảm nhiệm.

f) Quốc dân chính phủ cũng được gọi là cơ quan tối cao quốc sự có quyền lực qua thảo luận và quyết định nguyên tắc lập pháp, những châm phương thi hành chính sách, đại kế quân chính, dự toán và kế hoạch tài chính.

2- Cương lĩnh hòa bình kiến quốc bao quát 9 chương: “tổng tắc”, quyền lợi nhân dân, chính trị, quân sự, ngoại giao, kinh tế tài chính, giáo dục văn hóa, cứu tế, khiếu vụ.

a) Chương tổng tắc quy định: Các đảng phái trong nước đoàn kết nhất trí kiến thiết Tân Trung Quốc thống nhất tự do- Thực hành chính trị dân chủ hóa, quân đội quốc gia hóa và đảng phái bình đẳng hợp pháp- Dùng phương pháp chính trị để giải quyết xung đột chính trị, để phát triển và bảo vệ hòa bình quốc gia.

b) Chương nhân dân quyền lợi quy định: Bảo vệ tự do thông tin, cư trú, di tản, kết xã, tập hội, xuất bản, ngôn luận, tín ngưỡng, tôn giáo, tư tưởng, thân thể của mọi người dân- Nghiêm cấm những cơ quan không phải là cảnh sát hay tư pháp bắt giam, thẩm vấn, xử tội nhân dân.

c) Chương chính trị quy định: Chỉnh đốn lại cơ cấu hành chính các cấp, giản hóa thủ tục hành chính, thực hành phân tầng phụ trách- Dùng người không được kỳ thị phe phái, phải căn cứ vào năng lực hạnh kiểm- Cấm chỉ kiêm chức. Gắt gao thi hành chế độ giám sát. Nghiêm trừng tham ô. Tích cực thi hành tự trị địa phương- Thực hành bầu cử từ dưới lên trên- Quyền hạn trung ương phải áp dụng nguyên tắc phân quyền (chia đều)- Mỗi nơi có thể tùy điều kiện nơi mình thi hành chính sách một cách linh động nhưng không được vi bội pháp lệnh Trung ương.

d) Chương quân sự quy định: Kiểm chế quân đội phải hợp với nhu

yếu quốc phòng- Phải y theo chính thể dân chủ và tình hình trong nước để cải cách quân chế- Thực hành Quân Đảng phân lập- Quân dân phân trị- Cải tiến giáo dục quân sự- Sung thực trang bị. Kiện toàn nhân sự để kiến thiết một quân đội quốc gia hiện đại hóa- Quân đội toàn quốc phải y theo kế hoạch chỉnh quân.

e) Chương tài chính kinh tế quy định: Đề phòng sự phát triển của tư bản quan liêu, nghiêm cấm quan lại lợi dụng quyền thế địa vị để đầu cơ, lũng đoạn trốn thuế, lạm dụng công khoán và công cuộc giao thông- Thực hành giảm tô giảm tức, bảo vệ tá điền, khoáng đại việc cho nông dân vay tiền- nghiêm cấm cho vay nặng lãi để cải thiện sinh hoạt nông dân- Tiến hành pháp lệnh ruộng đất để chóng đạt tới mục đích người cày có ruộng- Thực hành pháp lệnh lao động cải thiện lao động điều kiện- Tài chính công khai, triệt để thi hành chế độ dự toán và quyết toán- Giảm chi xuất, bình hành thu chi- Phân định tài chính Trung ương và địa phương- Ổn định tiền tệ, công bố việc sử dụng ngoại tệ- Cải cách thuế chế.

f) Chương giáo dục văn hóa quy định: Bảo vệ học thuật tự do. Không lấy tư tưởng tôn giáo hay chính trị can thiệp vào hành chính học đường- Trong dự toán quốc gia phải tăng gia kinh phí tỉ xuất cho sự nghiệp văn hóa giáo dục- Đình chỉ mọi kiểm soát bưu điện báo chí, xuất bản, điện ảnh đã áp dụng lúc chiến tranh.

3- Quốc hội đại biểu tăng thêm 700 người, thuộc thành phần các đảng phái và nhân sĩ. Chức quyền của quốc dân đại hội là chế định Hiến pháp.

4- Vấn đề thảo Hiến pháp, hiệp nghị quy định: Tổ chức ủy viên hội thẩm nghị việc thảo Hiến pháp- Sửa đổi thảo án Hiến pháp của Quốc dân đảng đặt định nguyên tắc sửa đổi hiến chương.

5- Vấn đề quân sự, hiệp nghị quy định: Chế độ quân đội phải cải cách y theo chính thể dân chủ và tình hình trong nước- Cải thiện chế độ trưng binh- Giáo dục quân đội phải tuân theo nguyên tắc kiến quân: vĩnh viễn đứng ngoài quan hệ cá nhân, quan hệ đảng phái- Thực hành quân đảng phân trị, bất cứ cá nhân hay đảng phái nào cũng không được dùng quân đội làm công cụ tranh chấp chính trị- Thực hành quân dân phân trị, tất cả những quân nhân hiện dịch không được kiêm nhiệm chức vụ hành chính- Quân đội Quốc dân đảng cũng như quân đội Cộng sản trong các khu giải phóng cùng phải nhanh chóng chỉnh biên.

Phần tử trí thức khắp nước đón mừng 5 nghị án trên như cơn mưa đến trong vùng khô hạn. Họ nghĩ đây là một đoàn kết lý tưởng, lòng yêu nước chung đã lấn át hết thấy mọi quyền lợi, ý đồ chính trị riêng tư. Nhưng sự thực diễn ra trái ngược hẳn mà người trí thức còn bị làm lẫn bởi cái tâm chất cao quý của họ. Quyền lợi tranh chấp chính trị thường luôn luôn gạt trí thức ra ngoài và làm sáng mắt họ.

Năm nghị án khi đem ra thi hành, mỗi bên Quốc Cộng đều căn cứ

trên sức mạnh vũ trang mà diễn đạt ý nghĩ văn kiện theo lý lẽ sùng
ống của mình. Khoảng chừng ba tháng sau hiệp định, đình chiến
gần như bị hoàn toàn xé bỏ và sáu tháng sau thì quyết nghị chính
hiệp cũng mất hiệu lực.

Ngày 20 tháng 7-1946 một tờ báo của đối phương “Lấy chiến tranh
tự vệ đập tan cuộc tấn công của Tưởng Giới Thạch” như sau:

“Tưởng Giới Thạch phá hoại hiệp định đình chiến, phá hoại quyết
định chính hiệp, tại Đông Bắc đã đánh chiếm Trường Xuân Tứ Bình
của ta. Hiện tại ở Hoa Đông Hoa Bắc đang chuẩn bị đại tấn công ta.
Chỉ có chiến tranh tự vệ đập tan cuộc tấn công của Tưởng Giới
Thạch rồi mới có thể khôi phục hòa bình.

.
.

Phương pháp tác chiến thắng Tưởng Giới Thạch là vận động chiến.
Nhân thủ, sẽ có một số địa phương, một số thành thị mà chúng ta
phải tạm thời rời bỏ. Đó không phải là miễn cưỡng mà là cần thiết.
Tạm thời rời bỏ những địa phương ấy, đô thị ấy để tranh thủ thắng
lợi tối hậu. Điểm này toàn đảng và toàn dân các vùng giải phóng
phải thông hiểu để chuẩn bị tinh thần...”

oOo

Nội bộ phân liệt, kinh tế tan vỡ

Quân của Quốc dân chính phủ mặc dầu tập trung hơn hai triệu mà
vẫn không hoàn toàn kiểm soát được hai thiết lộ Bình Hán và Bồ
Tân, hai động mạch của Trung Quốc. Mặc dầu đã huy động tới ba
bốn trăm ngàn mà quân tinh nhuệ Quốc dân đảng vẫn không làm
chủ được tỉnh thế Đông Bắc.

Thế đủ rõ binh sĩ sau kháng chiến đã chán ghét chiến tranh, dân
chúng cũng không cổ vũ ủng hộ hành động quân sự. Dân tâm sĩ khí
như vậy còn vấn đề cấp dưỡng, chiến lược chiến thuật và vũ khí thì
sao?

Năm 1946 Quốc quân còn giữ ưu thế trên chiến trường là bởi tại ở
hậu phương cục thế kinh tế vẫn an toàn, ở tiền phương binh sĩ vẫn
còn hy vọng đánh mạnh thắng mau. Nhưng rồi mỗi ngày một rõ rệt
nội chiến không thể nào tốc chiến tốc quyết, mà ở hậu phương thì
chính sách kinh tế tài chính Tống Tử Văn đã làm cho đời sống cực
kỳ nguy khốn.

Kinh tế đã vỡ trước quân sự. Trải 8 năm sinh hoạt khốn khổ, sĩ
quan và binh sĩ những ước mong qua thắng lợi sẽ đến những ngày
vui no ấm. Ngờ đâu yên vui không thấy mà no ấm cũng chẳng thấy
có. Trong lòng ai nấy mang một mối tuyệt vọng đáng sợ.

Năm 1947 Quốc quân tuy trên chiến trường còn mở được mấy cuộc
tấn công lớn vào sào huyệt của Cộng sản nhưng vẫn chưa làm tổn
thương nặng nề đến thực lực Cộng quân.

Mùa thu 1948 Cộng quân phát động phản công, quốc quân tan vỡ
toàn diện. Toàn thể đại lục Trung Quốc rơi vào tay Cộng sản.

Sự thất bại của Quốc quân không phải là thua trên quân sự mà là thua trên chính trị và kinh tế. Quân sự thất bại chẳng qua chỉ là hình thức.

Với hai lần họp Quốc dân đại hội (chế biến và hành hiến) cơ tầng nội bộ Quốc dân đảng hoàn toàn băng hoại. Với một lần đổi đồng Kim viên, dân tâm mất hết tin tưởng.

Đại hội đại biểu quốc dân chế hiến được triệu tập ngày 12 tháng 11 năm 1946 thì trước đó một tháng, quân chính phủ tấn công Trương Gia Khẩu. Hai tin cùng được đăng tải trên một mặt báo. Đại hội này, Quốc dân đảng kéo được Dân xã đảng và Thanh niên đảng tham gia nên lấn quyền chế định hiến pháp. Cộng sản hết hy vọng đấu tranh nghị trường.

Thấy điều đình hết hy vọng, tướng Marshall đặc sứ Mỹ về Hoa Kỳ. Đại biểu đàm phán của Cộng sản cũng triệt thoái.

Tháng 5 năm 1948, Quốc dân đại hội hành hiến được triệu tập.

Danh sách đại biểu đưa ra gây nên cuộc xung đột lớn về sự phân phối trong nội bộ Quốc dân đảng. Rất nhiều đảng viên già của Quốc dân đảng bị gạt ra ngoài uất ức, kẻ thì tuyệt thực, kẻ thì mang quan tài đến trụ sở đòi chức đại biểu, kẻ thì xin ra đảng, kẻ thì hoạt động phá hoại đảng.

Thêm vào đây là vụ tranh chức Phó tổng thống càng làm cho phái hệ Quốc dân đảng phân liệt trầm trọng. Quế hệ ủng hộ Lý Tôn Nhân còn Trung Ương thì ủng hộ Tôn Khoa. Các đại biểu cứ bầu cho Lý Tôn Nhân. Trung Ương sau vụ này chẳng còn thể thống gì nữa. Lý Tôn Nhân Phó Tổng thống rồi liền lãnh đạo Quế hệ nhục mạ Trung Ương đảng.

Phản tử trí thức nhìn cuộc tranh chấp nội bộ Quốc dân đảng với nụ cười mỉa mai chua chát.

Quốc dân đảng trong những năm tháng chấp chính chưa hề giải quyết xuôi vắn đề thuế thân. Trừ thuế điền, thuế quan ra, các hạng thuế khác đều ầu tả không có tiêu chuẩn nhất định. Dự toán chi xuất từ năm này qua năm khác thường trông cậy vào máy in giấy bạc và đắp. Đến khi quốc hội rã đám thì máy in giấy bạc tha hồ tung hoành vô cấm kỵ, làm cho pháp tệ phá sản. Lòng tin vào chính phủ xuống độ như hàn thử biểu, mới đầu là quan binh hết tin tưởng, rồi đến đại biểu quốc dân đại hội, rồi cuối cùng là các tướng lãnh cao cấp.

Trong khi ấy khu vực Cộng sản khoáng triển không ngừng, kiểm soát tới hơn một triệu dân. Nạn nhân phía Bắc chạy xuống phía Nam cũng nhiều. Họ kể lể những hành động tàn ác của Cộng sản. Nhưng chẳng một ai để ý vì kinh tế quá kiệt quệ rồi không còn hơi sức đâu nghe chuyện khác ngoài chuyện gạo ăn.

Sang đến giai đoạn quốc hội hành hiến, nội các mới đặt vấn đề cải cách tiền tệ lên hàng đầu, cho phát hành đồng kim viên.

Cục diện kinh tế sau kháng chiến cho đến thời gian quốc hội hành

hiến đã ác hóa cực độ. Sĩ quan binh sĩ bữa đói bữa no thâm oán chính phủ. Nhân dân bất hợp tác với chính phủ, chính phủ làm gì mặc kệ, dân lo thân dân. Công chức trung cấp cũng bất hợp tác với chính phủ, làm cho hiệu lực hành chính(?). Binh sĩ bất hợp tác với chính phủ khiến cho hiệu năng quân sự thành con số không.

Phát hành đồng kim viên làm cho hy vọng trở lại với mọi người...

Hỡi ôi! Hy vọng đó như hoa đàm một lần hiện rồi tiêu tan. Chính sách tốt mà thi hành ầu. Vật giá vùn vụt leo thang, dân chúng từ thâm oán chuyển sang phần nộ.

Đồng kim viên là một trò bịp để vét vàng của dân. Dân nông thôn và tiểu thành thị quý vàng như sinh mạng. Nông dân không ruộng đất, coi vàng như ruộng đất. Đồng kim viên ra đời đổi lấy vàng rồi y theo hạn kỳ đổi trả. Kết quả kim viên khế sứt giá ầm ầm. Dân chúng bị chùy kim viên đánh cho chết giấc.

Phần nộ lên cao! Tâm lý người nào cũng muốn trả hận. Nếu tự mình làm không được thì mong Cộng sản làm hộ.

Kim viên phá sản làm cho cả hệ thống tín dụng của chính phủ sụp đổ. Tiếng nói của chính phủ không một ai muốn nghe nữa. Tình hình thảm đạm như thế hỏi làm sao quân đội không vỡ? Trong hai tháng toàn vùng Đông Bắc rơi vào tay Cộng sản, quốc quân mất 40 vạn quân. Chiến dịch thứ hai là khu vực Trường Giang, quốc quân mất 50 vạn quân. Rồi đến Trương Gia Khẩu, Bắc Bình, Thiên Tân luân hãm, quốc quân thiệt trên 50 vạn.

Ba trận thua lớn chưa từng thấy làm cho nội bộ rối loạn. Tưởng Giới Thạch bị hạ bệ. Lý Tôn Nhân xuất diện cầu hòa với Cộng sản. Trí thức Quốc dân đảng như Trần Bối Lôi, Đới Truyền Hiền tự sát. Một số khác lên tiếng yêu cầu chính phủ đổi chiến lược cổ thủ Hoa Nam và Tây Nam. Nhưng quá chậm, lòng quân sĩ đã chán nản cùng cực với phái hệ, với kinh tế nghèo đói. Vài tướng lĩnh như Trương Trị Trung đầu hàng Cộng sản. Ít nhiều thư sinh mặt trắng làm thơ cảm hoài. Và Cộng sản vẫn tiếp tục tiến đều, 23 tháng 4-1949 Nam Kinh thất thủ.

Lúc mới nắm chính quyền, Trung Cộng rất mềm dẻo. Thái độ mềm dẻo chẳng kéo dài bao lâu. Nỗi đau đớn đầu tiên mà nhân dân Trung Quốc tiếp nhận là bao nhiêu tập tục tư tưởng truyền thống bị đánh bật gốc.

Phần tử trí thức được Cộng sản xem xét đến trước nhất. Có ước chừng một phần ba bị xử tử, giam cầm hoặc đi học tập lao động. Số còn lại bị nhồi tư tưởng CS như nhà bếp nhồi vẹt hàm. Đó là phương pháp cải tạo tư tưởng.

Phần tử trí thức yêu tự do thoát khỏi đại lực sống kiếp lưu vong. Họ không sống với chế độ Tưởng Giới Thạch. Tản mác lang thang nhưng trong lòng mỗi người đều hoài bão đấu tranh cho một trang sử mới.

Một lực lượng chính trị mới

Người Pháp trở lại Đông Dương bằng cách mang danh nghĩa chống chính phủ Cộng sản mới nổi lên ở đây nói với các nước Đồng minh đã cùng Pháp thắng trận kết thúc thế giới chiến thứ 2. Người Pháp nỗ lực đánh quân của chính phủ Hồ Chí Minh với cơ cần phải tìm những người Quốc gia chân chính để nói chuyện. Nhưng toàn bộ chính sách với bề ngoài tiến bộ của Pháp đã bị rơi “mặt nạ” trước cái chết của bác sĩ Nguyễn Văn Thinh. Ông Thinh đã treo cổ tự tử vì hờ thẹn với dân chúng và vì uất ức với thái độ khinh khi của Pháp. Tinh thần dân tộc tự quyết của Liên hiệp quốc bị Pháp xóa bỏ. Danh nghĩa chống Cộng sản của Pháp mất giá trị đối với những phần tử Quốc gia, trí thức tiến bộ. Ai ai cũng thấy bọn Pháp mới xảo quyết chẳng kém chi bọn Pháp cũ. Tất cả mọi hy vọng hợp tác chính trị với người Pháp tiêu tận. Trí thức ở lại vùng Pháp mà tâm óc chán ghét Pháp, không ưa Cộng sản nhưng bội phục kháng chiến.

Hai năm trời Pháp không giải quyết xong vấn đề Đông Dương bằng vũ lực như Pháp đã từng tưởng tượng chỉ cần nửa thời gian đó.

Trái lại tình hình mỗi ngày đen tối thêm.

Tại Trung Hoa, Quốc dân đảng thua đậm, lục địa sớm chiều lọt vào tay Cộng sản. Chính phủ Hồ Chí Minh sẽ có thêm một hậu cứ mạnh lớn và một kho người vô tận với điều kiện công khai đứng vào hàng ngũ Cộng sản thay vì ngụy trang giải tán đảng Cộng sản như trước đây.

Để có thêm chính nghĩa một phần, để lấy điểm mà xin viện trợ của Hoa Kỳ một phần, Pháp quyết định “khênh” Bảo Đại về làm Quốc trưởng. Bảo Đại mang theo hiệp ước Hạ Long và tuyên ngôn độc lập.

Do chính sách nhỏ giọt, trả lại Độc lập một cách hết sức hà tiện, thâm ý Pháp chỉ muốn mượn Bảo Đại để dễ bề ăn nói trên ngoại giao quốc tế, cho nên với dân chúng, khu vực Bảo Đại cai quản chưa thành là khu vực quốc gia, trước sau cũng chỉ là khu vực luân hãm.

Trí thức ở khu vực luân hãm không có sinh mệnh chính trị. Bất cứ sự hợp tác nào cũng bị Cộng sản kháng chiến mệnh danh là gian, là ngụy. Người hợp tác mang mặc cảm tự ti trước cơn sóng kháng chiến. Các chiến sĩ quốc gia, đảng phái bị Pháp khủng bố phải sống lén lút và bị Pháp dồn luôn vào thế chống Pháp sau khi bị kháng chiến xua đuổi.

Các chính phủ do Bảo Đại bổ nhiệm, chưa có chính phủ nào đi ra ngoài phạm vi hành chánh có tính cách tuyệt đối thể chế tự trị hẹp hòi. Các chính phủ đó không hề có một sinh mạng chính trị độc lập, chúng như những cành lá tầm gửi yếu ớt.

Các nhân vật lãnh đạo chính trị toàn thể đều là những công chức tay sai trung cấp của Pháp cũ, không hề đấu tranh cũng không hề được huấn luyện về chính quyền. Đối với dân chúng, đối với phần

tử trí thức, các chính phủ của họ được tiếp nhận như một mái tranh bên đường trú chân chờ cho qua cơn bão táp, cho thoát nạn Tây say bắn bừa, cho thoát cảnh chiến tranh hỗn độn.

Dĩ nhiên ở tình trạng này không thể có một chính sách văn hóa đáng kể mặc dầu ông Bảo Đại đã đòi được thắng lợi to tát là hoàn toàn tự quản vấn đề giáo dục. Nhưng hoàn toàn tự quản trên giấy tờ thì làm gì? Nếu không được phần tử trí thức thành tâm hợp tác? Và lại còn một sự thật đau xót khác phải thú nhận, là trí thức khu luân hãm đại đa số còn ngờ nghếch với chính trị, đại đa số từ trước đến nay chỉ biết đi học câu cơm thì làm sao cáng đáng nổi một nền giáo dục độc lập trước trăm vạn biến cố chính trị chiến tranh dồn dập, hết lớp nọ đến lớp kia? Đến ngay bản thân phần tử trí thức cũng còn cần phải giáo dục thêm nhiều nữa để theo kịp với lịch sử, với thời đại, còn nói gì đến đặt kế hoạch giáo dục dân nước. Người trí thức khu luân hãm đang còn choáng váng với những cơn sóng chính trị, còn đang ngơ ngẩn như lạc vào mê hồn trận thì nói gì đến chuyện dẫn dắt người khác. Vì vậy chính sách giáo dục của những chính phủ Bảo Đại đành rập theo khuôn mẫu thời Tây. Tính chất độc lập chỉ lộ tỏ ra bằng mấy văn phẩm cổ điển Việt như: Phạm Công Cúc Hoa, Chinh phụ ngâm, Cung oán ngâm khúc, truyện Kiều v.v... Nói về văn học khu luân hãm thuần là văn học màu vàng theo với nhịp điệu của Paris-Hollywood, Le Satan conduit le bal, Mémoires d'une chanteuse Allemande v.v... Một lượt các pho truyện cổ của Tàu được đem in lại như Tam quốc, Đông chu, Thủy hử, Chiêu Quân, Ngũ hổ bình tây v.v... Rồi đến các bộ tiểu thuyết kiếm hiệp, trinh thám rẻ tiền.

Nói chung là loại văn phẩm cho khu vực luân hãm tù túng, phê phỡn nhưng không tương lai, không làm chủ được vận mạng. Riêng Nam Việt chỉ có một tác phẩm đấu tranh là cuốn tiểu thuyết "Nửa bò xương khô" của Vũ Anh Khanh nhưng nó bị cấm ngay. Tuy nhiên thời kỳ này có một hiện tượng đáng mừng là người trí thức Việt bỏ ngổ được sách Pháp tràn vào đủ các loại, đưa dần đến những chân trời rộng rãi và tiến bộ.

Mặc dầu Pháp xảo quyệt và keo kiệt trong việc trả quyền tự chủ cho người Việt, nhưng chính trị vốn dĩ là một hành động tự sinh tự biến, nên dù xảo quyệt dù keo kiệt, Pháp vẫn không ngăn nổi một lực lượng lớn lên. Lực lượng ấy chính Pháp sinh ra nó rồi chính nó quét sạch dấu tích của quyền thống trị Pháp ở đây. Đó là lực lượng quân đội. Cuộc chiến tranh kéo dài, Pháp không thể cáng đáng một mình, Pháp phải có người bạn đồng minh bản xứ. Pháp với Cộng sản trước việc Pháp tổ chức quân đội Việt đều đồng ý với nhau trên điểm lý luận là dùng người Việt đánh người Việt. Sự thực chính trị đây là một lực lượng chính trị mới, một lực lượng quốc gia chống Cộng trong chiến tranh quốc cộng sau này. Cả Cộng sản lẫn Pháp

đều không mong muốn nó lớn lên, nhưng cả Cộng sản lẫn Pháp đều không ngăn được sức lớn của nó. Sự thực ấy diễn tiến như sau:

Những tháng đầu năm 1953, qua nhiều tường trình của Đại sứ Hawey từ Ba-lê gửi từ Anh quốc thì tinh thần người Pháp đối với Đông Dương càng ngày càng tỏ ra bi quan. Ai ai cũng đều mong mỗi chấm dứt chiến tranh. Các sĩ quan cao cấp thuộc bộ tham mưu Pháp đã nhỏ to công nhận sự rút lui không thể tránh được. Tất cả vấn đề chỉ còn làm thế nào để bảo toàn danh dự nước Pháp mà thôi.

Trước tình thế này, ông Eden nêu ra sáng kiến mời Tổng trưởng ngoại giao Hoa Kỳ cùng sang Paris hội đàm tay ba. Ở cuộc hội đàm, lập trường của ông Acheson là không thể để cho vùng Đông Nam Á lọt vào tay Cộng sản, nhưng đồng thời cũng không vì vùng này mà làm cho nổ cuộc chiến tranh thế giới thứ ba. Kết quả hội đàm, Mỹ thỏa thuận viện trợ thêm đô la cho Pháp với điều kiện cấp tốc bành trướng quân đội Việt Nam.

Cũng vào năm 1953, Pháp và Lào ký kết một hiệp ước trong đó Pháp cam kết cung cấp quân nhu, dành mọi sự dễ dàng về thương mại và cho một phái bộ quân sự đặt dưới quyền chính phủ Lào. Cả hai nước sẽ trao đổi các đại diện ngoại giao hoàn toàn bình đẳng. Mục đích của Pháp trong hiệp ước này là tách rời Lào riêng, khi phải nói chuyện hòa bình thì nói chuyện Việt Nam thôi, không phải nói chuyện cõi Đông Dương. Cộng sản biết vậy nên để giảm uy tín Pháp, Việt Minh mở trận tấn công vào đất Lào, chứng minh rằng tất cả mọi bảo đảm của Pháp đều chẳng có giá trị gì hết.

Mỹ lập tức phản ứng, ngoại trưởng Dulles họp báo tuyên bố: Mỹ sẽ hành động để trừng phạt Trung cộng, Mỹ sẵn sàng trả đũa. Tình hình trở nên căng thẳng tột độ. Ngoại trưởng Anh lên tiếng dàn hòa, nói đến việc chia cắt và cho đó là giải pháp tốt nhất. Ý kiến chia cắt được chấp thuận tại hội nghị Bá Linh với sự tham dự của ngoại trưởng Nga-sô Molotov. Số phận bị phân rẽ của Việt Nam không thể tránh được nữa. Ngày họp hội nghị Genève đã được các cường quốc quyết định. Và hội nghị Genève đã chuyển chính trị Việt Nam từ cuộc chiến tranh kháng chiến giải phóng dân tộc sang phân tranh Tư bản Cộng sản. Nước Việt Nam chia cắt làm đôi hình thành hai thể quốc-cộng. Nòng cốt lực lượng của thể Quốc gia là quân đội.

Nhân vị và trí thức

Vào thời kỳ mà chủ nghĩa hiện sinh lệch về bên tả, các lãnh tụ hiện sinh như Jean Paul Sartre, Simone De Beauvoir, Francis Jeanson, Merleau Ponty bị khủng hoảng vì hiệu lực (efficacité), vì dấn thân (engagement), vì biện-chứng-pháp đã sang Nga, sang Trung Quốc v.v... Nhìn thấy những thắng lợi của Cộng sản để viết sách báo, tuy không tán tụng nhưng thừa nhận thì (chỗ này chắc in thiếu) chủ

nghĩa nhân vị bột phát triển để lãnh đạo cuộc đấu tranh ý thức hệ với Cộng sản.

Danh từ nhân vị chủ nghĩa dịch từ chữ Personalisme, cũng có nơi gọi là nhân cách chủ nghĩa. Chủ nghĩa nhân vị không phải mới mẻ gì, nó nhen nhúm từ 1908 và đã trải qua nhiều thời kỳ khác nhau và nhiều danh xưng khác nhau. Nó từng được gọi là như ý chủ nghĩa (Voluntarisme), tự do triết học (Philosophy of Freedom), ý lực triết học (Idea Force), tinh thần thực tại luận (Spiritual Realisme), nhân cách lý tưởng chủ nghĩa (Personal Idealisme), nhân văn chủ nghĩa (Humanisme) và cuối cùng là nhân vị hay nhân cách chủ nghĩa (Personalisme). Chủ nghĩa nhân vị được phần tử trí thức công giáo tiên bộ nghiên cứu và hoàn thành.

Đặc điểm của chủ nghĩa nhân vị là áp dụng lập trường nhân cách thần luận (Théisme). Tiên bộ của thần luận trong chủ nghĩa nhân vị là thừa nhận thần là nội tại và siêu tuyệt nhưng không phải do phép lạ hay kỳ tích mà do người. Trên logique, chủ nghĩa nhân vị áp dụng lập trường thực hiện luận nhận rằng: sinh mệnh và sự biểu hiện sinh mệnh trên ngôn ngữ không bao giờ cố định và thường bị thực tại đốt phá. Trên luân lý, chủ nghĩa nhân vị lấy tự do làm căn bản, quyền tự do chọn lựa là tuyệt đối, chọn rồi sau mới bị sự phán xét của đạo đức hay vô đạo đức, nhưng tất cả mọi thành tựu với đạo mới thật là sáng tạo cao đẹp. Trên tôn giáo nhân vị, chủ nghĩa nâng phẩm giá người như vị thần, có nghĩa là sự biểu hiện tự ngã tối cao để khắc phục hết thảy những điều không chính thường. Nhân vị chủ nghĩa còn tự gọi là tự do triết học với lý luận nhân cách là chí thượng, giá trị mỗi cá nhân đều tự mình phát triển thể phách tâm trí, tinh thần trước những cơ hội mà xã hội cung cấp cho. Chủ nghĩa nhân vị tuyệt đối chống mọi hình thức của chủ nghĩa cực quyền. Khi người Cộng sản Việt bằng bỏ cuộc kháng chiến dân tộc đứt đoạn để thực hiện cách mạng vô sản, chấp nhận vĩ tuyến 17 làm đường ranh giới cho hai khu vực ảnh hưởng thì ở Việt Nam phân ra hai chế độ. Miền Bắc là chế độ chủ nghĩa xã hội và miền Nam là khu vực của chế độ tư sản tự do. (Sở dĩ tôi không dùng thẳng hai chữ chế độ vì sự thực chế độ tư sản tự do chưa kiện toàn). Miền Nam nếu xét theo con mắt xã hội học thì trước sự phân đôi nó trở nên phức tạp không thuần nhất như miền Bắc. Hãy tạm đưa ra vài điểm đại lược sau:

Ở miền Bắc, Cộng sản về tiếp thu những khu vực Pháp chiếm, một số lớn dân chúng có thể là đầu mối của những xung đột đã lên tàu di cư. Chính quyền Bắc chỉ còn phải đối phó với vài khu vực như Bùi Chu, Phát Diệm và vài nơi có sắc dân thân Pháp.

Trái lại ở miền Nam, chính quyền Nam Việt đến tiếp thu các khu vực Cộng sản rải rác như rừng lước, khó biết chính xác. Ở các nơi này, căn cứ vào hiệp ước ký kết, chỉ có bộ đội Cộng sản và cán bộ tập

kết chuyển ra Bắc thôi, mà chuyện tập kết thật khó lòng kiểm soát. Dân chúng miền Nam đa số chưa biết rõ Cộng sản và vẫn còn mang tâm lý kháng chiến lãng mạn lịch sử. Thêm vào đây là cuộc di cư vĩ đại của một triệu con người cùng nòi giống tiên rồng nhưng đã bị thực dân chia rẽ cho nên tình ý có nhiều điểm khác biệt làm cho nảy sinh các vấn đề ngại ngùng ngăn trở do yếu tố bất thuần nhất (Hétérogènes). Riêng số người di cư, trừ một số ít đã từng chiến đấu và không thể sống với Cộng sản, số còn lại thì 60% là công giáo, 40% ra đi vì không thể từ bỏ nếp sống cũ để thích ứng với cuộc sống hoàn toàn đổi mới do chế độ Cộng sản đặt ra.

Ông Ngô Đình Diệm với sự ủng hộ đặc biệt của Hoa Kỳ được đưa về chấp chánh toàn miền Nam kể từ vĩ tuyến 17 trở vào. Năm đầu ông phải đương đầu với vấn đề xã hội. Nhờ miền Nam sung túc phì nhiêu, nhờ viện trợ Mỹ đầy đủ, vấn đề xã hội miền Nam không những ổn định dễ dàng mà còn chuyển thành công cuộc thống nhất văn hóa lớn lao chưa từng có trong lịch sử. Sang năm thứ hai ông phải đương đầu với vấn đề chính trị. Pháp thỏa thuận với Mỹ lặng lẽ rút lui nhưng còn những thế lực chính trị của Pháp ở lại. Nhờ chính phủ Ngô Đình Diệm là chính phủ đầu tiên mang nhiều sắc thái độc lập nhất kể từ lúc người Pháp đặt chân lên đây cho nên toàn dân nhiệt liệt ủng hộ. Quan trọng hơn hết là quân đội cũng ủng hộ để tiêu diệt các thế lực chính trị của Pháp qua trung gian (par personne interposé). Và từ đó quân đội lớn lên trong chiến tranh Việt-Pháp bây giờ thực sự trở thành một quân đội của quốc gia độc lập. Nhờ lực lượng quân đội ông Ngô Đình Diệm đã giải quyết vấn đề quét sạch các thế lực chính trị đối nghịch dễ dàng.

Chính phủ Diệm sau khi đã củng cố vững mạnh phải gánh vác hai sứ mạng trọng đại:

Thứ nhất là đấu tranh quốc tế, chặn đứng ngọn sóng lan tràn của thế lực đỏ cho thế giới tự sản tự do.

Thứ hai là đấu tranh xây dựng một quốc gia chống Cộng sản.

Ông Ngô Đình Diệm có thành công không?

Mấy năm đầu sứ mạng ngăn chặn ngọn sóng đỏ có thành công. Ký giả thân cộng Burchett cũng thú nhận điều này. Nhưng thành công xét kỹ ra là nhờ thế cục nhiều hơn là giỏi giang.

Đến sứ mạng xây dựng một quốc gia để tạo ra hình thể Quốc Cộng thì ông Diệm lại thất bại ngay từ đầu. Ông Ngô Đình Nhu, người trí thức của chính quyền Diệm, trước khi về chấp chánh ông rất thận trọng bằng việc mang chủ nghĩa nhân vị về nước làm căn bản đấu tranh tư tưởng chống lại chủ nghĩa Mác xít. Nhưng ông đã lầm và chủ nghĩa nhân vị có gốc gác thần học không thể được người trí thức Việt, vốn cho tôn giáo là mê tín, chấp nhận. Chủ nghĩa nhân vị cũng không thể đi vào tâm hồn người công giáo chất phác vốn tin Chúa và phép lạ một cách tuyệt đối vì nó tự do quá. Thế là chủ nghĩa nhân vị bị bỏ sang một bên. Nghiên cứu nhân vị chủ nghĩa là

công việc làm cho có lệ, chẳng một ai tin tưởng vào nó. Nhờ được thế tốt, mọi việc trôi chảy dễ dàng. Uy tín ông Diệm bành trướng quá mau chóng. Qua tâm trạng say với quyền bính, qua sự phỉnh nịnh của quyền uy, các nhà lãnh đạo cho vứt xó mọi lý tưởng để thiết lập chế độ... chế độ Diệm và gia đình. Một trận tuyến quốc gia dân tộc đâu có bằng một trận tuyến anh minh Ngô Đình Diệm. Những năm tháng thắng lợi to tát làm cho ông Nhu tưởng ông có một tài năng chính trị vô biên, ông không bao giờ nghĩ rằng ở Austerlitz, Napoléon là một thiên tài nhưng ở Moscou, Napoléon là một tên imbecile.

Phần ông Diệm, ông là người của tín ngưỡng. Ông tin Chúa nhưng lỗi lầm của ông là ông cũng tin Chúa tin ông ta. Ông ưa học thuyết Khổng Tử nhưng lỗi lầm của ông là ông ưa học thuyết này vì nó nói rằng địa vị ông bây giờ đứng ở đầu tam cương ngũ thường.

Bởi vậy thay vì gây dựng hình thể Quốc-Cộng, hai ông Nhu, Diệm đã gây dựng hình thể Diệm-Cộng. Cộng vào đấy, hai ông Ngô Đình Thục và ông Ngô Đình Cẩn gây dựng hình thể Công giáo, Cộng sản.

Dưới chế độ Diệm, phần tử trí thức đi theo đều bị biến thành bọn thư lại, thấp hơn nữa là gia nhân của một triều đại.

Do ảnh hưởng quốc tế thay đổi, một bộ phận lớn trí thức được đào tạo vào hoạt động thông ngôn. Vì hết chiến tranh, vì những cuộc di động của một số lớn người nên phong trào đi học dâng lên như nắm mà vẫn không đủ cung cho số cầu. Nhưng bởi không có một chính sách văn hóa đúng đắn, không có một chính sách giáo dục hẳn hoi, chỉ biết vá chắp nay đổi mai thay, bởi chế độ Diệm đã đem thần tài vào học cung cho nên giáo dục rơi vào tình trạng hỗn tạp quá đỗi. Trên mặt văn học, chế độ phong kiến của gia đình Diệm không thể đi đôi với một nền văn học đua nịnh tăng bốc khiến cho hàng ngũ trí thức chia hẳn.

Phần tử trí thức phản kháng thì hoàn toàn tiêu cực, chui rúc vào tư tưởng tự do bằng một số từ ngữ tối nghĩa. Ở đó chủ nghĩa hiện sinh đã du nhập. Một số khác thì viết báo chửi tục để xả hơi, hoặc nói bóng gió chửi xiên xéo cho hả giận.

Năm khúc quanh

Ảnh hưởng chính trị Mỹ với Việt Nam có năm khúc quanh (virage)

1) Ngày 27-6-1950, Tổng Thống Truman tuyên bố gởi một phái bộ quân sự tới Đông Dương để cộng tác chặt chẽ với quân viễn chinh Pháp.

2) Pháp thua trận Điện Biên Phủ đặt thành vấn đề Mỹ phải thay Pháp trong chiến tranh Đông Dương? Tổng Thống Eisenhower áp dụng chính sách triết-trung giữa hai chủ trương: can thiệp quân sự và khoan tay bỏ mặc. Người đại diện thi hành chính sách này là ông Ngô Đình Diệm.

3) Năm 1961 tại Washington xôn xao về tin chế độ Diệm hấp hối.

Vấn đề đặt ra cho chính quyền Kennedy là làm thế nào tránh cho Việt Nam một sự sụp đổ? Có hai nhóm đưa ra giải pháp:

a/- Nhóm Harriman, Galbraith và H. White chủ trương chính trị, đòi thay chính phủ Saigon, không ủng hộ chính thể Diệm, tách chính trị Saigon ra khỏi lệ thuộc quân sự.

b/- Nhóm Maxwell Taylor và W. Rostow chủ trương quân sự, đề nghị gửi những bộ đội chiến thuật (groupement tactique) của Mỹ qua Việt Nam, ít thôi nhưng có sức quật (force de frappe) rất mạnh. Dean Rusk ủng hộ nhóm Taylor.

Cuối cùng nhóm Taylor và Rostow được Tổng Thống Kennedy nghe theo. Chấp nhận giải pháp quân sự có nghĩa là tăng cường luôn cả sự ủng hộ chính phủ Diệm. Ông đại sứ Nolting và tướng Harkins thi hành.

4) Năm 1963 nhiều quan sát viên Mỹ phàn nàn Hoa Kỳ không hề ủng hộ một chính phủ Việt Nam mà ủng hộ một gia đình phong kiến kỳ cục. Các chính khách Hoa Kỳ đã bắt đầu nhìn các ông Diệm, Nhu, Thục, Cần và bà Nhu bằng nhãn quan tâm lý bệnh học. Họ gọi những người ấy là bọn mất hết lý trí (déraison absolue) và chính phủ Diệm là chính phủ của những người điên (un government de fous).

Chiến tranh và chính trị phong kiến của Diệm đã làm cho chế độ suy yếu. Chế độ Diệm càng suy yếu thì bang giao giữa chế độ này với Hoa Kỳ càng tàn hoại. Hoa Kỳ muốn thay Diệm mà Diệm cứ cố nắm chặt chính quyền. Hoa Kỳ sửa soạn và rình rập một sai lầm là quật đổ người mà Hoa Kỳ đã tố cáo là điên. Tháng 5-1963, do kỳ thị tôn giáo của chế độ Diệm- Thục đã đến độ không thể chịu đựng hơn nữa, Phật giáo biểu tình phản đối giám mục Thục cấm treo cờ Phật giáo ngày Phật đản. Chính phủ huy động lực lượng cảnh sát đàn áp, bắn vào đám quần chúng Phật giáo. Phong trào lan rộng ra toàn quốc. Ông Thích Quảng Đức tự thiêu vang dội đấu tranh ra khắp thế giới. Tình hình nặng nề kéo non 6 tháng. Tháng 11 quân đội hưởng ứng phong trào đấu tranh Phật giáo, nổi dậy đảo chính. Chế độ Diệm sụp đổ.

5) Ngày 28-7-1965 Tổng Thống Johnson loan báo với dân chúng Mỹ và thế giới ông đã quyết định gửi một số quân quan trọng sang dự chiến ở Việt Nam. Quyết định này nằm trong quyết định tham dự không hạn chế. (engagement illimité).

Ở khúc quanh thứ bốn, chính sách Hoa Kỳ đối với Việt Nam tạo ra cho miền Nam một tình cảnh chính trị mới.

a/- Chế độ Diệm bị lật.

b/- Quân đội nắm chính quyền.

Quân đội nắm chính quyền đã gây ra sự phân liệt giữa phần tử trí thức và quân đội. Trước kia với chính quyền Diệm, kẻ phản đối được mệnh danh là một loại người bất hảo. Ngay như vận động của nhóm trí thức Caravelle, nhóm này mặc dầu cố tự gán ghép cho vận

động danh từ trí thức mà cũng chẳng được ai công nhận. Nhưng bây giờ, ngay từ lúc tướng Nguyễn Khánh mới chỉnh lý “cách mạng” chưa được mấy ngày, ông đã gọi đích danh trí thức với giọng điệu mỉa mai “trí thức phòng trà” để mắng mỏ.

Mới đây tướng Thiệu ở ngôi vị Tổng Thống cũng gọi đích danh trí thức để tỏ nỗi bức dọc.

Tướng Khánh đã trí thức vì trí thức đòi quân đội hãy trở về trại và trả chính trị cho dân sự. Trí thức công kích tướng Khánh vì thấy quân đội cắt ngang khí thế bùng bột của ngày 1-11-1963 bị tưởng tượng là cách mạng.

Tướng Thiệu đã kích trí thức vì trí thức tỏ ra thiên tả trong phong trào hòa bình.

Hai vụ đã kích trí thức (gọi đích danh) cách nhau 4 năm. Sự khác biệt của hai vụ ấy là kết quả của khúc quanh thứ bốn sang thứ năm và khúc quanh thứ năm sang khúc quanh thứ sáu của chính trị Hoa Kỳ tại Việt Nam. Vấn đề mang một nội dung hết sức phức tạp không thể phê phán hời hợt.

Do chiến tranh leo thang mở rộng, phần tử trí thức chẳng những không đạt được yêu cầu quân đội về trại, trái lại quân đội còn cuốn hút phần tử trí thức vào quân đội.

Xã hội quân đội

Quân đội nắm chính quyền là một điều tất nhiên không thể tránh được của lịch sử.

Tại sao?

Cách mạng theo Cộng sản chủ nghĩa không tự phát mà do chế tạo. Muốn xã hội biến động phải chiến đấu để tranh đoạt chính quyền. Chính quyền không thể tranh đoạt bằng vũ lực hay uy lực. Với chủ trương như thế nên đảng Cộng sản có lẽ lối tổ chức khác hẳn những chính đảng dân chủ Tây phương. Nó mang nhiều tính chất một thể hệ quân sự để tiến hành chiến tranh hơn là tính chất của một chính đảng.

Để chống lại tất phải có một tổ chức quân sự khác. Các chuyên viên chống Cộng của thế giới tự do nghĩ đến tổ chức quân đội và họ đem ra áp dụng tại Thổ Nhĩ Kỳ, Mỹ châu La Tinh, các nước Á Rập, Ba Tư, Phi châu, Đông Nam Á. Quân đội đã được chấp nhận như một đảng mà ông Nguyễn Cao Kỳ đặt cho cái tên là “Đảng Kaki” để đương đầu với đảng Cộng sản.

Đảng Kaki là bài thuốc nhất thời rất cần thiết. Đảng Kaki đã nhiều lần chứng minh được hiệu lực của nó khắp nơi trên thế giới.

Tuy nhiên đảng Kaki cũng có những nhược điểm đáng kể:

Qua những ba động chính trị nội bộ luôn luôn xảy ra, chứng minh rằng chưa ở nơi nào đảng Kaki đã thành công trong việc xây dựng một chế độ chính trị vững chắc với 4 điều kiện:

- a) Một tinh thần truyền thống dân tộc.
- b) Một tinh thần khoa học tiến bộ thời đại.

c) Một tinh thần cách mạng xã hội.

d) Một hệ thống tư tưởng đấu tranh.

Vì không kiến lập được chế độ nên sự ổn định không lâu dài.

Những kiểu hãnh thắng lợi nhất thời tuy có đem lại sáng sủa cho một lúc nào đó, cuối cùng vẫn suy sụp.

Đảng Cộng sản là một tổ chức chính trị tổ chức với hình thức và tính chất quân sự, tiến hành đấu tranh với phương thức kết hợp kinh tế, xã hội, quân sự, chính trị. Còn quân đội hoàn toàn là một tổ chức quân sự đầy tính chất nhà binh mà không hề có tính chất đảng cho nên chỉ có hiệu lực đánh cộng sản trên mặt chiến tranh mà bỏ ngỏ mặt đấu tranh.

Bài học Trung Quốc cho thấy, phía Quốc dân đảng thì quân chỉ huy đảng còn phía Cộng sản thì đảng chỉ huy quân đã khiến cho thành quả quân sự, chính trị khác hẳn nhau.

- Với tâm lý chỉ huy, cấp bậc và kỷ luật, quân đội không chịu được bất cứ một sự phê bình chỉ trích nào nên quân đội không hợp tác được với phần tử trí thức, công tác giáo hóa không hoàn thành tốt đẹp.

- Cho chiến trường là quan trọng hàng đầu nên chỉ chú trọng đào tạo xây dựng đội ngũ cầm súng mà lơ là việc xây dựng đội ngũ văn hóa. Không xây dựng đội ngũ trí thức; đội ngũ văn hóa hậu phương và tiền tuyến rời rạc, sinh hoạt thoái bộ:

- Tập trung nỗ lực vào chiến tranh nên mất thăng bằng trước các chiến dịch đấu tranh hòa bình.

- Người trí thức quân đội bị sinh hoạt quân đội bao biện nên nhận thức chính trị kém bén nhọn. Triết lý và tư tưởng hành động của họ là hành động để hành động như kiểu Saint-Exupery, *L'homme doit se dépasser lui même dans l'action, n'importe quelle action*. Nghĩa là tìm cái thú hành động trong mọi cuộc phiêu lưu.

Le but de l'action est indifférent, seule la démarche importe. Họ đã đi vào ảo-thuật trí thức (magic intellectuelle) để cố tạo ra một huyền thoại cho hành động. Đẹp và lãng mạn thì có nhưng chắc chắn là rất nghèo nàn trước chính trị thực tế.

Trở lại với thân phận phần tử trí thức

Gần một trăm năm qua đi là thời kỳ biến động lớn lao của lịch sử nhân loại và cũng là thời kỳ lịch sử vận động xây dựng lại đất nước chúng ta.

Trải bao nhiêu thử thách và lầm lỡ, người trí thức đã cống hiến rất nhiều cho công cuộc xây dựng đó. Trong quá trình, có những lúc trí thức rơi vào cảnh tượng hủ bại, có những lúc trí thức hoàn toàn là một kẻ học thành văn học vũ nghệ, hóa dử đế quốc gia (học cho rành văn vũ rồi bán thân cho đế quốc). Nhưng đó chỉ là chuyện hưng suy, sinh mệnh trí thức vẫn là trọng tâm của vận động lịch sử. Sĩ bất khả dĩ bất hoàng nghi nhiệm-trọng nhi đạo viễn vẫn mãi mãi là trách nhiệm của trí thức.

Giờ đây phần tử trí thức đang bị dồn vào một cơn khủng hoảng, khủng hoảng của lòng tin cậy. Người trí thức đang ngờ vực chính mình và ngờ vực luôn cả xã hội mình đang sống vì những giá trị thiêng liêng cách mạng yêu nước, nhân đạo đều bị cơn bão táp chính trị làm cho quay cuồng đảo lộn.

Tây phương chìm đắm ở trong ảo tưởng kiêu kỳ của sức mạnh kỹ thuật và địa vị ưu việt dân tộc đã gây thành cừu hận với các dân tộc nhỏ yếu. Tây phương tự hào mở một kỷ nguyên hy vọng cho loài người, nhưng lại chính các nhà Tây phương đã cho thấy đời sống mỗi ngày càng khô cạn, thất vọng và phi lý. Văn học của tuyệt vọng (la littérature du désespoir) đang thịnh hành ở nước họ.

Chủ nghĩa cộng sản chìm đắm trong ảo tưởng phương hướng lịch sử nên không ngừng đẩy nhân loại vào mọi cuộc chiến tranh mệnh danh là giải phóng, mệnh danh là cách mạng.

Các dân tộc nhỏ yếu chìm đắm vào ảo tưởng tự do giải phóng để dẫn thân vào cái chết tức tưởi cho những âm mưu quốc tế.

Phần tử trí thức là phần tử tiên phong cho công cuộc tìm một xuất lộ. Trong sứ mạng ấy, người trí thức chắc chắn sẽ bị ghét bỏ, đầy ải, thù hận đổ sát. Tuy nhiên lịch sử bao ngàn năm đã chứng minh rằng dù bị thù hận, đầy ải, đổ sát, người trí thức chân chính vẫn chẳng sờn lòng thoái chí, họ luôn luôn chiến đấu cho hoà bình đa nạn, hưng bang với thái độ lý lợm của Eluard:

Je ne regrette rien.

J'avance.

Như con tằm nhả cho hết tơ rồi mới chết. Như cây nến cháy cho hết bấc, lệ mới hết tuôn rơi.

Phải chăng hai câu thơ:

Xuân tàn đáo tử ti phương tận

Lạp cự, thành hội lệ thủy can

của Lý Thương Ẩn đời đời là thân phận của phần tử trí thức.

Viết xong ngày 29-7-1969

Nguồn: HuyTran

VNthuquan - Thư viện Online

Người đăng: Ct.Ly

Thời gian: 12/05/2009 5:10:45 CH

Thân phận trí thức

SÁCH THAM KHẢO

<i>Les intellectuels</i>	Louis Bodin
<i>L'opium des intellectuels</i>	Raymond Aron
<i>Situation des intellectuels</i>	Jean Canapa
<i>L'intellectuels en guerre</i>	Louis Parrot
<i>Les sources et le sens du communisme russe</i> Berdiaev	Nicolas
<i>La morale de l'histoire</i>	André Gorz
<i>Que faire?</i>	Lénine
<i>L'éducation communisme</i>	Kalinine
<i>L'aventure intellectuelle due</i> <i>siècle</i>	R.M. Albérès
<i>L'ère des soupçons</i>	Nathalie Sarraute
<i>L'anarchisme</i>	Daniel Guénin
<i>L'homme révolté</i> <i>Combat pour Berlin</i>	Albert Camus Joseph Goebels
<i>Egypte Société militaire</i>	Abdel Malek
<i>Une Foi aveugle</i>	Eric Hoffer
<i>The intellectual as a political force</i>	Mc Williams Carey
<i>L'histoire parallèle</i> U.S.A	André Maurois
<i>The strangled cry</i>	John Strachey
<i>La révolution introuvable</i>	Raymond Aron
<i>Quốc sử Tân Luận</i>	Tiền Mục
<i>Trang Tử tá lương</i>	

Trí thức phân tử chuyển hình kỳ

Mã Bân

Bất đắc chí tập

Trương Cửu Như

Trung Quốc cổ đại trí thức phân tử

Hồ Thu Nguyên

Đông Tây đàm

Âu Dương Thiên

Thuyết hoang tập

Lâm Ngữ Đường

Tạo hóa nguyên thược

Thái căn đàm

Văn Minh luận hành

Dư Anh Thời

HẾT

Nguồn: HuyTran
VNthquan - Thư viện Online
Người đăng: Ct.Ly
Thời gian: 12/05/2009 5:14:32 CH